

VU'ONG THUY-KIEU  
CHU-GIAI TÀN-TRUYỀN

•  
Nguyên - Du

Tan-Dà  
Nguyên - khắc - Hiêu  
CHU-THICH VÀ BINH-LUÂN

NHÀ XUẤT-BAN HU'O'NG-SO'N

Tản - Đà NGUYỄN - KHẮC - HIẾU

# VU'ÔNG THÚY-KIỀU

CHÚ - GIẢI TÀN - TRUYỆN



NHÀ XUẤT - BẢN HƯƠNG - SƠN  
6, ĐẠI - LỘ GIA - LONG, HÀ - NỘI

# TỰA

Quyển truyện « Vương Thủy-Kiều » này nguyên tên là « 斷腸新聲 Đoạn-trường tân-thanh » ; một tên nữa là « 金雲翹傳 Kim Vân Kiêu truyện ». Tác-giả là Nguyễn-Du tiên-sinh, một người trong đám cố-gia đời nhà Lê, mà ra làm quan buổi tân-triều đời nhà Nguyễn. Vì một mối cảm-tưởng ở chỗ cương-thường đó, cho nên tác-giả mới mượn quyền Phong tình-lục của Trung-quốc, mà làm ra quyển truyện này trong quốc - văn. Cảm thương cho một người khuê các có tài sắc, nhân gia-biến mà phải ba chìm bảy nổi, không được hưởng cái hạnh-phúc thanh quý ở gia-đình ; đề ngụ thương cho tự mình là con nhà thế-phiệt thi-thư, nhân quốc-biến mà cũng phải chìm nổi theo thì, không giữ được tấm lòng trung-trinh đối với cố-chủ vậy. Cũng vì văn-chương bởi tâm-sự như thế, cho nên như có một cái sức thiêng-liêng khiến cho người ta dễ cảm động ; ấy quyển Kiêu mà hay, chỗ gốc thực ở đó, mà văn-tài của Tác-giả lại là phần thứ hai.

Tuy vậy, nay ta chỉ biết qua như thế là đủ ; đó là việc riêng của Tác-giả, ta không cần đem mà nghị-luận với văn-chương trong quyển truyện làm chi.

*Thường thấy có nhiều người bàn nới về quyền Kiều, lẫn-thần mê-man, gần khiến cho người nghe đến không rõ quyền truyện đó là truyện « nàng Thúy-Kiều » hay truyện « ông Nguyễn-Du » nữa. Lại có những người quá sùng-bái cổ-nhân, tự cam nô-lệ, xướng ra những lời đàm-phán quá đáng, không đich-đáng ; chẳng làm thêm giá-trị cho Tác-giả chút chi, mà chỉ làm mất cái diện-mục của văn-chương đã lắm. Rồi nữa, kể tung lên, người dập xuống ; một quyền văn vô tội, gần thành như một quả bóng (ballon). Nghĩ thật đáng buồn cho dư luận văn-học-giới !*

*Tôi từng được nghe ông Tú làng Minh-Hương (明 鄉), tự Tiều-Minh (小 明), tên là Phan-thạch-Sơ (潘 石 初), thơ đề Kiều có hai câu rằng :*

*有明一代無雙妓*

*Hữu-Minh nhất đại vô song kỹ,*

*大越千秋絕妙詞*

*Đại-Việt thiên thu tuyệt diệu từ*

*(Cô đã không có hai ở trong một đời nhà Hữu-Minh ; — lời ván rất hay đề lại nghìn năm nước Đại-Việt).*

*Phê bình nghị-luận về quyền Kiều, tưởng như hai câu đây, thật đã đủ mà phải.*

*Nay bản chú-giải này, cũng chỉ vì một mối cảm-tình đối với văn-chương của cổ-nhân, như quyền truyện lục-bát đây, thật đáng kể là một quyền văn hay ; ngoài ra, xin không dám biết đến.*

**NGUYỄN-KHẮC-HIỆU.**

# NGUYỄN-DU TIÊN-SINH

## TIỂU TRUYỆN



Cụ *Nguyễn-Du*, 阮攸 người làng Tiên-diên 僊田, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh ; tự là « *Tổ như* » 素如, hiệu là « *Thanh-hiến* » 淸軒 ; sinh năm Ất-dậu đời Cảnh-hưng nhà Lê (1765). Bố là Nguyễn-Nghiêm, đỗ Tiến-sĩ, làm tướng, tước phong Xuân-quận-công. Bác và anh đều là bậc người khoa giáp cuối đời Lê cả. Hai chữ cương-thường, in vào trong tri-nghĩ của Tiên-sinh cũng là phải.

Nguyễn-Huệ đánh Thăng-long, vua Chiêu-thống chạy sang Tàu, vận nhà Lê đến đó đã hết. Trừ những người theo vua đi khỏi nước và những người chết nạn, các thần-tử họ Lê phần nhiều trốn náu, cam lẩn chỗ sơn-lâm điền-giã, vùi hai chữ cô-trung. Nguyễn-Du tiên-sinh chính là hạng người ấy. Cái biệt-hiệu « *Hồng-sơn liệt-hộ* » 鴻山獵戶, cũng vì sự mãi chơi săn-bắn mà cố đặt cái tên phóng-khoáng, cho khuây-khỏa u-hoài. Song mà thân-thể của Tiên-sinh, nào có mãi như thế.

Vua Gia-long nhất thống toàn quốc, vời các thần-tử nhà Lê đều cho ra làm quan. Nguyễn-Du tiên-sinh cũng lại là hạng người làm quan ấy. Gia-long năm thứ 12 (1813), Tiên-sinh lấy chức Cần-chánh-điện học-sĩ, xung làm cống-sứ sang Tàu. Quyền truyện Thủy-Kiều đây, thực chấp mối tơ-duyên từ đó

*Phong-tình-lục* (風情錄), *Thanh-tâm tài-nhân* (青心才人), nguyên ở Tàu là một cuốn tiểu-huyết không lấy gì làm giá-trị; chỉ cảm vì thân-thể của Thủy-Kiều có chỗ đáng thương-tiếc, cho nên mới gọi lòng tài-tử, mượn giai-nhân mà giải mối sầu chung. Từ đây mà tác-giả Nguyễn-Du hợp với người trong truyện là Kiền, cùng nhau thiên-cổ vậy.

Tiên-sinh mất vào năm 1820, là Minh-Mạnh nguyên-niên, tháng tám ta, ngày mồng mười; thọ năm mươi sáu tuổi.

TẢN-ĐÀ  
NGUYỄN-KHẮC-HIỆU.

# MẤY LỜI NÓI VỀ THỂ-LỆ TRONG QUYỀN

---

1<sup>o</sup>) *Quyền truyện* này nguyên tên là « Đoàn-trường tàn-thanh » 斷腸新聲, là tác-giả có ngụ-cảm tâm-sự. Một tên nữa là « Kim Vân Kiều truyện » 金雲翹傳, là người sau muốn tóm-tắt sự-tích. Nay đã biết như thế, mà xét ở trong truyện chỉ có một Thúy-Kiều là vai chính, cho nên lấy ba chữ « Vương Thúy-Kiều » làm tên. Bản truyện này, có chú, có giải, cho nên theo với chữ tên chính, có đặt thêm hai chữ « chú giải » ở sau. Phần nhiều lời chú giải trong bản đây, xem với các bản có mới, khác, cho nên có chữ « tân ». Theo tiếng thường, đều gọi là « Truyện Kiều », cho nên có chữ « truyện ». « Vương Thúy-Kiều chú giải lần truyện » 王翠翹註解新傳, bảy chữ tên của bản truyện này in ra, lấy nghĩa vì thế.

2<sup>o</sup>) Bản truyện này trước khi sửa-soạn đề in, có hợp nhiều các bản chữ nôm và các bản quốc-ngữ đã

in trước; phàm những chữ trong truyện, bản nọ in khác bản kia, đều so-sánh lựa-chọn, mong được thể nào là phải hơn. Song đã là công việc sao-lục, thời phải hay chẳng, hơn hay kém, sự-lý không lấy gì làm bằng; quyền thẩm-định tự ở các Độc-giả.

3") Phàm các chữ phân-vấn bất-nhất, mà ý-định trong bản đây có khác với phần nhiều các bản đã in trước, thời đều có nói rõ sự xét-đoán là như sao. — Những chữ phân-vấn mà ở trong bản đây không dám có ý-định như sao, thời đành cứ đề theo như trong bản nôm xưa, chịu là một lẽ chưa tường, mà có phụ dẫn những chữ đề khác nhau và các nghĩa chủ giải của các bản khác.

4") Bản truyện này cứ theo nguyên-văn in luôn suốt từ đầu đến hết, như các bản chữ nôm; mà không có phôn ra từng đoạn như các bản quốc-ngữ khác, là lấy rằng trong văn-chương của Tác-giả phần nhiều những câu chuyển-tiếp rất tài-tình, nếu ngắt đoạn mà in, thời những câu ấy đề theo đoạn trước hay đề xuống đoạn sau, đều là mất cả cái hay của Tác-giả.

5") Phàm việc chú thích trong bản đây, cốt mong lấy đủ sáng văn-ngữ, cho nên có chữ bất-đắc-dĩ mà phải tường, phần nhiều chữ không cần tường mà phải lược; dù tường dù lược, đều có so-sánh ở các bản và tra-khảo ở các sách, không dám tự ý so-xuất chủ theo một cách hồ-đồ. Những chữ do ở Hán-văn, dù là giản-dị đơn-thường, mà việc



**chủ thích không bỏ qua, là một ý nghĩ xa về  
hán-văn của chữ Hán mỗi ngày càng mòn-mỏi  
đi dần.**

**6.) Phàm việc giảng giải trong bản này, cốt để tỏ  
thấy các cái hay, cái khéo trong văn-chương, cho  
được rõ chỗ tinh-thần của Tác-giả ; mà nếu có  
những chỗ đáng hồ-nghi về văn-lý, cũng xin chỉ rõ  
những chỗ hồ-nghi ấy, mong đề độc-giả cùng nhận  
coi. Ngoài ra, hoặc có những câu, những chữ  
nào, nguyên không cần phải giảng-giải, song vì  
thấy ở các bản khác giảng đi một nghĩa riêng,  
cho nên tưởng xét mà biện minh, là một lẽ bất-  
đắc-dĩ vậy.**



# VU'ONG THÚY-KIỀU

CHÚ - GIẢI TÀN - TRUYỆN



Trăm năm trong cõi người ta (1),  
Chữ *tài*, chữ *mệnh*, khéo là ghét nhau (2);  
Trải qua một cuộc bể dâu (3),  
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.  
Lạ gì bỉ sắc, tư phong (4).  
Trời xanh quen với má hồng đánh ghen.

---

(1) Hai chữ « *trăm năm* » do ở những chữ 百年 *bách-niên*, 百歲 *bách-luế* mà dịch nghĩa ra, nói đại phạm trong một đời người ta ở trần-thế.

(2) *Ghét nhau* như là nói xung-khắc với nhau, nghĩa là có tài hơn người thời phần mệnh thường phải kém.

(3) Hai chữ « *bể dâu* » bởi chữ 桑滄 *tang thương* dịch ra, nguyên là *bề* mà hóa làm đất trồng dâu, nói cuộc đời biến đổi như thế. « *Ai bầy trở bãi bề nương dâu* », như câu đó cũng tức là nghĩa này.

(4) *Bỉ sắc tư phong* 彼壻斯豐 là cái điều kia kém thời cái điều này được hơn. Câu này ý muốn nói đã hơn tài thời phải kém mệnh, mà vì theo hằng trác và vắn, cho nên lời văn có hơi ép, vì đảo ngược văn-ngữ.

Cảo thơm (1) lần giở trước đèn,  
 Phong-tinh có lục còn truyền sử-xanh (2).  
 Rằng : năm Gia-tĩnh triều Minh (3),  
 Bốn phương phẳng-lặng, hai kinh (4) vững-vàng.  
 Có nhà viên-ngoại (5) họ Vương.  
 Gia-tư nghị (6) cũng thường-thường bậc trung.

---

(1) *Cảo thơm* bởi chữ 芳稿 *phương cảo*, là nói cái bản chép hay, có thể dễ thơm lại về sau. Câu này và câu dưới, tức trở vào nguyên gốc quyền *Thanh-tâm tài-nhân*.

(2) *Sử xanh* bởi chữ 青史 *thanh-sử*. Ở nước Tàu từ xưa chưa biết chế ra giấy, dùng tre xanh chẻ ra từng phiến để viết, vì thế có chữ « *thanh sử* ». — « *Phong-tinh có lục* », nghĩa là có cái bản truyện phong-tinh. Chữ có, nhiều bản đề là cô, vì ở chữ nôm ta xưa, trong chữ 固 có, có chữ 古 cô.

(3) *Gia-tĩnh* 嘉靖 là niên hiệu vua Thế-tôn nhà Minh, vào khoảng 1522-1566.

(4) Hai kinh là Bắc-kinh và Nam-kinh. — Câu này lời văn rất đường-hoàng tự-nhiên, mà đã có trông xuống chỗ Từ-Hải gây cuộc binh-đao ở dưới.

(5) *Viên-ngoại* 員外 nguyên là một chức quan ngoại-ngạch, để cho những người giàu được bỏ tiền ra mua. Sau rồi những người giàu thường được người ta tôn gọi là *viên-ngoại*, vậy cũng như tiếng « *Bá-hộ* » hay « *cụ bá* » của ta.

(6) *Gia-tư* 家資 là của-cải trong nhà, cũng như nói gia-sản. — *Nghĩ* là hấn, là ông ấy, chữ này bây giờ không thường dùng.

Một trai con thừ rất lòng,  
 Vương-Quan là chữ, nổi dòng nho-gia (1).  
 Đầu lòng hai ả tố-nga (2),  
 Thúy-Kiều là chị, em là Thúy-Vân (3).  
 Mai cốt-cách, tuyết tinh-thần (4).  
 Mỗi người mỗi vẻ, mười phần vẹn mười (5).  
 Vân xem trang-trọng khác vời (6),  
 Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở-nang (7).  
 Hoa cười ngọc thốt đoan-trang (8);  
 Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.  
 Kiều càng sắc-sảo mặn-mà,  
 So bề tài sắc, lại là phần hơn.  
 Làn thu-thủy, nét xuân-sơn (9),  
 Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

---

(1) *Vương-Quan* 王觀. *Nho-gia* 儒家 là nhà người học trò.

(2) *Tố-Nga* 素娥 cũng như nói tố-nữ, là người con gái đẹp.

(3) *Thúy-Kiều* 翠姣, *Thúy-Vân* 翠雲.

(4) Sáu chữ này chỉ là nói về người thanh-tú.

(5) Chữ *mỗi* trong câu đây, có-nhiều bản đề là chữ *một*.

(6) Đoạn này đem Vân lên nói trước, rồi nói đến Kiều sau, cho được khỏi nhạt. Chỗ đó về sự lập-thể có ít nhiều công-phu.

(7) Câu này tả sự đẹp tỏ ra phúc-hậu phương-phí. Tác-giả có ý nhòm xuống hậu-vận của cô Vân ở đó.

(8) Chữ « *thốt* » nghĩa là nói, tiếng ở Trung-kỳ thường dùng. — *Đoan-trang* 端莊 là đứng-đắn.

(9) *Thu thủy* 秋水 là nước mùa thu, nói con mắt sắc sáng. — *Xuân sơn* 春山 là vết núi mùa xuân, nói lông mày thanh đẹp.

Một hai nghiêng nước, nghiêng thành (1),  
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai (2).

Thông-minh vốn sẵn tính trời,  
Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm.

Cung, thương, lầu bậc ngũ âm (3),  
Nghề riêng ăn đứt Hồ-cầm một trương (4) :

Khúc nhà tay lựa nên xoang (5),  
Một thiên « *bạc mệnh* » lại càng náo nhân (6).  
Phòng-lưu rất mực hồng quần (7),

(1) Câu này bóc ý ở hai câu: 一笑傾人城. 再笑傾人國.  
*nhất tiếu khuyên nhân-thành, tái tiếu khuyên nhân-quốc.*  
Nghĩa là: một cái cười làm cho nghiêng được thành của người; hai cái cười làm cho nghiêng được nước của người, nói cái giá-trị của nhan-sắc có thể khiến cho ông vua mê say mà tai-hại đến thế. Câu đây dẫn đúng, là nói chị em Thúy-Kiều đã đẹp đến hạng ấy.

(2) Câu này chỉ là nói sắc đẹp có một mà tài hoặc có hai, song mà, lời nói hơi tối và kém xuôi.

(3) Ngũ-âm 五音 là năm tiếng trong cung-bực của đàn, tức là 宮, 商, 角, 徵, 羽, *cung, thương, giốc, trữ, vũ.*

(4) Hồ-cầm 胡琴 là cái đàn của rợ Hồ, nguyên chính là cái nhị; vì có kiểu nhị làm giống như cái tỷ-bà, cho nên tỷ-bà người ta cũng gọi là hồ-cầm. — Trương 張 là nói cái cây đàn.

(5) Xoang : là điệu hát. Có bản đề là *chương*, lời và nghĩa cùng kén.

(6) Bạc-mệnh 薄命 là khúc hát của Thúy-Kiều tự chế ra. Nghĩa đen là nói cái số-mệnh mong-manh của người hồng-nhan. — Náo nhân 惱人 là làm cho người ta nghe mà phải sầu-não.

(7) Hồng-quần 紅裙 là cái quần đỏ. Phụ-nữ nước Tần thuở xưa thường mặc như vậy, cho nên hai chữ này thành tiếng gọi chỉ về phái phụ-nữ.

Xuân-xanh xấp-xì tới tuần cập-kê (1).

Êm-đềm trường rủ mần che,

Tương đồng ọng bướm đi về mặc ai.

Ngày xuân con én đưa thoi (2),

Thiều-quang chín chục đã ngoài sáu-mươi (3).

Cỏ non xanh tận chân trời,

Cánh lè trắng diềm một vài bông hoa.

Thanh-minh (4), trong tiết tháng ba,

Lẽ là Tảo-mộ, hội là Đạp-thanh (5).

Gần xa nô-nức én anh,

Chị em sắm-sửa bộ-hành chơi xuân.

Dập-diu tạt-tử giai-nhân,

Ngựa xe như nước, áo quần như nêm.

Ngõn-ngang gò đồng kéo lên,

Thoi vàng-bỏ rắc, gió tiền-giấy bay.

(1) *Cập* 及 là đến; *kê* 欸 là cái cái đầu, như loại cái trâm cái thoa. Con gái Tàu khi xưa, theo lễ thời đến 15-tuổi bắt đầu cài cái kê lên đầu, ấy là đến tuổi gả chồng. — Cứ vậy thời trong câu đây đã có chữ «*tới tuần*», chữ *cập* có lẽ là thừa nghĩa.

(2) Câu này muốn nói ngày xuân đi nhanh thấm-thoát, mà nhân cảnh xuân có những con én bay đi bay lại, cho nên đặt như đây, là lời văn tả cảnh. — Có bản giảng vì cái thoi dẹt cưỡi lăm như hình cón chim én, nghĩa đó thực sai.

(3) *Thiều quang* 韶光 là bóng sáng êm hòa, tức là nói ngày xuân. *Chín chục* mà đã ngoài *sáu-mươi*, tức là nói đã hơn hai tháng mà sang đầu tháng ba.

(4) *Thanh-minh* 清明 là một tiết trong mùa xuân, thuộc về đầu tháng ba.

(5) *Tảo mộ* 掃墓 là quét mộ, nghĩa là đi viếng mộ mà sửa-sang quét-tước cho sạch. — *Đạp-thanh* 踏青 là giẫm chơi lên làn cỏ xanh.

Tà-tà bóng ngả về tây,  
 Chị em thơ-thần dan tay ra về.  
 Bước lần theo ngọn tiểu-khé (1),  
 Lần xem phong-cảnh có bề thanh-thanh.

Nao-nao dòng nước cuốn quanh,  
 Dịp cầu nho-nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.  
 Sè-sè nắm đất bèn đường,

Rầu-rầu ngọn cỏ, nửa vàng, nửa xanh.

Rằng: « Sao trong tiết Thanh-minh,  
 « Mà đầy hương khói vắng tanh thế mà? »

Vương-Quan mới dẫn gần xa:

« Đạm-Tiên nàng ấy xưa là ca-nhi.

« Nổi danh tài sắc một thì,  
 « Xôn-xao ngoài cửa, thiếu gì yến anh.

« Kiếp hồng-nhan có mong-manh,  
 « Nửa chừng xuân, thoắt gãy cành thiên-hương (2).

« Có người khách ở viên-phương,  
 « Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.

« Thuyền tình vừa ghé tới nơi,  
 « Thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ (3)!

« Buồng không lặng ngắt như tờ (4),

---

(1) *Tiểu-khé* 小溪 là cái ngòi nước nhỏ.

(2) *Thiên-hương* 天香 là mùi thơm của trời, *cành thiên-hương* tức là cành hoa, nói ví với phẩm giá của người mỹ-nhân.

(3) *Trâm gãy bình rơi* là người đã chết.

(4) *Tờ* là tờ giấy. Giòng sông lúc lặng-tĩnh thoi như mặt tờ giấy. Đây chỉ là nói sự bình-tĩnh không xôn-xao như trước. « *Trắng xóa tràng-giang phẳng-lặng tờ* », tức là nghĩa chữ *tờ* đó.



« Dấu xe ngựa đã rêu lò-mở xanh (1).  
 « Khóc than khôn xiết sự-tình,  
 « Khéo vô duyên bấy là mình với ta !  
 « Đã không duyên trước chẳng má,  
 « Thời chi chút đỉnh gọi là duyên sau.  
 « Sấm-sanh nếp tử, xe châu (2),  
 « Bụi hồng (3) một nắm, mặc dầu cỏ hoa.  
 « Trãi bao thỏ lặn, ác tà (4),  
 « Ấy mờ vô-chủ, ai mà viếng thăm ! »  
 Lòng đau sẵn mối thương-tắm,  
 Thoắt nghe, Kiều đã dầm-dầm châu sa :  
 « Đau-dớn thay, phận đàn-bà !  
 « Lời rằng bạc-mệnh cũng là lời chung.  
 « Phũ-phàng chi bấy Hóa-công !  
 « Ngày xanh (5) mòn-mỏi, mà hồng phôi-pha.

(1) Câu này có thể văn đặc-biệt. Văn lục-bát thường hai chữ đi với nhau một cặp; như câu đây thời chữ *xe* ở thứ hai đi luôn với chữ *ngựa* ở thứ ba, lại chữ *lò* ở thứ sáu đi luôn với chữ *mở* ở thứ bảy; trong tám chữ không thể ngắt hơi vào chữ nào, mà tiếng trong tiếng đọc xứng hợp, khéo ngâm tự thấy có hưởng-điệu khác hẳn các câu thường.

(2) *Nếp tử* là cái áo quan; gỗ *lử* 梓 là một thứ thường dùng làm cỗ quan thi tốt. *Xe châu* là cái linh-xa có trang-điểm hoa-mỹ. — Người khách chôn Đạm-Tiên thật hữu-tình, mà tiếc không còn tên để lại ở trong truyện.

(3) Hai chữ « *bụi hồng* » đây chỉ là lời văn lịch-sự, nói cái má chôn ở bên đường. Có nhiều bản đề là « *vùi nồng* » thời làm mất cả vẻ hay mà lại thành ra cái tính của người khách không có trung-hậu. Như sự sai lầm đó rất có hại đến văn-lý.

(4) *Thỏ lặn* là con thỏ, là cái tinh trong mặt trăng; *ác tà* 鵲 là con quạ, là cái hình trong mặt trời. Câu này, ý nói hết đêm lại ngày, mà ngày ấy qua ngày khác.

(5) *Ngày xanh* bởi chữ 青春 *thanh xuân*.

« Sống làm vợ khắp người ta,  
 « Khéo thay thác xuống làm ma không chồng (1) !  
 « Nào người phượng chạ loan chung,  
 « Nào người tiếc lục tham hồng, là ai (2) ?  
 « Đã không kẻ đoái, người hoài,  
 « Sẵn đây ta thấp một vài nén hương.  
 « Gọi là gặp-gỡ giữa đường,  
 « Họa là người dượt suối vàng (3) biết cho. »  
 Lầm-dầm khăn-vái nhỏ to,  
 Sup ngồi vài gát trước mồ, bước ra.  
 Một vùng cỏ áy (4), bóng tà,  
 Gió hiu-hiu thổi một và bông lau.  
 Rút trăm sắn giắt mái đầu,  
 Vạch da cây, vịnh bốn câu ba vắn.  
 Lại càng mê-mẩn tâm-thần,  
 Lại càng đứng lặng tần-ngần chẳng ra.  
 Lại càng ủ-dột nét hoa,  
 Sầu tuôn đứt nối, châu sa vẫn đại !  
 Vần rằng : « Chừ cũng nực cười,  
 « Khéo dư nước mắt, khóc người đời xưa ! »  
 Rằng : « Hồng-nhan tự thuở xưa,  
 « Cái điều bạc-mệnh có chữa ai đâu.

---

(1) Hai câu này thoát ở hai câu thơ : 生爲萬人妻, 死作無夫鬼. *Sinh vi vạn nhân thê, tử tác vô phu quỷ.* — « Sống làm vợ muôn người, chết làm ma không chồng. »

(2) Hai chữ *người* trong hai câu đây nói vào những người khách làng chơi khi trước qua lại.

(3) *Suối vàng*, bởi chữ 黃泉 *hoàng-tuyền*, tức là nói chốn âm-phủ.

(4) Chữ *áy*, nghĩa là vàng lụi.

« Nỗi-niềm tưởng đến mà đau,  
 « Thấy người nằm đó, biết sau thế nào ? »  
 Quan rằng : « Chị nói hay sao,  
 « Một lời là một vắn vào, khó nghe !  
 « Ở đây âm-khi (1) nặng-nề,  
 « Bóng chiều đã ngả, dậm về còn xa... »  
 Kiều rằng : « Những đáng tai-hoa,  
 « Thác là thể-phách, còn là tinh-anh.  
 « Dễ hay tình lại gặp tình,  
 « Chờ xem, ắt thấy hiển linh bây giờ. »  
 Một lời nói chưa kịp thừa,  
 Phút đầu trận gió cuốn cờ (2) đến ngay :  
 Áo-ào đồ lốc, rung cây,  
 Ở trong đường có hương bay ít nhiều.  
 Đè chừng ngọn gió lần theo,  
 Dấu giày từng bước in rêu rành-rành.  
 Mặt nhìn, ai nấy đều kinh,  
 Nàng rằng : « Này thực tinh-thành chẳng xa.  
 « Hữu-tinh ta lại gặp ta,  
 « Chớ nề u hiển (3), mới là chị em »  
 Đã lòng hiển-hiện cho xem,  
 Tạ lòng, nàng lại nói thêm vài lời.

---

(1) Âm-khi 陰氣 là cái khí u-âm âm-đạm, tức là nói chỗ tha-ma.

(2) Tức là ngọn gió lốc, có thể làm cho cuốn cờ.

(3) U 幽 là mờ tối, nói về phần người đã chết. Hiển 顯 là rõ-rệt, nói về phần người hiện sống.

Lòng thơ (1) lai-láng bồi-hồi,  
 Gốc cây lại vạch một bài cổ-thi (2).  
 Dừng-dăng nửa ở, nửa về,  
 Nhạc vàng đầu đã tiếng nghe gần-gần.  
 Trông chừng thấy một văn-nhân.  
 Lông buông tay khấu (3) bước lần dặm băng.  
 Đê-huê lưng túi gió trắng,  
 Sau chân theo một vài thằng con-con.  
 Tuyết in sắc ngựa câu dòn (4),  
 Cỏ pha mùi áo nhuộm non da trời.  
 Nẻo xa mới tỏ mặt người,  
 Khách đà xuống ngựa, tới nơi tự tình.  
 Hải văn lần bước dặm xanh,  
 Một vùng như thềm cây quỳnh, cảnh giao (5).  
 Chàng Vương, quên mặt ra chào,  
 Hai kiều (6) e-thẹn nép vào dưới hoa.  
 Nguyên người quanh-quất đâu xa,  
 Họ Kim tên Trọng, vốn nhà trăm-anh (7).

---

(1) *Lòng thơ* cũng như nói *hùng thơ*.

(2) *Cổ thi* 古詩 là bài thơ theo điệu cổ.

(3) Buông lỏng cương cho ngựa đi thông-thả.

(4) *Câu* 駒 là con ngựa con. Chữ *dòn* chưa được tường nghĩa, có bản cho là nghĩa xinh-đẹp.

(5) Nói người đẹp như thềm những cái cây bằng ngọc vậy.

(6) Đòi Tam-quốc có hai con gái của ông họ Kiều 喬 gọi là 二喬 *nhị kiều*; đây là nhân chữ *Kiều* đồng âm mà tiện đặt cho sinh-tình.

(7) *Trăm-anh* 百強 là nói nhà dòng-dối.

Nền phú-hậu, bạc tài-danli,  
 Vần-chương nếp (1) đất, thông-minh tính trời.  
 Phong-tư tài-mạo tốt vôi (2),  
 Vào trong phong-nhã, ra ngoài hào-hoa.  
 Chung quanh vẫn đất nước nhà,  
 Với Vương-Quan, trước vẫn là đồng-thân (3).  
 Vẫn nghe thơm nức hương-lân (4),  
 Một nền Đồng-tước, khóa xuân hại kiều (5).  
 Nước non cách mấy buồng điều (6),  
 Những là trộm nhớ thăm yêu chốc mòng (7).  
 May thay giải-cầu tương-phùng (8),  
 Gặp tuần đôi lá (9), thỏa lòng tìm hoa.

(1) *Nếp* là nền nếp. Bốn chữ này tức là theo vôi ba chữ « nền phú hậu » ở câu trên, cũng như nói nhà có đất hay chữ.

(2) *Phong-tư* 丰姿 là dáng-diệu. *Tốt vôi* là hơn thường.

(3) *Đồng-thân* 同親 cũng tức là nghĩa bạn học.

(4) *Hương-lân* 嚮鄰 là chỗ láng-giềng trong làng. Trong nguyên truyện, Kim-Trọng là người cùng làng với nhà Kiều.

(5) Câu này nhân ở câu thơ 銅雀春深鎖二喬 *Đồng-tước xuân thâm tỏa nhị kiều*. Đài Đồng-tước mùa xuân sân khóa kín hai nàng Kiều. — Nguyên là câu truyện đời Tam-quốc, Tào-Tháo định hễ phá được Ngô thời bắt hai nàng họ Kiều là vợ Tôn-Sách và vợ Chu-Du, khóa giam vào ở đài Đồng-tước. Đây chỉ là mượn chữ Kiều mà nói.

(6) *Buồng điều* tức là buồng đảo, bởi chữ 紅塵 *hồng khê* là chỗ người con gái ở.

(7) *Chốc mòng* cũng như nói bấy lần, lần nay.

(8) *Giải-cầu* 邂逅 là sự gặp-gỡ tình-cờ.

(9) *Đôi lá nghĩa* là lúc các cây thay lá non mới. Có nhiều bản để là *đổ lá*, *đưa lá*, là nói có cái hội như thế, song xét lên với chữ *tuần* không thông.

Bóng hồng (1) nhác thấy nẻo xa,  
 Xnàn lan, thu cúc, mận-mà cả hai.  
 Người quốc-sắc, kẻ thiên tài,  
 Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.  
 Chập-chờn con tỉnh, con mê,  
 Rốn ngồi chẳng tiện, dứt về chín khôn (2).  
 Bóng tà như giục con buồn,  
 Khách đã lên ngựa, người còn ghé theo.  
 Dưới giòng nước chảy trong veo,  
 Bèn cầu tơ liễu bóng chiều thướt-tha.  
 Kiều từ trở gót trường hoa,  
 Mặt trời tới đất (3), chiều đã thu-không (4).

(1) *Bóng hồng* là người con gái, bởi những chữ 紅裙 hồng-quần. 紅妝 hồng-trang mà ra. Một chữ hồng thường dùng để nói riêng về đàn-bà, con gái, vì phụ-nữ khi xưa hay mặc đồ đỏ.

(2) *Chín khôn* là khó yên, là không xong.

(3) *Tới đất* là sát tới mặt đất. Hai chữ này, phần nhiều các bản đề là *gác núi*. Song xét từ lúc Vương-Quan nói chuyện với Kiều, có câu « *Bóng chiều đã ngã, dặm về còn xa* »; sau đó rồi còn chờ xem một con gió lốc, Kiều lại còn đề thơ ở gốc cây; đến lúc tương-biệt với Kim-Trọng, có câu « *Bóng tà như giục con buồn* ». Vậy thời khi Kiều về đến trường-hoa, không phải là lúc mặt trời còn gác núi nữa. Lại xem như chữ « *thu-không* » ở luôn đó càng rõ. Cho nên đây theo một bản nôm chữ viết, đề là « *lời đất* », cho được hợp văn lý, dù là ở nguyên-văn hoặc sai.

(4) *Thu-không* 收空 là thu các công-việc ban ngày đã làm xong. Hai chữ này có lẽ riêng là chữ về việc quan của ta, ở văn Hán chưa được thấy có. Các dinh phủ huyện, thường cứ sầm tối thời trông lớn, trông con, kiềng và mõ cùng theo nhau mà đánh cho đến tan hồi. Viết ra chữ thời là 搜空 siu-không, mà tiếng thường vẫn nói là *thu-không*.

Gương nga (1) chênh-chếch dòm song,  
Vàng gieo ngấn nước, cây lồng bóng sân.

Hải-đường lả ngọn đông-lân (2),  
Giọt sương chiu nặng (3) cảnh xuân la-đà.

Một mình lặng ngắm bóng nga (4),  
Rộn đường gần với nội xa bời-bời :

« Người mà đến thế thời thôi !  
« Đời phồn-hoa cũng là đời bỏ đi !

(1) *Gương nga* là nói mặt trăng. Chữ *nga* bởi chữ *Hằng-ngha* mà đặt ra. Cô bản chưa là « cái gương của ả Hằng-nga » thời nghĩa sai.

(2) *Hải-đường* 海棠 là cây hải-đường. *Đông-lân* 東鄰 là làng-diềng bên phía đông. Câu này, trong bản của cụ Bùi-khánh-Diễn và của ông Hồ-đắc-Hàm đều cho là cái bóng của cây hải-đường lả ngọn sang, lấy vì lẽ mặt trăng xế phía tây, cho nên chiếu ngọn cây lả bóng sang đông. Song e rằng tiếp xuống câu dưới, một hư một thực, không được liền nghĩa.

(3) *Chiu*, nghĩa là treo bám vào đó mà làm cho ra nặng. Chữ này, nguyên văn nôm là 撻, các bản đề là *gieo*, là *deo*, đều là không sành nghĩa ; duy trong bản của ông Hồ-đắc-Hàm đề là *chín*, thực tình đúng hơn. — Nhân đây, xin phụ ghi một câu cũng là nói về chữ *chiu*. Trong bài Trương hận-ca, câu : 梨花一枝春帶雨 *Lê hoa nhất chi xuân đới vũ*, tôi có dịch là : *cảnh lê hoa chín hạt mưa xuân dầm*, thường riêng lấy chữ *chiu* làm đắc-ý ; nay được coi thấy chữ này ở trong bản của ông Hồ, không xiết vui-mừng trong việc văn.

(4) *Bóng nga* là bóng trăng, bởi chữ *Hằng-ngha* ra, cũng như nói « gương nga » ở trên.

«Người đâu gặp-gỡ làm chi ?

«Trăm năm biết có duyên gì hay không (1) ? »

Ngồn-ngang trăm mối bên lòng,

Nền câu tuyết-diệu (2) ngu trong tỉnh-tỉnh.

Chênh chênh bóng nguyệt xế màn,

Tựa ngời (3) bên triện, một mình thiu-thiu.

Thoắt đâu thấy một tiều-kiều (4),

Có chiều phóng-vận, có chiều thanh-tân,

Sương in mặt, tuyết pha thân (5),

(1) Mấy câu đây thật tài-tình! Dùng hai chữ « người », mà trên nói được ra Đạm-Tiên, dưới nói được ra Kim-Trọng. Sự linh-động ở hai chữ khiến là chữ « mà » và chữ « đâu ».

(2) Tuyết-diệu 雪 妙 là rất hay.

(3) Chữ ngời, các bản có đề là chữ lan, chữ nương. — Triện, ý là cái ghế có trạm, mà thực tiếng chưa được tường.

(4) Tiều-kiều 小 嬌 là người con gái xinh bé.

(5) Câu này ý nói trên mặt và trên thân người tiều-kiều ấy, còn như có sương tuyết in phủ, ấy là tả cái tình-trạng của một người đêm tối đi đến; mà nhận kỹ thời thấy rằng người khách ấy tức là người ở chỗ « dưới giòng nước chảy, bên trên có cầu », từ nơi xa đó đến chơi vậy. Sáu chữ này của Tác-giả rất là công-phu, chữ in và chữ pha nên để ý nhận xét. Nhận thấy có mấy bản khác chủ nghĩa câu này, cho chữ sương chữ tuyết là tả sự trắng đẹp của đàn-bà, nghĩa là mặt và thân trong-trắng như sương tuyết. Nghĩ theo sự giảng như thế thời lắm to, cho nên câu đây nói i dài giòng, mong được Độc-giả chú ý.



Sen vàng lững-đứng (1) như gần như xa.

Rước mừng, đón hỏi dò-la :

« Đào-Nguyên (2) lạc lối đâu mà đến đây ? »

Thưa rằng : « Thanh khí xưa nay,

« Mọi cùng nhau lúc ban ngày đã quên.

« Hàn-gia (3) ở mé tây-thiên (4),

« Dưới giòng nước chảy, bên trên có cầu.

« Mấy lòng hạ-cổ đến nhau (5),

« Mấy lời hạ-từ ném chàn gieo vàng (6).

(1) Hai chữ « sen vàng » bởi một tích truyện cổ. Xưa ở Tàu có ông vua yêu một nàng phi, đúc hoa sen bằng vàng lát xuống mặt đất, cho nàng ấy bước đi lên trên, ngồi xem lấy làm thú-vị mà khen rằng : « mỗi bước chân sinh ra hoa sen ». Cho nên chữ « gót sen », hay « sen vàng », đúng để nói gót chân, hay bước chân người con gái là thế. — Hai chữ lững-đứng, các bản khác đều đề là lững-đứng ; nay theo lời ông Trúc-Khê Ngô-văn-Triệu đề như đây, thực hợp nghĩa với cái dáng đi như gần như xa hơn, chiếu với trong bản nôm nguyên chữ 飄蕩 cũng không là sai ngoa.

(2) Đào-nguyên 桃源 là nguồn đào, là cái ngòi nước mà có nhiều cây đào. Xưa đời Tấn có người ngư-phủ chèo thuyền đi theo một cái nguồn nước, dần thấy có nhiều cây đào, tới cùng, thành ra thấy một chỗ tiên-cảnh. Đây ý nói người khách là tiên.

(3), (4) Hàn-gia 寒家 là cái nhà hèn mọn, lời nói nhún, cũng như chữ 敝舍. — Tây-thiên 西天 là con đường đi ở chỗ mộ-địa mà ở về phía tây.

(5) Hạ-cổ 下顧 là trông xuống, đoái tới.

(6) Hạ-từ 下賜 là cho xuống, ban xuống cho.

- « Vâng trình hội chủ (1) xem tường,  
 « Mà xem trong sổ đoạn-trường (2) có tên.  
 « Âu đành quả-kiếp nhân-duyên (3),  
 « Cũng người một hội, một thuyền đầu xa (4) !

(1) *Hội-chủ* 會主 là người chủ hội. Đây ý trở nói vào vị chủ hội Đoạn-trường.

(2) *Đoạn-trường* 斷腸 nghĩa đen là đứt ruột. — Hai chữ này, gốc ở truyện SỰ-thần: Có người bắt được hai con vượn con, ngày thường đem ra hiên nhà bốn chọi, con vượn mẹ mỗi ngày cứ đến ở trên cây gần đầu nhà, trông vào nhà kêu thảm. Tới lâu, con vượn lớn kêu mãi mà chết, rơi xuống ở gốc cây. Người ta đem vào mổ ra, thời thấy ở trong ruột nó đứt ra từng tấc. Nhân đó, phạm sự gì bi-thảm thời người ta hay nói là *đoạn-trường*. — Trong bài *Trường-hận-ca* 長恨歌 của ông Bạch-cư-Dị lúc vua Minh-Hoàng chạy vào Ba-Thục, nàng Dương phi đã bị chết ở Mã-ngôi, đêm trời mưa mà vua nghe tiếng chiêng canh, thật là buồn thảm, cho nên có câu 夜雨聞鈴斷腸聲 « Dạ vũ văn linh đoạn-trường thanh ». Ấy chữ « *đoạn-trường* » nguyên nghĩa chỉ có như thế. Trong bản truyện Kiều này, Tác-giả đã định lấy hai chữ ấy làm tên, đặt là « *Đoạn-trường tân-thanh* », cho nên nhân đó mà đặt luôn ra những chữ « *sổ đoạn-trường, tập đoạn-trường* » từ chỗ không làm ra có, cho mượn-mà câu truyện. Người sau yên chí như có cái sổ biên tên những người hồng-nhan bạc mệnh, phải chịu sự đau-đớn khô-sở, như những người trong lầu xanh là cái kiếp đoạn trường. Ấy đều đã bị Tác-giả trở bốn làm thật.

(3) *Quả-kiếp nhân-duyên* 果却因緣 là nghĩa nói có duyên-kiếp tiền-định.

(4) Theo chữ « *hội-chủ* » trên đây, thấy như có một cái hội đoạn-trường, cho nên trong câu này chữ « *một hội một thuyền* », cũng như nói cùng trong một bọn người với nhau vậy.

« Này mười bài mời (1) mới ra,  
 « Cầu thần lại mượn bút hoa vẽ-vời ».  
 Kiều vàng lĩnh ý đề bài,  
 Tay tiên một vẩy, đủ mười khúc ngâm.  
 Xem thơ nức-nở khen thăm ;  
 « Giá đành tú-khẩu, cầm-tâm (2) khác thường !  
 « Vì đem vào tập đoạn-trường,  
 « Thi treo giải nhất, chi nhường cho ai ! »  
 Thềm hoa khách đã trở hải,  
 Nàng còn cầm lại một hai tự-tình.  
 Gió đầu sịch bức màn-mành,  
 Tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm bao.  
 Trông theo nào thấy đầu nào,  
 Hương thừa đường hầy ra vào đầu đây.  
 Một mình lượng-lự canh chầy,  
 Đường xa, nghĩ nổi sau này mà kinh !  
 Hoa trôi bèo giạt đã đành,  
 Biết duyên mình, biết phận mình thế thôi !  
 Nỗi riêng lớp lớp sóng giời,  
 Nghĩ đời con, lại sut-sùi đời con.  
 Giọng Kiều rền-rĩ trường loan,  
 Nhà huyền (3) chợt tỉnh, hỏi : « Can-cớ gì ?

(1) « Mười bài mời » như : *Thương bạc-mạnh, Tiếc xuân-xanh*, vân vân...

(2) *Tú-khẩu cầm-tâm* 繡口 錦心 là miệng thêu, lòng gấm, nói hạng người có tài văn-chương.

(3) *Nhà huyền* là nói bà mẹ, bởi chữ 萱堂 *huyền đường* ra. Tục thường kêu mẹ là *huyền*, nguyên vì ở trong kinh Thi có câu thơ nói rằng : « Ước gì được thờ cổ huyền, để trông ở chỗ chái bắc ». Chái bắc là chỗ mẹ ở.

« Cớ sao trần-trọc canh khuya,  
 « Màu hoa lê hầy đầm-đìa giọt mưa ? ».  
 Thưa rằng : « Chút phận ngày thơ,  
 « Dưỡng sinh đòi nợ (1) tóc tơ chưa đền.  
 « Buổi ngày chơi mả Đạm-Tiên,  
 « Chộp đi, thoát thấy ứng liền chiêm-bao.  
 « Đoạn-trường là số thế nào ?  
 « Bài ra thế ấy, vịnh vào thế kia.  
 « Cừ trong mộng-triệu (2) mà suy,  
 « Thân con thôi có ra gì mai sau ! »  
 Dạy rằng : « Mộng-huyền (3) cừ đầu !  
 « Bổng không mua nã chuốc sầu, nghĩ nao ! »  
 Vàng lời khuyên giải thấp cao,  
 Chưa xong điều nghĩ, đã dào mạch Tương (4).  
 Ngoài sông thỏ-thể oanh vàng,  
 Nách tường bông liễu bay ngang trước mảnh.  
 Hiên tà gác bóng chênh chênh,  
 Nổi riêng, riêng tranh tặc riêng một mình.

---

(1) Nói công ơn *sinh* và *dưỡng* của cha mẹ cũng bởi chữ « *cha sinh mẹ dưỡng* ».

(2) *Mộng-triệu* 夢兆 là cái điềm thấy trong mộng.

(3) *Mộng huyền* 夢幻 nghĩa là câu truyện mơ-hồ không lấy gì làm cứ. Chữ *huyền*, nhiều bản đề lầm là *ảo*, vì ở văn nôm khi xưa, *huyền* giống như chữ *huyền*.

(4) Xưa vua Thuấn đi tuần-thú mà mất ở Thương-ngô, hai vợ là Nga-hoàng và Nữ-anh cùng khóc thảm-thiết ở trên bờ sông *Tương* 湘. Cho nên hai chữ « *mạch tương* » đây mượn nói là nước mắt của đàn-bà, kẻ cũng chỉ như chữ « *hạt châu* » mà nhân vì bất văn vậy. Có bản cho nghĩa là nước mắt tương-tư, mà giảng là tương-tư Kim-Trọng, như thế thực thêm lời mà sai.

Cho hay là thói hữu-tình,  
 Đố ai gỡ mối tơ mảnh cho xong! (1)  
 Chàng Kim từ lại thư-song,  
 Nỗi nàng canh-cánh bèn lòng biếng khuây.  
 Sầu đông càng lắt càng đầy (2),  
 Ba thu đồn lại một ngày dài ghê (3) !  
 Máy Tần khóa kín song the, (4)  
 Bụi hồng liệu nẻo đi về chiêm-bao. (5)  
 Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao,  
 Mặt mơ-tưởng mặt, lòng ngao ngán lòng.  
 Buồng vẫn hơi giá như đồng,  
 Trúc se ngọn thỏ (6), tơ trùng phिम loan.

(1) Hai câu này lời văn lơ-lửng, chỉ là nói chung, nhận là nói Kiều hay nói Kim-Trọng đều phải cả, đó là một câu chuyện có thần-tinh. Các bản quốc-văn in chia từng đoạn đều đem hai câu này để hẳn xuống đầu đoạn dưới, như thế đã làm mất cái hay. Lại có bản nói rõ chữ «ai» là «*chỉ Kim-Trọng*», thì không còn chút tinh văn chi hết.

(2) Phàm sự đông như ngô, gạo, thời lắt cho nó vui, mà đây thì càng lắt càng đầy, chỉ là nói cái *sầu* không thể át đi được.

(3) Câu này lấy chữ trong Thi mà tứ văn nồng đậm hơn, đem *ba thu* mà *đồn lại* trong *một ngày*, cho nên thấy là *dài ghê*.

(4) Trong câu này, hai chữ «*máy Tần*» chỉ là lời văn đặt lịch-sự; các bản chú-thích dẫn tích lằm, thêm nát.

(5) Nghĩa rằng chi có thể đi lại trong chiêm-bao được mà thôi.

(6) *Ngọn thỏ* là nói ngòi bút, vì ngòi bút tàu thường làm bằng lông con thỏ.

Mảnh tương (1) phất-phất gió đàn,  
 Hương gây mùi nhớ, trà khan giọng linh :  
 « Vì chẳng duyên nợ ba sinh (2),  
 « Làm chi đem thoi khuynh-thành trên người ? »  
 Bâng-khuâng nhớ cảnh, nhớ người,  
 Nhớ nơi ký-ngộ, vội dời chân đi.  
 Một vùng cỏ mọc xanh-ri,  
 Nước ngầm trong vắt, thấy gì nữa đâu !  
 Gió chiều như giục cơn sầu,  
 Bông lau hiu-hắt như máu gợi-trêu.  
 Nỗi riêng nhớ ít, tưởng nhiều,  
 Xăm-xăm đè nẻo Lam-kiều (3) lần sàng.

---

(1) Hai chữ « *Mảnh Tương* » đây, trong hai bản của ông Bùi-Kỷ, ông Hồ-đắc-Hàm đều chưa nghĩa là cái mảnh có căng the, vậy thời theo nghĩa chữ 緗 *tương* là loài the lụa. Trong bản của cụ Bùi-khánh-Diễn dẫn câu thơ Đường, lấy về nghĩa chẻ trúc trên núi Tương làm mảnh, vậy thời theo nghĩa chữ 湘 *tương* là tên núi. (Hoặc là sông Tương. Chữ 湘 có cả nghĩa là sông và là núi. Chưa biết ai phải.

(2) *Ba sinh* bởi chữ 三生 *tam sinh* ra. Nghĩa là nói ba đời luân-chuyển kiếp này sang kiếp khác.

(3) *Lam-kiều* 藍橋 là cái cầu trên sông Lan, ở mạn đông-nam huyện Lam-diên tỉnh Thiểm-tây, tục truyền chỗ đó từ xưa có tiên ở, tức là chỗ Bùi-Hàng gặp Vân-Anh. Đây chỉ là mượn nói chỗ có con gái đẹp.

Thăm nghiêm, kìn cồng (1) cao tường,  
 Gạn giòng lá thăm, (2) dứt đường chim xanh (3).  
 Lor-thơ tơ liễu buông mảnh,  
 Con oanh học nói trên cành mĩa-mai.  
 Mấy lần cửa đóng, then cài,  
 Đây thêm hoa rụng, biết người ở đâu ?  
 Tần-ngần đứng suốt giờ lâu,  
 Đạo quanh, chợt thấy mái sau có nhà.

(1) Đây là chữ *cồng*, nhiều bản đề là *cồng*, thực sai, xem lời chú ở câu dưới đây sẽ rõ.

(2) *Lá thăm* bởi chữ 紅葉 *hồng-diệp* ra. Xưa chàng Vu-Hựu đời Đường nhất được ở trong ngôi nhà vua trôi ra có một cái lá đỏ, có bài thơ đề rằng: 流水何太急。深宮盡日閒。懸瓊謝紅葉。好去到人間。 « *Lưu-thủy hà thái-cấp, thâm-cung tận nhật nhàn, ân-cần tạ hồng-diệp, hảo-khứ đảo nhân-gian.* » Nghĩa là: Nước chảy coi sao rất nhanh kíp, chỗ cung sầu kìn suốt ngày nhàn, ân-cần xin rẽ cái lá đỏ, may đi cho tốt đến nhân-gian. Hựu bắt được cái lá có thơ ấy, rồi cũng đề thơ vào một cái lá, thả ở trên giòng nước cho trôi vào trong cung, thời cung-nhân họ Hàn bắt được. Đến sau có một dịp cung-nữ được thả ra ba ngàn người, Hàn-thị và Vu-Hựu lấy nhau, hai người cùng đem cái lá đỏ đề ra coi, mới biết là ấy tức là mối — Xem tích dẫn đây thời biết chữ « *kìn cồng* » ở câu trên, là vì *cồng* kìn, cái lá thăm ở bên trong không trôi ra được. — Chữ *gạn*, nghĩa là làm cho cạn, giống với chữ *dứt* ở dưới, nhận rõ tự thấy.

(3) *Chim xanh* bởi chữ 青鳥 ra. Xưa vua Hán Võ-đế đương ngồi, thấy có hai con chim xanh bay đến, rồi một lát thời bà chúa tiên là Tây-vương-mẫu đến, mới biết hai con chim xanh đó là sứ-giả báo tin trước. Cho nên chữ *chim xanh* mượn nói là sứ thông tin. Bốn chữ này theo với hai chữ « *cao tường* » ở câu trên.

Là nhà Ngô Việt thương-gia, (1)  
 Buồng không đề đỏ, người xa chưa về.  
 Lấy điều du-học, hỏi thuê, (2)  
 Túi đàn, cặp sách, (3) đề-huê dọn sang.  
 Có cây, có đá sẵn-sàng,  
 Có hiên Lãm-thúy (4), nét vàng chưa phai.  
 Mừng thân chốn ấy chữ bài,  
 Ba sinh âu hẩn duyên trời chi đây!  
 Song hồ (5) nửa khép cánh mây,  
 Tường đông ghé mắt, ngày ngày hằng trông.  
 Tắc gang động khóa nguồn phong, (6)  
 Tuyệt-mùi nào thấy bóng hồng (7) vào ra.

(1) *Ngô Việt thương-gia* 吳越商家 là nhà làm nghiệp buôn, nay đi Ngô, mai đi Việt.

(2) *Du-học* 遊學 là đi chơi trọ học.

(3) Hai chữ « *cặp sách* » đây là cái cặp đề chứa sách của học-trò thừa xưa, hình làm như cái quang đèn dầu bệt của nhà quê, ở dưới có một cái đế gỗ, một phiến khả rộng, hai bên có phiến gỗ hoặc tre đứng dựng đối nhau, ở trên có cái căng ngang nữa, như thế rồi xếp sách vào giữa, ở đầu thời treo lên một chỗ, đi thời mang xách dọn đi. — E rằng người không đề ý mà nhận lầm với cái cặp sách bằng da của học-trò hiện-thời, thời sai nghĩa, mà đi với chữ « *đề-huê* » không đắt, cho nên đây chủ tướng.

(4) *Lãm-thúy* 覽翠 là tên cái hiên, nghĩa là cái hiên có chữ đề như thế, mà nghĩa đen thời là chỗ chơi đề xem các sắc xanh đẹp của các cây cảnh. — Vì một chữ *thúy*, cho nên dưới đây Kim Trọng mừng thầm.

(5) *Song hồ* là cửa sổ dán bằng giấy. Ở chữ Hán thường nói là 紙窗 *chỉ-song*, mà chữ *hồ* 糊 đây nghĩa là dán.

(6) *Động khóa nguồn phong* là cửa động khóa mà đầu-nguồn niêm-phong, nói như cảnh tiên Thiên-thai, Đào-nguyên, không để lại đến được. Bày là nói gần trong gang tấc mà cách tuyệt như thế.

(7) *Bóng hồng*, đã chưa ở câu « . . . nhấc *thấy* nẻo xa ».



Nhận từ quán khách lán-la,  
 Tuần trăng thấm-thoắt nay đã thêm hai (1).  
 Cách tường phải buổi êm trời,  
 Dưới đảo đường có bóng người thướt-tha.  
 Buồng cầm xóc áo vội ra.  
 Hương còn thơm nức, người đã vắng tanh.  
 Lăn theo tường gấm (2) dạo quanh,  
 Trên đảo nhác thấy một cảnh kim-thoa.  
 Gian tay cắt lấy về nhà :  
 « Này trong khuê-các, đâu mà đến đây ?  
 « Gấm âu người ấy, báu này,  
 « Chẳng duyên, chưa dễ vào tay ai cầm ! »  
 Liền tay ngắt-nghe, biếng nằm,  
 Hãy còn thoang-thoảng hương-trầm chưa phai.  
 Tan sương đã thấy bóng người,  
 Quanh tường ra ý tìm-tòi ngẩn-ngờ.  
 Sinh đã có ý đợi chờ,  
 Cách tường lên tiếng xa đưa ướm lòng :  
 « Thoa này bắt được như không !  
 « Biết đâu Hợp-phố mà mong châu về ? (3) »

---

(1) Nghĩa là gần hai tháng. — Nhân câu này ngẫm ra thấy có một tình-sự đáng buồn cười. Kim-Trọng với Vương-Quan là chỗ bạn học thân, mà Trọng đến trọ sau nhà Quan đã gần hai tháng, hai người không hề sang chơi nhau, mà Kim chỉ để ý ngấp-nghé một sự khác. Chỗ đó nghĩ sao cho hợp tình ?

(2) *Tường gấm* là bức tường xây đẹp như gấm.

(3) Câu này lấy ở chữ 珠還合浦 *Châu hoàn Hợp-phố*. Nguyên xưa vùng bể quận Hợp-phố sản ra nhiều ngọc trai, vì quan-lại tham nhũng lắm, cho nên châu dời đi hạt khác hết ; đến hồi ông Mạnh-Thường làm quan quận đó, có đức-chính, châu đi lại về. Đây chỉ ý nói không biết của ai mà trả.

Tiếng Kiều nghe lọt bên kia (1) :  
 « Ôn lòng quân-tử xá gì của roi.  
 « Chiếc thoa là của mấy mươi !  
 « Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao ! »  
 Sinh rằng : « Lân-lý ra vào,  
 « Gần đây, nào phải người nào xa-xôi,  
 « Được rày như chút thơm roi,  
 « Kề đà thiếu-não lòng người bấy nay !  
 « Bấy lâu mới được một ngày,  
 « Dừng chân, gạn chút niềm lây (2) gọi là ».  
 Vội về thêm lấy của nhà,  
 Xuyên vàng đôi chiếc, khăn là một vuông. (3)  
 Ven mây rón bước ngọn tường,  
 Phải người hôm nọ rõ-ràng, chẳng nhe ?  
 Sợng-sùng giữ ý rut-dè,  
 Kề nhìn tận mặt, người e cúi đầu.

---

(1) Câu này văn pháp hơi có vẻ cao-kỳ, sự nhận nghĩa khó được minh-bạch. Cũ troag bản của ông Hồ-dắc-Hàm chủ rang : « *Tiếng* là tiếng nói của chàng Kim. Đây nói nàng Kiều ở bên kia nghe tiếng chàng Kim mà trả lời lại. » Theo thiển nghĩ : *Tiếng Kiều* là tiếng của nàng Kiều. Tiếng nàng Kiều nói ở bên kia mà nghe lọt sang bên này như sau. Vì văn đặt gián-trước, cho nên nghe không rõ nghĩa lắm, xin có Độc-giả cùng xét.

(2) *Niềm lây* là bụng nghĩ riêng.

(3) Câu này nghĩ đáng hồ-nghì về lẽ Kim-Trọng trong chỗ du-học, làm gì có « *xuyên vàng* » đem theo ? mà cũng không phải là cái vật của học-trò con trai thường có ?

Rằng : Từ ngẫu-nhĩ (1) gặp nhau,  
 « Thăm trông trộm nhớ bấy lâu đã chồn (2).  
 « Xương mai, tính đã thâu mòn (3),  
 « Lăn-lừa ai biết hải còn hòm nay !  
 « Tháng tròn như gửi cung mây (4),  
 « Trần-trần một phận ấp cây đã liễu (5) !  
 « Tiễn đây xin một hai điều,  
 « Đài gương soi đến dấu bèo cho chẳng (6) ? »  
 Ngần-ngơ, Nàng mới thưa rằng :  
 « Thói nhà băng tuyết, chất hăng phi phong (7).

---

(1) *Ngẫu-nhĩ* 偶 際 cũng như ngẫu-nhiên, là nghĩa tình-cờ.

(2) *Chồn* như là nhọc lòng, sốt ruột.

(3) *Thâu mòn* nghĩa là mỗi ngày một mòn dần đi. Đây nói ý vì tương-tư mà gầy mòn mãi người. — Cũng là một chữ mai, ở câu « *Mai cốt-cách* », thời nói về nghĩa *thanh* ; mà câu đây thời nói về nghĩa gầy. Nhà làm văn có quyền dùng chữ như vậy.

(4) Câu này chưa được tường nghĩa, các bản chú giải cũng đều không ra sao, cho nên không dẫn. Đại ý chỉ là ngồi trông cho ngày tháng hết đi mà thôi.

(5) *Ấp cây* là ôm vào cái cây cột. Lấy nghĩa ở câu truyện *Vĩ-sinh* 尾 生 ngày xưa. Vĩ-sinh hẹn với người con gái ở dưới cầu, ngồi đợi, nước lên bị chết. Câu đây ý nói đã đành chịu một số-kiếp như Vĩ-sinh.

(6) Câu này là lời Kim-Trọng trong lúc « tán gái » mà nâng người nhún mình như vậy.

(7) Bốn chữ trên nói nhà theo cách thanh-bạch, bốn chữ dưới nói mình là hạng người tầm thường. — *Phong* 葑, *phỉ* 菲 là tên hai thứ rau.

« Dù khi lá thắm, chỉ hồng (1),  
 « Nên chẳng thi cũng tại lòng mẹ cha.  
 « Nặng lòng xót liễu vì hoa,  
 « Trẻ thơ đã biết đau mà dám thừa ! »  
 Sinh rằng : « Rày gió, mai mưa,  
 « Ngày xuân đã dễ tinh cò mấy khi !  
 « Dù chẳng xét tấm tình-si,  
 « Thiệt đây, mà có ích gì đến ai ? (2)  
 « Chút chi gấn-bó một hai,  
 « Cho đành, rồi sẽ liệu bài mối-manh.  
 « Khuôn thiêng (3) dầu phụ tặc thành,  
 « Cũng liễu bỏ quá xuân-xanh một đời.  
 « Lượng xuân (4) dù quết hẹp-hòi,  
 « Công đeo-đuôi chẳng thiệt-thời lắm ru ? »

(1) Hai chữ « lá thắm » đã chưa ở câu : « *Gạn giọng lá thắm...* » — Chữ *chỉ-hồng* bởi chữ 紅絲 *hồng-ly* ra. Xưa đời Đường, Quách-nguyên-Chấn muốn lấy con gái của Tề-Tướng là Trương-gia-Trình. Trương có năm người con gái, cho mỗi người đều cầm một sợi tơ đứng ở sau màn, mà cho Quách ở trước màn tùy ý kéo lấy một sợi. Quách kéo sợi tơ đỏ, thành được người con gái thứ ba, rất đẹp. — Cũng có bản nhận nghĩa hai chữ này, lấy theo chữ 赤繩 *Xích-thằng* mà ra. *Xích-thằng* nghĩa là cái dây đỏ. Xưa Vi-Cổ đi gặp một ông già có một túi dây đỏ, hỏi ra thì là dây để se buộc những người con trai, con gái cho lấy nhau. Hai chữ *ông tơ* thường cũng bởi ở đây.

(2) Câu này, sáu chữ dưới thật như vo-vắn nhặt-nhẽ, không có ý-vị gì, mà chính tả được ra cái lời gạ-gẫm của Kim-Trọng lúc ấy như thế.

(3) *Khuôn thiêng* cũng như nói *khuôn xanh*, đều nói trời.

(4) *Lượng xuân* là nói lượng rộng bao-dung như mùa xuân

Lặng nghe lời nói như ru,  
 Chiều xuân dễ khiến, nét thu ngại-ngùng (1).  
 Rằng: « Trong buổi mới lạ-lùng,  
 « Nề lòng, có lẽ cầm lòng cho đang !  
 « Đã lòng quân-tử đa mang,  
 « Một lời vàng tạc đá vàng thủy chung. »  
 Được lời như cỏi tấm lòng,  
 Giở kim-thoa với khăn-hồng trao tay.  
 Rằng: « Trăm năm cũng từ đây,  
 « Cửa tin, gọi một chút này làm ghi. »  
 Sẵn tay bẻ quạt hoa qui (2),  
 Với cảnh thoa ấy tức thì đổi trao.

---

(1) Câu này, trong mấy bản chỉ chưa nghĩa chữ « *chiều xuân* » là tình-từ hoài xuân, « *nét thu* » là con mắt; còn như ý-nghĩa của câu ra sao, thời không thấy có bản nào nói đến. Theo thiển nghĩ riêng lấy làm khó giải, hoặc nên chấm ngắt ở dưới chữ « *kiến* », nghĩa là trong lòng đã ưng thuận, mà ngoài mặt còn phải thẹn-thò. Mong được có Độc-giả cùng xét.

(2) Câu này, cứ theo các bản nôm cũ thời như bốn chữ đây, thực là không rõ nghĩa. Các bản quốc-văn mới, có bản in là « *bẻ quạt bồ qui* » lấy chữ 蒲葵扇 *bồ-qui-phiến* ở trong sách Tấn-thư làm căn-cứ, mà « *bẻ* » là một cái quạt. Có bản lại theo trong nguyên-truyện Thanh-tâm tài-nhân có chữ 金扇綈帨 *kim-phiến cầm-thuế* mà lấy nghĩa chữ đó, đề là « *khăn gấm quạt qui* ». Nếu như thế thời còn nhiều chỗ đổi đi được, mà hai chữ *kim-phiến* chiếu sang chữ « *quạt-qui* » cũng không hệt nhau. Cho nên nay đành cứ đề nguyên như trong bản nôm xưa, bỏ làm một nghĩa chưa tường, đề đợi được có người biết rõ.

Một lời vừa gắn tắt-giao (1),  
 Mãi sau dường có xôn-xao tiếng người.  
 Vội-vàng lá rụng hoa rơi,  
 Chẳng về thư-viện, nàng dờn lầu trang.  
 Từ phen đã biết tuổi vàng.  
 Tình càng thắm-thía, dạ càng ngẩn-ngơ.  
 Sông Tương một dải nông lành,  
 Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia (2).  
 Một tường tuyết điểm sương che,  
 Tin xuân đâu dễ đi về cho năng.  
 Lăn-lăn ngày gió, đêm trăng,  
 Thừa hồng rậm lục đã chùng xuân qua. (3)  
 Ngày vừa sinh-nhật ngoại-gia,  
 Trên hai đường, dưới nữa là hai em,  
 Tung-búng sắm sửa áo xiêm,  
 Biện dâng một lễ, xa đem tấc thành.  
 Nhà lan (4) thành-vắng một mình.  
 Ngâm cơ hội-ngộ đã đành hôm nay.

(1) *Tắt-giao* 漆膠 là sơn và keo, hai cái cùng là loài dính mà lại đem gắn vào nhau thời càng dính chặt lắm. Đây lấy ý ở câu thơ cổ: 以膠投漆中。雖能別離此 *Dĩ giao đầu tất trung, thủy năng biệt ly thử!* (Lấy keo mà bỏ vào trong sơn, ai làm cho chia rẽ được đó nữa).

(2) Hai câu này lấy ý ở bốn câu thơ cổ: 君在湘江頭。妾在湘江尾。相思不相見。同飲湘江水。 *Quân tại Tương-giang đầu, thiếp tại Tương-giang vĩ, tương-lư bất tương-kiến, đồng ẩm Tương-giang thủy*». Ý như đây.

(3) Đây nói sang cảnh mùa hạ mà hoa ít đi, lá nhiều lên.

(4) *Nhà lan* là chữ đặt lấy lịch-sự, bởi hai chữ 蘭室 *lan thất*.

Thời-trần (1) thức thức sẵn bày,  
 Gót sen thoăn thoắt dạo ngay mái tường. (2)  
 Cách hoa, sẽ dặng tiếng vàng,  
 Dưới hoa đã thấy có chàng đứng trông :  
 « Trách lòng hờ-hững với lòng,  
 « Lửa hương chốc để lạnh-lùng bấy lâu.  
 « Những là đắp nhớ đổi sầu,  
 « Tuyết sương nhuốm nửa mái đầu hoa dâm (3) »  
 Nàng rằng : « Gió bắt, mưa cầm,  
 « Đã cam tẻ với tri-âm bấy chầy.  
 « Vắng nhà, được buổi hôm nay,  
 « Lấy lòng gọi chút ra đây tạ lòng. » (4)  
 Lăn theo núi giả (5) đi vòng,  
 Cuối tường dường có nẻo thông mời rào ;

(1) *Thời-trần* 時珍 là những thức quý đương mùa, tức như các hoa quả. Kiều bày sẵn những thức đó, ý để mời Kim-Trọng sang chơi. Vì sau đây Kiều sang bên chỗ Kim-Trọng rồi ở luôn, chỗ thời trần này không lại nói đến nữa, cho nên có người lấy làm ngờ. Chẳng qua : một là vì cô Kiều quá mê ; hai là tự tác-giả sơ ý.

(2) Hai chữ « *thoăn-thoắt* » ngầm thấy rất có vị, có thể tưởng-tượng như các cô con gái tân-thời. — Chữ « *gót sen* » xem lời chưa ở câu « *Sen vàng lững-đững...* »

(3) Câu này, nếu nhận nghĩa là vì tương-tư đến bạc một nửa đầu, e lời lẽ có quá-đáng ; chỉ nên coi như câu phong-dao : « *Kẻo anh chờ đợi sương sa lạnh-lùng* » có lẽ là phải hơn.

(4) Hai chữ « *lòng* » trong câu đây, rất có màu-nhiệm. Nguyên trên kia lời Kim-Trọng : « *Trách lòng hờ-hững với lòng* », cũng hai chữ *lòng* nói buông không, mà một chữ trên nói Kiều, chữ dưới thời nói vào mình. Cho nên trong câu đây hai chữ, chữ trên nói vào mình mà chữ dưới nói chàng Kim, thực là giọng tri-âm với nhau lắm.

(5) *Núi giả* bởi chữ 假 *giả-sơn*, là cái núi bày ra làm cảnh chơi, tức là kiêu núi « *non-bộ* ».

Sấn tay mở khóa động đào,  
 Rẽ mây trông tỏ lối vào Thiên-thai. (1)  
 Mặt nhìn mặt, càng thêm tươi,  
 Bên, lời vạn-phúc, bên, lời hàn-huyên (2).  
 Sánh vai về chốn thư-hiền,  
 Ngắm lời phong nguyệt, nặng nguyên non sông.  
 Trên yên, bút-giá thi đồng (3),  
 Đạm thanh một bức tranh tùng (4) treo trên.  
 Phong sương (5) được vẽ thiên-nhiên,  
 Mặn khen nét bút càng nhìn càng tươi.  
 Sinh rằng: « Phác-họa (6) vừa rồi,  
 « Phẩm-đề xin một vài lời thêm hoa ».  
 Tay tiên gió tập mưa sa,  
 Khoảng trên dừng bút thảo và bốn câu.

(1) Hai câu này đi luôn một hơi, nên như thế nhận nghĩa. Xưa hai chàng Lưu, Nguyễn vào núi Thiên-thai gặp tiên, lúc quay về mà trở lại thời cửa động đã khóa. Đây hai chữ « Thiên-thai » chỉ là mượn nói như tiên-cảnh; hai chữ « động-đào » cũng như nói động-tiên mà thôi. Đại-loại như những câu này, người làm văn khoái ý ở đặt lời, người xem văn cũng không nên khắc-khở xét ở nghĩa.

(2) Vạn phúc 萬福, hàn-huyên 寒暄, là những tiếng chào nhau.

(3) Bút-giá 筆架 là cái giá để gác bút. — Thi-dồng 詩筒 là cái ống để đựng thơ. Xưa ông Bạch-cư-Dị trong lúc làm quan Thứ-sử ở Hàng-châu, cùng các quan Thái-thủ họa thơ, thường làm cái ống bằng tre để đựng thơ gửi đi gửi lại.

(4) Đạm thanh 淡青 là màu xanh nhạt. Tùng 松 là cây thông.

(5) Phong sương 風霜 là gió và sương. Nói cái tinh-thần của bức họa, như có sương gió làm màu cho cây thông. Giống thông qui ở chịu sương gió.

(6) Phác họa 模畫 là vẽ xoàng ra, như nói vẽ « chấm phá ».



Khen : « Tài nhả ngọc phun châu,  
 « Nàng Ban, ả Tạ (1) cũng đầu thế này !  
 « Kiếp tu xưa ví chẳng dày,  
 « Phúc nào nhắc (2) được giá này cho ngang ! »  
 Nàng rằng : « Trộm liếc dung-quang,  
 « Chẳng sân ngọc-bội, cũng phường kim-môn (3).  
 « Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn,  
 « Khuôn xanh (4) biết có vuông tròn mà hay ?  
 « Nhớ từ năm hấy thơ ngây,  
 « Cừ trong tương-pháp lắm thầy chê bai :  
 « Anh-hoa phát tiết ra ngoài,  
 « Nghìn thu bạc-mệnh, một đời tài-hoa.  
 « Trông người lại ngấm đến ta,  
 « Một dày, một mỏng biết là có nên ? »  
 Sinh rằng : « Giải-cầu (5) là duyên,  
 « Xưa nay nhân định thắng thiên (6) cũng nhiều.

---

(1) *Nàng Ban* là 班昭 *Ban Chiêu* đời nhà Hán ; *ả Tạ* là 謝道韞 *Tạ-dạo-Uần* đời Tấn. Hai người con gái có tiếng ở trong sự văn-học.

(2) *Chữ nhắc* là nghĩa nhắc dậy đồng cân.

(3) *Ngọc-bội* 玉佩 là có đeo ngọc ở mình. *Kim-môn* 金門 là một chỗ cửa của nhà vua. Đại-ý nói là hạng người vinh-quí.

(4) *Khuôn xanh* cũng như *khuôn thiêng*, là nói về trời. *Chữ xanh* bởi chữ 蒼 *thương-thiên* là trời xanh.

(5) Hai chữ này đã có chưa ở câu : « *Mây thay giải-cầu tương phùng* ».

(6) *Nhơn định thắng thiên* 人定勝天 là lòng người đã quyết thời trời cũng phải thua.

« Ví dù giải kết (1) đến điều,  
 « Thì đem vàng đá mà liều với thân. »  
 Đủ điều trung-khúc (2) ân-cần,  
 Lòng xuân phơi-phới, chén xuân tàng-tàng.  
 Ngày vui ngắn chẳng đầy gang.  
 Trông ra ác đã ngậm gương non đoài (3).  
 Vắng nhà chẳng tiện ngồi dai,  
 Giã chàng, nằng mới kịp dời song sa (4).

(1) *Giải-kết* 解結, hai chữ này, trong các bản chú nghĩa đều cho là sự bất-hạnh, điều chẳng may, sự rủi-ro; mà ở bản cụ Bùi-khánh-Diễn dẫn chữ sách nhà Phật. 解結. 解結. 解冤結. *giải kết, giải kết, giải oan kết*. Ở bản hai ông Bùi-Kỷ; Trần-trọng-Kim cũng dẫn chữ sách nhà Phật 解冤結 俗 *giải oan kết tục*. Như thế, hai bản đã khác nhau, mà đều không sao giảng cho ra nghĩa « chẳng may » được. Trong bản của ông Hồ-đắc-Hàm dẫn câu cổ-thi: 蒼天若解同心結. 金石爲盟我與君. *Thượng thiên nưộc giải đồng tâm kết. kim thạch vi minh ngã dữ quân*. Cữ văn-thế của đoạn này, thời lời dẫn thơ của ông Hồ thực là hợp hơn. Nguyên chữ 解 *giải*, nghĩa là cởi; chữ 結 *kết* là cái mối buộc. Hai câu thơ dẫn đây, nghĩa là : « ông trời xanh dù có cởi cái mối buộc đồng-tâm nữa, thời cái lời thề vàng đá, ta cũng cứ giữ với mình ». Xem như trên có chữ « nhân định thắng thiên », dưới có câu « Thì đem vàng đá mà liều với thân ». Vậy càng rõ thấy câu thơ dẫn của ông Hồ thật là đúng nghĩa. Duy lời chưa nghĩa ở trong bản ông Hồ rằng : « Dù rủi-ro sinh ra sự gì... » ý vẫn phải mà nghĩa không rõ. Theo thiên-nghĩ nên giảng rằng : « dù trời có không cho lấy nhau nữa », như thế mới thấy nghĩa của chữ « giải kết » hơn.

(2) *Trung-khúc* 衷曲 nghĩa là bởi ở trong bụng thật.

(3) Xem lời chưa ở câu « ...thở lặn ác tà ». Sáu chữ đây cũng tức là nghĩa chữ « ác tà ».

(4) *Song sa* cũng như *song the*.

Đến nhà vừa thấy tin nhà,  
 Hai thân còn giở tiệc hoa chưa về.  
 Cửa ngoài vội rủ rèm the,  
 Xăm-xăm băng lối vườn khuya một mình.  
 Nhật, thừa, gương giội đầu cành (1),  
 Ngọn đèn trông lọt trướng huỳnh (2) hắt-hiu.  
 Sinh vừa tựa án thiu-thiu,  
 Giở chiều như tỉnh, giở chiều như mê.  
 Tiếng sen sẽ động giấc hòe (3).  
 Bóng trắng đã xế hoa lê lại gần (4).

(1) Câu này nói bóng trắng soi vào các cành cây, chỗ mau chỗ thưa.

(2) *Trướng* 帳 là cái màn; *huỳnh* 螢 là con đom-đóm. Hai chữ này, hai bản của ông Hồ-đắc-Hàm và ông Bùi-Kỷ lấy nghĩa ở tích Trác-Dận ngày xưa nhà nghèo bắt đom-đóm để học, cho nên hai chữ « *trướng huỳnh* » dùng để gọi chỗ buổi học. Trong bản cụ Bùi-khánh-Diễn thời dẫn câu thơ của ông Chu-tử nói về cảnh « mùa hè đọc sách » rằng: 夜深燈落螢入幃. *Giạ thâm tẩm lạc huỳnh nhập vi*. Nghĩa là: đêm khuya ngọn đèn tàn, đom-đóm bay vào màn. Dù nói về nghĩa nào thời « *trướng huỳnh* » cũng là chỗ ngồi học mà nhận ra lúc đó chính là cảnh đêm khuya về mùa hạ, vậy lời dẫn thơ của cụ Bùi có phần đất nghĩa hơn.

(3) *Giấc hòe* là giấc mơ. Xưa có người nằm dưới gốc cây hòe 槐 mà mơ thấy phú quý vinh hiển. — Hai chữ: « *tiếng sen* » xem ở câu « *sen vàng lững-đững...* » tức là tiếng chân đi của người con gái.

(4) Câu này lấy ở câu: 月移花影玉人來 *Nguyệt di hoa ảnh ngọc-nhân lai*. Ánh trăng đưa cái bóng hoa, như thể có người ngọc đi tới. Tả lúc đêm khuya, Kim-Trọng còn đương trong giấc mơ mà Thúy-Kiều đến gần. Câu này thật tinh khéo. Chữ *lê* chỉ là nói lấy đẹp lời và nhân vì bắt vần.

Bàng-khuàng đỉnh Giáp non thần (1),  
 Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ-màng.  
 Nàng rằng: «Khoảng vắng đêm trường,  
 «Vi hoa nên phải đánh đường tìm hoa.  
 «Bây giờ rõ mặt đôi ta,  
 «Biết đầu rồi nữa chẳng là chiêm-bao (2)?»  
 Vội mừng làm lễ rước vào,  
 Đài sen nổi sập, song đào thêm hương. (3)  
 Tiên thê cùng thảo một trương (4),  
 Tóc mây một món, dao vàng chia đôi.  
 Vàng trắng vắng-vặc giữa trời,  
 Đinh-ninh hai mặt, một lời song-song.  
 Tóc tơ căn-vặn tắc lòng,  
 Trăm năm tạc một chữ đồng (5) đến xương.

---

(1) Vua Tương-vương nước Sở đi chơi đất Cao-đường, nằm mơ thấy một người đàn bà đẹp, tự xưng là thần-nữ ở núi Vu-Giáp đến thăm vua. Hai chữ «*đỉnh Giáp*» đây lấy nghĩa ở đó. Chữ «*non thần*» cũng nhân đây mà đặt ra.

(2) Câu này nói đến thăm-thiết, mà quả sau thành ra sự-thực. Tác-giả hoặc có ý chăng?

(3) *Đài sen* là cái để thấp sập mà có làm hình hoa sen, hay lá sen. — *Song đào*, có bản chua là cửa sổ có trồng cây đào ở một bên; có bản nói là cái lư, cái đỉnh để đốt hương mà làm hình quả đào. Hai nghĩa đều không xuôi, chỉ xin tạm nhận là một nghĩa chưa tường, để đợi người biết.

(4) *Tiên thê* là cái giấy hoa-tiên, chép lời thê.

(5) Chữ «*đồng*» là lấy ở chữ 同 心 đồng tâm.

Chén hà (1) sánh giọng quỳnh-tương (2),  
Dải the hương lộn, bình gương bóng lồng (3).

Sinh rằng : « Gió mát trăng trong,  
« Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam ;  
« Chày sương chưa nện cầu Lam (4),  
« Sợ lần-khân quá, ra sầm-sỡ chẳng ? » (5)

(1) *Chén hà* là cái chén bằng ngọc để đựng rượu, mà sắc đẹp như rương mặt trời chiều. Nghĩa chữ *hà* 霞 là cái rương mặt trời buổi chiều soi chiếu lại.

(2) *Quỳnh tương* 瓊漿 là nước ngọc, nói vì những thứ rượu quý.

(3) Mùi thơm ở cái dải lụa bay lộn lên, mà bóng người soi lồng vào trong cái bức gương ở bình-phong.

(4) *Cầu Lam* tức là *Lam-kieu*, đã có chua ở câu : « Xăm xăm dè nẻo *Lam-kieu*.. ». Xưa người Bùi-Hàng đi tới chỗ cầu ấy bị khát, thấy trong một cái nhà có bà lão, vài cháo để xin nước uống ; bà già sai người con gái đem nước ra cho. Người con gái ấy tên là Vân-Anh. Hàng thấy đẹp, muốn lấy. Bà lão thách rằng phải kiếm được cái chày bằng ngọc để giã thuốc, thời sẽ gả cho. Sau Bùi kiếm được chày bằng ngọc đem đến thật, bèn kết duyên cùng Vân-Anh. — Chữ *sương* trong câu này, là vì khi trước Bùi-Hàng gặp người cho bài thơ, có câu : 玄霜搗燕見盤英 *Huyền sương đảo tạn kiến Vân-Anh*. (Vị thuốc huyền-sương giã hết thời thấy nàng Vân-Anh. — Huyền-sương nghĩa là thứ thuốc tiên). — Cứ điển-tích của câu này như thế, mà đây đại-ý chỉ là nói chưa thực lấy nhau. Vậy thời sáu chữ đây, vẫn quá câu-kỵ, mà như một chữ « *nện* » nghe thấy rất nặng-nề ; những chỗ như đó tưởng người xem truyện cũng nên xét.

(5) Mấy câu của Kim-Trọng nói đây, trong bản của ông Hồ-dắc-Hàm và hai ông Bùi-Kỷ, Trần-trọng-Kim đều giải là : ý muốn cầu sự đánh đàn mà rụt-dè chưa tiện nói rõ. Có khi phải.

Nàng rằng : « Hồng-diệp xich-thằng (1),  
« Một lời cũng đã tiếng rằng tương-tri.

« Đứng điều nguyệt nọ, hoa kia,  
« Ngoài ra, ai lại tiếc gì với ai ».

Rằng : « Nghe nổi tiếng Cầm-đài (2),  
« Nước non luống những lắng tai Chung-Kỳ (3) ».

Thưa rằng : « Tiện-kỹ (4) xá chi !  
« Đã lòng dạy đến, dạy thi phải vàng ».

Hiên sau treo sẵn cầm-trắng, (5)  
Vội-vàng Sinh đã tay nàng ngang mày (6).

Nàng rằng : « Nghề mọn riêng tay,  
« Làm chi cho bận lòng này lắm, thân (7) ? »

So dần dây vũ, dây văn (8),  
Bốn dây to nhỏ theo vần cung, thương : (9)

(1) Chữ *hồng-diệp* đã chưa ở câu : « *Gạn giọng lá thắm...* »  
Chữ *xich-thằng* đã chưa ở câu : « *Dù khi la thắm chủ hồng.* »

(2) *Cầm-đài* 琴臺 là cái đài ngồi đánh đàn của ông Tư-mã Tương-như ngày xưa. Vì Tương-như hay đàn, cho nên đây mượn nói sự đàn hay.

(3) *Chung-Kỳ* 鍾期 là người sành nghe đàn. Bà-Nha đánh đàn, bụng nghĩ ở non, hay ở nước, Chung-Kỳ nghe đều hiểu cả. Cho nên trong câu đây có hai chữ « *nước non* ».

(4) *Tiện-kỹ* 殿技 là cái nghề hèn mọn, lời nói nhún.

(5) *Cầm-trắng* là cái đàn nguyệt.

(6) *Tay nàng ngang mày* là ý kinh trọng. Xưa nàng Mạnh-Quang là một người đồn bà hiên, mỗi bận bưng mâm cơm lên cho chồng, thường tay nàng ngang mày.

(7) Chữ *thân* đây là tiếng thêm đệm, mà giọng nói có vẻ nũng-nịu.

(8) *Vũ* 武 là dây đàn to ; *văn* 文 là dây đàn nhỏ.

(9) *Cung* *thương*, hai chữ đã chưa ở câu : « *Cung* *thương* *lầu* *bực* *ngũ* *âm* ».

Khúc đầu Hán Sở chiến-trường,  
 Nghe ra tiếng sắt, tiếng vàng chen nhau; (1)  
 Khúc đầu Tư-mã Phượng-cầu, (2)  
 Nghe ra như oán, như sầu, phải chăng!  
 Kê-Khang này khúc Quảng-lăng,  
 Một rằng lưu-thủy, hai rằng hành-vân (3);  
 Quá-quan này khúc Chiêu-quân,  
 Nửa phần luyện chúa, nửa phần tư gia. (4)  
 Trong, như tiếng hạc bay qua;  
 Đục, như nước suối mới sa nửa vôi.  
 Tiếng khoan, như gió thoảng ngoài;  
 Tiếng mau, sầm-sập như trời đổ mưa (5).

(1) *Hán Sở chiến-trường* là chỗ trận-mạc hai nước Hán Sở đánh nhau; *tiếng sắt tiếng vàng* là những tiếng ngựa sắt gươm vàng xô-xát. Đây nói khúc đơn gảy hùng dũng như vậy.

(2) *Tư-mã Phượng cầu* 司馬鳳求 là khúc đơn *Qui phượng cầu hoàng* 歸鳳求凰 của Tư-Mã Tương-Như đánh đề tỏ tình với nàng Trác-Vân-Quân. Đây nói khúc đơn gảy có ý buồn như vậy.

(3) Ông Kê-Khang 嵇康 có khúc đơn *Quảng-lăng* 廣陵 *Lưu-thủy, Hành-vân*, nghĩa là như nước trời, mây đi. Đây nói khúc đơn gảy nghe thấy lưu-loát như vậy.

(4) Nàng Chiêu-quân 昭君 nhà Hán khi đi cống Hồ mà qua cửa ải, đánh tiếng đơn nhờ chúa thương nhà. Đây nói khúc đơn gảy nghe ra sầu não như vậy.

(5) Bốn câu này nói tiếng đơn, *trong* thời như thế, *đục* thời như thế, *khoan* thời như thế, *mau* thời như thế. — Đoạn này tất cả 12 câu tả sự đánh đơn. Tám câu trên nói về *khúc*, cứ hai câu ăn một nghĩa, hai lần dùng chữ « khúc đầu », lại hai lần đổi dùng chữ « này khúc ». Bốn câu dưới nói về *tiếng*, mà hai câu trước nói trống-không, hai câu sau mới nói rõ chữ tiếng. Đó là văn-pháp đổi thay cho được nghe khỏi chán; mà ngầm kể tất cả bấy nhiêu câu, thôi thấy những lời văn của Tác-giả thật có như những điệu đơn mà Tác-giả muốn tả vậy. Nghe văn kèm chi nghe đơn!

Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,  
Khiến người ngồi đó mà ngơ-ngẩn sầu.

Khi tựa gối, khi cúi đầu,  
Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày.

Rằng: « Hay thì thực là hay!  
« Nghe ra ngậm đắng, nuốt cay thế nào!  
« Lựa chi những bậc tiêu-tao (1),  
« Thiệt lòng mình, cũng nao-nao lòng người? »

Rằng: « Quen mất nét đi rồi,  
« Tẻ, vui, thôi cũng tính trời biết sao!

« Lời vàng, vàng lĩnh ý cao,  
« Họa dần-dần bớt chút nào được không. »

Hoa hương càng tỏ thức hồng (2),  
Đầu mày cuối mắt càng nồng tấm yêu.

Sóng tình dường đã xiêu-xiêu,  
Xem trong âu-yếm, có chiều lả-lơi.

Thưa rằng: « Đừng lấy làm chơi,  
« Dễ cho thừa hết một lời đã nao.  
« Vẻ chi một đoá yêu-đào (3),  
« Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh.

---

(1) *Tiên-tao* 蕭條 là ý buồn rầu.

(2) Chữ *thức* đây cũng như chữ *sắc*.

(3) *Yêu-đào* 夭桃 là đào non. Chữ trong kinh Thi, nói như người con gái đến tuổi lấy chồng.



- « Đã cho vào bạc bố kinh (1),  
 « Đạo tông phu lấy chữ trình làm đầu.  
 « Ra tuồng trên Bộc trong dàu (2),  
 « Thì con người ấy, ai cầu làm chi !  
 « Phải điều ăn-xổi ở-thì,  
 « Tiết trăm năm, nỡ bỏ đi một ngày !  
 « Ngẫm duyên ký-ngộ xưa nay,  
 « Lừa đòi ai lại đẹp tầy Thôi, Trương (3) ?  
 « Mây mưa đánh đổ đá vàng (4),  
 « Quá chiều nên đã chán-chường yếm anh.  
 « Trong khi chấp cánh, liền cành (5),  
 « Mà lòng rẽ-rúng đã dành một bên !

(1) *Bố* 布 là vải ; *kinh* 荆 là gai. Bởi chữ 荆 斂 布 裙 *kinh thoa bố-quần*, là thoa gai quần vải. Xưa nàng Mạnh-Quang là vợ của Lương-Hồng, là một người đàn-bà hiền, thường chỉ dùng thoa bằng chà-gai, và quần bằng vải. Câu đây mượn chữ dùng, nói là đã cho vào hạng người vợ đứng-dẫn.

(2) *Trên Bộc* là trên sông Bộc ; *trong dàu* là trong bãi dàu. Những nơi có thối dầm dầy bất-chính.

(3) *Thôi* 崔 là nàng Thôi Oanh-Oanh ; *Trương* 張 là chàng Trương quân-Thụy. Hai người ở trong truyện Tây-Sương, thật là trai tài gái sắc, gặp gỡ nhau đáng là đẹp lứa.

(4) Vì sự mây mưa mà làm cho đổ cuộc đá vàng, là nói quá yêu nhau từ trước, thành ra rồi không lấy nhau nữa.

(5) *Chấp cánh liền cành* là cái tình thân-thiết với nhau lắm. Mấy chữ này lấy ở câu 在天願作比翼鳥, 在地願為連理枝 *Tại thiên nguyện tác tỷ gực điều, tại địa nguyện vi liên lý chi*. Ở trên trời thời xin được làm như con chim liền cánh ; ở dưới đất thời xin được làm như cái cây liền cành.

« Mái tây để lạnh hương nguyên (1),  
 « Cho duyên đắm-thắm ra duyên bề-bàng.  
 « Gieo thoi (2), trước chẳng giữ-giàng,  
 « Để sau nên thẹn cùng chàng bởi ai ?  
 « Vội chi liễu ép hoa nài,  
 « Còn thân ắt một đền-bồi có khi. »  
 Thấy lời đoan-chính dễ nghe,  
 Chàng càng thêm nề, thêm vì mười phân.  
 Bóng tàu vừa lạt về ngân (3),  
 Tin đầu đã gõ cửa ngăn gọi vào.  
 Nàng thì vội trở buồng thêu,  
 Sinh thì dạo gót sân đào vội ra.  
 Cửa ngoài (4) vừa ngỏ then hoa,  
 Gia-đồng vào gọi thư nhà mới sang.

---

(1) *Mái tây* là nói cái mái tây ở chỗ chùa Phổ-cứu, Thôi Oanh-Oanh cùng Trương-Ninh đi lại với nhau ở đấy, rồi sau hai người không thật lấy nhau.

(2) *Gieo thoi* là ý nói chống cự. Lấy tích ngày xưa có người Tạ-Côn ghẹo gái ở làng giềng, người con gái đương ngồi dệt cửi, cầm cái thoi ném Côn gậy rặng. Đây chỉ là ý nói chống cự.

(3) Bóng mái nhà đã nhạt về trắng sáng.

(4) *Cửa ngoài* tức là cửa ngăn. Chữ này, có nhiều bản in là cửa sài, là lầm. Vì cửa sài thời bởi chữ 柴門 *sài-môn*, là cái cửa làm bằng củi, hay nhánh tre, là cửa ngõ của những nhà nghèo, hay những người cao-đạo ẩn-dật, chớ không phải là cái thái-độ của nhà « *Ngô-Việt thương-gia* », xem như câu : « *Có cây, có đá sẵn sàng ; có hiền Lãm-thúy ét vàng chưa phai* », đủ rõ.

Đem tin thúc-phụ từ đường (1),  
 Bơ-vơ lữ-thần (2) tha-hương đề-huê.  
 Liêu-dương cách trở sơn khê, (3)  
 Xuân-đường kịp gọi sinh về hộ tang. (4)  
 Mảng tin, xiết nỗi kinh-hoàng,  
 Bểng mình lên trước đài-trang tự tình.  
 Gót đầu mọi nỗi đình-ninh,  
 Nỗi nhà tang-tóc, nỗi mình xa-xôi :  
 « Sự đâu chưa kịp đôi-hồi,  
 « Duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ.  
 « Trăng thề còn đó tro-tơ,  
 « Dám xa-xôi mặt, mà thơ-thốt lòng.  
 « Ngoài nghìn dặm, chốc ba đông, (5)  
 « Mối sầu khi gỡ cho xong còn chầy (6).

---

(1) *Thúc-phụ* 叔父 là ông chú. *Từ đường* 辭堂 là từ giả chỗ nhà ở, nghĩa là chết.

(2) *Lữ-thần* 旅殯 là còn quán đề quan tài ở chỗ đất khách.

(3) *Liêu-dương* 遼陽 là tên đất, nay là huyện thuộc đạo Liêu-Thâm tỉnh Phụng-thiên. Chú Kim-Trọng qua mất ở đó. — *Sơn khê* 山溪 là núi và đường khe núi, cũng như nói sơn xuyên.

(4) *Xuân-đường* 椿堂 là bố, cây xuân sống lâu, cho nên ví là bố. — *Hộ tang* 護喪 là trông coi việc tang.

(5) *Chốc ba đông*, có người nói là vì Kim-Trọng đứng lập tự cho ông chú ấy, cho nên phải để trở ba năm.

(6) *Chầy* là chậm, là lâu. — Hai câu này là nói việc xảy ra thế, thời có lấy được nhau cùng còn lâu, tức là trông lên chữ ba đông mà nói sự hết chế.

« Gìn vàng, giữ ngọc, cho hay,  
« Cho đành lòng kẻ chùn mây, cuối trời.»  
Tai nghe, ruột rối bời-bời,  
Ngập-ngừng, nàng mới giải lời trước sau :  
« Ông tơ ghét bỏ chi nhau,  
« Chưa vui xum-hợp, đã sầu chia-phôi!  
« Cùng nhau chót đã nặng lời,  
« Dầu thay mái tóc, dăm dòi lòng tơ!  
« Quân bao tháng đợi, năm chờ,  
« Nghĩ người ăn gió, nồm mưa, xót thăm.  
« Đã nguyên hai chữ đồng-tâm,  
« Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai (1).  
« Còn non, còn nước, còn dài,  
« Còn về, còn nhớ đến người hôm nay!»  
Dùng-dằng chưa nỡ rời tay,  
Vàng đồng trông đã đứng ngay nóc nhà.  
Ngại-ngùng một bước, một xa,  
Một lời trân-trọng, châu sa mấy hàng  
Buộc yên quải gánh vội-vàng.  
Mối sầu sẻ nửa, bước đường chia hai.

---

(1) *Ôm cầm thuyền ai* là ôm đàn ở thuyền người khác, nghĩa là thề chẳng lấy người khác.

Buồn trông phong-cảnh quê người,  
Đầu cảnh quỳên nhặt, cuối trời nhận thừa (1).

Não người cũ gió, tuần mưa,  
Một ngày nặng gánh tương-tư một ngày.

Nàng còn đứng tựa hiên tây,  
Chín hồi vẩn-vít như vầy mới to.

Trông chừng khói ngất song thừa,  
Hoa trời-trát thắm, liễu xơ-xác vàng (2).

Tần-ngần dạo gót lâu trang,  
Một đoàn mằng thọ ngoại-hương mới về.

Hàn-huyền chưa kịp giải-giề,  
Sai-nha (3) bỗng thấy bốn bề xôn-xao :

Người nách thước, kẻ tay đao,  
Đầu trâu, mặt ngựa, ào-ào như sôi. (4)

Già giang (5) một lão một trai,  
Một dây vô-loại buộc hai thâm-tĩnh (6).

(1) Câu này, các bản đều chưa chữ « *quỳên nhặt* » là tiếng quỳên kèn mau, « *nhận thừa* » là hàng nhận bay thừa. Như vậy thời hai chữ « *quỳên nhặt* » hơi gương.

(2) Hai câu này là tả thu, mà là cái cảnh nhân lúc buồn non ra thể. — Hai chữ « *trời-trát* » có nhiều bản đề là *trời giạt*, như thế thời không giống với chữ xơ-xác ở dưới. Tiếng ta nhiều chữ nói đôi như thế, *trời-trát* chỉ là nghĩa bay nhặt mất màu đi, chữ *trát* là tiếng nối thêm.

(3) *Sai-nha* 差衙 là đám nha-lại bị sai-phái đi.

(4) Chữ *sôi* nghe hơi khó nghĩa, cho nên bản in chữ nôm cũ, có bản đề *như mưa*, song lại lạc văn quá.

(5) *Già-giang* 槎江 là gông trôi.

(6) *Vô loại* 無類 là không ra nghĩa-lý gì, cũng như chữ 不良 *bất-tương*. *Thâm-tĩnh* là cái tỉnh bố con.

Đầy nhà vang tiếng nhặng xanh (1),  
 Rụng rơi khung dệt, tan-tành gổ mai. (2)  
 Đồ tể-nhuyễn (3), của riêng tây,  
 Sạch-sành-sanh (4) vết cho đầy túi tham.  
 Điều đâu bay buộc ai làm ?  
 Nay ai đan giằm, giặt giằm (5) bỗng dưng ?  
 Hỏi ra sau mới biết rằng :  
 Phải tên xưng-xuất (6) tại thẳng bán tơ.  
 Một nhà hoảng-hốt, ngần-ngờ,  
 Tiếng oan rầy đất, án ngờ lừa mây.  
 Hạ từ, van lạy suốt ngày,  
 Đểc tai lân-tuất, phũ tay tồi-tàn (7).

(1) Nói những cái tiếng khả-ố của bọn ấy vang ngậu như đàn nhặng vậy. *Nhặng xanh* là con ruồi to mà xanh.

(2) Câu này, có bản viết là : « *Rụng-rời giọt liều, tan-tành gổ mai* », có bản lại viết là : « *Rụng-rời giọt liểu, tan-tành cội mai* ». Song những lời giải đều không thông, và mai vôi liểu là những tiếng dệt lấy đẹp lời, không hợp dùng ở trong câu đây.

(3) *Tể-nhuyễn* 細軟 là nhỏ nhất, mềm mỏng, là nói những đồ dùng của đàn-bà, con gái.

(4) Ba chữ này, văn-khí rất mạnh, tức là một cái « *loe, adverbial* » của chữ « *vét* » ở sau, làm cho thấy cái chỗ rất đáng ghét.

(5) Bốn chữ này bởi chữ 羅織 *ta chức* ra, nghĩa là thêu dệt cho nên tội.

(6) *Xưng xuất* 稱出 nghĩa là nó xưng ra cho.

(7) *Lân tuất* 麟趾 là thương xót. *Tồi tàn* 摧殘 là đánh đập.

Rường cao rút ngược dây oan, (1)  
 Dẫu rằng đá cũng nát gan, lọ người !  
 Mặt trông đau-đớn rụng-rời,  
 Oan này có một kêu trời, nhưng xa !  
 Một ngày lạ thói sai-nha ?  
 Làm cho khốc-hại, chẳng qua vì tiền.  
 Sao cho cốt-nhục vẹn tuyền,  
 Trong khi ngộ biến từng quyền, (2) biết sao ?  
 Duyên hội-ngộ, đức cù-lao (3),  
 Bên tình, bên hiếu (4), bên nào nặng hơn ?  
 Đề lời thệ hải minh sơn (5),  
 Làm con, trước phải đền ơn sinh thành (6).

(1) *Rường* là cái xà nhà, tức là nghĩa chữ 梁 *lương*. Câu này nói treo ngược hai người lên xà nhà.

(2) *Ngộ biến từng quyền* 遇變從權 là gặp cảnh biến thời phải theo đạo quyền, không thể giữ thường được.

(3) *Cù lao* 劬勞 là khó-nhọc, tức là nó. công ơn cha mẹ, chữ ở trong kinh Thi.

(4) Chữ *tình*, tức trông lên chữ « *duyên hội-ngộ* » ; chữ *hiếu* trông lên chữ « *đức cù-lao* » ở câu trên.

(5) *Thệ hải minh sơn* 誓海盟山, nghĩa là chỉ non thề biển.

(6) *Sinh-thành* 生成 là công cha mẹ sinh đẻ và nuôi nấng cho nên người, cũng như trời đất đối với vạn vật.

Quyết tình, nàng mới hạ tình :  
 « Dẽ cho dẽ thiếp bán mình chuộc cha ! » (1)  
 Họ Chung (2) có kẻ lại già,  
 Cũng trong nha-dịch, lại là từ-tâm ;  
 Thấy nàng hiểu trọng tình thâm,  
 Vì nàng, nghĩ cũng thương thầm xót vầy.  
 Tình bài lốt đỏ, luồn đây,  
 Có ba trăm lạng, việc này mới xuôi.  
 Hãy về tạm phò giam ngoài,  
 Dẫn nàng qui-liệu (3) trong đôi ba ngày.  
 Thương lòng con trẻ thơ-ngây,  
 Gặp cơn vạ gió tai bay bất kỳ !  
 Đau lòng tử biệt, sinh ly,  
 Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên !  
 Hạt mưa (4) sá nghĩ phận hèn,  
 Liều đem lấ cở, quyết đền ba xuân. (5)

(1) Câu này, nghe quả như thấy cái lời nói trước lúc mạo-hiêm, mà thần-tình ở một chữ « dẽ ». — Lại riêng nghĩ như lúc đó, Kim-Trọng mới đi khỏi, liệu chưa xa cách là mấy, mà Kim là con nhà giàu ; sao trước khi quyết sự bán mình này, Kiều không tính qua hãy mưu việc với Kim-Trọng ? Chỗ đó hoặc có khe hở chăng ?

(2) *Chung* 終.

(3) *Qui liệu* 規料 nghĩa là thu-xếp.

(4) Hai chữ này lấy ở câu : « *Đàn bà như hạt mưa sa...* »

(5) Câu này, mượn nghĩa ở hai câu thơ cổ : 誰言寸草心. 報答三春暉. *Thúy ngón thốn thảo tâm, báo đáp tam xuân huy.* (Ai nói rằng cái lòng của tấc cỏ, mà báo đáp được ánh sáng của ba mùa xuân !) là lời của một người đi chơi xa nhớ mẹ. *Tấc cỏ* là vì như con ; *ba xuân* vì như cha mẹ.



Sự lòng ngổ với băng-nhân (1),  
Tin sương (2) đồn-đại xa gần xôn-xao.  
Gần miền có một mù nào,  
Đưa người viễn khách, tìm vào vấn danh.  
Hỏi tên, rằng : « Mã Giám-sinh (3) » ;  
Hỏi quê, rằng : « Huyện Lâm-thanh (4) cũng gần ».  
Quá niên trạc ngoài tứ tuần, (5)  
Mày râu nhẵn-nhụi, áo quần bảnh-bao.  
Trước thầy, sau tớ xôn-xao,  
Nhà băng đưa mối, rước vào lầu trang.  
Ghế trên ngời tốt sỗ-sàng ;  
Buồng trong mối đã giục nàng kíp ra.  
Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,  
Thềm hoa một hức, lệ hoa mấy hàng !  
Ngại-ngùng giọng gió e sương.  
Ngưng (6) hoa bóng thẹn, trông gương mặt dày.

---

(1) *Băng-nhân* 氷人 là người làm mối. Nguyên xưa có người nằm mơ thấy mình đứng ở trên từng băng mà nói chuyện với một người ở dưới băng. Sau hỏi một người khác, bảo rằng : đó là cái mộng-triệu sẽ có sự làm mối cho người, quả vậy.

(2) *Tin sương* là ý nói cái tin đồn đi rất sòm.

(3) *Mã Giám-Sinh* 馬監生.

(4) *Lâm-thanh* 臨清. Huyện này, nay thuộc đạo Đông-lâm, tỉnh Sơn-đông.

(5) *Quá niên* 過年 là cái tuổi đã qua đến trạc ấy.

(6) *Ngưng*, nghĩa là vừa đi vừa nhìn.

Mỗi càng vén tóc, bắt tay,  
Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai.

Đắn-đo cân sắc, cân tài,  
Ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ.

Mặn nồng một vẻ một ưa,  
Bằng lòng, khách mới tùy cơ đặt-diu.

Rằng : « Mua ngọc đến Lam-kiều,  
« Sinh-nghi (1) xin dạy bao nhiêu cho tường ».

Mỗi rằng : « Đáng giá nghìn vàng,  
« Gấp nhà, (2) nhờ lượng người thương dám nài ! »

Cò-kè bớt một thêm hai,  
Giờ lâu ngã giá xin (3) ngoài bốn trăm.

Một lời thuyền đã êm giầm (4),  
Hãy đưa canh thiếp, (5) trước cầm làm ghi.

---

(1) *Sinh nghi* 聘儀 tức là đồ dẫn cưới. Đây cũng là lời nói lịch-sự của họ Mã.

(2) Chữ *gấp* này, nhiều bản đề mỗi khác, chữ *rấp*, chữ *ngặt*, nghĩa cũng đều như vậy. Lại có bản đề là *gấp*, cho là *gấp* lúc nhà như thế. Đại-ý cũng không lấy gì làm khác nhau.

(3) Chữ *xin* này, nhiều bản đề là *váng*, nghĩa cũng vậy. Lại thường có nghe người đọc là *ra*, có lẽ tự-nhiên hơn.

(4) Nghĩa là câu chuyện đã xuôi.

(5) *Canh-thiếp* 戔帖 là cái thiếp có biên nói đến tuổi.

Định ngày nạp-thái, vu-qui, (1)  
Tiền lưng đã có, việc gì chẳng xong ! (2)  
Một lời cậy với Chung-công,  
Khất-từ tạm lĩnh Vương-ông về nhà.  
Thương tình con trẻ, cha già.  
Nhìn nàng, ông những máu sa, ruột rầu :  
« Nuôi con những ước về sau,  
« Trao tơ phải lứa, gieo cầu đáng nơi (3).  
« Trời làm chi cực bầy trời !  
« Nay ai vu thác, cho người hợp tan !  
« Phủ cân (4) bao quản thân tàn,  
« Nỡ đầy-đọa trẻ càng oan-khốc già !  
« Một lần sau trước cũng là,  
« Thôi thì mặt khuất, chẳng thà lòng đau ! »  
Theo lời như chảy giòng châu,  
Liều mình, ông rắp gieo đầu tường vôi.

---

(1) *Nạp-thái* 納采 là dẫn cửa. *Vu-qui* 于歸 là cho cưới.

(2) Câu này, chính-y nói về việc Mã Giám-Sinh mua Kiều, mà cũng có ý động đến việc nhà Kiều chuộc tội. Như câu đó, vừa là tự-sự, vừa là chuyện.

(3) Hai chữ *trao tơ* nghĩa đã thấy ở chỗ chưa « *chỉ hồng* ». — Hai chữ *gieo cầu*, các bản nói có khác nhau, đại-khái là người con gái ngồi trên lầu cao, tung quả cầu xuống cho bọn con trai ở dưới, ai nhặt được thì lấy làm vợ chồng.

(4) *Phủ cân* 秤斤 là búa rìu, nói những đồ hình-phạt.

Vội-vàng kẻ giữ, người lời,  
 Nhỏ to, nâng lại tìm lời khuyên can :  
 « Vẻ chi một mảnh hồng-nhan,  
 « Tóc tơ chưa chút đền ơn sinh-thành.  
 « Dâng thư đã thẹn nàng Oanh (1),  
 « Lại thua ả Lý (2) bán mình hay sao ?  
 « Trời xuân (3) tuổi hạc càng cao,  
 « Một cây gánh vác biết bao nhiêu cành.  
 “ « Lượng trên dù chẳng dứt tình,  
 « Giò mưa âu hắt tan-tành nước non.  
 « Thà rằng liều một thân con,  
 « Hoa dù rã cánh, lá còn xanh cây.  
 « Phận sao đánh vạ cũng vầy,  
 « Cầm như chẳng đổ những ngày còn xanh (4).  
 « Cũng đừng tính quẩn, lo quẩn,  
 « Tan nhà là một, thiệt mình là hai. »

---

(1) Nàng *Đề-Oanh* 堤 榮 đời nhà Hán dâng thư lên vua mà cha được thoát tội.

(2) *Ả Lý* là nàng *Lý-Ký* 李 寄 nhà Đường, vì nhà nghèo không có nuôi bố mẹ, nàng bán mình cho người làng, chịu đi đem cúng thần rắn. Rồi sau nàng ấy lại giết được thần rắn.

(3) Hai chữ này là nói vào ông Viên-ngoại, nghĩa đã thấy ở chỗ chưa « *xuân-đương* ».

(4) *Đổ*, nghĩa là đậu được, như các thứ cây quả được đến lúc thành-thục, gọi là đổ. Câu này nói : vì bằng không nuôi được từ lúc còn nhỏ.

Phải lời, ông cũng êm tai,  
 Nhìn nhau giọt ngấn giọt giải ngồn-ngang.  
 Mãi ngoài, họ Mã vừa sang,  
 lờ hoa đã kỳ, cân vàng mới trao.  
 Trăng già độc-địa làm sao ?  
 Cầm dây chẳng lựa, buộc vào tự-nhiên !  
 Trong tay sẵn có đồng tiền,  
 Dầu lòng đổi trắng, thay đen khó gì !  
 Họ Chung ra sức giúp vì,  
 Lễ-tâm đã đặt, tụng-kỳ cũng xong. (1)  
 Việc nhà đã tạm thông-dong,  
 Tinh-kỳ (2) giục-giã đã mong độ về.  
 Một mình nung, ngọn đèn khuya, (3)  
 Áo đầm giọt tủi, tóc se mối sầu.  
 « Phận dầu, dầu vậy cũng dầu,  
 « Xót lòng đeo-đẳng bấy lâu một lời !  
 « Công-trình kẻ biết mấy mươi,  
 « Vì ta khăng-khít cho người dở-dang.

(1) *Lễ tâm* 禮心. Hai chữ này, đặt mới mà hay, tức như dân sự lên quan đem lễ-vật mà thường nói *thành-tâm* hay *vi-thành*. Những chữ đó coi như tâm-thương, mà là chỗ đảo-đề của tác-giả. — *Tụng-kỳ* 訟期 là cái kỳ xử kiện-cáo. — Câu trên, mấy chữ « ra sức... » cũng có ý mỉa mai.

(2) *Tinh-kỳ* 星期 là cái kỳ trông thấy sao. Tục cổ ở Tàu thường đưa đón dân về đêm.

(3) Mấy đoạn trên đây, luôn những cảnh-sự lộn-sộn, bời bời kẻ nọ người kia ; xuống một câu này, chuyển cảnh động vào cảnh tĩnh, để rồi tả một tâm-sự riêng của Kiều, thật có như một hồi trống thu-không ở chỗ huyện-nha vậy. Như vậy mà những bản in chia ra từng đoạn, có bản lấy từ chữ « *Việc nhà đã...* » để làm đầu đoạn dưới, mất hết tinh-thần của văn-chương.

« Thề hoa chưa ráo chén vàng,  
 « Lỗi thề, thôi đã phụ-phàng với hoa !  
 « Trời Liều (1) non nước bao xa !  
 « Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà từ tôi.  
 « Biết bao duyên nợ thề-bồi,  
 « Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì ?  
 « Tái-sinh chưa dứt hương thề, (2)  
 « Làm thân trâu ngựa (3) đền nghi trúc mai (4).  
 « Nợ tình chưa trả cho ai,  
 « Khỏi tình mang xuống tuyền-đài (5) chưa tan ! »  
 Nỗi riêng, riêng những bàn-hoàn (6),  
 Dầu chong trắng đĩa, lệ tràn thấm khăn.  
 Thúy-Vân chợt tỉnh giấc xuân,  
 Dưới đèn ghé đến ân-cần hỏi han.  
 « Cơ trời dầu bể đa-đoan,  
 « Một nhà đề chi riêng oan một mình.  
 « Có chi ngồi nhẩn tàn canh,  
 « Nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây ? » (7)

---

(1) *Trời Liều* là nói chỗ Liều-dương, Kim-Trọng hiện đi hộ tang ở đó.

(2) *Tái-sinh* 再生 là kiếp sau, cũng như nói *lai-sinh*.

(3) Tức là hóa kiếp để trả nợ.

(4) *Trúc mai*, nói tình nghĩa cùng thân yêu nhau như hai thứ cây đó.

(5) *Tuyền-đài* 泉臺 là nói âm-phủ. — Xưa có người con gái phải lòng một người lái buôn, đến ốm mà chết ; mãi đến lúc cải táng, trong bụng thấy có một cái cục, đập không vỡ, đem soi thời có hình người lái buôn ở trong. Sau anh chàng ấy đến coi nhìn mà sa lè vào, thời cục ấy ra là máu. Hai chữ « khỏi tình » vì đó.

(6) *Bàn-hoàn* là nghĩ quanh-quần.

(7) Xem câu này thời cái tình-sự của Kiều với Kim-Trọng, Thúy-Vân cũng có biết.

Rằng: « Lòng đương thỏn-thức đầy,  
 « Tor duyên còn vương mối này chưa xong.  
 « Hở môi ra cũng thẹn-thùng,  
 « Đề lòng thì phụ tấm lòng với ai !  
 « Cay em, em có chịu lời,  
 « Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa. (1)  
 « Giữa đường đứt gánh tương-tư,  
 « Keo loan (2) chấp mối tơ thừa mặc em.

(1) Câu này lời quá thắm-thiết, nghĩa là tất mong cho Vân phải nhận lời.

(2) *Keo loan*, bởi chữ 膠 *loan giao* ra. Theo sách cách-vật tàu khi xưa, lấy máu con chim loan chế làm keo, nối dây đôn rất bền. — Xưa đời Hán, niên Tây-hải dâng thư *keo loan*. Vua Vũ-đế có dây cung đứt, lấy keo đó để nối, rồi mà bắn suốt ngày không lại đứt, vua rất vui lòng, đặt tên cho thư keo đó là 續弦膠 *tục huyền giao*, nghĩa là thư keo nối dây cung. — Lại đời Tống, Đào-Cốc đi xư sang xứ Giang-nam, được gặp một người yêu là Tán-nhược-Lan, ngủ vùi nhau một đêm, sau Cốc về, có làm bài ca từ gửi cho, trong có những câu rằng: 琵琶撥盡相思調. 知音少; 待得鸞膠續斷絃. 是何年? *Tỳ-bà bất tạn tương-tư điệu, tri-âm thiển: dãi đắc loan giao tục đoạn huyền, lị hà niên?* Nghĩa là: đàn tỳ-bà đã gảy hết khúc tương-tư, mà người tri-âm có ít; đợi được có keo loan để nối cái dây đứt, biết là năm nào? Cứ trong câu đây, ba chữ « *mối tơ thừa* » thời là nói về dây đôn. — Hai chữ *keo loan* này, nhiều bản đã in ra quốc-văn đều là « *giao loan* ». Song nếu hẳn là nói chữ tàu thời chữ *loan* ở trên, chữ *giao* ở dưới; nói sang quốc-văn ta thời chữ *giao* đó phải là *keo*. Chỉ vì chữ nôm ta khi xưa, viết cho ra chữ *keo* hơi khó; cho nên người chép truyện cứ đề luôn chữ 膠, coi cũng như chữ 車 là *xê*, chữ 旂 là *cờ*; các bản in và chép nôm cùng đều theo như vậy. Đến các nhà in ra chữ quốc-ngữ không nhận xét chỗ đó, mà dịch âm là *giao*, thành ra nghĩa vẫn phải mà lời sai, lại nhận kỹ thời ra không có nghĩa. Vậy nay đề là *keo loan*, cho được hợp với lời quốc-văn mà là nguyên-văn của tác-giả.

- « Kể từ khi gặp chàng Kim.  
 « Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.  
 « Sự đâu sóng gió bất kỳ,  
 « Hiếu, tình khôn nhẽ hai bề vẹn hai ?  
 « Ngày xuân em hãy còn dài,  
 « Xót tình máu mủ, thay lời nước non.  
 « Chị dầu thịt nát, xương mòn,  
 « Ngậm cười chín suối (1) hãy còn thơm lây !  
 « Chiếc thoa (2) với bức tờ mây,  
 « Duyên này thì giữ, vật này của chung.  
 « Dù em nên vợ, nên chồng,  
 « Xót người mệnh bạc, ắt lòng chẳng quên.  
 « Mất người, còn chút của tin,  
 « Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa.  
 « Mai sau, dù có bao giờ,  
 « Đốt lò hương ấy, so tơ phím này ;  
 « Trông ra ngọn cỏ lá cây,  
 « Thấy hiu-hiu gió, thì hay chị về.  
 « Hồn còn mang nặng lời thề,  
 « Nát thân bồ-liễu, đền nghi trúc-mai.  
 « Dạ-dài (3) cách mặt, khuất lời,  
 « Rảy xin giọt nước cho người thác oan.

---

(1) Ngậm cười là bởi chữ 含笑 hàm tiếu. Chín suối là bởi chữ 九泉 cửu tuyền. Ngậm cười ở dưới chín suối, là nói dầu chết cũng hả dạ.

(2) Chữ thoa đây, tức là chữ thoa trong câu « Giở kim thoa với khăn hồng trao tay ». Có nhiều bản đổi làm chữ vòng, hay vành, thêm việc mà mất cả âm-ưởng.

(3) Dạ-dài 夜臺 là chỗ ở đêm tối, tức là nơi âm phủ.



« Bảy giờ trăm gay, gương tan,  
« Kề làm sao xiết muôn vàn ái ân !  
« Trăm nghìn gởi lay tình quân,  
« Tóc tơ vắn-vùn có ngần ấy thời.  
« Phận sao phận bạc như vôi ?  
« Đã đành nước chảy, hoa trôi lỡ-làng.  
« Ôi Kim-lang ! hỡi Kim-lang !  
« Thôi thôi ! thiếp đã phụ chàng từ đây ! » (1)  
Cạn lời, phách tán hồn bay,  
Một hơi lặng ngắt, đôi tay lạnh đồng.  
Xuân, huyền chợt tỉnh giấc nồng,  
Một nhà tấp-nập kẻ trong người ngoài.  
Kẻ thang, người thuốc bời-bời,  
Mời tân cơn vụng, chưa phai giọt hồng.  
Hỏi (2) : « Sao ra sự lạ-lùng ? »  
Kiều càng nức-nở, nói không ra lời.  
Nỗi nằng, Vân mới rĩ tai :  
« Chiếc thoa này, vôi tờ-bồi ở đây ! »  
— « Nay cha làm lỗi duyên mày,  
« Thôi thì nỗi ấy sau này đã em !

---

(1) Trong cả quyển Kiều, văn tả tình không mấy đoạn dài hơn như đây. Đoạn này thật lâm-ly, mà như thế mới hết tình-sự.

(2) Chữ *hỏi* đây, thuộc hai chữ « *Xuân, huyền* » ở trên. Xuống đến câu « *Này cha làm lỗi...* » chỉ cứ nói luôn, cũng là theo một mạch văn cho được giản chữ.

«Vi ai rụng cái, rơi kim (1),  
 «Đề con bèo nổi mây chìm vì ai?  
 «Lời con dặn lại một hai,  
 «Dấu mòn bia đá, dám sai tắc vàng!»  
 Lay thôi, nàng lại thưa tường:  
 «Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi. (2)  
 «Xá chi thân phận tôi-đôi,  
 «Dấu răng xương trắng quê người, quản đầu!»  
 Xiết bao kẻ nổi thăm sâu,  
 Khắc canh đã giục nam-lâu (3) mấy hồi.  
 Kiệu hoa đâu đã đến ngoài,  
 Quản huyền, đâu đã giục người sinh-ly. (4)  
 Đau lòng kẻ ở người đi,  
 Lệ rơi thấm đá, tơ chia rũ tằm.  
 Trời hôm, mây kéo tối rằm,  
 Rầu-rầu ngọn cỏ, đầm-đầm cảnh sương.

---

(1) *Cái* là hột cái, đề gần hồ-phách thì bắt vào; *kim* là cái kim, đề gần đá nam-châm thì dính vào, ấy là cái vật ưa hợp nhau. Đây nói «*rụng cái rơi kim*», nghĩa là làm cho tình duyên phải phân rẽ.

(2) Hai chữ «*nghĩa chàng*», ngấm ra rất buồn cười. Câu này, tác giả cũng vì cô Kiều được thề mà làm nũng.

(3) *Nam-lâu* là cái lâu ở phía nam, nói chỗ gác canh.

(4) *Quản* 管 là cái ống, là nói tiếng sáo. *Huyền* 喧 là dây đàn là nói tiếng đàn. *Sinh ly* 生離 là sống mà lìa nhau. Có câu 悲莫悲兮生別離 *Bi mạc bi hề, sinh biệt ly*. (Kề cái thương chẳng gì đáng thương hơn là cùng sống mà phải xa lìa nhau.) — Câu này có một cái văn-tĩnh rất hay: *Quản huyền* là tiếng vui, đặt với chữ *sinh-ly* là cảnh sầu, mà sự thực như thế. Ấy thật là «tả chân».

Rước nàng về đến trú-phường (1)  
 Bốn bề xuân khóa (2) một nàng ở trong.  
 Ngập-ngừng thẹn lức e hồng,  
 Nghĩ lòng lại xót-xa lòng đòi phen :  
 « Phầm tiền rơi đến tay hèn,  
 « Hoài công nằng giữ mưa gìn với ai !  
 « Biết thân đến bước lạc-loài,  
 « Nhị đào thà bẻ cho người tình-chung (3) !  
 « Vì ai ngăn đón gió đông,  
 « Thiệt lòng khi ở, đau lòng khi đi.  
 « Trùng-phùng dù họa có khi,  
 « Thân này thôi có ra gì mà mong !  
 « Đã sinh ra số long-đong,  
 « Còn mang lấy kiếp má hồng được sao ? »  
 Trên yên sẵn có con dao,  
 Giấu cầm, nàng đã gói vào chéo khăn.  
 Phòng khi nước đã đến chân,  
 Dao này thì liệu với thân sau này.  
 Đêm thu, một khắc một chày,  
 Bâng-khuâng như tỉnh, như say một mình.

---

(1) *Trú phường* 住房 là chỗ phố trọ.

(2) Chữ *khóa* đây, các bản đều là *lỏa*, như thế thời không đúng với quốc-âm. Xét ra, chỉ vì chữ 鎖 *lỏa* trong Hán-văn với chữ *khóa* của ta, thanh âm không xa nhau, cho nên người chép văn lười mà đề nguyên ; các nhà in ra quốc-ngữ cũng cứ theo thế, cũng như chữ *keo loan* mà cứ đề là *giao loan*, đều do ở chỗ không nhận xét.

(3) *Tình chung* bởi chữ 情之所鍾 *tình chi sở chung*, nghĩa là cái tình chung-đúc vào đó.

Chẳng ngờ : gã (1) Mã Giám-sinh,  
 Vẫn là một đũa (2) phong-tinh đã quen.  
 Quá chơi lại gặp hồi đen,  
 Quen vùng (3) lại kiếm-ăn miền nguyệt-hoa.  
 Lầu xanh (4) có mộ Tú-bà,  
 Làng chơi đã trở về già hết duyên.

(1) Chữ *gã* đây thật mới, mà nghĩ ra không thể có đặt chữ gì hơn. Tác-giả thật cũng đã tốn công.

(2) Chữ *đũa* cũng mới, đi theo với chữ *gã*, thiệt hay !

(3) Chữ *vùng* đây, nhiều bản in là *múi*, hay *mồi*, thiệt đều không phải nghĩa. Phàm vật gì đã ăn thấy ngon mà rồi cứ ăn mãi, như thế là « *quen mùi* » ; sự gì đã kiếm ăn được mà rồi cứ kiếm mãi, như thế là « *quen mồi* ». Hai nghĩa đó, đều không hợp với tình-sự ở chỗ đây. Mã-Giám-Sinh nguyên là một người làng chơi, mà tốn hại đã lắm, mới xoay quanh lại làm chủ về việc chơi, tức như người thua bạc đã nhiều mà quay ra gá chứa để lại kiếm lời ở trong sự đánh bạc. Hai chữ « *quen vùng* », nghĩa là thế. Chữ *lại* trong câu đây, có ý « *trái lại* », nghĩa là chơi nguyệt-hoa thường phải mất tiền, mà Mã lại lấy làm chỗ kiếm-ăn.

(4) *Lầu xanh* bởi chữ 青樓 *thanh lâu* ra. Nguyên chữ « *thanh-lâu* » trong Hán-văn từ trước vẫn là nói chỗ ở của các nhà qui hiền, chỗ vua ở cũng có gọi là *thanh-lâu*. Đến khoảng đời Lương, Đường, các nhà thi-sĩ hay dùng chữ đó để nói về bọn gái ca xướng ; sau thành ra tiếng ấy chuyên dùng để gọi chỗ dĩ ở. — Lại từ tác-giả quyền Kiều dịch ra hai chữ « *lầu xanh* » đây, mà cũng thành tiếng thông dùng về xóm chơi của ta, vậy tiếng đó thực là của các nhà thi-sĩ.

Tình-cờ chẳng hện mà nên,  
Mặt-cura, mướp-đắng (1), đôi bên một phường.  
Chung lưng mở một ngôi hàng,  
Quanh năm buôn phẩn, bán hương đã lẽ.  
Đạo tìm khắp chợ thì quê,  
Giả danh hầu-hạ, dạy nghề ăn-chơi.  
Rủi, may, âu cũng sự trời,  
Đoạn-trường lại chọn mặt người vô-duyên ! (2)  
Xót nằng chút phẩn thuyền-quyên,  
Cành hoa đem bán vào thuyền lái-buôn.

---

(1) Bốn chữ này, theo các bản đã chú thời có hai nghĩa :  
1) mặt cura tức là cái lưới cura, có nhiều răng ; quả mướp  
đắng thời da sần-sờ như những gai, đều nom ra góm-  
ghiếc cả. — 2) Xưa có người lấy mặt cura (tức là cám cura)  
giả làm cám đem bán, lại gặp kẻ bán quả mướp đắng  
dại, hay lấy mướp đắng giả đưa chuội, đều phường giả-  
dối cả. Nghĩa sau thời viết là *mặt cura*. — Theo như nghĩa  
trước, có lẽ thông thường mà tưởng bạch hơn ; nhưng  
dù sao, cũng có thể nhận biết chỉ là nói những phường  
người áo-đề cả.

(2) Từ câu : « *Chẳng ngờ gã Mã-Giám-sinh* » đến chữ  
« ... *dạy nghề ăn chơi* », chỉ lấy hai chữ « *Chẳng ngờ* » mà  
đem tung-tích của bọn lâu xanh ở Lâm-chi tả chèn vào,  
rồi hai câu đây thời lại chuyển nói về việc Kiều. Văn-  
chương đến những chỗ như đây, thật đã tốn nhiều công  
khôn xếp.

Mẹo lừa đã mắc vào khuôn,  
 Sinh-nghi rẻ giá, nghinh-hôn sẵn ngày. (1)  
 Mừng thầm : « Cờ đã đến tay, (2)  
 « Càng nhìn vẻ ngọc, càng say khúc vàng ! (3)  
 « Đã nên quốc-sắc, thiên-hương. (4)  
 « Một cười này, hẵn nghìn vàng chẳng ngoa. (5)  
 « Về đây, nước trước bể hoa,  
 « Vương-tôn qui-khách, ắt là đua nhau.  
 « Hẳn ba trăm lạng kém đâu,  
 « Cũng đà vừa vốn, còn sau thì lời.  
 « Miếng ngon kè đến tận nơi,  
 « Vốn nhà cũng tiếc, của trời cũng tham.

---

(1) *Sinh-nghi* 聘儀 là đồ lễ cưới; *nginh-hôn* 迎婚 là đón dâu; *rẻ giá* là không còn thách-thức gì nữa; *sẵn ngày* là muốn ngày nào cũng được, không cần chọn ngày. Chỉ tám chữ tả ra cái đám cưới cô Kiều thật hay, mong rằng các người xem truyện không bỏ qua, mà càng nên nhận cái hay của tác-giả không chỉ ở những câu bóng-bầy.

(2) « Cờ đến tay ai, người ấy phát », là câu ngạn-ngữ.

(3) Vì chữ « *ngọc* » ở trên, cho nên đặt chữ *vàng*, chỉ là nói trong lòng nghĩ.

(4) *Quốc-sắc* 國色 là nhan sắc đẹp hơn cả nước; *thiên-hương* 天香 là hương trời, đã có ở câu « ... *gây cảnh thiên-hương* ».

(5) Câu này lấy bởi chữ 一笑千金 nhất tiểu thiên kim, một cái cười, đáng giá nghìn lạng vàng.

« Đào tiên đã bén tay phàm,  
« Thì vin cành quít, cho cam sự đời (1) !

(1) Câu này, một chữ « quít » thật khó giải nghĩa, cho nên các bản đều khác nhau ; xin lược dẫn các lời và riêng có xét-đoán : Trong bản của cụ Bùi-Khánh-Diễn dẫn thơ vịnh quít của Lương Văn-Đế hai câu rằng : 攀枝折縹幹. 甘旨若瓊漿 *Phan chi chiết phiêu cán, cam chỉ nhược quỳnh-trương*. (Vin cành quít, bẻ cành nhỏ, có quả ngon ngọt như nước ngọc quỳnh). — Trong bản của hai ông Bùi-Kỷ, Trần-trọng-Kim dẫn hai câu Tô-thì rằng : 老人遊戲如童子. 不折梅枝折橘枝. *Lão-nhân du hi như đồng-tử, bất chiết mai chi chiết quất chi*. (Người già chơi như trẻ con, không bẻ cành mai, lại bẻ cành quít). — Trong bản của ông Hồ-đắc-Hàm thời cho nghĩa chữ « quít » là « cụp xuống », nghĩa là « ... Vin cho cành đào quít xuống ». — Trong bản của ông Nguyễn-văn-Vĩnh thời không đề chữ quít mà đề là *tít* chắc ông vì chữ quít ngang nghĩa, cho nên bỏ đi, mà đề chữ *tít*, lấy nghĩa ở cành cao tít. — Cứ tôi xét về câu này thời chữ đó vẫn là chữ quít mà các lời chú giải dẫn trên, đều không phải là nguyên-ý của tác-giả. Khúc văn này, một câu trên sáu chữ « Đào tiên đã bén tay phàm », Tác-giả đã ấn-định là như ý ; hạ một văn *cam* ở câu dưới lại là đặc-ý lắm, vì văn này khó gieo mà được chữ *cam* đó thật là đậm-đà, trên dưới đều hài lòng. mà còn mấy chữ phần trên ở câu tám, theo thể văn chỉ có đặt « Thời vin cành đào » là xuôi nghĩa, mà chữ *đào* lại là tiếng bằng, không thể đặt được ; ngoài chữ *đào* ra, kiếm được một chữ khác đặt vào mà có thể giữ được giá-trị của câu, thật khó. Trong khi quăn-bách về một chữ, mà tại tiếc cái bóng-bầy của một câu, tác-giả mới đem chữ quít đặt tạm đó để thể nghĩa cho chữ *đào*, mà ở dưới ẩn đi với chữ *cam*, rất là có hứng-thú. Sự đặt tạm ấy rồi sau cũng không thể thay được, tác-giả đành cứ để luôn, nhất là hay, nhị là dở, phần nhận nghĩa phó mặc người xem văn. Văn-chương đến chỗ ấy, thật là ngang-tàng ; ngoài cụ Nguyễn-Du, ít người dám có chữ như thế. Nay ta đọc đến câu này, biết đó là chữ quít, mà cứ nhận nghĩa cho nó là chữ *đào*, ấy là trì-kỷ của tác-giả.

« Dưới trần mấy mặt làng chơi,  
 « Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa !  
 « Nước vỏ lựu, máu mào gà,  
 « Mượn màu chiều-tập lại là còn nguyên. (1)  
 « Mập-mờ đánh lận con đen (2),  
 « Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền, mất chi ?  
 « Mụ già hoặc có điều gì,  
 « Liều cộng mất một buổi qui mà thôi.  
 « Vả đây đường-sá xa-xôi,  
 « Mà ta bất động, (3) nữa người sinh nghi. »  
 Tiếc thay ! Một đóa trà-mi (4),  
 Con ong đã mở (5) đường đi, lối về !

---

(1) Vỏ cây thiêu-lựu sắc lấy nước, hòa với máu lấy ở mào con gà, dùng để rửa sau khi khách chơi thời lại được như mới. Ấy là một cách giả-dối của đám lầu xanh để lừa bọn du-khách.

(2) *Con đen* là nói những hạng khách chơi ngu ngốc ; *đen* nghĩa là đen đầu.

(3) *Bất động* 不動 nghĩa là chẳng động đến. Hai chữ này tầm-thường mà rất hay, nói cho ai cũng hiểu nghĩa mà không tục, lại là khẩu-khi của Mã với tình sự lúc ấy. — Hai câu đây là lời Mã Giám-Sinh kiểm lý.

(4) Hai chữ này, trong bản của ông Hồ-đắc-Hàm đề là *đồ-my* thực đúng chữ Hán hơn. Nay theo tiếng thường đã quen đọc, đề là trà. — Bao câu trên còn đương tả bụng nghĩ của Mã-Giám-Sinh, xuống hai chữ « *tiếc thay !* » nói luôn vào sự-thực, mạnh mà nhanh.

(5) Chữ này, có bản viết là *tỏ*, cũng hay.



Một cơn mưa gió nặng-nề,  
Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương (1).  
Đêm xuân một giấc mơ-màng,  
Đuốc hoa (2) đề đỏ, một nàng nằm trơ !  
Nổi riêng tầm-tã tuôn mưa,  
Phần cảm nổi khách, phần dơ nổi mình :  
« Tuồng chi là giống hời tanh,  
« Thân nghìn vàng (3) đề ô danh má hồng !  
« Thôi còn chi nữa mà mong,  
« Đời người thời thế là xong một đời ! »  
Giận duyên, tủi phận bời-bời,  
Cầm dao, nàng đã toan bài quyền sinh (4).  
Nghĩ đi, nghĩ lại một mình :  
« Một mình thì chớ, hai tình thì sao (5) ?

---

(1) Bối những chữ 憐香惜玉 *liên hương tích ngọc*.

(2) Đuốc hoa bởi chữ 花燭 *hoa chúc*, là cái đèn thấp trong đêm vợ chồng mới cùng nhau vào buồng. — Hai chữ « Đuốc hoa » là cảnh vui, đặt đi với sáu câu dưới, họa ra một cảnh rất sầu. — Chữ *một* trong câu đây, có nhiều bản đề là *mặc*, như thế e nôm quá mà thừa nghĩa.

(3) Hán văn có chữ 千金之軀 *thiên kim chi khu*, là cái thân đáng giá đến nghìn vàng.

(4) *Quyên sinh* 捐生 là bỏ sự sống, tức là nói tự tử.

(5) Nói là nghĩ đến hai thân.

« Sau dầu sinh sự, thế nào,  
 « Truy nguyên, (1) chẳng kéo lụy vào song-thần.  
 « Nỗi mình âu cũng giãn dần,  
 « Kịp chầy thôi cũng một lần mà thôi ! »  
 Những là, đo-đắn ngược xuôi,  
 Tiếng gà nghe đã gáy soi mái tường.  
 Lầu mai vừa rúc còi sương (2),  
 Mã-sinh giục-giã vợi-vàng ra đi.  
 Đoạn trường thay, lúc phân kỳ (3) !  
 Vó câu khấp-khênh, bánh xe gập-ghềnh.  
 Bề ngoài mười dặm tràng-dinh (4),  
 Vương-ông mở tiệc tiễn-hành đưa theo.  
 Ngoài thì chủ khách dập-diu,  
 Một nhà huyền vói một Kiêu ở trong.  
 Nhìn càng lã-chã giọt hồng (5),  
 Rỉ tai, nàng mới giải lòng thấp cao :  
 « Hồ sinh ra phận thu-đào,  
 « Công cha nghĩa mẹ kiếp nào trả xong ?

---

(1) *Truy nguyên* 追原 là tìm xét đến căn-nguyên, hai chữ này như riêng thuộc về chữ việc quan.

(2) Tiếng hiệu ở chỗ điểm canh.

(3) *Phân kỳ* 分歧 là chia đường, tức là kẻ ngược người xuôi.

(4) Đồi nhà Tần bên Tần, cứ mười dặm đường dài thời có một cái quán trạm, chữ Hán là 十里一亭 *thập lý trường đình*.

(5) *Giọt hồng* là nước mắt rất thắm-thiết, đỏ như máu.

« Lỡ-làng nước đục, bụi trong (1).  
« Trăm năm để một tấm lòng từ đây.  
« Xem gương trong bấy nhiêu ngày,  
« Thân con chẳng kéo mắc tay bợm già :  
« Khi về, bỏ vắng trong nhà,  
« Khi vào dùng-dắt, khi ra vội-vàng,  
« Khi ăn, khi nói lỡ-làng,  
« Khi thấy, khi tỏ, xem thường, xem khinh.  
« Khác màu kẻ quý, người thanh,  
« Ngấm ra cho kỹ, như linh con buồn.  
« Thôi con, còn nói chi con,  
« Sống nhờ đất khách, thác chôn quê người ! »  
Vương-bà nghe bấy nhiêu lời,  
Tiếng oan đã muốn vạch trời kêu lên.  
Vài tuần chưa cạn chén khuyên,  
Mái ngoài, nghỉ đã giục liền ruồi xe.  
Xót con, lòng nặng chề-chề,  
Trước yền ông đã năn-ni thấp cao :  
« Chút thân yếu liễu, thơ đào,  
« Rắp nhà đến nỗi mắc vào tôi người.

---

(1) Nước phải đục, bụi phải trong, cảnh-ngộ của người đời có nhiều khi ngang trái. Đây bởi chữ 水濁塵清 *thủy trọc trần thanh*.

« Từ đây góc bể bên trời,  
 « Nắng mưa thui-thủi quê người một thân.  
 « Nghìn tầm nhờ bóng tùng quân (1),  
 « Tuyết sương che-chở cho thân cát đẳng (2). »  
 Cạn lời, khách mới thưa rằng :  
 « Buộc chùn, thôi cũng xích-thăng nhiệm trao (3).  
 « Mai sau dầu đến thế nào,  
 « Kia gương nhật nguyệt, nọ dao quỷ thần ! » (4)  
 Đùng-đùng gió giục mây vần,  
 Một xe trong cõi hồng-trần (5) như bay.  
 Trông vời, gạt lệ chia tay,  
 Góc trời thăm-thẳm, đêm ngày dăm-dăm.  
 Nàng thì dậm khách xa-xăm,  
 Bạc phau cầu giá (6), đen rằm ngàn mây.

(1) *Tùng* 松 là cây thông, *quân* 筠 là cây tre to, là những cây có thể có nhiều bóng.

(2) *Cát đẳng* 葛藤 là những thứ dây mọc phải nhờ vào cây lớn mới lên được cao lớn.

(3) Chữ *xích-thăng*, nghĩa đã có ở trên. — Chữ *nhiệm* đây có bản chưa nghĩa là *sẵn*, có bản chưa là *màu-nhiệm*, có bản lại in là *nhuộm*, nghe đều chưa ra nghĩa sao.

(4) Câu này là lời thề.

(5) *Hồng trần* 紅塵 là bụi đỏ, tức là nói ở trên đường cái thiên-lý. — Dứt lời Mã-sinh, lại tả vào sự-thực, hai câu rất mạnh, khiến cho hết nỗi vương-vấn. Câu này nghĩ như cái xe ô-tô ngày nay mới phải, tác-giả thật quá là văn-chương.

(6) *Bạc phau cầu giá* là tả cảnh sang mùa rét, mà trên cầu giá (băng) đóng trắng phau. Song ngờ mùa thu làm gì đã có giá ? Cho nên trong bản của cụ Bùi-khánh-Diễn lại chưa là dùng điện cầu ô-thước, càng không thấy hợp nghĩa.

Vi-lô san-sát hơi may, (1)  
 Một trời thu để riêng say (2) một người.  
 Dặm khuya ngất tạnh, mù khơi (3),  
 Thấy trắng mà thẹn những lời non sông !  
 Rừng thu rõ biếc chen hồng,  
 Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn (4) !  
 Những là lạ nước, lạ non,  
 Lâm-tri (5) vừa một tháng tròn tới nơi.  
 Xe châu dừng bánh cửa ngoài,  
 Rèm trong đã thấy một người bước ra.  
 Thoát trông nhòn-nhọt màu da,  
 Ăn chi cao lớn, đẩy-đà làm sao ? (6)  
 Trước xe, loi-lả han chào.  
 Vâng lời, nàng mới bước vào tận nơi.  
 Bên thì mấy ả mây ngài ;  
 Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi ;  
 Giữa thì hương-án hắt-hoi,  
 Trên treo bức tượng trắng đôi lòng mây.

---

(1) Vi-lô 葦 簾 là lau sậy. Hơi may là hơi gió thu.

(2) Chữ này nhiều bản đề là ai, song e trong câu có hệt nghĩa.

(3) Tả cảnh đi đêm trông cảnh trời buồn-bã.

(4) Thần hôn 晨昏 là sớm, tối. Đạo con thờ bố mẹ, sớm tối thăm nom.

(5) Lâm-tri 臨淄 là tên huyện, đời nhà Minh thuộc phủ Thanh-châu, tỉnh Sơn-đông, nay thời thuộc đạo Giao-đông ở Sơn-Đông. Xưa từ đời nhà Chu, nước Tề đóng quốc-đô ở đó, cho nên có vẻ phồn-thịnh.

(6) Hai câu tả Tú-hà, đã mất nhiều công nghĩ.

Lầu xanh, quen lối xưa nay,  
 Nghề này thì lấy ông này tiên-sur. (1)  
 Hương hoa hôm sớm phụng thờ;  
 Cô nào xấu vía, có thừa mối hàng (2),  
 Cởi xiêm, trút áo sỡ-sàng,  
 Trước thần, sẽ nguyện mảnh hương làm-dầm.  
 Đổi hoa lột xuống chiếu nằm,  
 Bướm ong bay lại ăm-ăm tử vi! (3)  
 Kiều còn ngo-ngần biết gì,  
 Cứ lời, lay xuống, mụ thì khẩn ngay:  
 « Cửa hàng buôn bán cho may,  
 « Đêm đêm hàn-thực, ngày ngày nguyên-tiêu (4).  
 « Muôn nghìn người thấy cũng yêu,  
 « Xòn-xao anh yến, dập-diu trúc mai!  
 « Tin nhận vắn, lá thư bởi, (5)  
 « Đưa người cửa trước, rước người cửa sau! »

(1) Mấy câu nói được rất rõ, không phiền các nhà chú giải.

(2) Hai câu đây kém liên, vì câu tám chữ này phải ăn nghĩa xuống dưới.

(3) Mấy câu đây nói ả nào không được tốt khách, thôi cúng thần một cách như thế, rồi đổi hoa khác lấy cái hoa đã cúng đem lột xuống chiếu, sẽ được đông khách ngay.

(4) *Hàn thực* 寒食 là ngày tết cấm sự ăn có dùng đến lửa, vào khoảng tháng ba, trước tết thanh-minh hai ngày. Tục truyền xưa có ông Giới-tử Thôi là một người hiền-nhơn quân-tử mà bị chèt đốt oan ở trong rừng, cho nên người đời sau cấm thương, cứ đến ngày ấy thời không dùng đến lửa. *Nguyên tiêu* 元宵 là ngày tết rằm tháng giêng. Câu này ý nói là ngày đêm lúc nào cũng được như ngày hội, ngày tết.

(5) Nói các thư-tin của làng chơi đưa đến nhiều.

Lạ tai, nghe chữa biết đâu,  
 Xem tình ra cũng những màu dỏ-dang.  
 Lễ xong hương-hỏa gia-đường,  
 Tú-bà vắt-vẻo (1) lên giường ngồi ngay.  
 Dạy rằng: « Con lạy mẹ đây,  
 « Lay rồi, sang lay cậu mầy bên kia ».  
 Nàng rằng: « Phải bước lưu-ly,  
 « Phận hèn vâng đã cam bề tiều-tĩnh (2).  
 « Điều đâu lấy yển làm anh,  
 « Ngây thơ chẳng biết là danh phận gì ?  
 « Đủ điều nạp-thái vu-qui (3),  
 « Đã khi chung-chạ, lại khi đứng ngồi. (4)  
 « Giờ ra (5) thay bậc đổi ngôi,  
 « Dám xin gởi lại một lời cho mình ».  
 Mẹ nghe nàng nói hay tình,  
 Bấy giờ mới nổi tam bành (6) mẹ lên :  
 « Này này sự đã quả-nhiên,  
 « Thôi đà cướp sống chồng mình (7) đi rồi !

---

(1) Chữ này, nhiều bản viết là *nóc* : *vắt nóc* nghĩa là ngồi vắt chân nọ lên chân kia. Chữ đó, ở Bắc thật ít nói, cho nên để chữ *vẻo* cho được thông thương.

(2) *Tiều tĩnh* 小 靜 nghĩa đen là ngồi sao bé ; mà nguyên chữ ở kinh Thi thời là nói phận người tỳ-thiếp.

(3) Nghĩa đã có ở trên.

(4) Nói là đã ăn nằm với nhau.

(5) *Giờ ra* là Lạy giờ lại té ra...

(6) *Tam Bành* là ba vị hung-thần trong mình người, hay xui giục cho người ta giận dữ. Ấy là lời nói trong sách Phật.

(7) Chữ *mình* là tiếng Trung-kỳ, cũng như tiếng *ta* ở Bắc

« Bảo rằng: Đi dạo lấy người,  
 « Dem về rước khách kiếm lời mà ăn.  
 « Tuồng vô-nghĩa, ở bất-nhân,  
 « Buồn mình, trước đã tần-mần thử chơi.  
 « Màu hồ đã mất đi rồi,  
 « Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma!  
 « Con kia đã bán cho ta,  
 « Nhập gia (1) phải cứ phép nhà ta đây.  
 « Lão kia có giỏ bài-bây,  
 « Chẳng văng vào mặt, mà mày lại nghe!  
 « Cớ sao chịu trót một bề,  
 « Gái tơ mà đã ngửa nghề sớm sao!  
 « Phải làm cho biết phép tao!»  
 Chập bì-tiên (2), rập sấn vào ra tay.  
 Nàng rằng: «Trời thăm, đất dày!  
 « Thân này đã bỏ những ngày ra đi!  
 « Thôi thì thôi có tiếc gì!»  
 Sấn dao tay áo, tức thì giở ra.  
 Sợ gan, nát ngọc liềm hoa!  
 Mụ còn trông mặt, nàng đà quá tay.  
 Thương ôi, tài sắc bậc này,  
 Một dao oan-nghiệt, rút dây phong-trần.

---

(1) *Nhập gia* 入家 nghĩa là vào nhà, có bản đề luôn là vào nhà, cũng tiện.

(2) *Bì tiên* 皮鞭 là cái roi bằng da.



Nỗi oan vỡ lở xa gần,  
 Trong nhà người chật một lần như nê.  
 Nàng thì bấn-bặt giấc tiên,  
 Mụ thì cầm-cập, mặt nhìn hồn bay.  
 Vực nàng vào chốn hiên tây,  
 Cắt người coi-sóc, rước thầy thuốc-men.  
 Nào hay chưa hết trần-duyên,  
 Trong mê đường đã đứng bên một nàng (1).  
 Rỉ rằng : « Nhân quả (2) dở-dang,  
 « Đã toan trốn nợ đoạn-tràng được sao !  
 « Số còn nặng nghiệp má-đào,  
 « Người dù muốn quyết, (3) trời nào đã cho !  
 « Hãy xin hết kiếp liễu-bồ (4),  
 « Sông Tiền-đường sẽ hẹn-hò về sau. » (5)  
 Thuốc-thang suốt một ngày thâu,  
 Giấc mê nghe đã giàu-giàu vừa tan.

---

(1) Có bản đề là « Trong mê đã thấy Đạm-Tiên rõ-ràng », như thế cũng càng rõ.

(2) Rỉ là nói nhỏ. — Nhân 因 là cái phần làm ra. Quả 果 là cái phần được thế. Có nhân thì có quả. Dở-dang nghĩa là số kiếp còn chưa xong.

(3) Chữ này, các bản đều đề là quyết. Riêng tôi thường nghe có nhiều người kể truyện thường hay đọc là thác, xin phụ biên.

(4) Liễu bồ 柳蒲 là những cây mềm yếu, thường nói vì là phận gái.

(5) Đạm-Tiên là ma, mà là một vai hay nhất ở trong truyện.

Tú-bà chực sẵn bèn mản,  
 Lạ lời khuyên-giải mon-man gỡ dần :  
 « Một người dễ có mấy thân !  
 « Hoa xuân đương nhụy, ngày xuân còn dài.  
 « Cũng là lỡ một, lầm hai,  
 « Đá vàng chi nữa ép nài mưa mây (1) !  
 « Lỡ chùn (2) trót đã vào đây,  
 « Khóa buồng xuân, đề đợi ngày đào non (3).  
 « Người còn, thì của hỡi còn,  
 « Tìm nơi xứng-đáng làm con-cái nhà (4).  
 « Làm chi tội báo oan gia, (5)  
 « Thiệt mình, mà hại đến ta hay gì ? »  
 Kề tai mấy nỗi năn-ni,  
 Nàng nghe dường cũng thị phi rạch-ròi.

---

(1) *Đá vàng* là nói gan dạ. *Mưa mây* là nói sự tiếp khách.

(2) Hai chữ này, các bản đều như đây, mà cũng thường nghe có người kể đọc là *sa chon*.

(3) *Đào-non* bởi chữ 桃夭 *đào yếu*. Chữ trong kinh Thi, là nói thi lấy chồng. — Tám chữ này thật là ngọt lời; nếu việc đời quả thật như thế, thời Kiều không có truyện.

(4) *Làm con cái nhà* nghĩa là : làm dâu con nhà người là nơi xứng-đáng ấy. Chữ *làm*, có bản đề là *là*, e rằng sai.

(5) Theo lời chú trong bản của cụ Bùi-khách-Diễn thời bởi chữ 冤冤相報 *oan oan tương báo* của nhà Phật. Song cứ bốn chữ này, nghe đã gần ra tiếng nôm, như ta thường nói « *ác liao* ».

Vả trong thần-mộng mấy lời, (1)  
 Túc-nhân (2) âu cũng có trời ở trong. (3)  
 Kiếp này nợ trả chưa xong,  
 Làm chi thêm một nợ trông kiếp sau ! (4)  
 Lặng nghe, thắm-thía gót đầu (5),  
 Thưa rằng : « Ai có muốn đầu thế này.  
 « Được như lời thế là may,  
 « Hẳn rằng mai có như rày cho chẳng ?  
 « Sợ khi ong bướm đãi-đăng (6),  
 « Đến điều sống đục, sạo bằng thác trong ! »  
 Mụ rằng : « Con hãy thông-dong,  
 « Phải điều lòng lại đối lòng mà chơi !  
 « Mai sau ở chẳng như lời,  
 « Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi. » (7)

(1) *Thần mộng* 神夢 là mộng thấy quỷ thần báo, tức nói về lời Đạm-Tiên mấy câu trên đây.

(2) *Túc nhân* 夙因 là cái nhân-duyên có sẵn từ trước ; câu này tức là ý nói như có tiền-định.

(3) Trong một đoạn này dẫn việc Đạm-Tiên báo mộng, có hai cái hay : Một là đem việc Tiên-đường nói trước lên, cho đến sau có thực, tức là lối văn trong Tả-truyện hay làm ra trương-bản. Hai là vì có lời Đạm-Tiên khuyên bảo, cho nên Kiều không quyết quyền sinh ; chứ nếu không có cái thần-mộng ấy thời Thủy-Kiều chưa hẳn đã chịu sống ở lầu xanh. Chỗ đó là tác-giả khéo bênh-vực cái giá-trị cho người trong truyện của mình vậy.

(4) Câu này nhiều bản đề khác nhau. Các bản đề như đây thời chữ *trống* nghĩa là trống-chất lên. Lại cũng có những bản đề là « Làm chi thời cũng một chồng kiếp sau » thời lại nhận đi nghĩa khác.

(5) Hai chữ *thắm-thía*, có bản đề là *ngắm-nghĩ*.

(6) *Đãi-đăng* là bảo nhau túm đông lại. *Ong bướm đãi-đăng* cũng tức là *xôn-xao anh yến* mà nói ra nghĩa xấu.

(7) Câu thề, cũng như « *Kia gương nhật nguyệt...* »

Thấy lời quyết-đoán hẩn-hoi,  
 Đành lòng, nằng cũng sẽ nguôi-nguôi dần.  
 Trước lầu Ngưng-bích (1) khóa xuân,  
 Vẻ non xa, tấm trắng gần ở chung.  
 Bốn bề bát-ngát xa trông,  
 Cát vàng cồn nọ, (2) bụi hồng dặm kia.  
 Bẽ-bàng mây sớm đèn khuya,  
 Nửa tình, nửa cảnh, như chia tấm lòng.  
 Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,  
 Tin sương luống hã rày mong mai chờ.  
 Bên trời góc bể bơ-vơ,  
 Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.  
 Xót người tựa cửa hôm mai, (3)  
 Quạt nồng ấp lạnh (4), những ai đó giờ?  
 Sân Lai (5) cách mấy nắng mưa,

---

(1) *Ngưng-bích* 凝碧 tên cái lầu. Nghĩa đen là đọng lại cái sắc biếc.

(2) Những nơi liền biển, cát ở biển bị sóng đánh cồn lên, như những cái gò to mà dài, như thế là *cồn cát*. *Cồn cát* ấy có bóng tà-đương soi thời trông ra thật vàng. Kiều khi đó ở Lâm-Tri gần biển, cho nên tả cảnh trông thấy như vậy.

(3) *Tựa cửa* là bởi chữ 倚 門 *Ỡ môn*; bà mẹ Vương-tôn Giả thường tựa cửa mong con.

(4) Trời nồng nực thì quạt. trời rét lạnh thì ấp, là đạo con thờ phụng bố mẹ; bởi chữ 冬 溫 夏 凊 *đông ôn hạ sảng* trong kinh Lễ.

(5) Chữ *Lai* là ông *Lão-Lai* 老萊. Ông Lão-Lai thừa xưa tuổi đã già, mà thường mặc áo sặc-sỡ múa ở sân, cho được vui lòng cha mẹ.

Có khi gốc tử đã vừa người ôm (1).

Buồn trông cửa bể gần hôm,

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa-xa ?

Buồn trông ngọn nước mới xa ?

Hoa trôi man-mác biết là về đâu ?

Buồn trông nội cỏ dàu-dầu,

Churn mây mặt đất một màu xanh-xanh.

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh (2),

Ầm-ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi. (3)

Chung-quanh những nước non người,

Đau lòng lưu-lạc, nên vài bốn câu.

Ngâm-ngùi rủ bức rèm châu, (4)

Cách tường, nghe có tiếng đầu họa vắn.

Một chàng vừa trạc thanh-xuân,

Hình dong chải-chuốt, áo khăn dịu-dàng.

Nghĩ rằng cũng mạch thư-hương, (5)

Hỏi ra mới biết rằng chàng Sở-Khanh. (6)

(1) Chữ *tử* là cây 梓 *tử*. Cây dâu và cây tử, tay bố mẹ trồng ra, cho nên coi như thề bố mẹ, lấy chữ trong kinh Thi. — Hai đoạn đây mỗi đoạn một chữ *người*. Chữ *người* ở đoạn trên, nói chàng Kim. Chữ *người* ở đoạn dưới nói ông bà Viên-ngoại. Tám câu đây tức là diễn hai chữ « *nửa tình* » ở câu trên.

(2) Chữ này, có nhiều bản đề là *gành, ghềnh*.

(3) Những cảnh tả đây đều là ở lầu nom ra thấy. Tám câu này tức là diễn hai chữ « *nửa cảnh* » ở trên.

(4) *Rèm châu* là bức Rèm kết ngọc châu làm nèn, bởi chữ 珠簾 *châu liễn* ra.

(5) *Thư hương* 香 簪 là cái thơm của sách vở. *Mạch thư-hương* là nói con nhà học-trò.

(6) *Sở-Khanh* 楚 襄. Hai chữ này đánh là tên người, mà chữ *Sở* chưa hẳn có phải là họ ? vì ở các sách ít thấy có họ đó.

Bóng nga thấp-thoáng dưới màn, (1)  
 Trông nàng, chàng cũng ra tình đeo-dai (2).

« Than ôi ! sắc nước hương trời, (3)  
 « Tiếc cho đầu bông lạc-loài đến đây ?

« Giá đành trong nguyệt trên mây,  
 « Hoa sao, hoa khéo đọa-day bấy hoa ?

« Tức gan riêng giận trời già,  
 « Lòng này ai tỏ cho ta, hỡi lòng ?

« Thuyền-quyên (4) ví biết anh-hùng,  
 « Ra tay tháo cũi, xỏ lồng, như chơi ! »

Song thu (5) đã khép cánh ngoài,  
 Tai còn đồng vọng (6) mấy lời sắt đánh.

Nghĩ người thôi lại nghĩ mình,  
 Cảm lòng chua-xót, lạt tình chơ-vơ (7).

(1) Hai chữ « *bóng nga* » trong câu đây, ở bản của ông Hồ-đắc-Hàm cho là « *bóng nàng Kiều* » mà nhận chữ *nga* là nghĩa *lỡ-nga* ; ở bản của cụ Bùi-khánh-Diễn thời chưa là « *bóng cung giăng* » mà cũng nhận là bóng của Kiều. Theo tôi thiên-nghĩ *bóng nga* cứ là bóng trăng, cũng như ở trong câu « *một mình lặng ngắm bóng nga* », vì có cái bóng trăng thấp-thoáng ở dưới màn, cho nên trông thấy nàng Kiều ; chứ không cần giải là trở vào Kiều.

(2) Hai chữ « *deò-dai* », mấy bản đều chưa là *quyến-luyến*. Hai chữ này có lẽ là tiếng cổ, hiện nay thấy ít có nói đến.

(3) Tức là nghĩa chữ « *quốc sắc thiên hương* » đã có chưa ở trên.

(4) *Thuyền quyên* 嫏嬛 là người con gái đẹp thùy-mỹ.

(5) *Song thu* là cửa sổ buổi mùa thu.

(6) *Đồng vọng* là nghe thấy văng-vẳng. Hai chữ này như cũng là tiếng cổ, có ý trong mà xa.

(7) Như thấy có người thương đến mình, mà tự-nhiên khuấy bót nỗi buồn lưu-lạc.

Những là lần-lữa nắng mưa,  
 Kiếp phong-trần biết bao giờ là thôi? (1)  
 Đánh liều nhả một hai lời,  
 Nhờ tay tể-độ (2) vớt người trăm-luân. (3)  
 Mảnh tiên (4) kể hết xa gần,  
 Nổi nhà báo-đáp, nổi thân lạc-loài (5).  
 Tan sương vừa rạng ngày mai,  
 Tiệm hồng (6) nàng mới nhả lời gởi sang.  
 Trời tây lãng-đăng (7) bóng vàng,  
 Phục thư đã thấy tin chàng đến nơi.  
 Mở xem một bức tiên-mai (8),  
 Ranh-ranh « *lich-việt* » (9) có hai chữ đề.  
 Lấy trong ý-tử mà suy:  
 « Ngày hai mươi mốt, tuất thì (10) phải chăng? »

(1) Bởi một sự nghĩ đây, cho nên mới có sự « đánh liều » ở sau.

(2) *Tể-độ* 濟渡 là nghĩa cứu vớt.

(3) *Trăm luân* 沉淪 là nghĩa đắm-đuối.

(4) *Mảnh tiên* là mảnh giấy viết thơ.

(5) Câu này ý là tóm kể từ lúc ngộ-biến.

(6) *Tiệm hồng* là nhân tiệm cảnh chim hồng mà gửi thư. — Chữ *hồng* đây cũng tức như chữ *nhạn*. Hai chữ này lời đặt thực đẹp, duy đối với tình-sự lúc ấy, e chưa được minh-bạch. Thủy-Kiều trong lúc bấy giờ có thể cậy người đưa cho Sở-Khanh? hay chỉ là viết thư mà quăng liệng sang? Hai chữ « *phục thư* » ở câu dưới kia, cũng vậy.

(7) *Lãng-đăng* nghĩa cũng như lo-lửng, là ý thiên-di không-định. Có bản đề là *bằng-lãng*, cũng vậy.

(8) *Tiên mai* là tờ giấy viết thư có vẽ cảnh hoa mai.

(9) Hai chữ *lich-việt* 寄條, nôm ra nét thời là 寄一日走條, chép nhái: nhật lều tuất, nghĩa hiểu tắt là ngày 21 giờ tuất, ra đi.

(10) *Tuất thì* 戌時 tức là giờ tuất: từ 7 giờ đến 9 giờ buổi tối.

Chim hôm thoi-thót về rừng,  
Đóa trà-mi đã ngậm trăng nửa vành.  
Tường đông lay động bóng cành,  
Dây song, đã thấy Sở-Khanh lên vào.

Sượng-sùng đánh dạn ra chào,  
Lay thoi, nâng mới rỉ trao ân-cần.

Rằng : « Tôi bèo bọt chút thân,  
« Lạc đàn (1) mang lấy nợ-nần ền anh.

« Dám nhờ cốt nhục, tử sinh (2),  
« Còn nhiều kết cớ ngậm vành về sau ! » (3)

Lặng nghe lăm-nhằm gật đầu :  
« Ta đây nào phải ai đâu ? mà rằng !

(1) *Lạc đàn* là nói cảnh lìa cửa lìa nhà, như con chim lạc đàn. *Nợ-nần ền anh*, là nói mắc vào lầu xanh.

(2) Câu này nói sự mong ơn, như xương mà làm cho ra có thịt, chết mà làm cho sống lại được. Bốn chữ *cốt nhục tử sinh* 骨肉死生 có bởi ở những câu trong sách Hán, như *生既死而肉白骨*, *sinh kỳ tử nhi nhục bạch cốt* hay là *肉白骨而生死人* *nhục bạch-cốt nhi sinh tử-nhân*, đại-khai cùng nghĩa như vậy.

(3) Câu này nói sự biết ơn sẽ xin còn báo đáp về lâu, như những truyện *kết cớ, ngậm vành* vậy. — Xưa có chuyện Ngụy Thù nước Tấn đi đánh giặc, thấy như có ông già cứ quần cở vào chân giặc, vì thế mà mình thành ra được. Đêm về nằm mơ thấy có ông già báo mộng rằng : vì khi trước ông có ơn với người con gái của tôi, để cho được sống, vậy nay tôi báo ơn. — Lại một chuyện nữa là đưa trẻ con bắt được con chim non mà không làm chết, thả cho bay đi, sau lâu ngày thấy có con chim ngậm chiếc vòng vàng bay tới, đánh rơi xuống để cho biết sự sự trả nghĩa.



« Nàng đã biết đến ta chẳng,  
 « Bề trầm-luân, lấp cho bằng mới thôi ! » (1)  
 Nàng rằng: « Muôn đời ơn người,  
 « Thế nào ? xin quyết một bài cho xong. »  
 Rằng: « Ta có ngựa truy-phong (2),  
 « Có tên dưới-trướng, vốn dòng kiện-nhi (3).  
 « Thừa cơ (4) lên bước ra đi,  
 « Ba mươi sáu chước, chước gì là hơn (5).  
 « Dù khi gió kếp, mưa đơn,  
 « Có ta đây cũng chẳng cơn-cớ gì ! »  
 Nghe lời, nàng đã sinh nghi, (6)  
 Song đã quá đổi, quẩn giở được thân.  
 Cũng liều nhắm mắt, đưa chân,  
 Mà xem con Tào xoay vần đến đâu !

---

(1) Câu này tức ứng với câu « *nhờ tay lễ-độ vớt người trầm-luân* » ; nghe thật sang-trọng, như thế thời thật là « *anh-hùng* », mà đó mới thật là giọng Sở-Khanh.

(2) *Truy-phong* 追風 nghĩa là theo gió, là nói con ngựa nhanh.

(3) *Dưới trướng* bởi chữ 帳下 *trướng hạ*, kẻ đứng ở dưới màn, tức là những thằng hầu. — *Kiến nhi* 健兒 là thằng bé mạnh giỏi.

(4) *Thừa cơ* 乘機 là rình nhân cái cơ-hội có thể.

(5) Câu này, tức là theo ý của hai chữ « *tích việt* » đã định, mà trả lời câu « *Thế nào xin quyết...* ». Lời đây thì lấy ở chữ 三十六計 走为上策 *tam thập lục kế, tẩu vi thượng-sách*. Nghĩa là: trong ba mươi điều suy nghĩ, chỉ có chạy đi là hơn.

(6) Tức có ý ngờ vì nói quá.

Cùng nhau lên bước xuống lầu,  
Song-song ngựa trước, ngựa sau một đoàn.

Đêm thâu khắc vợi, canh tàn (1),  
Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương.

Lối mòn cỏ nhợt màu sương (2),  
Lòng quê (3) đi một bước đường, một đau.

Tiếng gà xao-xác gáy mau,  
Tiếng người đầu đã mái sau dậy-dàng (4).

Nàng càng thồn-thức gan vàng.  
Sở-Khanh đã giẽ dây cương lối nào !

Một mình khôn biết làm sao,  
Dậm rừng bước thấp bước cao hải-hùng.

---

(1) Câu này, chữ *vợi*, các bản đều đề chữ *lậu* là lầm ; mà chữ *thâu* thì có nhiều bản đề là *thu*. Song cứ theo văn thể và tôi có được nghe, thì chữ *thâu*, chữ *vợi*, chữ *tàn*, ba chữ cùng nghĩa mà có hơi khác, nghĩa là đêm càng thâu, khắc càng vợi, canh càng tàn. Câu đây và câu sau, thực là hai câu tả tình-cảnh rất hay, cho nên cần phải biện-bạch. Một chữ *trút* ở câu dưới, nghe cũng khác thường, đủ thấy chỗ dụng-công của tác giả.

(2) Tả cảnh con đường con ở trong rừng, nguyên không phải là đường cái chính, chỉ vì có người đi nhiều mà cỏ mòn lụi đi ; lại phần vì đêm có sương cho nên trông ra nhòn-nhọt màu sắc. Sáu chữ cũng rất công-phu.

(3) Kiều khi đó chỉ đi trong bước lưu-lạc, cho nên nói đến hai chữ « *lòng quê* », nghĩa là trong lòng thường động nhớ đến quê hương, cho càng thấy cái lưu-lạc là đau-đớn. Bốn câu này tả cái tình-cảnh Thúy-Kiều khi ấy, thiệt là lâm-ly.

(4) *Dậy-dàng* là nghe thấy lao-xao ồn-ào.

Hóa-nhi thiết có nữ lòng!  
Làm chi? giầy tía vò hồng lấm nau! (1)  
Một đoàn đồ đến trước sau,  
Vuốt đầu xuống đất, cánh đầu lên trời.  
Tú-bà tốc thẳng đến nơi,  
Hăm-hăm áp điệu một hơi lại nhà.  
Hung-hăng chẳng hỏi chẳng tra,  
Đang tay vùi liễu, dập hoa toi-bời. (2)  
Thịt da ai cũng là người,  
Lòng nào hồng rưng thắm rời chẳng đau.  
Hết lời thú phục, khăn cầu,  
Uốn lưng thịt đỏ, cắt đầu máu sa. (3)  
Rằng: «Tôi chút phận đàn-bà,  
« Nước non lia cửa lia nhà đến đây.  
« Bây giờ sống thác ở tay,  
« Thân này đã đến thế này thì thôi!  
« Nhưng tôi có sá chi tôi,  
« Phận tôi đành vậy, vốn người đề đâu?  
« Thân lươn bao quản lấm đầu,  
« Chút lòng trinh bạch từ sau cũng chừa (4)! »

---

(1) Đoạn này đương là văn tự-sự, mà thêm hai câu đây, đem lời vịnh-thán của tác-giả chèn vào, cho được thư hơi văn ra, ngắm thấy rất đậm-đà có vị. Như hai câu này, thấy ở trong các bản in có phản hồi đoạn, đem ngắt xuống đề làm đầu đoạn dưới, thực không còn gì là cái hay.

(2) Vì bắt được đương-trường có sự thực, cho nên hẳn tự đủ lẽ.

(3) Câu này lời văn hơi quá.

(4) Một là vì tự mình có lỗi, hay là bị trận đòn đau quá, cho nên lòng trinh bạch đến đó không thể lại giữ được nữa. Câu này thiết đau-đớn cho phần đông một số người gặp những cảnh éo-le.

Được lời mụ mới tùy cơ,  
 Bắt người bảo-lĩnh làm tờ cung-chiều. (1)  
 Bầy vai (2) có ả Mã-Kiều,  
 Xót nàng, ra mới đánh liều chịu đoan.  
 Mụ càng kễ nhặt, kễ khoan,  
 Gạn-gùng đến mực nòng-nàn mới tha.  
 Vực nàng vào nghỉ trong nhà,  
 Mã-Kiều lại ngỏ ý ra dặn lời:  
 « Thôi đã mắc lận thì thôi !  
 « Đi đâu chẳng biết con người Sở-Khanh ?  
 « Bạc tình nổi tiếng lâu xanh,  
 « Một tay chôn biết mấy cành phù-dung (3) !  
 « Đả-đao (4) lập sẵn chước dùng,  
 « Lạ gì một cốt, một đồng, xưa nay !  
 « Có ba mươi lạng trao tay,  
 « Không dung, chỉ có truyện này, trò kia (5) !

---

(1) *Bảo lĩnh* 保領, *Cung chiều* 供招 đều là chữ về việc quan, là ý nghĩa đoan nhận cả.

(2) *Bầy vai* là ngang hàng, cùng lứa. *Mã-Kiều* 馬嬌.

(3) Nói đã làm hại bao nhiêu người con gái.

(4) Chạy đề cho người ta đuổi, rồi quay dao lại đề chém, ấy là *đả đao kế* 拖刀計, là một mẹo lừa giặc.

(5) Tú-Bà thuê Sở-Khanh ba mươi lạng bạc, đề dùng kế trên này lừa Kiều, cho Thúy-Kiều hãm vào tội lỗi, rồi mới bắt ép được.

« Rồi ra trở mặt tức thì,  
« Bớt lời, liệu chớ sân-si, thiết đời (1) ! »  
Nàng rằng : « Thề-thốt (2) nặng lời,  
« Có đâu mà lại ra người hiểm sâu ! ».  
Còn đương suy trước, nghĩ sau,  
Mặt mo đã thấy ở đâu dẫn vào.  
Sở-Khanh lên tiếng rêu-rao ;  
Rằng : « Nghe mới có con nào ở đây.  
« Phao cho quuyến gió rủ mây,  
« Hãy xem có biết mặt này là ai ? »  
Nàng rằng : « Thôi thế thì thôi !  
« Rằng không, thì cũng vâng lời rằng không ! »  
Sở-Khanh quát mắng dùng-dùng.  
Bước vào, vừa rắp thị hùng (3) ra tay.  
Nàng rằng : « Trời nhẽ có hay !  
« Quuyến anh rủ yến, sự này tại ai ?  
« Đem người đẩy xuống giếng khơi.  
« Nói rồi, rồi lại ăn lời được ngay !  
« Còn tiên « *tích việt* » ở tay,  
« Rõ-ràng mặt ấy, mặt này chứ ai ? »

---

(1) Câu này ý là khuyên Kiều phải nén nổi tức giận, chớ thêm chuyện với kẻ đó, vô ích mà rồi có hại đến mình.

(2) *Thề-thốt* là thề nói. Tiếng *thốt* tức là nói, là tiếng thường ở Trung-kỳ mà ở Bắc ít dùng.

(3) *Thị hùng* 恃雄 là cậy mạnh mà hung-hăng, thái độ của kẻ tiểu-nhân vũ-phu bắt nạt người.

Lời ngay, đồng mặt trong ngoài,  
Kẻ chê bất-nghĩa, người cười vô-lương (1) !

Phụ-tình (2) án đã rõ-ràng,

Dơ tuồng, nghĩ mới kiếm đường tháo lui.

Buồng riêng, (3) riêng những sứt-sùi,  
Nghĩ thân mà lại ngậm-ngùi cho thân :

« Tiếc thay trong giá trắng ngần (4)

« Đến phong-trần, cũng phong-trần như ai !

« Tẻ, vui cũng một kiếp người,

« Hồng-nhan phải giống ở đời mãi ru ?

« Kiếp xưa đã vụng đường tu,

« Kiếp này chẳng kéo đèn bù mới xuôi !

(1) *Vô lương* 無良 là đồ không có lương-tâm, đồ bất thiện.

(2) *Phụ tình* 負情 là phụ bạc với tình.

(3) Bao các tình-sự lộn-xộn, các hạng người bất lương, đáng ghét đáng chán, không thể bỏ được mà phải viết đi cho rồi. Xuống một câu này, lại riêng là thân-thể tâm-sự của Kiều, mà cũng mới là cái bụng muốn viết văn của tác-giả. Hai chữ riêng trong câu đây rất có ý vị không hết ; câu này nên so với câu « *một mình nàng, ngọn đèn khuya* » cùng ngẫm coi.

(4) Chữ *ngần* đây, theo các bản chưa có khác nhau. Trong bản của cụ Bùi-khánh-Diễn dẫn câu cô thi : 清如氷雪, 白如銀. *Thanh như băng tuyết, bạch như ngân*. (Trong như băng tuyết, trắng như bạc). Trong bản của ông Hồ Đắc-Hàm chưa rằng : *Ngần* tức là chữ « *ngán* » là bạc, nói tấm lòng trinh-tiết trong như giá, trắng như bạc. Ấy cũng là một nghĩa. — Trong bản của hai ông Bùi Kỷ, Trần-trọng-Kim chưa rằng : Phương ngôn nói : *Trong như giá, trắng như ngần*. *Ngần* là con cá con, trắng như bột. — Chưa biết nghĩa nào phải hơn, nay xin đề cả.

« Dẫu sao bình đã vỡ rồi, (1)  
« Lấy thân mà trả nợ đời cho xong ! »  
Vừa tuần nguyệt sáng, gương trong,  
Tù-bà ghé lại thông-dong dặn-dò :  
« Nghề chơi cũng lắm công-phu,  
« Làng chơi ta phải biết cho đủ điều. »  
Nàng rằng : « Mưa gió dập-dìu,  
« Liễu thân, thì cũng phải liễu thế thôi ! »  
Mụ rằng : « Ai cũng như ai,  
« Người ta ai mất tiền hoài đến đây ?  
« Ở trong còn lắm điều hay,  
« Nồi dèm khếp mở, nồi ngày riêng chung.  
« Nay con thuộc lấy làm lòng,  
« Vành ngoài bảy chữ (2), vành trong tám nghề (3).  
« Chơi cho liễu chán hoa chè,  
« Cho lăn-lóc đá, cho mê-mẩn đời.  
« Khi khoe hạnh, khi nét ngài,  
« Khi ngâm-người nguyệt, khi cười-cợt hoa.

---

(1) Trong bản cụ Bùi-Khánh-Diễn dẫn nguyên-truyện, lời Kiều ở đoạn này rằng : 此身如瓶既破矣 *Thử thân như bình kỷ phá hỹ* « Thân này như cái bình đã vỡ rồi ». Nên xem thêm ở câu « Thôi còn chi nữa mà mong, đời người thôi thế là xong một đời ».

(2) Những cách làm giả-dối cho ra sự thương yêu, dề quỵến-luyến lòng khách.

(3) Những cách chiều chuộng chỗ chán gối, cho thỏa thích lòng khách.

«Đều là nghề nghiệp trong nhà,  
 «Đủ ngàn ấy nết, mới là người soi».  
 Gót đầu vàng dạy mấy lời,  
 Dường chau nét nguyệt, dường phai vẽ hồng.  
 Những nghe nói, đã thẹn-thùng,  
 Nước đời lắm nổi lạ-lùng khát-khe !  
 Xót mình cửa các, buồngh khuê,  
 Vỡ lòng, học lấy những nghề-nghệp hay !  
 Khéo là mặt dạn mày dày,  
 Kiếp người đã đến thế này thì thôi !  
 Thương thay thân phận lạc-loài,  
 Dẫu sao cũng ở tay người biết sao ?  
 Lầu xanh, mới rủ trướng đào, (1)  
 Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người.  
 Biết bao bướm lả ong lời,  
 Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm.  
 Dập-diu lá gió, cảnh chìm,  
 Sớm đưa Tống-Ngọc. tối tìm Trường-khanh (3).

---

(1) Từ câu này, lại mời tả vào sự thực.

(2) Bốn chữ này bởi hai câu thơ: 枝迎南花鳥, 葉送往來風 *chi nghinh nam bắc diều, diệp tống vãng lai phong*. Cảnh đón những con chim nam bắc, lá đưa những ngọn gió qua lại, là lời thơ của nàng Tiết-đào là một tay danh-kỹ trong lúc còn ít tuổi.

(3) Tống Ngọc 宋玉 Trường-khanh 襄陽 là hai người con trai tài-tình từ thuở xưa. — Trường-khanh tức là Từ-mã Tương-như, hai chữ này là tên tự.



Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,  
Giật mình, mình lại thương mình xót-xa.  
Khi sao phong gấm rủ là,  
Giờ sao tan-tác như hoa giữa đường !  
Mặt sao dày gió dạn sương !  
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân !  
Mặc người mưa Sở, mây Tần,  
Những mình, nào biết có xuân là gì.  
Đôi phen gió tựa, hoa kề,  
Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu.  
Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,  
Người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ !  
Đôi phen nét vẽ, câu thơ,  
Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa.  
Vui là vui gượng kẻo là (1),  
Ai tri-âm đó mặn-mà với ai ?  
Thờ-ơ gió trúc, mưa mai (2),  
Ngần-ngờ trăm nỗi, dùi mài một thân.  
Ôm lòng (3) đòi đoạn xa gần,  
Chẳng vò mà rối, chẳng dần mà đau !

---

(1) Chữ này có bản đề là *mà*.

(2) Gió cây trúc, mưa cảnh mai, là những cảnh đẹp đáng đề ý.

(3) *Ôm lòng* là ý đề nén cái lòng đi.

Nhờ ơn chín chữ cao sâu (1),  
 Một ngày một ngả bóng dàu tà-tà (2).  
 Dặm ngàn nước thăm, non xa,  
 Nghĩ đâu thân-phận con ra thế này!  
 Sân hòe (3) đôi chút thơ ngây,  
 Trăn cam, ai kẻ đỡ thay việc mình? (4)  
 Nhớ lời nguyện ước ba sinh,  
 Xa-xôi ai có biết tình chẳng ai?

---

(1) Chín chữ trong thơ Lục-nga ở kinh Thi, nói cái công khó-nhọc của cha mẹ đã sinh thành ra mình. Nguyên văn trong kinh Thi về chương ấy rằng: 父兮生我 phụ hề «sinh» ngã, 母兮鞠我 mẫu hề «cùc» ngã, 撫我畜我 «phủ» ngã, «súc» ngã, 晙我育我 «trưởng» ngã, «dục» ngã, 顧我復我 «cố» ngã, «phục» ngã, 出入彊我 xuất nhập «phúc» ngã, 欲報之德 dục báo chi đức, 昊天罔極 hiệu thiên vô窮 cực. (Cha thì sinh ra mình, mẹ thì nuôi lớn mình, rồi nuôi nấng cho khôn lớn, vớ-về, chăm-nom,... muốn báo đền cái ơn ấy, thời nghĩ ơn như trời không biết đâu là cùng.)

(2) Nói cha mẹ mỗi ngày già dần đi.

(3) Đồi Tống, Vương Hựu trồng ba cây Hòe 槐 ở sân, mà sau con làm đến Tam-công. Cho nên thường dùng chữ hòe mà nói là những người con hay. (Hòe có lẽ là cây bàng). —Đôi chút thơ ngây, ý nói Thúy-Vân và Vương Quan.

(4) Trăn cam 參甘 là những thức ăn ngon quí, nói vật phụng dưỡng của người con hiếu đối với bố mẹ. — Câu này trông lên hai chữ «thơ ngây» ở trên.

Khi về hỏi liễu Chương-đài (1),  
 Cảnh xuân đã bẻ cho người chuyên tay !  
 Tình sâu mong trả nghĩa dày,  
 Hoa kia đã chấp cảnh này cho chưa ? (2)  
 Mỗi tình đòi đoạn vô tơ,  
 Giấc hương-quan (3) luống mẩn-mơ canh dài.  
 Song sa vô võ phương trời,  
 Nay hoàng-hôn đã, lại mai hôn-hoàng (4) !  
 Lăn lăn thổ bạc ác vàng,  
 Xót người trong hội đoạn tràng đòi con !  
 Đã cho lấy chữ hồng-nhan,  
 Làm cho, cho hại, cho tàn, cho cân !

(1) *Chương-đài* 章臺 là tên một con đường, hay một cái phố trong kinh-đô Trường-an đời nhà Hán. Xưa về khoảng đời Đường có một chàng họ Hàn, chung tình với một nàng họ Liễu ở Trường-an, vì ở xa-cách, Hàn có thơ hỏi thăm Liễu rằng: 章臺柳, 章臺柳, 昔日青青今在否。縱使長條似舊垂, 也應攀折他人手。 *Chương-đài liễu, chương-đài liễu, tích nhật thanh thanh kim tại phủ. Tùng sử trường điều tựa cựu thủy, dĩ ưng phan chiết tha nhân thủ.* (Hỏi thăm cây liễu ở Chương-đài, ngày trước xanh như thế mà đến nay còn không? Dù cho cái cành dài vẫn buông rủ như cũ, song có lẽ đã vịn bẻ vào tay người khác rồi.) — Câu này là ý thương cho Kim-Trọng không lại được gặp mình nữa.

(2) Nghĩ về việc Thúy-Vân với Kim.

(3) *Hương-quan* 鄉關 là chỗ quê-hương. Nghĩa đen chữ *hương* là làng, *quan* là cái cổng lớn.

(4) *Hoàng-hôn* 黃昏 là lúc trời chiều tối, mà có ánh vàng; 昏黃 *hôn hoàng*, cũng nghĩa vậy. Vì có câu thơ 怕黃昏到又昏黃 *Phạ hoàng-hôn đáo, hựu hôn hoàng.* (Sợ buổi chiều nay đến lúc tối vàng, mà chiều mai lại thế).

Đã đầy vào kiếp phong-trần,  
 Sao cho sỉ-nhục một lần mới thôi ! (1)  
 Khách du bồng có một người,  
 Kỳ-Tâm họ Thúc, cũng nài thư-hương. (2)  
 Vốn người huyện Tích châu Thường, (3)  
 Theo nghiêm-đường mở ngôi hàng Lâm-tri. (4)  
 Hoa-khôi mộ tiếng Kiều-nhi, (5)  
 Thiếp hồng tìm đến hương-khuê gởi vào. (6)

(1) Hai câu trên, một chữ *đã*, năm chữ *cho*, đã thấy đồn-đá đầy nghiêng. Hai câu dưới, thêm một chữ *đã* và lại một chữ *cho* nữa, để nói cho thật hết không còn thừa chút nào. Cái đau-đớn của người trong truyện về một đoạn lâu xanh này, Tác-giả thực muốn có một phần chia buồn vậy.

(2) *Kỳ-Tâm* 其心 là tên. *Thúc* 東 là họ. *Thư-hương* nghĩa đã có ở trên. Cổ-thi có câu rằng 花香不及書香遠 *Hoa hương bất cập thư hương viễn*. (Cái thơm của hoa không bằng cái thơm của sách đi xa hơn.)

(3) Huyện *Vô-Tích* 無錫 thuộc đạo *Tô-Thường* 蘇常 là địa-hạt tỉnh Giang-tô nay. Đây nói «*châu Thường*», là tên từ đời nhà Tống đặt; Minh, Thanh đều theo, đến Dân-quốc bỏ.

(4) *Nghiêm-đường* 嚴堂 là tiếng nói về bố, vì đạo làm bố qui nghiêm. — Chữ *Lâm-tri* đã có chưa ở trên.

(5) *Hoa-khôi* 花魁 là đầu các hoa, nguyên chữ là nói hoa mai, vì hoa mai nở trước cả trăm hoa. Song đây chỉ là nghĩa mượn, nói người có nhan-sắc hơn cả trong đám chị em. — *Kiều-nhi* 翹兒 cũng như nói cô *Kiều*.

(6) *Thiếp hồng* là cái danh-thiếp đỏ. *Hương-khuê* là chỗ thơm.

Trưởng tô, giáp mặt hoa đào (1),  
Vẻ nào chẳng mặn, nét nào chẳng ưa.  
Hải-đường môn-mởn cảnh tơ,  
Ngày xuân càng gió, càng mưa, càng nồng !  
Nguyệt hoa, hoa nguyệt não-nùng,  
Đêm xuân ai dễ cầm lòng được chẳng !  
Lạ gì thanh khí lẽ hằng, (2)  
Một dây một buộc, ai dặng cho ra ?  
Sớm đào, tối mạn làn-la,  
Trước còn trăng gió, sau ra đá vàng.  
Dịp đầu may-mắn lạ dường !  
Lại vừa gặp quăng xuân-đường lại quê.  
Sinh càng một tỉnh, mười mê,  
Ngày xuân, lắm lúc đi về với xuân.  
Khi gió gác, khi trăng sân,  
Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nổi thơ ;

---

(1) Trưởng tô là cái màn có buồng rèm kết chỉ ngũ sắc, ở chữ Hán là 流蘇帳 *lưu-tô trường*. — Giáp mặt hoa đào là được trông thấy cô Kiều.

(2) Câu này lấy nghĩa ở chữ 同聲相應. 同氣相求, đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. (Cùng tiếng thời ứng với nhau, cùng khí thời tìm đến nhau.) — Lẽ hằng là lẽ thường như thế.

Khi hương sớm, khi trà trưa,  
 Bàn vây diêm nước, (1) đường tơ họa đàn.  
 Miệt-mải trong cuộc truy-hoan, (2)  
 Càng quen-thuộc nết, càng dan-diu tình.  
 Lạ cho cái sóng khuynh-thành,  
 Làm cho đồ quán, xiêu đình như chơi ! (3)  
 Thúc-sinh quen thói bốc trời, (4)  
 Trăm nghìn đồ một trận cười như không ! (5)  
 Mụ càng tỏ lục, chuốt hồng,  
 Máu tham hề thấy hơi đồng (6) thời mê.

---

(1) *Bàn vây* là bàn cờ vây. Ở chữ Hán, 圍棋 *vi kỳ* là đánh cờ vây; 棋局 *kỳ cục* là bàn cờ. Cách chơi cờ vây của Tàu có đã lâu, mà từ đời nhà Đường về sau, thời bàn cờ ngang dọc đều 19 đường, tất cả là 369 đường. Sự đánh cờ vây này, ở ta có lẽ ít người biết. — Hai chữ « *diêm nước* », nghĩa là tỉnh nước cờ đi.

(2) *Truy hoan* 追歡 là đua đuổi sự vui chơi.

(3) Bởi chữ *khuynh* 傾 ở câu trên, đặt xuống chữ đồ, chữ *xiêu*, thực có màu-nhiệm.

(4) Hai chữ này, các bản đều đề là *bốc ròi*, lấy nghĩa là bốc tiền ròi mà tiêu, chứ không thêm đếm, là tính hoang phí. E chữ đặt như thế thời hơi vụn nát, nghe không ra lời văn, Tác-giả liệu không như thế. Cho nên đây theo ở một bản chép chữ nôm, đề là *bốc trời*, đại-ý cũng chỉ là nói cái thói ngông... : thơ ông tú Xương có câu « *Lúc tung toan lên bán cả trời* », đó là ngông liều. « *Quen thói bốc trời* » đây thời là ngông hoang. Tóm lại, hai chữ này không dám quyết định, cũng xin hãy đề làm sự ngờ.

(5) Câu này lấy bởi chữ 千金買一笑 *thiên kim mại nhất tiếu* (nghìn vàng mua một cái cười).

(6) *Hơi đồng* là bởi chữ 銅臭 *đồng-xú*, tức là nói tiền.

Dưới trăng, quỳên đã gọi hè,  
 Đầu tường lửa lựu (1) lập-loè đâm bông.  
 Buồng the (2) phải buổi thông-dong,  
 Thang lan, rủ bức trường hồng tắm hoa (3).  
 Rõ màu (4) trong ngọc, trắng ngà,  
 Dày-dày sẵn đúc một tòa thiên-nhiên ! (5)  
 Sinh càng tỏ nét (6) càng khen,  
 Ngụ tình tay thảo một thiên luật Đường. (7)  
 Nàng rằng : « Vâng biết lòng chàng,  
 « Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu.

(1) Hoa lựu đỏ như lửa là cảnh mùa hạ. — Hai câu đây, xem lại với hai câu : « *Lần lặn ngày gió đêm trăng, thừa hồng rậm lục đã chùng xuân qua.* » đều là nói hết xuân sang hạ ; mà ngẫm từ hai câu trước kia đến hai câu đây, cái thời-gian của Kiều vừa là một năm, mà khi đó còn đương mới gần-bó với Kim-Trọng, nay đã miệt mài với Thúc-Sinh, lại trung-gian bao nhiêu những tình-sự đã qua, với Mã Giám-sinh, Sở-Khanh, cùng là các người khác. Đời người ngẫm ra thật đáng sợ ! Đời người con gái càng đáng sợ đến thế !

(2) Hai chữ « *buồng the* » đây, e lời văn chưa được sành.

(3) Câu này nói nấu nước thơm và buồng mản đề tắm. Những chữ « *thang lan* » « *tắm hoa* », lấy bởi câu trong Sở-từ : 浴蘭湯兮沐芳花 *Dục lan thang hề, mộc phương hoa.* (tắm bằng nước hoa lan mà gội bằng hoa thơm.) — Chữ *tắm* có bản đề là *tầm*.

(4) Hai chữ này có bản đề là *Rõ-ràng*, song mà chữ *màu* hơn.

(5) Hai câu này nói toàn thân cô Kiều trắng đẹp một cách thiên-nhiên. — Một câu dưới, ngẫm lời văn có vẻ tục, mà một chữ *tòa* thực ép.

(6) Chữ *nét*, có nhiều bản đề là *nết*, e *nết* thời là nghĩa của chữ 行 *hạnh*, như thế không phải chẳng ?

(7) *Luật Đường* là lối thơ theo luật đời nhà Đường, bảy chữ, tám câu, năm vần.

Hay, hèn lẽ cũng nổi điều, (1)

« Nổi quê nghĩ một hai điều ngang-ngang.

« Lòng còn gửi đám mây Hàng, (2)

« Họa vắn, xin hãy chịu chàng hôm nay ».

(1) *Điều* 貂 là con điều, loài chuột, lớn bằng con dái-cá, đuôi rất to, lông dài đến một tấc, sắc hoặc vàng, hoặc đen tía, sấn ở vùng hàn-đời gần Bắc-cực, trong núi rừng có nhiều, những người đi săn cừ trong khoảng trời tuyết theo dấu vết chân, sẽ là bắt được — Khoảng đời Hán các quan hầu trên mũ lấy lông con điều làm ngù. Cuối đời Tấn, trong nước loạn, quan-chức những lạm vô độ, mỗi buổi chiều, những người đội mũ lông điều nhiều quá. Cho nên trong đời ấy có câu ngạn-ngôn nói chế rằng : 貂不足. 狗尾續. *Điều bất túc, cẩu-vĩ tục* (Điều chàng đủ, nổi bằng đuôi chó). — Nhân sự-thề ấy đời sau phạm việc gì làm nổi theo người khác, thời lời tự nhún là 續貂 tục điều (nổi điều). — Hai chữ « nổi điều » trong câu đây, cũng là theo nghĩa ấy, ý nói mình dù dốt kém mà muốn nổi theo thơ hay.

(2) Chữ *Hàng* đây, là núi *Thái-Hàng* 太行. Xưa ông Địch Nhân-Kiệt là quan đời Đường, vì việc quan phải đi xa, trông thấy trên núi *Thái-Hàng* một đám mây trắng bay, than rằng : « nhà bố mẹ ta ở dưới đó ». Cho nên hai chữ « *mây Hàng* » đây là ý nói nhớ bố mẹ. — Hai chữ này có nhiều bản đề là *mây vàng*. Trong bản của ông Hồ Đắc-Hàm chưa rằng : « *Mây vàng*, lấy tích khi sinh vua Nghiêu có đám mây vàng phủ trên nóc nhà, đây chỉ nhà cha mẹ ». Trong bản của hai ông Bùi Kỳ, Trần Trọng Kim lấy ở câu cổ-thi : 天上黃雲影. 遊子何時歸. *Thiên-thượng hoàng-vân ảnh, du-tử hà thời quy*. (Trên trời có đám mây vàng, con đi bao giờ về), mà cũng chưa nghĩa là nhớ nhà. — Tóm lại, câu này chỉ là nói nhớ bố mẹ, cho nên dưới đây Thúc Sinh có câu « *cảnh kia chẳng phải cõi này mà ra ?* » nghĩa thực rất rõ. Nhân chưa đến câu này, tôi lại nhớ khi còn bé được nghe câu chuyện rằng : Đời vua Minh-Mạnh ta, năm có thi Hội, trước hôm treo bảng, đêm tối vua giả hình đi chơi dạo phố trong kinh-đô, nghe thấy trong nhà trọ một thầy thi-sinh nằm ngâm truyện *Kiều* : « *Lóng còn gửi đám mây vàng* ». Vua cho là dốt. Vậy mà người ấy đáng đã đỗ Tiến-sĩ, sau phải đánh xuống Phó-bảng. Kề cũng là một câu chuyện vui.



- Rằng : « Sao nói lạ-lùng thay !  
 « Cành kia chẳng phải cỗi này mà ra ? » (1)  
 Nàng càng ủ-dột thu-ba, (2)  
 Đoạn-trường lúc ấy nghĩ mà buồn-tênh !  
 « Thiếp như hoa đã lìa cành,  
 « Chàng như con bướm lượn vành mà chơi.  
 « Chúa xuân đành đã có nơi, (3)  
 « Ngẩn ngàng, thôi chớ dài lời làm chi ! » (4)  
 Sinh rằng : « Từ thuở tương-trì, (5)  
 « Tấm riêng, riêng những nặng vì nước non ;  
 « Trăm năm tính cuộc vuông tròn,  
 « Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông. » (6)  
 Nàng rằng : « Muôn đời ơn lòng,  
 « Chút e bên thú, bên tông dễ đâu. (7)

---

(1) Thúc Sinh vẫn tưởng Kiều là con của Tú-Bà đẻ ra. — Ta thường thấy trong đám binh khang nay, những cô ả con bà chủ, thời thái-độ lỏng-lẫy hơn các bạn tùy-theo phụ-thuộc, mà tư-chất thực cũng xem ra hơn nhiều, mới biết sự ngờ của Thúc Sinh cũng là phải.

(2) *Thu ba* 秋波 là sóng mùa thu, là nói con mắt.

(3) Câu này ý nói ở nhà chàng Thúc đã có vợ cả rồi.

(4) Câu này nghe rất thương, mà ngẫm ra thực thấy chỗ đau-đớn.

(5) *Tương-trì* 相知 nghĩa là biết nhau.

(6) Ý nói muốn lấy Kiều về, cho nên phải hỏi đến căn-kế. — Đoạn này uyển-truyền rất hay, lời không mấy mà tình-sự tả ra được nhiều.

(7) *Bên thú* 妻 là Thúc-sinh lấy vợ lẽ; *bên tông* 從 là Kiều bỏ chỗ lâu xanh theo đi lấy chồng. Hai bên cùng là có lẽ khó cả.

- « Bình-khang (1) nấn-ná bấy lâu,  
 « Yêu hoa, yêu được một mầu điểm-trang.  
 « Rồi ra nhạt phấn phai hương,  
 « Lòng kia giữ được thường-thường mãi chẳng ?  
 « Vả trong thềm quế cung trăng,  
 « Chủ-trương đành đã chị Hằng ở trong.  
 « Bấy lâu khăng-khít dải đồng, (2)  
 « Thêm người, người cũng chia lòng riêng-tây.  
 « Vẽ chi chút phận bèo mây,  
 « Làm cho bề ái khi đầy khi vơi.  
 « Trăm điều ngang ngửa vì tôi,  
 « Thân sau ai chịu tội trời ấy cho ?  
 « Như chàng có vững tay co,  
 « Mười phần cũng đắp-diểm cho một vài.  
 « Thế trong dù lớn hơn ngoài,  
 « Trước hàm sư-tử gởi người đằng-la. (3)

(1) *Bình khang* 平康 nguyên là tên một cái ngõ ở kinh-đô Trường-an, những gái chơi thường ở cả đó. Nhân thế, hai chữ này thành ra tiếng thường dùng để nói về xóm chị em làng chơi.

(2) *Dải đồng* là bởi chữ 同心 帶 *đồng-tâm dải*. (Giải đồng tâm). Trong khi vợ chồng mới định tình cùng nhau, lấy hai cái giải lụa buộc thắt nút vào với nhau thật chặt, cho tỏ nghĩa khăng-khít về lâu. Cho nên thường cùng gọi là 同心 結 *đồng-tâm kết* (cái nút đồng tâm). — Nói vợ chồng Thúc-Sinh bấy lâu yêu-đương âu-yếm nhau.

(3) *Sư-tử* 獅子 là con sư-tử, dữ tợn hơn hết trong loài thú. Xưa Trần-Tháo có vợ cả ghen, mỗi khi Tháo mời khách mà có đặt nữ-nhạc, vợ ở trong lấy gậy đập vào vách, quát mắng ghê-gớm. Khách đều phải bỏ hết. Vì vậy, đàn-bà ghen, người ta hay ví là «sư-tử». — *Đằng la* 藤蘿 là loài dây leo, ví phận vợ lẽ.

- « Cúi đầu luồn xuống mái nhà,  
 « Giẫm chua lại tội bằng ba lửa nòng! (1)  
 « Ở trên còn có nhà thung, (2)  
 « Lòng trên trông xuống biết lòng có thương ?  
 « Sá chi liễu ngõ hoa tường, (3)  
 « Lầu-xanh lại bỏ ra phường lầu-xanh !  
 « Lại càng dơ dáng đại hình,  
 « Đành thân-phận thiếp, ngại danh-giá chàng.  
 « Thương sao cho vẹn thi thương !  
 « Tính sao, cho trọn mọi đường thi vâng. »  
 Sinh rằng : « Hay nói đề chừng,  
 « Lòng đây, lòng đấy, chưa từng hay sao ?  
 « Đường xa chớ ngại Ngõ, Lào, (4)  
 « Trăm điều hãỷ cứ trông vào một ta.  
 « Đã gần, chi có điều xa,  
 « Đá vàng cũng quyết, phong ba cũng liều ! » (5)

(1) *Giẫm chua*, người ta thường ví với sự ghen. *Lửa nòng* thời là nói cái cảnh khổ ở lầu xanh. Song cũng chỉ biết vậy mà thôi, còn gốc tích của chữ như sao, nay chưa khảo được rõ.

(2) *Nhà thung* cũng tức như *nhà xuân*, là nói cha. Vì ở Hán-văn chữ 椿 *xuân*, chữ 椿 *thung* thực giống nhau, cho nên nhiều khi người ta thường đọc lẫn. Tác-giả trong câu đây, cũng là nhân hạ văn mà dùng.

(3) Cây liễu ở ngoài ngõ, cảnh hoa ở bên tường, ai nấy có thể vin hái, tức ví như hạng gái dễ chơi chung. Bốn chữ này cũng có bởi chữ 牆花巷柳 *tường hoa hạng liễu*.

(4) Nước Ngõ và nước Lào, tức là nói đường xa. — Theo ý ông Trúc-Khê thì chữ *ngại* trong câu đây phải là chữ *ngĩ*, ý nói đừng nghĩ viên vóng, chứ không phải là nói đường đất xa xôi, vì trên kia Kiều không hề tỏ ý ngại xa.

(5) Một đoạn tả lời Kiều trên đây, lẽ thật đần-đo, lời thật ủy-uề. Đến phần nói của Thúc-sinh thời chỉ có thể được như thế, thật không biết thế nào là hơn.

Cùng nhau căn-vận đến điều,  
 Chỉ non thề biển nặng gieo đến lời.  
 Ni-non đêm vẫn tỉnh dài,  
 Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngậm gương. (1)  
 Mượn điều trúc-viện thừa lương, (2)  
 Rước về hãy tạm giấu nàng một nơi.  
 Chiến, hòa (3) sắp sẵn hai bài,  
 Cậy tay thầy-thợ, mượn người dò-la. (4)  
 Bắn tin đến mặt Tú-bà,  
 Thua cơ, mục cũng cầu hòa dám sao.  
 Rõ-ràng của dẫn, tay trao,  
 Hoàn-lương một thiệp, thân vào cửa công. (5)

(1) Hai câu này tả cái tình-cảnh đêm hôm đó, thật được êm ái; ta xem lại với hai câu « *Đêm thâu, khắc vơi, canh tàn; gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương* », thời thấy cũng là cảnh đêm khuya trăng núi mà như thể lạnh-lùng ghê-gớm biết bao ! Ngọn bút của nhà văn, thật là một tay Hóa-công thứ hai vậy.

(2) *Trúc-viện* 竹院 là cái nhà chơi làm sơ-sài bằng tre, hoặc chung-quanh có trồng trúc. — *Thừa lương* 乘涼 là hóng mát, nghỉ chơi mát. *Mượn điều* là lấy cớ, lấy lẽ.

(3) *Chiến* 戰 là gây việc lôi thôi, dọa kiện Tú-bà vì lẽ lừa mua con nhà lương-thiện bắt làm đĩ. *Hòa* 和 là cách êm dịu, muốn trả tiền lại cho xong.

(4) *Cậy tay thầy thợ*, bốn chữ đó ăn vào chữ *chiến*; *mượn người dò-la*, bốn chữ đó ăn vào chữ *hòa*.

(5) *Hoàn lương* 還良 là lại trở về lương-thiện. Con gái nhà thanh-lâu bước ra khỏi, là *hoàn lương*. — *Thân* 申 là đem trình bạch, đem nộp giấy làm chứng.

- Công tư đôi lẽ đều xong, (1)  
 Gót tiên phút đã thoát vòng trần-ai. (2)  
 Một nhà xum-hợp trúc mai,  
 Càng sâu nghĩa bề, càng dài tình sông.  
 Hương càng đượm, lửa càng nồng,  
 Càng xói vẻ ngọc, càng lồng màu sen. (3)  
 Nửa năm hơi tiếng vừa quen, (4)  
 Sân ngô cảnh biếc đã chen lá vàng. (5)  
 Giậu thu vừa nẩy chồi sương, (6)  
 Cỏ yên (7) đã thấy xuân-đường tới nơi.

(1) *Công* là việc quan, *tư* là đối với mục Tú.

(2) Cô Kiều ra khỏi thanh-lâu.

(3) Xói là trông lộ lên. *Lồng* là thêm quang-cảnh. Câu này nói Kiều lúc ấy thêm đẹp ra, như thề một cô dâu mới vậy. — Kiều đến đây thật là có chồng, kể ra mới vào khoảng 16 tuổi, so với phần nhiều người khác cũng là sớm, mà thật là cái tuổi đào non. Vậy mà ta coi lại những cảnh-ngộ đã qua, tưởng như quá nửa đời người vậy. Tác-giả từ trước đến đây, kể cũng đã vì cô tốn công.

(4) Bởi chữ «quen hơi bén tiếng» thường nói.

(5) Cây ngô-đồng, cảnh lá đều biếc, cho nên gọi là 碧梧 *Bích ngô* (Lá vàng) là vì đã sang thu.

(6) Trong bản cụ Bùi-Khánh-Diễn dẫn lời một quyển sách, có chữ 霜柯霜條 *sương kha, sương điều*, là nói những cành cây về mùa thu.

(7) *Cỏ yên* nghĩa là mọi đến mà cỏ cái yên ngựa ra. Có bản đề là *gối yên*, vì ở chữ *yên*, chữ *cỏ* 草 và chữ *gối* 鞵 viết có hơi giống nhau. — Tiếng *cỏ*, nhiều người nói là *cỏi*.

Phong lời nổi trận (1) bời-bời,  
 Nặng lòng e-ấp (2), tính bài phân-chia.

Quyết ngay biện bạch một bề,  
 Dạy cho má phấn lại về lầu xanh.

Thấy lời nghiêm-huấn (3) rành-rành,  
 Đánh liều, sinh mới lấy tình nài kêu.

Rằng : « Con biết tội đã nhiều,  
 « Dầu rằng sấm sét, búa rìu cũng cam.

« Trót vì tay đã rúng chàm,  
 « Đại rồi, còn biết khôn làm sao đây !

« Cùng nhau vả tiếng một ngày,  
 « Ôm cầm, ai nỡ rút dây cho đành.

« Lượng trên quyết chẳng thương tình,  
 « Bạc đen (4), thôi có tiếc mình làm chi ! »

Thấy lời sắt đá tri-tri,  
 Sốt gan, ông mới cáo quì cửa công.

(1) Chữ này có bản đề là *giận*.

(2) Bốn chữ « *Nặng lòng e-ấp* » đây, nghĩa chưa được tường. — Trong bản của hai ông Bùi-Kỷ, Trần-Trọng-Kim giảng chữ « *e-ấp* » là *e-lệ, sợ-hãi*; cho nghĩa câu này rằng : « *nặng lòng e-ấp* » là nói Thúc-ông sợ về nỗi con đã có vợ rồi, mà lại chơi-bời, lấy người giang-hồ. Vậy ông mới tính bài bắt phải hổ ra. » Trong bản của ông Hồ-Đắc-Hàm giảng chữ « *e-ấp* » là *lóng-đóng, lới-thời*, cứ dủ dừ không nhất-định; cho nghĩa câu này là : « Đây nói nếu Thúc-ông cứ lóng-đóng để cho Thúc-Sinh say mê Thúy-Kiều, thời nặng-nề trong lòng lắm, cho nên tính bắt phải lia nhau ra. » Nay chưa biết ai phải, song mà đều chưa thấy mình thoát.

(3) *Nghiêm-huấn* 嚴訓 là lời dạy bảo nghiêm-nghị của bố.

(4) Hai chữ « *bạc đen* » chưa tường. — Có bản đề là *bạc diên*, giảng nghĩa chữ *bạc* là trảm mình, *diên* là thất cổ, không rõ căn-cứ đâu.

Đất bằng nổi sóng ùng-ùng (1),  
 Phủ-đường sai lá phiếu hồng thời tra. (2)  
 Cùng nhau theo gót sai-nha,  
 Song song vào trước sân hoa, lạy quì.  
 Trông lên mặt sắt (3) đen sì,  
 Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời :  
 « Gã kia đại nết chơi-bời,  
 « Mà con người thế (4) là người đong-đưa !  
 « Tuồng gì hoa thối hương thừa !  
 « Mượn màu son phấn đánh lừa con đen ! (5)  
 « Suy trong tình-trạng nguyên-đơn (6),  
 « Bề nào, thì cũng chưa yên bề nào.  
 « Phép công chiếu án luận vào,  
 « Có hai đường ấy, (7) muốn sao mặc mình :  
 « Một là cứ phép gia hình, (8)  
 « Một là lại cứ lầu-xanh phỏ về ! »

---

(1) Bối chữ 平地波濤 *bình-địa ba đảo*.

(2) *Phủ đường* 府堂 là dinh quan Phủ. *Thời tra* 催查 là dò hỏi. Hai chữ *phiếu hồng* tức là cái trát của quan, duy chữ *hồng* chưa được tuồng, ngờ là cái bài có sơn đỏ.

(3) *Mặt sắt* bởi chữ 鐵面 *thiết diện* trong sách Tống, nói về ông quan nghiêm-ngộ, minh quyết.

(4) Chữ *thế*, có nhiều bản đề là *ấy*.

(5) Bốn câu này thật nghiêm-ngộ đồng-dặc, quả ra lời một ông quan hiền-lương. Hai chữ « *con đen* » là nói thẳng dân ngu, đặt vào lời ông quan Phủ càng đắt lắm.

(6) *Nguyên-đơn* 原單 là đơn của bèn nguyên, của người đứng kiện.

(7) Chữ *ấy* đây, nghe hơi ngang.

(8) *Gia hình* 加刑 làm tội.

Nàng rằng : « Đã quyết một bề,  
 « Nhện này vương lấy tơ kia mấy lần !  
 « Đục, trong, thân cũng là thân,  
 « Yếu thơ vàng chịu trước sân loi đình. » (1)  
 Dạy rằng : « Cừ phép gia hình ! »  
 Ba cây chập lại một cành mẫu-đơn. (2)  
 Phận dành chi dám kêu oan,  
 Đào hoen-quên (3) má, liễu tan-tác mày !  
 Một sân lằm cát đã đầy,  
 Gương lờ nước thủy, mai gầy vóc sương.  
 Nghĩ tình chàng Thúc mà thương,  
 Nẻo xa trông thấy lòng càng xót-xa.  
 Khóc rằng : « Oan-khốc vì ta,  
 « Có nghe lời trước, chớ đà lụy sau.  
 « Cạn lòng chẳng biết nghĩ sâu,  
 « Đề ai trắng tủi hoa sầu vì ai ? »  
 Phủ-đường (4) nghe thoảng vào tai,  
 Động lòng, lại gạn đến lời riêng-lây.  
 Sút-sùi, chàng mới thưa ngay,  
 Đầu đuôi kể lại tự ngày cầu thân : (5)  
 « Nàng đã tính hết xa gần,  
 « Từ xưa nàng đã biết thân có rày !

(1) *Lôi đình* 雷霆 là sấm sét, nói cái oai của hình pháp.

(2) *Ba cây* bởi chữ 三 木 tam mộc trong sách Hán, là đồ gông cùm để làm hình-phạt. Nhân chữ « ba cây » cho nên dưới nói « một cành mẫu đơn » đề ví vào thân Kiều.

(3) Hai chữ này có bản đề là *nhân-nhiu*.

(4) Hai chữ « *Phủ-đường* » đây là nói quan Phủ.

(5) *Cầu thân* 求親 là cầu làm thân, tức là định lấy nhau.



« Tại tôi hăng lấy một tay,  
 « Đề nài cho đến nỗi này vì tôi ! »  
 Nghe lời nói cũng thương *lời*,  
 Đẹp uy, mới dạy mở bài giải *vi*. (1)  
 Rằng : « Như hân có thể thì  
 « Trắng hoa, song cũng thị phi biết điều ! »  
 Sinh rằng : « Chút phận bọt bèo,  
 « Theo đòi vả cũng ít *biều* bút *ngiên* ».   
 Cười rằng : « Đã thế thì nên !  
 « Mộc-già (2) hãy thử một thiên, trình *nghe*. »  
 Nàng vàng cất bút tay đề,  
 Tiên hoa (3) trình trước án phê, xem tường.  
 Khen rằng : Giá đáng Thịnh-Đường, (4)  
 « Tài này, sắc ấy, nghìn vàng chưa cân !  
 « Thực là tài-tử giai-nhân,  
 « Châu Trần, còn có Châu Trần nào hơn (5) ?  
 « Thôi đừng rước dữ *cuu* *hờn*, (6)  
 « Làm chi lỡ dịp cho *đờn* ngang cung !

(1) *Giải vi* 解圍 là cởi gỡ vòng vây, đây là ý nói tha cho được khỏi lòng-túng.

(2) *Mộc-già* 木 là cái gỗ. Câu này nói ra bài thơ « cái gỗ ».

(3) *Tiên hoa* là tờ giấy hoa-tiên. *Án phê* là chỗ bàn của quan ngồi cho chữ.

(4) *Thịnh-Đường* 盛唐 là đời nhà Đường trong lúc đương thịnh-trị. Thơ đời Đường vẫn đã là hay, mà trong lúc thịnh-trị hay hơn cả. — Trước đó gọi là *tho* 唐 sơ Đường và sau đó là *hối* 唐 vãn Đường, là nhà Đường lúc mới và nhà Đường lúc muộn.

(5) Ở châu Từ, về huyện Phong khi xưa có hai họ *Châu* 朱 và *Trần* 陳 thường đời đời làm dâu-gia với nhau, cho nên hai chữ này dùng để nói về sự lấy nhau tốt đời xứng-đáng.

(6) *Rước dữ cuu hờn* là mua rước lấy điều dữ mà *cuu* mang lấy sự hờn giận.

« Đã đưa đến trước cửa công,  
 « Ngoài thì là lý, song trong là tình.  
 « Dầu con trong đạo gia-đình,  
 « Thôi thì đẹp nổi bất bình là xong ! » (1)  
 Kíp truyền sắm sửa lễ công,  
 Kiệu hoa cất gió, đuốc hồng điểm sao.  
 Bày hàng cỗ xúy xôn-xao,  
 Song-song đưa tới trường đào sánh đôi (2).  
 Thương vì hạnh, trọng vì tài.  
 Thúc-ông thôi cũng đẹp lời phong-ba.  
 Huệ lan thơm nức một nhà, (3)  
 Từng cay-đắng, lại mặn-mà hơn xưa.  
 Mãng vui (4) rượu sớm trà trưa,  
 Đào đã phai thắm, sen vừa nảy xanh (5).  
 Trường hồ (6) vắng-vẻ đêm thanh,  
 E tình, nằng mới bày tình riêng chung :

(1) Mấy câu đây, nghe thật ra lời một vị quan « phụ mẫu ». Nếu trên việc chánh-trị của thế-giới đều được như thế cả, dầu quân-chủ không hại gì.

(2) Trở lên bốn câu đây, ngờ không đúng hợp với tình sự lúc đó. Như quan Phủ có rộng lượng thời tha cho đã là tốt ; không lẽ lại vì những kẻ bị kiện mà làm lễ cưới họ cho. Huống « Phủ-đường » đó, một ông quan « mặt sắt » đâu có « kíp truyền » nhảm như thế ? mà theo lẽ cũng không truyền cho nha-thuộc « sắm lễ » như thế được. Cho nên theo ngụ-ý riêng nghĩ, bốn câu này chỉ nên cắt bỏ ; chữ « xong » ở cuối câu hết lời quan Phủ, đổi là chữ xuôi, cho tiếp vần với chữ « tài », chữ « lời » dưới đây, như thế có lẽ là xong xuôi hơn.

(3) Huệ lan 蕙蘭 hai thứ hoa, mượn nói ý xum-hợp.

(4) Chữ mãnh đây, tức là nghĩa chữ mãnh.

(5) Nói đã hết xuân sang hạ.

(6) Hai chữ này, theo trong bản của cụ Bùi-Khánh-Điển chú dẫn rằng : « Cao-Khải nhà Minh bảo : phát giấy làm màn, vừa khỏi bụi cát, mùa rét lại vừa ấm. »

- « Phận bồ từ vẹn chữ tòng,  
 « Đồi thay nhận, yến đã hồng đầy niên (1).  
 « Tin nhà ngày một vắng tin,  
 « Mặn tình cát-lũy lạt tình tao-khang (2).  
 « Nghĩ ra, thật cũng nên đường,  
 « Tăm-hơi ai kẻ giữ-giàng cho ta ?  
 « Trộm nghe kẻ lớn trong nhà,  
 « Ở vào khuôn-phép, nói ra mối-dường.  
 « E thay những dạ phi-thường (3),  
 « Dễ dò rốn bề, khôn lường đáy sông (4) !  
 « Mà ta suốt một năm dòng,  
 « Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào.  
 « Bấy chầy chưa tỏ tiêu-hao,  
 « Hoạc là trong có làm sao chẳng là ?

(1) 雁秋來春去. 燕春來秋去. Nhận, thu lại, xuân khứ ; yến, xuân lai, thu khứ. Chim nhận, mùa thu đến, mùa xuân đi ; chim én, mùa xuân đến, mùa thu đi.

(2) Cát lũy 葛藟 tức là sắn bìm, loài dây leo, ví đạo phận người vợ lẽ. — Tao khang 糟糠 là bống, cám, cùng ăn bống ăn cám với nhau, là nghĩa người vợ cả lấy từ trong lúc hàn-vi. Hai chữ này nguyên ở lời của Tống-Hoảng đời nhà Hán. Vua Quang-Võ nhà Hán có người chị gái mới góa, là nàng Hồ-duyên công-chúa muốn gả cho Hoảng, mà Hoảng đã có vợ. Vua hỏi ý Hoảng. Hoảng thưa rằng : 糟糠之妻. 不可下堂 «tao khang chi thê, bất khả hạ đường». Nghĩa là : người vợ trong lúc bống, cám, không thể để cho xuống dưới thêm. Vua biết ý vậy, rồi thôi. — Chữ tình trong câu đây, các bản đều để như vậy, song ngờ là chữ nguyên thời mới hợp vận.

(3) Phi thường 非常 là chẳng phải hạng vừa.

(4) Câu này nói khó biết được bụng-dạ.

« Xin chàng kịp liệu lại nhà,  
 « Trước người đẹp ý, sau ta biết tình.  
 « Đêm ngày (1) giữ mực giấu quanh,  
 « Rày lần mai lửa như hình chưa thông ! »  
 Nghe lời khuyên nhủ thông-dong,  
 đành lòng sinh mới quyết lòng hồi trang (2).  
 Rạng ra (3) gửi đến xuân-đường,  
 Thúc-ông cũng vội giục chàng ninh gia. (4)  
 Tiến đưa một chén quan-hà (5).  
 Xuân-đình thoát đã dạo ra cao-đình (6).

(1) Hai chữ này, có bản đề là « vi-bằng ».

(2) Hồi trang 回裝 là xếp đồ đề về.

(3) Rạng ra, là sáng ngày ra.

(4) Ninh gia 寧家 là về thăm nhà.

(5) Quan hà 關河 là nói đường đi xa-xôi, cách trở. Riêng nghĩa của chữ quan là cửa ải, chữ hà là sông.

(6) Câu này, những chữ « Xuân-đình » và « cao-đình », cứ thiên-kiến chưa được rõ nghĩa lắm, chỉ hiểu đại-khái rằng : « xuân-đình » là chỗ còn hợp vui, « cao-đình » thời là chỗ thật chia-rẽ, còn nguyên chữ ở đầu chưa tường. Theo các bản chú giải đã in, xin được dẫn tường. để tiện độc-giả quan sát : Trong bản của hai ông Bùi Kỷ, Trần Trọng-Kim : « Cổ-thi : 亭相別處 cao-đình tương biệt xứ : chỗ biệt nhau ở cao-đình ». Trong bản của ông Hồ Đắc-Hàm : « Núi Cao-đình ở tại tỉnh Chiết-giang, phía đông-bắc huyện Hàng, chính là một chỗ người ta thường qua lại nghỉ chân và làm chỗ tiễn-biệt nhau ». Trong bản cụ Bùi Khánh-Diễn : « 唐戎煙詩. 好去春風湖上亭. Đường Nhung-Dục thi. Hảo khứ xuân-phong hồ thượng đình. Thơ người Nhung-Dục nhà Đường : nên đi hóng gió xuân ở đình trên hồ. — 唐賦. 亭舉兮木葉落. Đường-phú : đình cao hề mộc diệp lạc : chốn cao-đình kia lá xanh rụng. »

Sông Tần (1) một dải trong xanh,  
Loi-thoi bờ liễu mấy cành Dương-quan (2).

(1), (2) Hai chữ «sông Tần» trong câu đây, các bản hết thấy đều dẫn câu «遙望秦川 *dao vọng Tần xuyên*» ở bài ca Vị-tây. Theo ngu-kiến thời chữ «Tần» này không phải là Tần-xuyên mà là con sông Tần-Hoài 秦淮. Nguyên ở đất nước Tàu, con sông Tần-xuyên thời chảy ở mạn tỉnh Cam-túc; con sông Tần-Hoài thời chảy ở mạn tỉnh Giang-tô. Giang-tô tức là miền quê của Thúc-sinh, huyện Vô-tích thuộc tỉnh đó. Cho nên hai chữ «sông Tần» đây không phải là lời văn hư phiếm, chính là trở thực vào con đường đi của Thúc-sinh mà nói. Sáu chữ câu trên đây, với tám chữ câu dưới, lấy ý hai bài thơ mà tiếp nhau ở một chữ «liễu». Người đời xưa tiễn biệt, thường hay bẻ cành liễu để tặng nhau, cho nên trong các thơ tổng biệt, thường có nói đến liễu. Bài 淮上別友人 *Hoài thượng biệt hữu-nhân* (trên sông Hoài tiễn người bạn) của Trịnh-Cốc 鄭谷 rằng: 楊子江頭楊柳春. 楊花愁殺渡江人. 數聲風笛離亭晚. 君向瀟湘我向秦. «*Dương tử giang đầu dương-liễu xuân, dương-hoa sầu sát độ giang nhân. Sở thanh phong-dịch ly-dinh vân, quân hướng Tiều-Tưong, ngã hướng Tần*». Bài 送元二使安西 *Tống Nguyên-Nhị sứ An-tây* (Tiễn Nguyên Nhị đi sứ nước An-tây) của Vương Duy 王維 rằng: 渭城朝雨浥輕塵. 客舍青青柳色新. 勸君更盡一杯酒. 西出陽關無故人. «*Vị-thành triêu vũ ấp khinh-trần, khách-xá thanh thanh liễu sắc tân. Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu, tây xuất Dương-quan vô cố-nhân*». Bài thơ sau này, người đời sau trong khi tổng biệt, thường hay dùng đề hát, gọi là «ba dịp Dương-quan». Cùng bởi thế mà hai chữ «*Dương-quan*» mới có thể đặt vào trong câu đây, nghĩa nó nên nhận như hai chữ *biệt-ly* mà thôi. Chớ cứ thực thời Dương quan là một cái cửa ải ở biên-giới tỉnh Thiểm-tây, tức là hết địa-giới nước Tàu về mạn tây-bắc, với con sông Tần-hoài ở tỉnh Giang-tô là chỗ quê Thúc-sinh xa cách nhau lắm lắm. Cho nên hai câu văn của Tác-giả, «*rằng hay thời thật là hay*», mà cũng là một lối bất-nạt đời vậy. — Hai chữ «*trong xanh*», có nhiều bản để là *xanh xanh*, như thế thời không ăn nghĩa với chữ «*một dải*». Lại chữ «*loi-thoi*» là nói cành liễu dài ngắn không đều nhau; có bản để là *lời-thối*, đều là sai.

Cầm tay dài vẫn thở than,  
 Chia phối ngừng chén, hợp tan nghẹn lời.  
 Nàng rằng: « Non nước xa khơi,  
 « Sao cho trong ấm, thì ngoài nời êm.  
 « Dễ lòa yếm thắm, tròn kim (1),  
 « Làm chi bụng mắt bắt chim khó lòng.  
 « Đồi ta chút nghĩa đèo-bồng, (2)  
 « Đến nhà, trước liệu nói sông (3) cho mình.  
 « Dù khi sóng gió bất tình,  
 « Lớn ra uy lớn, tôi đành phận tôi.  
 « Hơn điều giấu ngược, giấu xuôi,  
 « Lại mang những việc tày trời đến sau.  
 « Thương nhau xin nhớ lời nhau,  
 « Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy!  
 « Chén đưa nhớ bữa hôm nay,  
 « Chén mừng xin đợi ngày (4) này năm sau.»

---

(1) Câu này, xin đề làm một sự chưa tường. Có nhiều bản dẫn lời tục-ngữ « *Dễ lòa yếm thắm, khó lòa được tròn kim.* » Chưa dám nhận nghĩa ra sao. Lại có bản đề là: « *Dễ mà bắt xằm xâu kim.* » E không phải lời văn của tác-giả. Đại để hai câu này, nghĩa tuy chưa được rõ, ý thời chỉ là nói: xử việc phải minh-bạch, không thể mập-mờ được, mà thôi. — Chữ *lòa dáy*, thường được nghe đọc là *lõe*; theo phần nhiều bản đã in, đề như nay.

(2) Hai chữ « *đèo-bồng* » có khi là tiếng cồng; trong bản của ông Hồ Đắc-Hàm chưa rằng: « ... là nói thương yêu quá sức, bận-bịu quẩn-quít lấy nhau. »

(3) Chữ « *nói sông* », trong bản của ông Hồ Đắc-Hàm chưa rằng « là nói thẳng, nói thật, nói suồng-sã ra cho rõ. »

(4) Chữ *ngày* đây, có nhiều bản đề là chữ *đêm*. Song trộm nghĩ là chữ *hôm*, có lẽ hơn.

Người lên ngựa, kẻ chia bào, (1) -  
 Rừng phong, thu đã nhuộm màu quan-san (2).  
 Dặm hồng bụi cuốn chinh-an (3),  
 Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.  
 Người về, chiếc bóng năm canh,  
 Kẻ đi, muôn dặm một mình xa-xôi.,  
 Vầng trăng ai sẽ làm đôi,  
 Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.  
 Kẻ chi những nỗi dọc đường,  
 Buồng trong. này nỗi (4) chủ-trương ở nhà :  
 Vốn dòng họ Hoạn danh-gia, (5)  
 Con quan Lại-bộ tên là Hoạn-thư. (6)

(1) Bào 袍 là vật áo.

(2) Phong 楓 là một thứ cây lớn mà lá nguyên rất xanh, vì nhuộm màu thu mà pha vàng, càng thêm nổi quan-san cách trở. — Chữ nhuộm, có bản đề là nhuộm, đi với chữ màu mất hay.

(3) Chinh-an 征鞍 Chinh là đi đường xa ; an là cái yên ngựa.

(4) Chữ nỗi đây, nghe chưa được yên. Vì phạm sự gì không tốt, mới gọi là nỗi ; chớ như Thúc-sinh lấy được Hoạn-thư, thật là một người vợ sang-trọng, không thể nào là nỗi được. Chỗ này tất phải có một chữ, mà cho được xứng hợp thật khó. Có bản đề là chữ dĩ, thời lại không có nghĩa lắm. Văn-chương khó ở một chữ, xem như câu này có thể thay ! Nếu « ngu » là tác-giả, thời chữ « nỗi » câu trên đặt là chữ sự, chữ « nỗi » câu đây đặt là chữ « kẻ », như thế cũng xong.

(5) Danh gia 名家 là nhà danh-giá.

(6) Lại-bộ 吏部 là bộ Lại. — Hoạn thư 宦 姐. Chữ Hoạn là họ, chữ thư là tiểu-thư, nghĩa là cô ; vậy hai chữ này không thật là tên riêng của một người.

Duyên dang sớm thuận gió đưa. (1)  
 Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày.  
 Ở ăn, thì nét cũng hay ;  
 Nói điều ràng buộc, thì tay cũng già (2).  
 Từ nghe vườn mới thêm hoa,  
 Miệng người đã lắm, tin nhà thì không,  
 Lửa tâm càng dập, càng nồng,  
 Trách người đen bạc, ra lòng trắng hoa :  
 « Vì bằng thú thật cùng ta,  
 « Cũng dong kẻ dưới, mới là lượng trên.  
 « Dại chi chẳng giữ lấy nền,  
 « Tốt gì mà rước tiếng ghen vào mình ?  
 « Lại còn bùng-bít giấu quanh,  
 « Làm chi những thói trẻ ranh nực cười !  
 « Tính rằng cách mặt khuất lời,  
 « Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho !  
 « Lo gì việc ấy mà lo,  
 « Kiến trong miệng chén lại bỏ đi đâu ?  
 « Làm cho nhìn chẳng được nhau,  
 « Làm cho dày-đọa cắt đầu chẳng lên !

---

(1) Câu này các bản đều dẫn câu thơ cổ : 時來風送陳王歸 時來風送陳王歸 thời lai phong tống Đằng vương các, nghĩa là lúc vận tốt thời gió đưa lại gác vua Đằng. Chưa dám biết có là phải.

(2) Hai câu này hợp lại, tức là cái đức-tình của một người dùng dần mà ráo-riết.



« Làm cho trông thấy nhõn-tiền, (1)  
 « Cho người thăm ván bán thuyền biết tay. » (2)  
 Nỗi lòng kín chẳng ai hay.  
 Ngoài tai để mặc gió bay mái ngoài.  
 Tuần sau bỗng thấy hai người,  
 Mách tin ý, cũng liệu bài tân công (3).  
 Tiều-thư nổi giận dùng dùng :  
 « Góm tay thêu dệt, ra lòng trên người !  
 « Chồng tao nào phải như ai, (4)  
 « Điều này hẳn miệng những người thị phi ! »  
 Vội-vàng xuống lệnh ra uy,  
 Đưa thì vả miệng, đưa thì bẻ răng.  
 Trong ngoài kín-mít như bưng.  
 Nào ai còn dám nói-năng một lời !  
 Buồng đào khuya sớm thanh-thời,  
 Ra vào một mực nói cười như không.

---

(1) *Nhõn tiền* 眼前 là ngay trước mắt.

(2) *Thăm ván bán thuyền*, bốn chữ này, có bản đề là *tham ván bán thuyền*, lại có bản đề là *buôn ván bán thuyền* chưa rõ ai phải ; song chỉ là một câu ngạn-ngữ nói nhân-tình bạc-bẽo, chuộng mới mà chán cũ vậy. — Một đoạn lời của Hoạn-thư đây, xem với một đoạn lời của Kiều ở trên, chính tương-hợp nhau ; ngang trái thời chỉ bởi Thúc-sinh ở giữa. Đàn bà như Hoạn-thư và Kiều, thật hai tay tài-tình khôn-ngoa, mà chồng là chàng Thúc. Cho nên có câu thơ rằng : « 好妻常伴拙夫眠 *hảo-thê thường bạn chuyết-phu miên* (Người vợ tốt thường làm bạn cùng anh chồng vụng mà ngu) thật đúng.

(3) Hai chữ « *lân công* » này, trong mấy bản nôm là 新功. Có bản lại đề là « *dáng công* » ; có bản là *lân công* 進功. Ý cũng như một, mà vì chữ *lân* khó giảng cho ra nghĩa, cho nên có sự khác nhau. (Riêng theo ý chúng tôi nghĩ là *Táng*. N.X.B.H.S.).

(4) Câu nói thật đồng-dục.

Đêm ngày lòng những giận lòng,  
 Sinh đà về đến lầu hồng, xuống yên. (1)  
 Lờ tan hợp, nổi hàn-huyên (2),  
 Chữ tình càng mặn, chữ duyên càng nồng.  
 Tầy trần (3) vui chén thông-dong,  
 Nổi lòng, ai ở trong lòng mà ra? (4)  
 Chàng về xem ý-tử nhà,  
 Sự mình cũng rấp lân-la giải bày.  
 Mấy phen cười nói tỉnh say,  
 Tóc-tơ bất động mảy may sự-tình.  
 Nghĩ đà bùng kín miệng bình (5),  
 Nào ai có khẩu, mà mình lại xưng? (6)  
 Những là e-ấp dùng-dằng,  
 Rút dây sợ nữa động rừng, lại thôi. (7)  
 Có khi vui chuyện mua cười,  
 Tiếu-thư lại giở những lời đầu đầu.

---

(1) Chữ «*đà*» trong câu đây, đi với chữ «*những*» ở câu trên, là một thể văn.

(2) *Hàn-huyên* 寒暄 là câu hỏi thăm. Nghĩa của chữ *hàn* là lạnh, chữ *huyên* là ấm; chẳng là ấm lạnh như sao, là ý hỏi thăm vì lâu ngày.

(3) *Tầy trần* 洗塵 là rửa bụi. Phạm việc công việc tư, đối với người đi xa về đến, hoặc đặt rượu, hoặc cho vật gì, gọi là «*tầy trần*». Nay ở Tàu còn tục ấy.

(4) Cứ bề ngoài như vậy, thời ai ở trong lòng ra mà biết được nổi lòng của ai như sao.

(5) Bởi chữ 守口如瓶 *thủ khẩu như bình* mà khiến nghĩa hơi khác.

(6) Như câu này, nghĩ cũng phải.

(7) Xem như mấy câu trên đây, các bạn trai nếu gặp cảnh này, chưa hẳn đã ai không như Thúc-sinh.

Rằng : « Trong ngọc đá vàng thau, (1)  
 « Mười phần ta đã tin nhau cả mười.  
 « Khen cho những miệng rông-rài,  
 « Bướm ong, lại đặt những lời nọ kia.  
 « Thiếp dù vụng chẳng hay suy,  
 « Đã dơ bụng nghĩ, lại bịa miệng cười. »  
 Thấy lời thủng-thỉnh như chơi,  
 Thuận lời, chàng cũng nói xuôi đỡ đòn (2).  
 Những là cười phẩn, cợt son,  
 Đèn khuya chung bóng, trăng tròn sánh vai.  
 Thú quê thuần hức (3) bén mùi,  
 Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô (4).

(1) *Ngọc hay đá, vàng hay thau*, là nói tin được hay không tin được. Cho nên xuống câu dưới nói ý « *tin nhau...* » — Phong dao có câu : *Thật vàng, chẳng phải thau đâu, đừng đem thử lửa cho đau lòng vàng* », có thể xem thêm cho rõ nghĩa.

(2) *Đỡ đòn*, theo bản của ông Hồ-đắc-Hàm, là nói làm cho qua việc đi.

(3) Xưa ông Trương-Hàn đời Tấn, đương làm quan ở kinh, liệu thấy chánh trị không ra gì, nhân cơn gió thu, nhớ thức ăn rau *thuần*, cá *lô* ở nơi quê hương là miền Ngô giang, nhân vậy bỏ quan mà về. Hai chữ *thuần hức* đây, tức là chữ 蓴鱸 *tuần lô* ra. Vì chữ *lô* tiếng bằg, cho nên đây đổi ra khác. Còn như chữ *hức* theo bản nôm là 鱸, tra ở Tự-diễn cũng là tên một thứ cá mà không nói rõ ra sao. Thứ cá *lô* thời mình trắng, có những cái đốm đen, miệng rộng, vây nhỏ, đầu to, vây ngạnh cứng, ở vào chỗ nước mặn nước nhạt giao-thông nhau, cứ cuối xuân thời theo dòng sông lên, đến thu thời vào bể; con nào lớn, dài đến hai thước. Người xưa có gọi nó là 鱸 *ngân-lô*, 玉花鱸 *ngọc hoa lô*, là một thứ cá quý vậy. Con cá *song* của ta, hoặc là loài đó chăng? — Đây muốn nói cảnh-vật mùa thu, mà Thúc-sinh lại là quê ở miền Giang-tô, cho nên hai chữ này mượn điển cũng đắt.

(4) Một vài lá *ngô-đồng* vàng rụng xuống giếng.

Trạnh niềm nhớ cảnh giang-hồ,  
 Một mầu quan tái (1) mấy mùa gió trắng.  
 Tình riêng chưa dám rĩ rã,  
 Tiểu-thư trước đã liệu chừng nhủ qua :  
 « Cách năm mây bạc (4) xa xa,  
 « Lâm-truy cũng phải tình mà thần-hôn (3). »  
 Được lời như cỏi tắc son,  
 Vô câu thẳng ruồi nước non quê người.  
 Long-lanh đáy nước in trời,  
 (Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.  
 Roi câu (4) vừa giống dặm trường,  
 Xe hương, nàng cũng thuận đường qui-ninh. (5)  
 Thừa nhà huyền hết mọi tình,  
 Nổi chàng ở bạc, nổi mình chịu đen.  
 Nghĩ rằng : « Ngựa ghê, hờn ghen,  
 « Xấu chàng, mà có ai khen chi mình !  
 « Vậy nên ngành mặt làm thính,  
 « Mưu cao vốn đã rắp-ranh những ngày.  
 « Lâm-truy đường bộ thàng chầy,  
 « Mà đường hải-đạo (6) sang ngay thì gần.

(1) *Quan tái* 關塞 hai chữ cũng nghĩa là cửa ải, ý nói chỗ đất khách phương xa.

(2) *Mây bạc* bởi chữ 白雲 *bạch-vân*, đã chua ở câu « lòng còn gửi đám mây Hàng ».

(3) *Thần hôn* 晨昏 đã có chua ở câu : *Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn*.

(4) *Roi câu* là roi ngựa. Chữ *câu* 駒 nghĩa là con ngựa nhỏ.

(5) *Xe hương* bởi chữ 香車 *hương xa*, là chữ lịch-sự nói cái xe của người đàn-bà đi. — *Qui ninh* 歸寧 là về thăm; chữ riêng của đàn-bà ở nhà chồng mà về thăm bố mẹ đẻ.

(6) *Hải đạo* 海道 là đường biển.

« Dọn thuyền lựa mặt gia-nhân, (1)  
 « Hãy đem dây xích (2) buộc chân nàng về.  
 « Làm cho : cho mệt, cho mê !  
 « Làm cho đau-đớn, é-chề, cho coi !  
 « Trước cho bỏ ghét những người,  
 « Sau cho để một trò cười về sau ! (3) »  
 Phu-nhân khen chước rất mầu,  
 Chiều con, mới dạy mặc dầu ra tay.  
 Sửa-sang buồm gió lèo mây,  
 Khuyển, Ưng, lại lựa một bầy côn-quang (4).  
 Dẫn-dò hết các mọi đường,  
 Thuận phong một lá vượt sang biển Tề. (5)  
 Nàng từ chiếc bóng song the,  
 Đường kia nổi nọ như chia mối sầu.

---

(1) *Gia nhân* 家人 là người nhà.

(2) Chữ *xích* này, có bản đề là *tói*, là *trói*, là *thăm*.

(3) Trở lên có bốn câu đây, mà dùng bao nhiêu chữ « *cho* », cho được tả hết cái bụng căm-hờn của ả Hoạn. Mấy câu đây, xem lại với các câu : « *Đã cho lấy chữ hồng-nhan ; làm cho cho hại cho tàn, cho ân ! Đã đẩy vào kiếp phong-trần, sáo cho sỉ-nhục một lần mới thôi !* » cùng là một giọng văn riêng của tác-giả, cái tài riêng về chữ « *cho* ».

(4) *Khuyển* 犬 là chó, đây có ý là chó săn : *Ưng* 鷹 là cón chim cắt, hay đánh các chim. Nguyên nghĩa của chữ như thế, cho nên dùng để đặt tên riêng cho những kẻ đầy-tở đắc lực. — *Côn quang* 棍杖, hai chữ này nghĩa là gậy gộc. Nhân thế người ta có nói « *Côn đồ* 棍徒 » là các kẻ vô-loại. *Một bầy* là một đàn một lũ.

(5) *Biển Tề* là phận biển thuộc đất nước Tề, tức là nói *Lâm-truy*, xem thêm ở lời chưa câu « *Lâm-truy vừa một tháng trôi tới nơi* ». Có bản đề là *bến Tề* thời vụn nghĩa quá.

Bóng dâu đã xế ngang đầu,  
 Biết đâu ấm lạnh biết đâu ngọt bùi (1).  
 Tóc thề đã chấm ngang vai,  
 Nào lời non-nước, nào lời sắt-son ? (2)  
 Sấn bìm (3) chút phận con-con,  
 Khuôn duyên biết có vuông tròn cho chẳng ?  
 Thân sao nhiều nổi bất bằng ?  
 Liễu như cung Quảng ả Hằng (4) nghĩ nao !  
 Đêm thu gió lọt song đào,  
 Nửa vầng trăng khuyết ba sao giữa trời (5).  
 Nén hương đến trước Phật-dài (6),  
 Nổi lòng khẩn chữa cạn lời vắn vắn...  
 Dưới hoa dậy lũ ác-nhân, (7)  
 Ầm-ầm khốc quỷ kinh thần (8) mọc ra !  
 Đầy sân gươm tuốt sáng lòe,  
 Thất kinh, nằng chữa biết là làm sao.

---

(1) Hai câu đây, nói Kiều tưởng nhớ bố mẹ.

(2) Hai câu đây nói Kiều tưởng nhớ Kim-Trọng.

(3) *Sấn bìm* tức là nghĩa của chữ « *cát đẳng* » « *cát lữ* », đã có chua ở trên. — Hai câu đây là nói Kiều tưởng-nghĩ về cái cảnh hiện-tại.

(4) *Cung Quảng-hàn* 廣寒. *Ả Hằng-nga* 恒娥. — *Nghĩ nao*, có bản đề là chữ *sao*, cũng đều là ý đánh vầy.

(5) Câu đây với câu trên, chỉ là tả cái cảnh đêm thu hiu-quạnh, mà riêng tám chữ này lại nhận thấy cái vẻ buồn-bã đáng ghê sợ. — Có bản dẫn chừng bốn chữ dưới là lấy ở chữ 三星在天 *tam tinh tại thiên* trong kinh Thi.

(6) *Phật dài* 佛臺 là chỗ thờ Phật.

(7) *Ác nhân* 惡人 là hạng bất-thiện.

(8) *Khốc quỷ kinh thần* 哭鬼驚神 là quỷ thần cũng phải ghê sợ.

Thuốc mê đầu đã tưới vào,  
 Mơ-màng như giấc chiêm-bao biết gì !  
 Vực ngay lên ngựa tức thì,  
 Phòng đào, viện sách, bốn bề lửa giông ;  
 Sẵn thấy vô-chủ bên sông,  
 Đem vào để đó, lặn sông ai hay (1).  
 Tòì-đòi phách lạc hồn bay,  
 Pha cản bụi cỏ gốc cây ần mình.  
 Thúc-ông nhà cũng gần quanh,  
 Chợt trông ngọn lửa, thất-kinh rụng-rời.  
 Tờ thầy chạy thẳng đến nơi,  
 Tơi-bời tưới lửa, tìm người lao-xao.  
 Gió cao, ngọn lửa càng cao,  
 Tòì-đòi tìm đủ, nàng nào thấy đâu !  
 Hót-hơ hót-hải nhìn nhau,  
 Giếng sâu bụi rậm trước sau tìm quàng.  
 Chạy vào chốn cũ phòng hương,  
 Trong tro thấy một đồng xương cháy tàn.  
 Tình ngay ai biết mưu gian,  
 Hẩn nàng thôi lại có bàn rằng ai !  
 Thúc-ông sùi-sụt vẫn dài,  
 Nghĩ con vắng-vẽ, thương người nết-na.  
 Di-hải (2) nhật sắp về nhà.  
 Nào là khâm-liệm, nào là tang trai (3).

(1) Một đoạn này, nghĩ về sự thực lúc ấy, kể cũng là một việc rất lạ ! Vì một chuyện ghen mà thành ra một đám cướp, bắt người, đốt nhà, thiên-cổ thực chưa từng thấy. Thật là « *máu ghen đầu có lạ đời nhà ghen !* »

(2) Di-hải 遺骸 là cái hài-cốt còn sót lại.

(3) Tang trai 喪妻 là làm ma, làm chay.

Lễ thường đã đủ một hai.  
 Lục-trình (1) chàng cũng đến nơi bấy giờ.  
 Bước vào chốn cũ lâu thơ,  
 Tro than một đống, nắng mưa bốn tường.  
 Sang nhà cha, tới trung-đường! (2)  
 Linh-sàng, bài-vị, (3) thờ nàng ở trên.  
 Hỡi ôi! nói hết sự-duyên, (4)  
 Tơ tình đứt ruột, lửa phiền cháy gan!  
 Gieo mình vật-vã khóc than:  
 « Con người thế ấy, thác oan thế này!  
 « Chắc rằng mai trúc lại vầy,  
 « Ai hay vĩnh-quyết là ngày đưa nhau (5).  
 « Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau,  
 « Để ai rắp thăm quạt sâu cho khuây (6).

---

(1) *Lục trình* 陸程 là đường bộ.

(2) *Trung đường* 中堂 là gian giữa nhà.

(3) *Linh sàng* 靈床 là cái giường thờ. *Bài vị* 牌位 là cái miếng gỗ viết tên người đã khuất, để thờ.

(4) *Sự duyên* 事緣 là duyên-do cái việc ấy. Câu này là nói Thúc ông kể chuyện đã qua cho Thúc sinh nghe.

(5) *Vĩnh quyết* 永訣 cũng như *vĩnh biệt*, là từ-giã hẳn nhau lâu dài. — Nghĩa chữ *quyết* là sắp biệt nhau lâu mà có lời dặn tức như dặn bảo kẻ chết cũng là *quyết*. — Câu này nghe thấy thảm thiết, quả như có sự-thực. Trong nghề văn, không những dối người, mà nhiều khi dối cả mình, nếu không thế thì không hay.

(6) Hai câu đây, một bản khác đề là :

*Kề bao xiết nỗi thăm sâu,*

*Đoạn-trường ai có qua cầu mới hay.*



Gần miền nghe có một thầy,  
 Phi phù tri-quỉ, cao tay thông huyền. (1)  
 Trên tam đảo, dưới cửu tuyền (2),  
 Tìm đâu thì cũng biết tin rõ-ràng.  
 Sấm-sanh lẽ vật rước sang,  
 Xin tìm cho thấy mặt nàng hoi-han.  
 Đạo-nhân phục trước tĩnh-đàn, (3)  
 Xuất thần giây phút chưa tàn nén hương.  
 Trở về mình bạch nói tường:  
 « Mặt nàng chẳng thấy, việc nàng đã tra:  
 « Người này nặng nghiệp oan-gia,  
 « Còn nhiều nợ lăm, sao đã thác cho?  
 « Mệnh-cung (4) đang mắc nạn to,  
 « Một năm nữa mới thăm dò được tin.  
 « Hai bên giáp niệt chiến-chiến, (5)  
 « Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn, lạ thay!» (6)

---

(1) *Phi phù* 飛符 là đốt cái bùa thổi tàn cho bay đi. *Tri quỉ* 致鬼 là làm cho ma đến được. *Thông huyền* là thông đến được chỗ huyền-bí.

(2) *Tam đảo* 三島 là ba chỗ cù-lao của người tiên ở, là *Bồng lai* 蓬萊, *Phượng trượng* 方丈 và *Doanh châu* 瀛洲. — *Cửu tuyền* 九泉 là chín suối, tức là âm-phủ.

(3) *Đạo nhân* 道人 cũng như nói đạo-sĩ, là kẻ học về môn phù-thủy. *Tĩnh đàn* 淨壇 là bàn thờ cúng để làm phép.

(4) *Mệnh-cung* 命宮 là cái cung vận-mệnh, lời của nhà tinh số.

(5) *Chiến chiến* cũng như nói rành-rành, mà có ý là đối nhau. Một bản khác đề là « *nhieu phen* », cũng thông mà rõ nghĩa.

(6) Hai chữ « *lạ thay* » thật đắt nghĩa.

Nghe lời nói lạ đường này,  
 Sự nàng đã thế, lời thầy dám tin.  
 Chẳng qua đồng cốt quàng-xiên,  
 Người dẫu ? mà lại thấy trên cõi trần !

Tiểu hoa, những ngậm-ngùi xuân,  
 Thân này để lại mấy lần gặp tiên !  
 Đành rằng nàng đã cứu-nguyên, (1)  
 Hay dẫu địa-ngục ở miền nhân-gian ! (2)

Khuyển, Ưng đã dắt mưu gian,  
 Vực nàng đưa xuống để an dưới thuyền.

Buồm cao, lèo thẳng cánh xuyền (3),  
 Đè chừng huyện Tích, băng miền vượt sang.

Giã đồ, lên trước sảnh-đường, (4)  
 Khuyển, Ưng, hai đứa nộp nàng dâng công.  
 Vực nàng tạm xuống môn-phòng,  
 Hãy còn thiêm-thiếp giấc nồng chưa phai.

(1) *Cửu nguyên* 九原 là nói nơi âm-phủ. Hai chữ này vốn là một tên đất của nước Tấn khi xưa, các quan Khanh, Đại-phu thường đều có mả chôn ở đó, cho nên sau thành ra tiếng chung, cũng như chữ « bình khang » chỉ nói các nơi kỹ-quán vậy.

(2) *Địa ngục* 地獄 là cái ngục ở dưới âm-phủ, *nhân gian* 人間 là cõi đời người. Địa-ngục mà ở miền nhân-gian, thật không ngờ dẫu như thế. — Câu này vừa là chuyện, vừa tả thực, thật hay.

(3) Chữ này, các bản đều chưa tức chữ 遶 là đi mau, quả như vậy thời có hơi ép. Cho nên trong một bản khác đổi là *cánh tiên*, lại không đặt nghĩa vào chỗ đây. Tóm lại là vì văn « *thuyền* » ở trên thực khó tiếp.

(4) *Sảnh đường* 廳堂 là chỗ dinh thự, nhà quan.

Hoàng-lương (1) chột tỉnh hồn mai,  
Cửa nhà đầu tá, lâu-đài nào đây ?

Bàng-hoàng (2) dở tỉnh dở say,  
Sảnh-đường mắng tiếng, đòi ngay lên lầu.

Ả-hoàn (3) lên xuống giục mau,  
Hải-hùng nàng mới theo sau mọi người.

Ngẩng trông tòa rộng dãy dài,  
« Thiên-quan-chủng-tể », (4) có bài treo trên.

Ban ngày, sắp thấp hai bên,  
Giữa giường thất-bảo (5) ngồi trên một bà. (6)

(1) *Hoàng-lương* 黃梁 là nói một giấc ngủ mê. — Nguyên hai chữ này chính nghĩa là *hạt kê vàng*. Xưa có anh chàng thương mại tưởng sự phú quý, sau bị kẻ đạo-sĩ lấy thuật cho nằm mê thấy được mấy mươi năm như nguyên, lúc tỉnh dậy mà nồi kê của nhà hàng đương nấu còn chưa chín. — Hai chữ « *hồn mai* », trong mấy bản cùng dẫn điển một anh chàng gặp người con gái cho uống rượu say ở trong rừng, lúc tỉnh dậy thời thấy mình nằm ở dưới gốc cây mai.

(2) *Bàng-hoàng* 徬徨 tức là ý bâng-khuâng, đáng ngủ dậy chưa hiểu rõ gì.

(3) *Ả-hoàn* 阿蠻 là con hầu, con đòi.

(4) *Thiên-quan-chủng-tể* 天官冢宰 tức là chức Tể-tướng, ấy là chữ trong quan-chế đời nhà Chử.

(5) *Thất bảo* 七寶 là bảy thứ quý-vật, như vàng, bạc, lưu-ly, sà-cừ, mã-nã, trân-châu, san-hò. Bảy thứ đó hợp làm trang-sức gọi là đồ thất-bảo. Vua Vũ đế nhà Hán có làm cái *giường thất-bảo*. Người đời sau, phạm vật gì có bảy thứ trang-sức, cũng gọi là *thất-bảo* cho tôn quý cái giá.

(6) Đọc bốn câu đây, lại nhận lại bốn câu :

« Bên thì mấy ả này ngái,

Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi.

Giữa thì hương lửa hân-hối,

Trên treo một tượng trắng đôi lông mày.»

Đều là những cái cảnh-tượng mà Thúy Kiều nhất-sinh mới trông thấy ; nếu không lưu-lạc, đâu được trải biết nhân-thế như thế ru ?

Gạn-gùng ngọn hỏi ngành tra,  
 Sự mình, nàng đã cứ mà gọi thừa.  
 Bất tình (1) nổi trận mây mưa,  
 Tuồng chi những giống bơ-thờ quen thân.  
 « Con này chẳng phải thiện-nhân, (2)  
 « Chẳng phùng trốn chúa, thì quân lộn chồng.  
 « Ra tuồng mèo mả, gà đồng (3),  
 « Ra tuồng lúng-túng, chẳng xong bề nào.  
 « Đã đem mình bán cửa tao,  
 « Lại còn khùng-khỉnh làm cao thế này ! (4)  
 « Nào là gia-pháp nọ bay (5) !  
 « Hãy cho ba chục, biết tay một lần ».  
 Ả-hoàn trên dưới dạ rân (6),  
 Dầu rằng trăm miệng, khôn phân lẽ nào.  
 Trúc-côn (7) ra sức đập vào,  
 Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh !  
 Xót thay đào lý một cảnh,  
 Một phen mưa gió, tan-tành một phen ! (8)

---

(1) *Bất tình* 不情 là bất tình-linh. — Hai chữ « *mây mưa* » đây, là nói sự giận dữ, song dùng chữ thực ép.

(2) *Thiện nhân* 善人 là con người lương-thiện.

(3) *Mèo ở mả gà ở đồng*, là nói vì những kẻ vô-loài, vô cừ, tức như hạng gái trốn chúa lộn chồng vậy.

(4) Hai câu này, nếu là lời mắng của Tú-Bà thời hợp hơn.

(5) *Gia-pháp* 家法 là phép nhà. — Đọc câu này lại nhớ đến câu : « *nhập gia phải cư phép nhà tao đây* », thời ra nhà nào cũng có gia-pháp của nhà ấy.

(6) Chữ này tức là chữ *rân* mà ép vần.

(7) *Trúc côn* 竹棍 là gậy tre.

(8) Những chữ « *một phen* » đây là có ý nhớ lại hai lần Thúy Kiều bị đòn trước, mà lần này lại bị.

« Hoa-nô (1) truyền dạy đổi tên,  
 Buồng the dạy ép vào phiên thị-tì (2).  
 Ra vào theo lũ thanh-y (3),  
 Dãi-dầu tóc rối da chì quần bao.  
 Quần-gia (4) có một mụ nào,  
 Thấy người thấy nết ra vào mà thương.  
 Khi chề chén, khi thuốc thang,  
 Đem lời phương-tiện, mở đường hiếu-sinh (5)  
 Dạy rằng : « May rủi đã đành,  
 « Liễu bồ (6) mình giữ lấy mình cho hay.  
 « Cũng là oan-nghiệp chi đây,  
 « Sa cơ mới đến thế này chẳng dung.  
 « Ở đây tai vách mạch rừng (7),  
 « Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi.  
 « Kéo khi sấm-sét bất-kỳ,  
 « Con ong cái kiến kêu gì được oan ».  
 Nàng càng giọt ngọc như chan,  
 Nổi lòng luống những bàn-hoàn (8) niềm tây :

---

(1) Hoa-nô 花奴 lấy nghĩa là đứa ở gái ; nguyên chữ nó là đứa ở mà chữ hoa là tiếng lịch-sự nói về con gái.

(2) Thị-tì 侍婢 là đứa hầu gái.

(3) Thanh-y 青衣 là áo xanh. Đời xưa áo xanh là đồ mặc của kẻ hèn, cho nên con hầu gọi là « thanh-y ».

(4) Quần gia 管家 là kẻ trông coi việc nhà, cai-quản lũ đầy-tò.

(5) Phương tiện 方便 là ý dễ-dãi. Hiếu sinh 好生 là ý thương xót làm phúc.

(6) Liễu bồ 柳蒲 cũng như bồ liễu, hai thứ cây mềm yếu, nói vì phận con gái.

(7) Bốn chữ này bởi câu phương-ngôn « rừng có mạch, vách có tai. » ý nói phải giữ kín-đáo.

(8) Bàn-hoàn 盤桓 nghĩa là quanh-quần, vơ-vẩn.

« Phong-trần kiếp đã chịu đầy,  
 « Lầm-than lại có thứ này bằng hai !  
 « Phận sao bạc chẳng vừa thời ?  
 « Khăng-khăng buộc mãi lấy người hồng-nhan !  
 « Đã đành túc-trái tiền-oan (1),  
 « Cũng liều ngọc nát hoa tàn mà chi. »  
 Những là nường-náu qua thì,  
 Tiều-thư phải buổi mới về ninh-gia (2).  
 Mẹ con trò-chuyện lán-la,  
 Phu-nhân mới gọi nàng ra dạy lời :  
 « Tiều-thư, dưới trướng thiếu người,  
 « Cho về bên ấy theo đòi lầu-trang (3) ».

Lĩnh lời, nàng mới theo sang,  
 Biết đâu địa-ngục thiên-đàng (4) là đâu !

---

(1) *Túc-trái tiền-oan* 夙債前冤 là nợ xưa, oan trước.

(2) *Ninh-gia* 寧家 là thăm nhà, nghĩa cũng như chữ *qui ninh* đã có chú ở trên. — Xem câu này thời lần trước Hoạn-thư về thăm mẹ đề bàn tính câu truyện, xong rồi lại về hẳn bên nhà mình ; mà Kiều bị bắt hẳn đem về nhà mẹ Hoạn-thư, rồi nàng mới lĩnh về dùng làm đũa hầu sau. Cách hành-động như thế, một là cũng có ý tránh tiếng ; hai là bên nhà mẹ nàng mới sẵn nhiều khuyến ưng ; ba là bố đẻ Hoạn thư tất không còn, hoặc là làm quan ở Kinh xa, nếu có ông Lại-bộ hiện ở nhà, tưởng không dám có việc như thế.

(3) *Lầu trang* cũng như *dài trang*, là chỗ trang-diễm của hạng đàn-bà con-gái phong-lưu phú quý.

(4) *Địa-ngục* 地獄 là nơi hình-phạt ở âm-phủ ; *thiên đường* 天堂 là nơi vui sướng ở trên trời. Lời của nhà tôn-giáo đặt ra để khuyên răn người, ai ở thiện thời sau khi chết đi, được lên thiên-đường, ở ác thời phải vào địa-ngục.

Sớm khuya khăn mặt, lược đầu,  
Phận con hầu giữ con hầu dăm sai !  
Phải đêm êm-ả chiều trời,  
Trúc tơ hỏi đến nghề chơi mọi ngày.  
Lĩnh lời, nàng mới lựa dây,  
Nỉ-non thánh-thót dễ say lòng người.  
Tiêu thư xem cũng thương tài,  
Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phần.  
Cửa người đầy-đọa chút thân,  
Sớm than-thở bóng, đêm ân-hận lòng.  
Lâm-truy chút nghĩa dèo-bồng,  
Nước bèo (1) dễ chữ tương-phùng kiếp sau !  
Bốn phương mây trắng một màu (2),  
Trông vời cố-quốc, biết đâu là nhà ?  
Lần lần tháng trọn ngày qua,  
Nỗi gần nào biết đường xa thế này.  
Lâm-truy từ thuở yên bay (3),  
Buồng không thương kẻ tháng ngày chiếc thân.  
Mây ai trắng mới in gần (4),  
Phấn thừa hương cũ bội phần xót-xa.

---

(1) *Nước bèo* bởi chữ 萍水相逢 *bình thủy tương phùng* bèo vời nước gặp nhau là ngẫu-nhĩ mà tan đi hai phương cũng không biết lúc nào. — Hai câu đây rất êm-ấm mà có tình.

(2) Hai chữ « *mây trắng* » cũng tức là ý chữ 白雲 *bạch vân* đã có chưa ở nhiều nơi trên. — Hai câu này rất bát-ngát, dễ khiến cho người ta có sự xa-xôi.

(3) *Yên* 鶯 là yên-ương; *bay* là bay đi mất.

(4) Chữ « *ai* » trong câu đây là nói vào Kiều, trông thấy trăng đầu tháng in cái vệt cong mà tưởng như lông mày của ai vậy.

Sen tàn, cúc lại nở hoa,  
 Sầu dài, ngày ngắn, đông đà sang xuân (1)  
 Tìm đâu cho thấy cố-nhân ? (2)  
 Lấy câu vận mệnh khuây dần nhớ thương. (3)  
 Trạnh niềm nhớ cảnh gia-hương,  
 Nhớ quê, chàng lại tìm đường thăm quê. (4)  
 Tiểu thư đón cửa dễ-dễ,  
 Hàn-huyên vừa cạn mọi bề gần xa.  
 Nhà hương cao cuốn bức là,  
 Buồng trong truyền gọi nàng ra lạy mừng.  
 Bước ra một bước một dừng,  
 Trông xa, nàng đã tỏ chừng nẻo xa (5) :  
 « Phải rằng nắng quáng, đèn lòa ? (6)  
 « Rõ-ràng ngồi đó, chẳng là Thúc-sinh ?  
 « Bây giờ tình mới tỏ tình,  
 « Thôi-thôi đã mắc vào vành chẳng sai !  
 « Chước đâu ? có chước lạ đời !  
 « Người đâu ? mà lại có người tình-ma !

---

(1) Hai câu này thật có tài, đem cái tình-cảnh vô-vị của Thúc-Sinh trong một năm, cho theo đi với ngày tháng như nước trôi vậy.

(2) *Cố-nhân* 故人 là người cũ.

(3) Tả một cái tình thường của người sống đối với người chết.

(4) Khi ở quê thời « *trạnh niềm nhớ cảnh giang-hồ* », nay lại *trạnh* « *niềm nhớ cảnh gia hương* », hai câu có đối nhau. Hai chữ « *tìm đường* » nghe thấy có ý mỉa-mà.

(5) Một cái tình cảnh thật lạ.

(6) Ý câu này ăn xuống câu dưới, cũng như *Rõ-ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao* ».



« Rõ-ràng thật lừa dối ta,  
 « Làm ra còn ở, chúa nhà, dối nơi !  
 « Bề ngoài thon-thót nói cười,  
 « Mà trong nham-hiểm, giết người không dao (1).  
 « Bây giờ đất thấp trời cao,  
 « Ăn làm sao, nói làm sao, bây giờ ? »  
 Càng trông mặt, càng ngăn-ngor,  
 Ruột tằm đôi-đoạn như tơ rối bời.  
 Sợ uy, dám chẳng vâng lời,  
 Cúi đầu, nép xuống sân mai một chiều. (2)  
 Sinh đà phách lạc hồn xiêu :  
 « Thương ôi ! chẳng phải nàng Kiều ở đây ?  
 « Nhân làm sao, đến thế này ?  
 « Thôi-thôi, ta đã mắc tay ai rồi ! »  
 Sợ quen, dám hờ ra lời,  
 Khôn ngăn giọt ngọc sụt-sùi rỏ sa.  
 Tiều-thư trông mặt hỏi tra :  
 « Mời về, có việc chi mà động dong (3) ? »

---

(1) Hai câu này có bởi chữ 笑中有刀 *tiếu trung hữu đao* (trong cái cười có dao) là chữ nói Lý-lâm-Phủ, một kẻ gian thần đời Đường và câu thường-ngữ 殺人無刀劍 *Sát nhân vô đao kiếm* giết người không phải có gươm đao.

(2) Chữ này, trong các bản đều đề là *chiều*, song trọng nghĩa là chữ *chào*, có lẽ phải nghĩa hơn.

(3) *Động dong* 動容 là động đến dáng mặt.

Sinh rằng : « Hiếu-phục (1) vừa xong,  
 « Suy lòng trắc-dĩ, đau lòng chung-thiên (2) ! »  
 Khen rằng : « Hiếu-tử (3) đã nên !  
 « Tây trần mượn chén giải phiền (4) đem thu ».  
 Vợ chồng chén tạc chén thù (5),  
 Bắt nàng đứng chực tri hồ (6) hai nơi.  
 Bắt khoan bắt nhật đến lời,  
 Bắt quí tận mặt, bắt mời tận tay.  
 Sinh càng như đại, như ngầy,  
 Giọt dài giọt ngắn, chén đầy chén vơi.  
 Ngảnh đi, chợt nói chợt cười,  
 Cáo say, chàng đã tỉnh bài lảng ra.  
 Tiều-thư vội thét : « Con Hoa !  
 « Khuyên chàng chẳng cạn, thì ta có đòn ! »  
 Sinh càng nát ruột tan hồn,  
 Chén mời phải ngậm bồ-hồn ráo ngay !

(1) *Hiếu-phục* 孝服 là đồ mặc tang trở.

(2) *Trắc-dĩ* 陟屺 là lên trái núi, chữ trong kinh Thi, nói trèo lên trái núi nọ mà lòng nhớ trông mẹ. *Chung thiên* 終天 là trọn hết ngày trời, tức là suốt đời, nói lòng nhớ cha mẹ đã khuất thời suốt đời không quên. — Xem câu đây với câu trên, thời ra Thúc-Sinh còn đương tang mẹ mà lấy Kiêu! Chỗ đó, ông quan phủ Lâm-truy không xét chẳng ?

(3) *Hiếu-tử* 孝子 là người con có hiếu. Câu khen này có ý ác.

(4) *Giải phiền* 解煩 là khuấy cỏi sự phiền não.

(5) Chữ *thủ* 酬, nghĩa là chủ-nhân mời rượu khách; chữ *tạc* 酢 là khách rót để mời lại chủ. Thường ta hay nói *thủ tạc* là hai người cùng uống rượu với nhau.

(6) *Tri hồ* 持壺 là cầm cái bầu, tức là đứng rót rượu.

Tiểu-thư cười nói tỉnh say,  
Chưa xong cuộc rượu lại bày trò chơi.  
Rằng : « Hoa-nô đủ mọi tài,  
« Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe ! »  
Nàng càng choáng-vàng tê-mê,  
Vàng lời ra trước bình the vắn đàn :  
Bốn dây như khóc như than,  
Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng.  
Cùng trong một tiếng tơ đồng (1),  
Người ngoài cười nụ, người trong (2) khóc thầm !  
Giọt châu lã-chã khôn cầm,  
Cúi đầu, chàng những gạt thắm giọt sương (3),  
Tiểu-thư lại thét lấy nàng :  
« Cuộc vui, gảy khúc đoan-tràng ấy chi ?  
« Sao chẳng biết ý tứ gì ?  
« Cho chàng buồn-bã, tội thì tại người ! »  
Sinh càng thắm-thiết bồi-hồi,  
Vội-vàng gượng nói, gượng cười, cho qua.

---

(1) Đồng 桐 là thứ gỗ vông để làm cây đàn.

(2) Ngoài là ngoài cuộc, là nói về Hoạn-thư ; trong là trong cuộc, là nói về Thúc-Sinh.

(3) Hai chữ này chỉ là nói nước mắt, có nhiều bản đề là « giọt sương », song dù chữ nào cũng đều có ý ép ; vả chăng trên đã có chữ « giọt châu » thì lại không khỏi là điệp.

Giọt rỗng (1) canh đã diễm ba,  
 Tiêu-thư nhìn mặt, dường đã cam tâm. (2)  
 Lòng riêng tập-tễnh mừng thầm :  
 « Vui này đã bỏ đau ngậm xưa nay ».  
 Sinh thì gan héo ruột đầy,  
 Nỗi lòng càng nghĩ càng cay đắng lòng.  
 Người vào chung gối loan-phòng,  
 Nàng (3) ra tựa bóng đèn giọng canh dài.  
 Bây giờ mới rõ tấm-hơi,  
 Máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen !

(1) Hai chữ này, nghĩa là cái giọt nước tinh thời-khắc theo lối « đồng-hồ » ngày xưa. Vì trong cái bộ đồ tinh thời-khắc ấy, có đúc đồng làm hình đầu rồng, mà ở cái miệng rồng ấy phun nước ra, cho nên gọi là 銅龍 « đồng long », nghĩa là con rồng bằng đồng. Chữ « giọt rỗng » đây thực bởi thế. — Có bản đề là « giọt đồng », cũng lại có nghĩa. Vì rằng cái bộ đồ tinh thời-khắc đó, có làm hình thẳng người bằng đồng đứng ở trên cái hồ, cho nên gọi là 銅人 « đồng-hồ », hai chữ « đồng-hồ » của ta đến nay vẫn nói quen, là bởi gốc ở đó. Tóm lại thời cái vật dùng để tinh thời-gian của Tàu từ xưa, có nhiều kiểu mà mỗi kiểu mỗi khác, đến nay không mấy người biết rõ. Đại-khái thời có dùng nước đựng trong những cái hồ cho rõ giọt dần xuống, cho nên tóm gọi là 漏 « lậu ». Nghĩa chữ lậu là nước rò xuống. Ở cái hồ thời có khắc ra trong một ngày đêm chia làm một trăm khắc để tinh, cho nên tiếng dùng để đếm gọi là 刻 « khắc ». Như thế nhận nghĩa, cũng hiểu qua mà thôi.

(2) Cam tâm 甘心 nghĩa là hả lòng.

(3) Chữ này, trong các bản đều đề chữ nàng, mà tôi nhớ từ thuở bé thường nghe có người đọc là kẻ, nghĩ có lẽ hơn.

Chước đầu rẽ thúy chia uyên (1) !  
 Ai ra đường (2) nấy, ai nhìn được ai ?  
 Bấy giờ một vực, một trời,  
 Hết điều khinh-trọng, hết lời thị-phi.  
 Nhẹ như bắc, nặng như chì,  
 Gỡ chơ, ra nợ, còn gì là duyên ?  
 Lỡ-làng chút phận thuyền quyền,  
 Bề sâu sóng cả có tuyền được vay ?  
 Một mình âm-ỷ đêm chầy,  
 Đĩa dầu voi, nước mắt đầy nằm canh.  
 Sớm khuya hầu-hạ đài-dinh (3),  
 Tiêu-thư chậm mặt, đề tình hỏi tra.  
 Lựa lời, nằng mới thừa qua :  
 « Phải khi mình lại xót-xa nỗi mình... »  
 Tiêu thư hỏi lại Thúc-Sinh :  
 « Cay chàng tra lấy thực-tình cho nao ! »  
 Sinh đã rất ruột như bào,  
 Nói ra chẳng tiện, trông vào chẳng đang !  
 Những e lại lụy đến nàng,  
 Đánh liều mới sẽ lựa đường hỏi tra.

---

(1) *Uyên* 鵲 là nói chim *uyên-ương*, thường hai con sống mái đi đôi với nhau. Nhân chữ *uyên* mà trên thêm chữ *thúy*. *Thúy* 翠 thời là con chim chắt.

(2) Chữ « *đường* » này cũng tức là chữ *chước* ở trên, nghĩa là ai lập ra cái phương-kế ấy.

(3) *Đài* 臺 là đài-các; *dinh* 營 là dinh-thự. Nhiều bản đề là *dài doanh*, nghĩa cũng vậy mà lời kém hơn. — Từ câu này trở xuống, một đoạn hơn mười câu, lời văn lộn-vộn yếu-kém, nghe không ra giọng văn của Tác-giả, mà tình-sự cũng không có gì, chỉ nên san-chước đính-chỉnh lại là phải.

Cúi đầu qui trước sân hoa,  
 Thân-cung (1) nằng mới dâng qua một tờ.  
 Diện-tiền (2) trình với Tiều-thư,  
 Thoắt xem, dường có ngằn-ngờ chút tình.  
 Liền tay trao lại Thục-Sinh,  
 Rằng: « Tài nên trọng mà tình nên thương !  
 « Vì chẳng có số giàu sang,  
 « Giá này dầu đúc nhà vàng (3) cũng nên !  
 « Bề trần chìm nổi thuyền-quyên,  
 « Hữu tài, thương nổi vô duyên lạ đời ! »  
 Sinh rằng: « Thật có như lời,  
 « Hồng-nhan bạc-mệnh, (4) một người nào vay !  
 « Nghìn xưa âu cũng thế này,  
 « Từ-bi âu liệu bớt tay mới vừa ».   
 Tiều-thư rằng: « Ý trong tờ,  
 « Rắp đem mệnh bạc, xin nhờ cửa không (5).  
 « Thôi thì thôi cũng chiều lòng,  
 « Cũng cho khỏi lụy trong vòng bước ra.

---

(1) *Thân cung* 申供 nghĩa là khai trình ra.

(2) *Diện-tiền* 面前 là trước mặt.

(3) *Nhà vàng* bởi chữ 金 *kim* ốc ra. Xưa vua Hán Vũ-đế trong lúc còn ít tuổi chưa làm nên, có mê thiết nàng Âm-lê-hoa, từng nói rằng: « Nếu được người con gái đẹp ấy, thời nên lấy cái nhà bằng vàng mà chứa ».

(4) *Hồng nhan bạc mệnh* 紅顏薄命 là người con gái đẹp thường hay bị mệnh bạc, câu nói thường từ xưa. Thơ cổ cũng có câu rằng: 紅顏勝人多薄命 *Hồng nhan thắng nhân đa bạc mệnh*. Hồng-nhan hơn người thời phần nhiều phải chịu mệnh bạc, là nói nàng Chiêu-quân.

(5) *Cửa không* bởi chữ 空 門 là cửa nhà Phật.

« Sẵn Quan-âm các vườn ta,  
 « Có cây trăm thước, có hoa bốn mùa (1)  
 « Có cỏ-thụ, (2) cỏ san-hồ,  
 « Cho nàng ra đồ, giữ chùa tụng-kinh ».  
 Tâng-bưng, trời mới bình-minh,  
 Hương hoa, ngũ cúng, (3) sắm-sanh lễ thường.  
 Đưa nàng đến trước Phật-đường (4),  
 Tam qui, ngũ giới, cho nàng xuất gia (5).  
 Áo xanh đổi lấy cà-sa, (6)  
 Pháp-danh lại đổi tên ra *Trạc-tuyền*. (7)

(1) Nói có những cây cao lớn và những hoa nở quanh năm.

(2) *Cỏ-thụ* 古樹, cây cổ.

(3) *Ngũ cúng* 五供 là năm thứ cúng Phật. Hai chữ này, các bản chú nghĩa có khác nhau. Trong bản cụ Bùi-Khánh-Diễn rang: « Nhà chùa mỗi tiệc chay lớn, trước tòa Phật đặt lễ chay năm vị khác nhau ». Trong bản ông Hồ-Đắc-Hàm thời cho rằng: năm đồ lễ cúng Phật là: *hương nước, bông trắng, hương xông, cơm và đèn*.

(4) *Phật đường* 佛堂 là chỗ thờ Phật.

(5) Câu này toàn những chữ thuộc về nhà chùa. *Tam qui* 三皈 là ba chỗ qui-y: 1. qui y Phật; 2. qui y Pháp; 3. qui y tăng. — *Ngũ giới* 五戒 là năm điều phải răn cấm: 1. sát sinh; 2. ăn trộm; 3. tà-dâm; 4. nói càn; 5. uống rượu. — *Xuất gia* 出家 là ra khỏi nhà, nghĩa là đi ở chùa. — Đây là một cách xử-trí rút bỏ cái danh ở trước mắt.

(6) *Cà-sa* 袈裟 là áo của sư mặc. *Áo xanh* tức là đồ mặc thị-tỳ.

(7) *Pháp danh* 法名 là tên đặt theo phép nhà chùa. — *Trạc-tuyền* 濯泉 tức là cái tên mới đặt ấy. — Chỉ hai câu, tự thành một bức tranh « vân cầu », thấy cuộc đời vô hạn tang thương. Hai chữ « *Pháp danh* » để đặt làm hai chữ « *Hoa nó* », có lẽ hơn.

Sớm khuya tính đủ dầu đèn,  
 Xuân, Thu (1) cắt sẵn hai tên hương trà.  
 Nặng từ lách gót vườn hoa,  
 Nhường gần rừng tía, nhường xa bụi hồng (2).  
 Nhân-duyên đâu lại còn mong? (3)  
 Khỏi điều then phấn tử hồng thì thôi.  
 Phật-tiền thăm lấp sâu vùi,  
 Ngày phở thủ-tự, đêm nôi tâm-hương. (4)  
 Cho hay giọt nước cành dương (5).  
 Lửa lòng tưới tắt mọi đường trần-duyên.  
 Nâu sông từ trở màu thuyền,  
 Sân thu trăng đã vài phen đứng đầu.  
 Cửa thuyền then nhặt lưới mau,  
 Nói lời trước mặt, roi châu vắng người.  
 Gác kinh, viện sách đôi nơi,  
 Trong gang-tấc, lại gấp mười quan-sân.  
 Những là ngậm thở nuốt than,  
 Tiểu-thư phải buổi vấn an (6) về nhà.

---

(1) Xuân-hoa, Thu-nguyệt là tên hai đũa hầu, cắt về việc thấp hương pha chè. Chỗ này cũng thấy có phong-nhã lịch-sự, thật là thái-độ của con nhà đại-gia.

(2) Rừng tía là cảnh Phật, bụi hồng là cảnh trần-tục.

(3) Có bản đề là « ... đâu nữa mà mong ! »

(4) Thủ tự 手字 là chữ viết bằng tay; đây nói pho kinh chép tay rà. Tâm hương 心香 là hương đốt để tụng niệm cầu nguyện; nôi hương cũng như bát hương.

(5) Giọt nước cành dương bởi chữ 楊枝水 dương chi thủy, là nước ở cành dương-liễu, nhà Phật dùng để làm phép, tưới rửa những sự phiền-não cho chúng-sinh.

(6) Vấn an 問安 là hỏi thăm sự bình-an.



Thừa cơ, sinh mới lén ra,  
 Xăm-xăm đến mé vườn hoa với nàng.

Sút-sùi giở nổi đoạn-tràng,  
 Giọt châu tầm-tã đượm tràng áo xanh (1):

« Đã cam chịu bạc với tình,  
 « Chúa-xuân (2) để tội một mình cho hoa!

« Thấp cơ thua tri đàn-bà,  
 « Trông vào đau ruột, nội ra ngại lời.

« Vì tà, cho lụy đến người,  
 « Cát lăm ngọc trắng, thiết đời xuân-xanh!

« Quần chi lên thác xuống ghềnh,  
 « Cũng toan sống thác với tình cho xong.

« Tông-đường chút chữa cam lòng (3),  
 « Cẩn rằng bề một chữ đồng làm hai.

---

(1) Hai chữ « áo xanh » đây là bởi chữ 青衫 *thanh sam*, thức mặc của hạng người đàn-ông lịch-sự. Tỳ-bà-hành, câu cuối rằng: 就中泣下誰最多. 江州司馬青衫濕. *Từ trung khấp hạ thủy tối đa, Giang-châu Tư-mã thanh-sam thấp*: Kể trong đám người ai khóc nhiều hơn cả? Có quan Tư-mã Giang-châu ướt cả vạt áo xanh. (Tư-mã tức là ông Bạch-cư-Dị, Tác giả bài Tỳ-bà-hành).

(2) Hai chữ « chúa xuân » đây, nghĩ chỉ vì chữ « hoa » mà đặt ra, là một lời nói tự-nhiên. Trong bản của ông Hồ Đắc-Hàm cho là chỉ về Hoạn-thư, e không được tự nhiên và tiếp xuống chữ « để » không chạy nghĩa.

(3) *Tông-đường* 宗堂 là nhà thờ tổ-tiên. Câu này ý nói chưa có con trai để nối dõi tông-đường, cho nên phải cẩn rằng như sau...

- « Thẹn mình đá nát vàng phai,  
 « Trăm thân dễ chuộc một lời được sao (1) ? »  
 Nàng rằng : « Chiếc bách sóng đào (2),  
 « Nồi chim cũng mặc lúc nào rủi may !  
 « Chút thân quẩn-quại vũng lầy,  
 « Sống thừa, còn tưởng đến rày nữa sao ?  
 « Cũng liều một hạt mưa rào, (3)  
 « Mà cho thiên-hạ trông vào cũng hay !  
 « Xót vì cầm đã bén dây,  
 « Chẳng trăm năm, cũng một ngày duyên ta.  
 « Liệu bài mở cửa cho ra,  
 « Ấy là tình nặng, ấy là ơn sâu ! »  
 Sinh rằng : « Riêng tưởng bấy lâu,  
 « Lòng người nham-hiềm biết đâu mà lường.  
 « Sợ khi giông tố phủ-phàng, (4)  
 « Thiệt riêng đấy, cũng lại càng cực đây.

---

(1) Một lời tức là cái lời « đá vàng » vờn nhau mà đề cho đến *phai nát*, thời dẫu cho có trăm thân cũng không thể chuộc được. — Hai chữ « *trăm thân* » đây, bởi câu trong kinh Thi : 如可贖兮。人百其身 *Như khả thực hề, nhân bách kỳ thân*, là người ta tiếc mấy người hiền-nhân mà vua bắt phải chết theo, cho nên nói : nếu có chuộc được, thời mỗi người muốn có trăm cái thân để chuộc.

(2) *Chiếc bách* là chiếc thuyền gỗ bách, bởi chữ 柏舟 *bách-chu* trong kinh Thi, nói cái phận lênh-đênh của người đàn-bà như vậy. *Sóng đào* là sóng cả, tức là nghĩa chữ 溟 *đào* là sóng.

(3) Phong-đao có câu : « *Đàn-bà như hạt mưa rào, hạt sa xuống giếng, hạt vào vườn hoa* ». Lại ngôn-ngôn có câu : « *Đàn-bà như hạt mưa sa, sa đâu ầm đấy* ».

(4) *Giông tố* là những cơn mưa to gió lớn, đây nói vì sự giận dữ bất-kỷ của Hoạn-Thư.

« Liệu mà xa chạy cao bay,  
 « Ái-ân ta có ngần này mà thôi !  
 « Bây giờ kẻ ngược, người xuôi,  
 « Biết bao giờ lại nối lời nước non ?  
 « Dẫu rằng sông cạn đá mòn,  
 « Con tằm đến thác cũng còn vương tơ (1) ! »  
 Cùng nhau kê-lễ sau xưa,  
 Nói rồi lại nói, lời chưa hết lời.  
 Mặt trông, tay chẳng nở rời,  
 Hoa-tý (2) đã động tiếng người nẻo xa.  
 Ngập ngừng nuốt tủi lẳng ra,  
 Tiều-thư đầu đã rẽ hoa bước vào.  
 Cười cười, nói nói ngọt-ngào,  
 Hỏi: « Chàng mới ở chốn nào lại chơi ? »  
 Đối quanh Sinh mới liệu lời :  
 « Tim hoa quá bước, xem người viết kinh. »  
 Khen rằng : « Bút-pháp (3) đã tinh,  
 So vào với thiếp Lan-đình (4) nào thua !

(1) Nói tấm lòng thương nhớ không bao giờ có hết. Câu này có bởi ở câu thơ : 春蠶到死絲方盡 *Xuân tằm đáo tử ty phương tận*. Con tằm mùa xuân đến lúc chết thời tơ mới hết. Người sau nhân đó lại có câu : 到死春蠶絲未盡. *Đáo tử xuân tằm, dư ti vị tận*. Con tằm xuân dẫu đến lúc đã chết, mối tơ thừa còn vẫn chưa hết.

(2) *Hoa tý* 花婢 là con ở gái, chữ đặt lịch-sự.

(3) *Bút-pháp* 筆法 là cách viết, lối chữ viết.

(4) *Thiếp Lan-đình* nguyên chữ là 蘭亭帖 *Lan-đình thiếp*, một lối viết của ông Vương-Hy-Chi đời nhà Tấn, truyền mãi đến đời sau, cho là rất tốt rất quý.

« Tiếc thay lưu-lạc giang-hồ,  
 « Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài ! »  
 Thuyền-trà cạn nước hồng-mai (1),  
 Thông-dong nổi-gót thư-trai (2) cùng về.  
 Nàng càng e-lệ, ủ-ê,  
 Rủ tai, hỏi lại hoa-tỳ trước sau.  
 Hoa (3) rằng: « Bà đến đã lâu,  
 « Rón chân đừng núp độ đầu nửa giờ.  
 « Rành-rành kẻ tóc chàn tơ,  
 « Mấy lời nghe hết, đã dư tỏ-tường.  
 « Bao nhiêu đoạn khổ tình thương :  
 « Nỗi ông vật-vã, nỗi nàng thở-than.  
 « Ngán tôi đứng lại một bên,  
 « Chán tai rồi mới bước lên trên lầu. »  
 Nghe thôi, kinh hãi xiết đầu :  
 « Đàn-bà thế ấy, thấy ầu một người !  
 « Ấy mời gan, ấy mới tài !  
 « Nghĩ càng thêm nổi sồn gai (4) rụng-rời !

---

(1) *Thuyền-trà* 禪茶 là nước chè của nhà chùa pha ra.  
*Hồng mai* 紅梅 là mơ đỏ, có lẽ tức là như gỗ « Lão mai »  
 ở vùng chùa Hương người ta thường bán trong ngày hội,  
 để làm thứ pha nước uống, hương thơm như mùi sen ;  
 vì pha ra thời nước đỏ, cho nên gọi là *hồng-mai*. Lại  
 có thứ cây *hồng-mai* trồng trong chậu làm cảnh, thân  
 cây bé mà hoa đỏ, pha nước uống rất thơm. Nhận  
 về đẳng nào cũng có nghĩa.

(2) *Thư-trai* 書齋 cũng như thư-viện, là chỗ nhà xem sách.

(3) Đoạn này có hoa-tỳ ở lại, để tỏ ra sự-tĩnh, thực hay.

(4) *Sồn gai* là sồn tóc gai, là bộ kinh sợ.

« Người đâu sâu-sắc nước đời !  
 « Mà chàng Thúc phải ra người bó tay (1) !  
 « Thực tang, bắt được dường này,  
 « Máu ghen, ai cũng chau mày nghiến răng.  
 « Thế mà im chẳng đãi-đẳng (2),  
 « Chào mời vui-vẻ, nói-năng điệu-dàng !  
 « Giận dầu, ra dạ thế-thường,  
 « Cười dầu, mới thực khôn lường hiểm sâu (3).  
 « Thân ta, ta phải lo âu,  
 « Miệng hùm, nọc rắn, (4) ở đâu chốn này !  
 « Vì chẳng chấp cánh cao bay,  
 « Rào cây lâu cũng có ngày bẻ hoa !  
 « Phận hèo, bao quản nước sa,  
 « Lệnh-đênh đầu nữa, cũng là lệnh-đênh !  
 « Chín e quê khách một mình,  
 « Tay không, chưa dễ tìm vành ấm no ».

Nghĩ đi, nghĩ lại quanh-co,  
 Phật-tiền, sẵn có mọi đồ kim-ngân ;

(1) Hai chữ « bó tay » đặt đi với chữ *thúc* 束 thật khéo. Nghĩa chữ *thúc* 束 là bó ; 束手 *thúc thủ* thời là bó tay. Phạm việc gì chịu chết không sao được, người ta thường nói là « *thúc thủ* ».

(2) *Đãi-đẳng* là âm-ỹ lên.

(3) Hai chữ *dầu* đây chỉ là tiếng thêm lót. Chữ *thế* thường 世 ở câu trên, nghĩa là thường-tĩnh của người đời.

(4) Thơ cổ rằng : 猛虎口中劍 長蛇尾上針. 兩般猶未毒. 最毒婦人心. « *Mãnh hổ khẩu trung kiếm, tròng sả vĩ thượng châm*. *Lưỡng ban do vị độc, tối độc phụ-nhân tâm* ». Nghĩa rằng : Cái gươm ở trong miệng con hổ dữ, cái kim ở trên đuôi con rắn dài ; hai thứ đó còn chưa là độc, rất độc thời là bụng người đàn-bà.

Bên mình giắt để hộ thân.  
 Lăn nghe canh đã một phần trống ba,  
 Cất mình qua ngọn tường hoa,  
 Lăn đường theo bóng trăng tà về tây.  
 Mịt-mù dặm cát đồi cây,  
 Tiếng gà điểm nguyệt, dấu giày cầu sương (1)  
 Canh khuya, thân gái, dặm trường,  
 Phần e đường xa, phần thương dải-dầu !  
 Trời đông vừa rạng ngàn dâu,  
 Bơ-vơ nào đã biết đâu là nhà !  
 Chùa đầu trông thấy nẻo xa,  
 Rành-rành « *Chiêu-ân-am* » ba chữ bài (2).

(1) Câu này, có bởi ở hai câu cổ-thi : 鷄聲茅店月. 人跡板橋霜. *Kê thanh mao-diểm nguyệt, nhân-tích bản-kiều sương*. Nghĩa là: tiếng gà gáy ở dưới bóng trăng, chỗ cái lều cỏ; vết chân người đi ở trên cái cầu gỗ có sương in. Ấy là lời thơ nói về cảnh đi đường lúc gần sáng. — Từ chữ « *Cất mình qua...* » cho đến chữ « *dải-dầu*, » sáu câu đây lại tả Thúy-Kiều đi đêm một lần nữa, mà lần này đi một mình; tình-cảnh thê-lương, đáng vì ngược) đàn-bà con gái ấy mà thương sợ. Đọc sáu câu này, lại nhận lại sáu câu ở chỗ Kiều đi đêm lần trước :

*Cùng nhau lên bước xuống lầu,  
 Song song ngựa trước ngựa sau một đoàn.  
 Đêm thâu, khắc vợi, canh tàn,  
 Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương.  
 Lối mòn cỏ lạt màu sương,  
 Lóng què đi một bước đường một đau.*

Thời thấy hai cái tình-cảnh khác nhau mà cùng một văn-bút. Tác-giả thật quả tài-tử thay !

(2) Ba chữ đề ở ngoài cổng chùa : 招隱庵 *Chiêu-ân-am*, nghĩa là cái chùa dung nạp những người nương náu,

Xăm-xăm gõ mái cửa ngoài,  
 Trụ-trì (1) nghe tiếng, rước mời vào trong.  
 Thấy màu ăn mặc nẫu sồng,  
 Giác-Duyên sư-trưởng (2) lạnh lòng liền thương.  
 Gạn-gùng ngành ngọn cho tường,  
 Lạ-lùng, nàng hãy tìm đường nói quanh :  
 « Tiểu-thuyền (3) quê ở Bắc-kinh, (4)  
 « Qui sư, qui Phật, tu-hành bấy lâu.  
 « Bản-sư (5) rồi cũng đến sau,  
 « Dạy đưa pháp-bảo sang hầu sư-huỳnh. (6) »  
 « Rày vàng diện-hiến (7) rành-rành » :  
 Chuông vàng khánh bạc bên mình giở ra.  
 Xem qua, sư mới dạy qua :  
 « Phải nơi Hằng-thủy (8) là ta hậu-tình.

(1) Trụ-trì 住持 là người tu ở chùa. Các nhà sư, ai tu ở chùa nào, gọi là trụ-trì chùa ấy.

(2) Giác duyên 覺緣 là tên bà sư ở chùa ấy. Sư-trưởng 師長 là người thầy, người cả, cũng như nói thầy cả.

(3) Tiểu thuyền 小禪 là kẻ đi tu nhỏ mọn, là lời người « tiểu » tự xưng.

(4) Bắc-kinh 北京 đã chưa ở câu « ... hai kinh vãng-vàng ».

(5) Bản sư 本師 là vị sư ở chùa mình.

(6) Pháp bảo 法寶 là vật quý của nhà chùa, tức nói vào những đồ chuông vàng khánh bạc. Sư huynh 師兄 là bậc sư đàn anh, tức nói vào Giác-duyên mà là thay lời của vị sư chùa mình.

(7) Diện hiến 面獻 là đem dâng trước mặt.

(8) Hằng thủy 恆水 ; hai chữ này, hoặc là tên một vị sư hoặc là tên một ngôi chùa ở hạt Trấn-giang, chưa được tường lắm. Hậu tình 厚情 là chỗ có tình-ý thân hậu.

« Chín e đường-xá một mình,  
 « Ở đây chờ đợi sư-huynh ít ngày».  
 Gửi thân được chốn am mây,  
 Mười rưa đắp-đồi tháng ngày thông-dong.  
 Kệ kinh câu cũ thuộc lòng,  
 Hương đèn việc cũ, trai phòng (1) quen tay.  
 Sớm khuya lá-bối, phườn mây, (2)  
 Ngọn đèn khêu nguyệt, tiếng chày nện sương.  
 Thấy nàng thông-tuệ (3) khác thường,  
 Sư càng nề mặt, nàng càng vững chân.  
 Cửa thuyền vừa cũ cuối xuân,  
 Bóng hoa đầy đất, vẽ ngân ngang trời.  
 Gió quang mây tạnh thanh-thời,  
 Có người đàn-việt lên chơi cửa già (4).  
 Giở đồ chuông khánh xem qua,  
 Khen rằng: « Khéo giống của nhà Hoạn-nương! »  
 Giác-Duyên thực ý lo-lường,  
 Đêm thanh, mới hỏi lại nàng trước sau.  
 Nghĩ rằng khôn nổi giấu màu,  
 Sự mình, nàng mới gót đầu bày ngay:

(1) *Trai phòng* 齋房 là những gian nhà, gian phòng của các sư ở. Chữ *trai* này tức như chữ *thư-trai*, là chỗ ở riêng việc thanh-tĩnh.

(2) *Lá bối* là chữ 貝 葉 *bối diệp*, lá thư cây bối, hay bối đa dùng để viết kinh khi xưa. — *Phườn mây* là cái cây *phườn* rợp khoảng mây; trong bản của ông Hồ Đắc-Hàm cho là « lá *phườn* có vẽ mây ở viền ».

(3) *Thông tuệ* 聰慧 cũng như thông-minh.

(4) *Đàn-việt* 檀越 là những người mộ đạo hay đi lễ chùa, và hay bố thí làm việc công-đức. — Chữ *già* bởi chữ 伽藍 *già-lam*, là tiếng nhà Phật gọi chùa như vậy.



« Bây giờ, sự đã đường này,  
« Phận hèn dù rủi, dù may, tại người ».  
Giác-Duyên nghe nói rụng-rời,  
Nửa thương, nửa sợ bồi-hồi chẳng xong.  
Rỉ tai mới kể sự lòng :  
« Ở đây cửa Phật, là không hẹp gì :  
« E chẳng những sự bất kỳ,  
« Đề nài cho đến nổi thì cũng thương !  
« Lánh xa, trước liệu tìm đường,  
« Ngồi chờ nước đến, nên đường còn quê (1) ! »  
Có nhà họ Bạc bên kia,  
Am mây quen lối đi về dầu hương.  
Nhấn sang, dặn hết mọi đường,  
Dọn nhà hãy tạm cho nàng chứa chân.  
Những mừng được chốn yên thân,  
Vội-vàng nào kịp tính gần tính xa.  
Nào ngờ cũng tổ bợm già,  
Bạc-bà học với Tú-bà cùng môn (2) !  
Thấy nàng mặn phẩn tươi son,  
Mắng thàm được món bán buôn có lời.  
Hur không (3) đặt đề nên nhời,  
Nàng đà nhón-nhác rụng-rời lăm phen.

---

(1) Ngạn-ngữ nói: « Nước đến chân mới nhảy ». Quê, nghĩa là không khôn-khéo.

(2) Bạc bà 薄婆 tức là nhà họ Bạc do sư Giác-Duyên giới-thiệu. — Đồng môn 同門 là cùng một cửa trường.

(3) Hur-không 虛空 là không có cớ gì, bồng dung.

Mụ càng xui giục cho liền,  
 Lấy lời hùng-hiêm, ép duyên Châu-Trần (1).  
 Rằng: « Nàng muốn dăm một thân,  
 « Lại mang lấy tiếng dữ gần lành xa.  
 « Giống oan-gia, của phá-gia, (2)  
 « Còn ai dám chứa vào nhà nữa đây !  
 « Kip toan (3) kiếm chốn xe dây,  
 « Không dung, chưa dễ mà bay đường trời !  
 « Nơi gần thì chẳng tiện nơi ;  
 « Nơi xa thì chẳng có người nào xa.  
 « Có chàng Bạc-Hạnh (4) cháu nhà,  
 « Cũng trong thân-thích ruột-rà, chẳng ai.  
 « Cửa hàng buôn bán châu Thai, (5)  
 « Thực-thà có một, đơn sai chẳng hề.

---

(1) *Châu Trần* 朱陳 nghĩa đã có chua ở trên.

(2) *Oan-gia* 冤家 là nhà bị oan ; *Phá-gia* 破家 là làm tan nhà. Những tiếng ghê-gớm, ý trở vào sự ăn trộm chuồng vàng khánh bạc và những vật ấy để làm cho Kiều phải sợ khiếp.

(3) Chữ *loan* đây, tức là nghĩa chữ 算 *toán*, là phải tính liệu.

(4) *Bạc-Hạnh* 薄倖.

(5) *Châu Thai*, chữ là 合州 *Thai-châu*, xưa thuộc tỉnh Chiết-giang, nay tức là đất huyện Lâm-hải. — Chữ *hàng* trong câu đây, nhiều bản đề là chữ *nhà*. Song xét ở đoạn dưới, như những câu : « *một nhà dọn-dẹp linh-dinh* » « *thành thân mới rước xuống thuyền, thuận buồm một lá xuôi miền châu Thai* » thời nhà Bạc-sinh cũng gần quanh nơi đó, tức là xóm nhà Bạc-bà, chừng chỉ cách chỗ chùa là bên kia sông mà thôi. Cho nên chữ đây đề là *cửa hàng* buôn-bán ở châu Thai. — Mấy câu đây tả ra giọng đong-đưa điệu-hót thật rõ.

« Thế nào nàng cũng phải nghe,  
 « Thành thân (1) rồi sẽ liệu về châu Thai.  
 « Bấy giờ ai lại biết ai,  
 « Dầu lòng bề rộng sông dài thênh-thênh.  
 « Nàng dù quyết chẳng thuận tình,  
 « Trái lời nẻo trước, lụy mình đến sau. »  
 Nàng càng mặt ủ, mày chau,  
 Càng nghe mụ nói, càng đau như dầu.  
 Nghĩ mình túng đất, xẩy chân,  
 Thế cùng, nàng mới xa gần thở-than :  
 « Thiếp như con én lạc đàn,  
 « Phải cung, rày đã sợ làn cây cong (2).  
 « Cùng đường dù tính chữ tòng,  
 « Biết người, biết mặt, biết lòng làm sao ?  
 « Nửa khi muôn một (3) thế nào,  
 « Bán hùm buôn sói (4) chắc vào lưng đầu ?  
 « Dù ai lòng có sở-cầu,  
 « Tâm-minh (5), xin quyết với nhau một lời.  
 « Chứng minh có Đất, có Trời,  
 « Bấy giờ vượt bể ra khơi quản gì ? »

(1) *Thành thân* 成親 là đã thành sự thân-hiếu, tức là đã lấy nhau nên vợ chồng.

(2) Bối câu: 傷弓之鳥. 見曲木而高飛. *Thương cung chi diều, kiến khúc mộc nhi cao phi*. Con chim đã bị thương vì cung, thời thấy cái cây cong cũng sợ mà bay cao.

(3) *Muôn một* tức là nghĩa chữ 萬 — vạn nhất.

(4) Bối chữ ở trong truyện kỳ-quan: 賣狼買虎. 萬券無憑. *mại lang mãi hổ, tả khoán vô bằng*. Bán con lang (tức là chó sói) mua con hổ, viết văn-tự không có bằng-cứ nào.

(5) *Tâm-minh* 心 盟 là lấy lòng cùng thề, thề với nhau do bụng thực.

Được lời, mũi mới ra đi,  
 Mách tin họ Bạc (1) tức thì sắm-sanh.  
 Một nhà dọn-dẹp linh-đình,  
 Quét sân đặt trác (2), rửa bình thấp nhang.  
 Bạc-sinh quì xuống vội-vàng,  
 Quá lời nguyện hết Thành-hoàng, Thờ-công (3).  
 Trước sân, lòng đã giải lòng,  
 Trong màn làm lễ tơ-hồng kết duyên.  
 Thành thân, mới rước xuống thuyền.  
 Thuận buồm một lá, xuôi miền châu Thai.  
 Thuyền vừa đỗ bến thành-thời,  
 Bạc-sinh lên trước tìm nơi mọi ngày.  
 Cũng nhà hàng-viện (4) xưa nay,  
 Cũng phường bán thịt, cũng tay buôn người.  
 Xem người, định giá, vừa rồi,  
 Mỗi hàng một đã ra mười thì buông.  
 Mời người, thuê kiệu rước nàng,  
 Bạc đem mặt Bạc, (5) kiếm đường cho xa !  
 Kiệu hoa đặt trước thêm hoa,  
 Bên trong thấy một mũi ra vội-vàng,  
 Đưa nàng vào lạy gia-đường,

---

(1) Chữ họ Bạc đây tức là Bạc-Hạnh.

(2) Trác 桌, chữ này theo các bản cùng đề, nghĩa là bàn ghế. Riêng nghĩ đề luôn là chữ án, có lẽ tiện.

(3) Hai câu đây, nghe như tầm-thường, mà rất là lời văn lão-luyện ; thật vẽ ra cái bụng giả-dối của bọn người vô-lương.

(4) Hàng viện 行院. Hai chữ này không rõ căn-cứ ở đâu chỉ là ý nói chỗ nhà nghề hoa nguyệt.

(5) Chữ bạc này, theo các bản đều đề chữ thường, cho là cái mặt bạc-ác ; trong bản của ông Hồ-Đắc-Hàm vì như chữ « mặt mo » nói Sở-khanh, như thế cùng thuận nghĩa. Song riêng nghĩ cứ đề chữ lớn, cho là họ, mà cái ý bạc-ác là nghĩa bóng, cũng thuận.

Cũng thần mây-trắng, cũng phường lầu-xanh !

Thoắt trông, nàng đã biết tình,  
Chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao.

Chém cha cái số hoa đào (1) !

Gỡ ra, rồi lại buộc vào như chơi !

Nghĩ đời mà ngán cho đời !

Tài tình chi lắm ? cho trời đất ghen !

Tiếc thay nước lũ đánh phen,

Mà cho bùn lại vẩn lên mấy lần !

Hồng-quân với khách hồng-quân (2),

Đã xoay đến thế, còn vẩn chữa tha.

Lỡ từ lạc bước bước ra,

Cái thân liệu những từ nhà liệu đi.

Đầu xanh đã tội-tình gì ?

Má hồng đèn quá nửa thì, chưa thôi.

Biết thân chạy thẳng khỏi trời,

Cũng liều mặt phẫn, cho rồi ngày xanh.

Lần đầu gió mát, trăng thanh,

Bỗng đâu có khách biên-đình (3) sang chơi.

Rầu hầm, cảm ớn, mây ngái,

(1) Theo sách số thời « số hoa đào » là kiếp người phong tình — Hai câu trên đây do tự-sự chuyển xuống, đến câu này trở xuống lại mở ra một đoạn nghị-luận, cũng tức là tự-sự trong cảnh lầu xanh lần thứ hai. Hai chữ « chém cha » có dùng trong văn-chương, chỉ riêng thấy ở câu đây và trong thơ Hồ Xuân-Hương : « chém cha cái kiếp lấy chồng chung ! » Thật là tay văn, mới dám dùng mà cũng mới dùng nổi chữ như đó.

(2) Hồng-quân 洪鈞 là ông trời, cũng như chữ Tạo-hóa. — Hồng quân 紅裙 là cái quần đỏ, tức là nói đàn bà con gái.

(3) Biên-đình 邊庭 là nơi biên-thùy, đây nói chỗ xa-xôi ở ngoài giáp bề.

Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao (1).

Đường-đường một đấng anh-hào, (2)

Cón quyền hơn sức, lược thao gồm tài. (3)

Đội trời đạp đất ở đời,

Họ Tì, tên Hải vốn người Việt-đồng. (4)

Giang-hồ quen thủ vẫy-vùng,

Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo. (5)

Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều,

Tấm lòng nhi-nữ (6) cũng xiêu anh-hùng.

Thiếp-danh đưa đến lầu-hồng,

Hai bên cũng liếc, hai lòng cũng ưa.

(1) Hai câu này nói cái tướng mạo hùng-vĩ của người đàn-ông, cũng có nhân chữ cũ ở các sách. *Râu hàm cằm én* là bởi chữ 義頤 虎頭 *Yến hàm hổ đầu*, tướng ông Ban-Siêu đời nhà Hán, bay mà ăn thịt, cái tướng được phong hầu vạn-lý. *Mây ngài* bởi chữ 臥雲眉 *ngọa lâm my*, lông mày cong mà sắc, tục truyền là tướng ông Quan-công. *Thân mười thước cao* bởi chữ 身長十尺 *Thân trường thập xích*, tướng vua Văn-vương nhà Châu.

(2) *Đường đường* 堂堂 là cái dáng cao lớn lao-lạc. *Anh hào* 英豪 là hạng người anh-hùng hào-kiệt trượng-phu hơn người khác.

(3) *Cón quyền hơn sức* là nói sức-lực về nghề võ giỏi hơn người. Nghĩa chữ *cón* 棍 là đánh gậy: *quyền* 拳 là đánh tay. — *Lược thao gồm tài* là nói mưu-mẹo về việc binh cũng tinh thông. *Lược thao* là bởi chữ 六韜三略 *lục thao tam lược*, chữ trong sách binh-thu thừa xưa.

(4) Sáu chữ câu trên nói ý ở đời không chịu quy-lụy ai. Chữ *Tì* 徐 là họ, chữ *Hải* 梅 là tên. *Việt-đồng* là 粵東 chữ tên đất tỉnh Quảng-đông từ xưa.

(5) Câu đây có nhân chữ 半肩弓劍一棒江山 *bán kiển cung kiếm, nhất trạo giang sơn*, lời thơ của Hoàng Sào là một tay làm giặc đời nhà Đường.

(6) *Nhi-nữ* 兒女 là người con gái, cũng như chữ *nữ-nhi*, nói ý nhỏ mọn.

Từ rằng : « Tâm-phúc tương cờ (1),  
 « Phải người trắng-gió, vật-vờ hay sao ?  
 « Bấy lâu nghe tiếng má đào,  
 « Mắt xanh (2) chẳng để ai vào, có không ?  
 « Một đời được mấy anh-hùng,  
 « Bỏ chi cá chậu chim lồng (3) mà chơi ! »  
 Nàng rằng : « Người dạy quá lời,  
 « Thân này còn dám eội ai là thường !  
 « Chút riêng chọn đá thử vàng,  
 « Biết đâu mà gửi can-tràng vào đâu ?  
 « Còn như vào trước ra sau,  
 « Ai cho kén chọn vàng thau tại mình ? »  
 Từ rằng : « Lời nói hữu tình,  
 « Khiến người lại nhớ câu Bình-nguyên-quân (4).  
 « Lại đây xem lại cho gần,  
 « Phỏng tin được một vài phần, hay không ? »

(1) *Tâm phúc tương kỳ* 心腹相期 là bụng dạ cùng hẹn nhau, nghĩa nói chơi với nhau bằng bụng thật.

(2) *Mắt xanh* là bởi chữ 青眼 *thanh-nhãn*, lòng đen của con mắt. Nguyên bởi Nguyễn-Tịch đời Tấn làm được ra hai thứ mắt, khi chỉ lộn ra lòng trắng, lúc thời lộ ra lòng đen. Ưa ai thời tiếp bằng con mắt đen, tức là mắt xanh ; không ưa thời tiếp con mắt trắng. Câu đây là hỏi Kiều chưa được ai ưng ý phải không ?

(3) Nói như những hạng người tầm-thường hèn-mọn.

(4) Nhân ở trên, lời Kiều có câu « *Biết đâu mà gửi can-tràng vào đâu?* » cho nên đây có câu này lời Từ-Hải là lấy bởi hai câu thơ Đường : 不知肝膽向誰是 令人却憶平原君 *Bất tri can đởm hướng thủy thị, linh nhân khước ức Bình-nguyên-quân*. Song mà nhận ra hơi ngang nghĩa, chỗ ngáng ở một chữ « *câu* ». — *Bình-nguyên-quân* là một ông tướng-quốc trong đời Chiến-quốc, có tính hào-hiệp, mời khách ăn trong nhà hàng đến ba ngàn người.

« Thừa rằng : « Lượng cả bao-dong,  
 « Tấn-dương (1) được thấy mây rồng có phen.  
 « Rộng thương cổ nội hoa hèn,  
 « Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau.»  
 Nghe lời vừa ý, gật đầu,  
 Cười rằng : « Tri-kỷ trước sau mấy người (2) ?  
 « Khen cho con mắt tinh đời,  
 « Anh-hùng, đoán giữa trần ai mới già (3) ! »  
 « Một lời đã biết đến ta,  
 « Muôn chung, nghìn tứ (4), cũng là có nhau ! »  
 Hai bên ý-hợp tâm đầu (5),  
 Khi thân, chẳng lọ là cầu mới thân.  
 Ngổ lời nói với băng-nhân (6),

(1) *Tấn-dương* 晉陽 là tên đất, vua Cao-tổ nhà Đường hưng vương ở đó, cho nên có chữ 龍飛晉陽 « long phi Tấn dương ». Nghĩa là rồng bay lên ở Tấn-dương. Ý câu đây là Kiều nói Từ-Hải sau này có thể mong đến thế.

(2) *Tri-kỷ* 知己 nghĩa là biết mình. Người thật biết được mình, thời là tri-kỷ. — Hai chữ « trước sau », có bản đề là *đế ấu*.

(3) Chữ đoán trong câu đây, có bản đề là *biết*. Đoán hay biết người anh-hùng trong lúc còn giữa trần-ai, ấy là con mắt tinh đời. Câu này là Từ-Hải khen Kiều, mà cũng là lời măn ý tự-đắc.

(4) *Muôn chung* là bởi 萬 鍾 *van chung*. Nguyên chữ chung là cái đồ đựng lương, đựng được 6 hộc 4 đấu. Đời xưa có phát lương cho các quan bằng thóc, ăn lương đến *muôn chung*, tức là hàng quan khanh tướng. — *Nghìn tứ* là bởi chữ 千 驛 *thiên tứ*. Xưa cứ mỗi cái xe đóng bốn con ngựa gọi là *tứ*. *Nghìn tứ* tức là có một nghìn cỗ xe cũng là nơi nhà quan khanh tướng. Đại-ý chỉ là nói dầu cực phú qui cũng có nhau.

(5) *Ý hợp tâm đầu* 意合心投 là ý cùng hợp nhau mà lòng trao cho nhau.

(6) *Băng-nhân* 冰人 là người làm mối, nghĩa đã chua ở câu « Nhà băng đưa mối... »



Tiền trăm lại cứ nguyên ngân phát hoàn (1).

Buồng riêng, sửa chốn thanh-nhân,  
Đặt giường thất-bảo, vây màn bát-tiên. (2)

Trai anh-hùng, gái thuyền-quyên,  
Phỉ nguyên sánh phượng, đẹp duyên cưới rờn.

Nửa năm hương lửa đương nồng,  
Trượng-phu thoát đã động lòng bốn phương (3),

Trông vời trời bề mệnh-mang,  
Thanh gươm yên ngựa, lên đường thẳng giông (4).

Nàng rằng: « Phận gái chữ tòng,  
« Chàng đi, thiếp cũng quyết lòng xin đi. »

(1) *Nguyên ngân* 原銀 là số tiền như cũ. *Phát hoàn* 發還 là trao trả lại.

(2) *Giường thất-bảo* đã chưa ở chỗ nói mẹ Hoạn-thư. — *Màn bát tiên* là cái màn có thêu tám vị tiên.

(3) *Trượng phu* 丈夫 là đàn ông, con trai, là người chồng. *Động lòng bốn phương* là động bụng nghĩ đến bốn phương. Bốn chữ này rất có ý-vị. Nguyên xưa công-tử Trùng-nhĩ nước Tấn trong lúc thất-thế chạy sang Tề, vua Tề gả cho nàng Tề-Khương làm vợ. Sau tinh-thế nước Tề thay đổi, Trùng-Nhĩ muốn đứng dậy đi nơi khác để tìm đường công-nghiệp mong lại trở về Tấn làm vua. Tề-Khương biết ý chồng như thế, cho nên bảo hẳn rằng: « 聞子有四方之志... » *Văn tử hữu tứ phương chi chí*. (Nghe rằng chàng có bụng nghĩ ở bốn phương...) — Lại nguyên gốc hai chữ « *bốn phương* » thời hỏi cái nghĩa « *tang bồng* » trong kinh Lễ người con trai mới sinh ra, mà có làm lễ « *cung đầu tên cỏ* » để bắn trời đất bốn phương, vì trời đất bốn phương là những chỗ người con trai sau này phải có việc. — Như vậy thời những chữ trong câu đây tả cái tâm-sự Từ-Hải lúc sắp muốn đứng dậy đi, thực hay !

(4) Trong câu này, hai chữ « *thẳng giông* » ngấm ra chưa được tinh-tế. Vì ở dưới còn có lời Kiều muốn theo, nếu quả thật Từ đã « *lên đường thẳng giông* » thời nàng còn nói sao được nữa. Cho nên như chữ đó, có thể gọi là *vội lời*.

Từ rằng : « Tâm phúc tương-tri,  
 « Sao chưa thoát khỏi nữ-nhi thường tình ?  
 « Bao giờ mười vạn tinh-binh,  
 « Tiếng chiêng dậy đất, bóng tinh (1) rợp đường.  
 « Làm cho rõ mặt phi-thường,  
 « Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi-gia (2).  
 « Bằng nay bốn bề không nhà,  
 « Theo càng thêm bận, biết là đi đâu ?  
 « Đành lòng chờ đó ít lâu,  
 « Chầy chằng là một năm sau, vội gì ? »  
 Quyết lời rút áo ra đi,  
 Gió mây bằng đã đến kỳ dậm khơi. (3)  
 Nàng thì chiếc bóng song mai (4)  
 Đêm thâu đặng-đặng, nhạt cái then mây.  
 Sần rêu chẳng vẽ dấu giày (5),  
 Cỏ cao hơn thước, liễu gầy vài phân.

---

(1) Chữ *tinh* tức là cò, bởi chữ 旌旗 *tinh kỳ*.

(2) *Nghi gia* 宜家 bởi chữ trong Kinh Thi, nói sự con gái về nhà chồng.

(3) Câu này, các bản rất khác nhau. Có nhiều bản đề là : « Gió đưa bằng tiện đã lìa dậm khơi ». Lại có bản đề là « Cánh bằng tiện gió cất lìa dậm khơi ». Đều là gốc ở chữ trong sách Trang-tử nói chim bằng cuối gió bay cao đi xa. Tóm lại chỉ là nói Từ-Hải đã đi khỏi, mà chưa dám bảo câu nào là hơn, dấu câu đây cũng vậy.

(4) Chữ *thì* trong câu đây, có nhiều bản đề là chữ *từ*. — *Song mai* cũng như nói *song đào*, đại-khái là trước song có cây mai.

(5) Nói là ít có vết người đi.

Đoái trông muôn dặm tử phần (1).  
 Hồn quê theo ngọn mây Tần xa-xa (2).  
 Xót thay huyền cỗi xuân già,  
 Tấm lòng thương-nhớ biết là có người ?  
 Chốc đã mười mấy năm trời,  
 Còn ra, khi đã ra mỗi tóc sương !  
 Tiếc thay chút nghĩa cũ-càng,  
 Dầu lia ngó ý, còn vương tơ lòng (3).  
 Duyên em dầu nối chỉ hồng,  
 May ra khi đã tay bằng tay mang.  
 Tắc lòng cố-quốc, tha-hương,  
 Đường kia nối nọ ngổn-ngang bời-bời.  
 Cánh hồng bay bổng tuyệt vời,  
 Đã mòn con mắt phương trời đăm-đăm.

(1) *Tử phần* 梓粉. Hai chữ này chỉ là ý nói chỗ quê hương, mà mỗi chữ gốc ở mỗi nơi, tự tác-giả chấp nhặt lại rất khéo. Nguyên chữ *tử* thời ở trong kinh Thi: 維桑與梓必恭敬止 *Duy tang dĩ tử, tất cung kính chỉ*. Là nói cây dâu và cây tử, do bố mẹ trồng ra, cho nên cũng phải cung kính. Nhân vậy, người đời sau mới dùng hai chữ *tang tử* để nói chỗ quê hương. Còn chữ *phần* thời nguyên vì vua Cao-tổ nhà Hán quê ở làng 粉榆, sau khi đã làm vua mà có về đó cũng lễ. Người đời sau nhân dùng chữ đó, cũng để nói quê hương. Hai chữ *tử phần* trong câu đây, nghe rất như liền nhau, ấy là cái tài của Tác-giả vì sự phải bắt vần mà khéo thu-xếp vậy.

(2) Câu này có lấy ý câu thơ của Hàn-Dũ: 雲橫秦嶺家何在 *Vân hoành Tần-lĩnh gia hà tại*. Nghĩa là : mây kéo ngang núi Tần, biết nhà là ở đâu ? Vậy chữ « *Tần* » đây là tên núi, mà ý câu thời chỉ là nhớ nhà.

(3) Chữ « *ý* » trong câu đây, chỉ là nhân chữ « *lòng* » mà đặt ra. Toàn câu mượn về cây sen để nói tình-tự. Ngó dầu lia mà còn vương, sự thực dầu chưa tan mà mỗi lòng vẫn quấn quít vậy. Cũng có ý nhòm xuống câu dưới.

Đêm ngày luống những âm-thầm,  
 Lửa binh đâu đã âm-âm một phương !  
 Ngất trời, sát-khí (1) mơ-màng,  
 Đầy sông kênh ngạc, chật đường giáp binh (2).  
 Người quen-thuộc, kẻ chung-quanh,  
 Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.  
 Nàng rằng : « Trước đã hẹn lời,  
 « Dầu trong nguy-hiểm, dám rời ước xưa. »  
 Còn đang dùng-dắt ngăn-ngờ,  
 Mãi ngoài đã thấy bóng cờ, tiếng loa.  
 Giáp binh kéo đến quanh nhà,  
 Đồng thanh cùng hỏi : « Nào là phu-nhân ? » (3)  
 Hai bên mười vị tướng-quân,  
 Đặt gươm côi giáp trước sân khấu đầu (4).  
 Cung-ngạ, thê-nữ (5) theo sau,  
 Rằng : « Vâng lệnh-chỉ, rước châu vu-qui (6). »

(1) *Sát-khí* là cái khí dữ-dội của sự giết. Phàm những nơi có việc binh-hỏa, giết người phải nhiều, thối như có cái khí dữ-dội thắm-đạm xông bốc lên một khu bầu trời.

(2) *Kênh ngạc* 鯨鱓 là hai thứ cá dữ tợn, nói vì như binh-sĩ. *Giáp binh* 甲兵 là áo giáp và gươm, là những đồ dùng về việc binh thừa xưa.

(3) *Đồng thanh* 同聲 là các người cùng một tiếng nói. *Phu-nhân* 夫人 là tiếng gọi nàng vợ của những người tôn qui.

(4) *Khấu đầu* 叩頭 nghĩa là sụp lễ má đầu chạm đến đất.

(5) *Cung-ngạ* 宮娥 là các mỹ-nhân trong cung. *Thê-nữ* 彩女 là các người con gái ăn mặc hoa-mỹ để hầu hạ.

(6) *Lệnh-chỉ* 令旨 là ý-khiến của bề trên. Chữ « châu » là tiếng tôn xưng nàng Kiều bây giờ. Theo trong bản của ông Hồ-Đắc-Hàm thối : *Châu* tức tục thường gọi là « Đức-châu » nghĩa cũng như « Đức bà » hay là « Ngai » !

Sẵn-sàng phượng-liễn loan-nghi (1),  
 Hoa-quan phấp-phới, hà-y rõ-ràng (2).  
 Dựng cờ, nổi trống lên đàng,  
 Trúc tờ nổi trước, kiệu vàng kéo sau (3).  
 Hỏa-bài tiền lộ ruồi mau (4),  
 Nam-dinh nghe động trống châu đại-doanh (5).  
 Kéo cờ lũy, phát súng thành,  
 Từ-công ra ngựa, thân-nghênh cửa ngoài (6):  
 Rõ mình lạ vẻ cán đai (7),

(1) *Phượng-liễn loan-nghi* 鳳鸞鸞儀 là xe của nhà vua đi, lấy hình con loan con phượng làm trang-sức cho được nghi-vệ.

(2) *Hoa quan* 花冠 là mũ hoa. *Hà-y* 霞衣 là cái áo đỏ tía, sắc ráng trời. Trong hai câu đây, những đồ dùng qui-trọng là của Từ cho đem về đón.

(3) Chữ *kiệu* trong câu đây, nhiều bản đề là chữ *đào*, e không rõ nghĩa.

(4) *Hỏa bài* 火牌 là một vật cầm đi làm tin trong việc quân quan. Nguyên chữ *bài* là cái phiến gỗ vuông để viết chữ; mà chữ *火* là tỏ ý việc nóng như lửa. Ta thường thấy ở các nha phủ huyện khi trước, có cái bài làm bằng gỗ, to vuông chừng bằng hai bàn tay, có chuôi cầm, trên có mấy chữ đề khắc: 某縣火牌 *mỗ huyện hỏa bài*, còn thời mặt dưới và mặt sau đều đề sơn trắng, là chỗ viết các lời công việc quan. Phàm phái lính đi đòi bắt việc gì, thời cho cầm cái bài ấy. *Tiền lộ* 前路 là đường trước.

(5) *Nam-dinh* 南庭 là triều-dinh ở miền nam. *Đại-doanh* 大營 là chỗ dinh đồn lớn.

(6) *Từ-công* 徐公 tức là ông Từ-Hải. *Thân nghênh* 親迎 là tự mình đi ra đón theo lễ cưới. — Chữ « ra » trong câu đây, có bản đề là *lên*.

(7) Câu này, có chỗ đáng hồ-nghi khó quyết, như chữ ở đầu câu, nguyên trong các bản nôm đều là *h*. Ở các bản quốc-văn đã in thời hoặc đề là *rõ*, là *lũ*, là *lũ*, phân-vân không ra sao; mà chữ *lạ* ở giữa câu, cũng nhiều bản đề là chữ *là*. Nay chỉ xin tường ghi, để đợi ý độc-giả.

Hãy còn cảm én, mảy ngài như xưa.

Cười rằng : « Cá nước duyên ra !

« Nhớ lời nói những bao giờ hay không ?

« Anh-hùng mới biết anh-hùng,

« Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa ? »

Nàng rằng : « Chút phận ngày-thơ,

« Cũng may dây cát được nhờ bóng cây.

« Đến bây giờ mới thấy đây,

« Mà lòng đã chắc những ngày một hai ! »

Cùng nhau trông mặt cả cười,

Dan tay về chốn trường-mai tự tịnh (1).

Tiệc bày thưởng tướng, khao binh,

Om-thồm trống trận, rập-rình nhạc quân.

Vinh-hoa bố lúc phong-trần,

Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày.

Trong quân có lúc vui vầy,

Thong-dong, mới kể sự ngày hàn-vi :

« Khi Vô-tích, khi Lâm-truy,

« Nơi thì lừa-đảo, nơi thì xót-thương.

« Tắm thân rày đã nhẹ-nhàng,

« Chút còn ân-oán đôi đường chưa xong. »

Từ-công nghe nói thủy chung,

Bất-bình nổi trận đùng-đùng sấm vang.

Nghiêm quân tuyển tướng sẵn-sàng,

Dưới cờ một lệnh vọi-vàng ruổi sao (2).

Ba quân chỉ ngọn cờ đào,

Đạo ra Vô-tích, đạo vào Lâm-truy.

---

(1) Tự tịnh 叙情 là cùng nhau bày tỏ tình ý.

(2) Hai chữ ruổi sao bởi chữ 星馳 tinh tri, là nói đi nhanh như sao băng.

Mấy người phụ bạc xưa kia,  
 Chiếu danh tâm-nã (1), bắt về hỏi tra.  
 Lại sai lệnh-tiến truyền qua (2),  
 Giữ-giàng họ Thúc, một nhà cho yên.  
 Mụ Quản-gia, vãi Giác-Duyên,  
 Cũng sai lệnh-tiến đem tin rước mời.  
 Thệ sư (3) kể hết mọi lời,  
 Lòng lồng cũng giận, người người giúp uy.  
 Đạo trời báo phục chĩnh ghê,  
 Chia đi mọi ngã, bắt về đây nơi !  
 Quân-trung, gươm lớn, giáo dài,  
 Vệ trong thị lập, cơ ngoài song phi (4).  
 Săn-sàng tề-chỉnh uy-nghi,  
 Bác đồng (5) chặt đất, tinh kỳ rợp sân.  
 Trương-hùm (6) mở giữa trung-quân,  
 Từ-công sánh với phu-nhân cùng ngồi.  
 Tiên-nghiêm (7) trống chũm dứt hồi,

---

(1) *Tâm nã* 尋拿 là tìm nã.

(2) *Lệnh-tiến* 令箭 là cái cờ nhỏ của các vị tướng-quân để ban phát hiệu-lệnh. Trong lá cờ có viết chữ 令 *lệnh*, mà ở trên ngọn thời hình nhọn ba góc bằng sắt, có tráng bạc.

(3) *Thệ sư* 誓師 là lấy lời khấn-thiết trở bảo các tướng-sĩ.

(4) *Thị lập* 侍立 là đứng hầu. *Song phi* 雙披 là chia ra làm hai hàng. *Vệ* 衛 và *cơ* 奇 là từng vệ, từng cơ quân.

(5) *Bác đồng* 礮 là súng lớn bằng đồng. Chữ *bác* 礮 là súng lớn.

(6) *Trương hùm* 虎帳 là bởi chữ 虎 帳 hồ-trương. Nguyên nghĩa chữ *trương* là cái màn to của ông tướng-quân đi tới đâu căng ra để đóng quân. Hai chữ *hồ-trương* là do một ông vua nước Lương khi xưa từng dùng da hổ làm thành cái màn lớn, hợp liêu-thuộc ở dưới để bàn việc.

(7) *Tiên-nghiêm* 先嚴 là hồi trống đánh đầu tiên, cho được nghiêm hiệu-lệnh.

Điểm danh trước dẫn chực ngoài cửa viên (1).

Từ rằng: « Ân oán hai bên,

« Mặc nàng xử quyết, báo đền cho mình. »

Nàng rằng: « Nhờ cây uy-linh,

« Hãy xin báo đáp ân-tình cho phu.

« Báo ân rồi sẽ trả thù. »

Từ rằng: « Việc ấy để cho mặc nàng. »

Cho grooms mời đến Thúc-lang (2),

Mặt như chàm đỏ, mình như hồng giẽ run.

Nàng rằng: « Nghĩa trọng nghìn năm,

« Lâm-truy người cũ, chàng còn nhớ không ?

« Sấm thương (3) chẳng vẹn chữ tòng,

« Tại ai, há dám phụ lòng cố-nhân.

« Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân,

« Tạ lòng dễ xứng, báo ân gọi là.

« Vợ chàng quỷ-quái tinh-ma,

« Phên này kẻ cắp bà già gặp nhau (4) !

« Kiến bò miệng chén chưa lâu (5),

« Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa ! »

Thúc-sinh trông mặt bấy giờ,

Mồ-hôi chàng đã như mưa ươm dầm.

Lòng riêng mừng, sợ khôn cầm ;

(1) *Điểm danh* 點名 là đếm từng tên. — *Cửa viên* là bởi chữ 戟門 *viên môn*. Ông tướng-quân đóng ở đây, chắt x<sup>e</sup> lên làm cổng. Nghĩa chữ *viên* là bánh xe.

(2) Câu này, có bản đề là: « *Sở tiền trước xưng Thúc-lang* ».

(3) *Sấm thương* 參商 là sao mai và sao hôm, không gặp nhau được. Hai chữ này thường mượn nói về nghĩa cách-biệt.

(4) Nhân ngạn-ngữ có câu « *bà già bắt được kẻ cắp* », nói sự không ngờ có mà có.

(5) Câu này nói đạo trời tuần-hoàn.



Sợ thay ! (1) mà lại mừng thầm cho ai !  
 Mụ-già, sư-trưởng thứ hai (2),  
 Thoắt đưa đến trước, vội mời lên trên.  
 Dắt tay, mở mắt (3) cho nhìn :  
 « Hoa-nô kia với Trạc-tuyền cũng tôi (4) !  
 « Nhớ khi lỡ bước xầy vời,  
 « Non vàng chưa dễ đền-bồi tấm thương.  
 « Nghìn vàng gọi chút lễ thường,  
 « Mà lòng Xiếu-mẫu (5), mấy vàng cho cân ! »  
 Hai người trông mặt tần-ngần,  
 Nửa phần khiếp-sợ, nửa phần mừng vui.  
 Nàng rằng : « Xin hãy rón ngời,  
 « Xem cho rõ mặt, biết tôi báo thù ! »  
 Kíp truyền chư tướng hiến-phù (6),  
 Lại đem các tích phạm-đồ hậu-tra (7).  
 Dưới cò gươm tuốt nấp ra,  
 Chính danh thủ-phạm tên là Hoạn-thư.  
 Thoắt trông nàng đã chào thưa :

(1) Chữ sợ đây, chỉ là Thúc-sinh lúc ấy phải sợ. Theo các bản đều chú là « sợ cho Hoạn-thư », tưởng không cần giáng như vậy.

(2) Thứ hai nghĩa là vào sau Thúc-sinh. Đây là mụ Quản-gia và sư Giác-Duyên.

(3) Xem hai chữ mở mắt trong câu đây, có lẽ sự ăn mặc của Kiều trong lúc ấy có chàng-mạng che ở trước mặt chăng ?

(4) Hai chữ Hoa-nô có ý đối với mụ Quản-gia ; hai chữ Trạc-tuyền có ý đối với sư Giác-Duyên mà nói.

(5) Xiếu-mẫu 漂母 là bà già làm nghề giặt áo. Khi trước Hàn-Tin hàn-vi, gặp bà lão đi giặt gọi về cho ăn cơm ; sau Tin làm nên đến vương-tướng, lấy nghìn vàng tạ ơn.

(6) Hiến phù 獻俘 nghĩa là dâng tù.

(7) Phạm đồ 犯徒 là lũ phạm tội. — Hậu tra 候查 là đợi để tra hỏi.

« Tiều-thư cũng có bây giờ đến đây !  
 « Đàn-bà dễ có mấy tay,  
 « Đòi xưa mấy mặt, đòi này mấy gan !  
 « Dễ-dàng là thói hồng-nhan,  
 « Càng cay-nghiệt lắm, càng oan-trái nhiều (1) ! »  
 Hoạn-thư hồn lạc phách xiêu,  
 Khẩu đầu dưới trướng, liệu điều kêu ca.  
 Rằng : « Tôi chút phận đàn-bà,  
 « Ghen-tuông thì cũng người ta thường-tình !  
 « Nghĩ cho khi gác viết kinh,  
 « Vời khi khỏi cửa, rút tình chẳng theo.  
 « Lòng riêng; riêng cũng kính yêu,  
 « Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai !  
 « Trót đã gây việc chông gai,  
 « Còn nhờ lượng bề thương bài nào chẳng ? »  
 Khen cho : « Thật đã nên rằng :  
 « Khôn-ngoan đến mực, nói-năng phải lời.  
 « Tha ra, thì cũng may đời,  
 « Làm ra thì cũng ra người nhỏ-nhen (2).  
 « Đã lòng tri-quá (3) thì nên ! »  
 Truyền quân-lệnh xuống trướng-tiền tha ngay (4).  
 Tạ lòng; lạy trước sân mây,  
 Cửa viên lại dặt một dây dẫn vào.  
 Nàng rằng : « Lồng-lộng trời cao !

---

(1) Hai câu này có thể là cách-ngôn.

(2) Câu này, nhiều bản đề như đây; cũng có bản đề là: *Làm ra mang tiếng con người nhỏ-nhen*, hay : « Cũng hóa con người... ».

(3) *Tri quá* 知遇 là biết lỗi.

(4) *Quân-lệnh* 軍令 là hiệu-lệnh trong quân. *Trướng tiền* 帳前 là trước trướng, tức là trước chỗ xử việc lúc ấy.

« Hai nhân nhân hại (1) sự nào tại ta ?

« Trước là Bạc-Hạnh, Bạc-bà,

« Bên là Ưng, Khuyển, bên là Sở-Khanh ;

« Tú-bà với Mã Giám-sinh,

« Các tên tội ấy đáng tình còn sao ? »

Lệnh quân truyền xuống nội-đao (2),

Thề sao thì lại cứ sao gia hình (3).

Máu rơi thịt nát tan tành,

Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời,

Cho hay muôn sự tại trời,

Phụ người chẳng bỏ khi người phụ ta !

Mấy người bạc-ác tình-ma,

Mình làm mình chịu, kêu mà ai thương !

Ba quân đông mặt pháp-trường (4),

Thanh-thiên bạch-nhật (5) rõ-ràng cho coi.

Việc nàng báo-phục vừa rồi,

Giác-Duyên vội đã gởi lời từ qui.

Nàng rằng : « Thiên tai nhất thì (6),

(1) 害人 害人 hại nhân nhân hại nghĩa là hại người thì người hại.

(2) Nội-đao 内刀 là quân giữ việc chém giết, theo các bản chủ đều vậy, vậy cũng tức như nói « quân đao-phủ ».

(3) Chữ thề trong câu đây, trong bản của ông Hồ-Đắc-Hàm cho là trở vào lời thề-sư ; theo thiên-nghĩ, là lời thề của bọn Mã Giám-Sinh, Tú-Bà, Bạc-Hạnh khi trước. Xem ở các câu dưới, những chữ « mình làm mình chịu, thanh-thiên bạch-nhật » có thể thêm rõ thấy nghĩa.

(4) Pháp trường 法場 là chỗ làm tội người, tức là trước pháp-luật.

(5) Thanh thiên bạch nhật 青天白日 là nói giữa lúc trời xanh quang, ngày sáng trắng, mọi người cùng biết cùng thấy rõ.

(6) Thiên tai nhất thì 千載一時 là nghìn năm mới có một lần, nói sự gặp nhau hiếm có lúc được vậy.

« Cố nhân đã dễ mấy khi hàn-hoàn (1).

« Rồi đây bèo hợp mây tan,

« Biết đâu hạc nội mây ngàn là đâu (2)? »

Sư rằng : « Cũng chẳng bao lâu,

« Trong năm năm lại gặp nhau đó mà (3).

« Nhớ ngày hành-cước phương xa (4),

« Gặp sư Tam-Hợp, vốn là tiên-tri (5).

« Bảo cho hội hợp chi kỳ (6).

« Năm nay là một, nửa thì năm năm,

« Mời hay tiền-định (7) chẳng lầm,

« Đã tin điều trước, ắt nhắm điều sau.

« Còn nhiều ân-ái với nhau,

« Cơ duyên nào đã hết đâu vội gì ? »

Nàng rằng : « Tiền-định tiên-tri,

« Lời sư đã dạy, ắt thì chẳng sai.

« Họa bao giờ có gặp người,

« Vì tôi cậy hỏi một lời chung thân. »

Giác-Duyên vâng dặn ân-cần,

Tạ-từ, thoát đã dời chân cỏi ngoài.

Nàng từ ân oán rạch-rời.

Bề oan đường đã vui-vời cạnh lòng.

(1) *Bàn-hoàn* 盤桓 nghĩa là quanh-quẩn mà vui-vẻ cùng nhau.

(2) Con hạc ở nội, đám mây ở ngàn, là nói tung-tích vô định của Giác-Duyên như vậy. Chữ *nội* là cánh ruộng, ngàn là dãy núi.

(3) Câu này cũng như câu « *Sóng Tiền-đường sẽ hẹn-hò về sau* » lời Đạm-Tiên ở trên, cùng là một thép văn Tả truyện.

(4) *Hành cước* 行脚 là chân đi, đây cũng là tiếng của nhà tu.

(5) *Tam-hợp* 三合 tên bà sư, là một người tu đắc-đạo. *Tiên-tri* 先知 là biết trước các việc về sau.

(6) *Hội hợp chi kỳ* 會合之期 là cái ngày lại sẽ cùng nhau hội hợp.

(7) *Tiền định* 前定 là việc có theo số đã định trước.

Tạ ân, lạy trước Từ-công :

« Chút thân bờ-liều, nào mong có rày !  
 « Trộm nhờ sấm sét ra tay,  
 « Tắc riêng như cật gánh đầy đồ đi !  
 « Khắc xương ghi dạ xiết chi !  
 « Dễ đem gan óc đền nghì trời mây (1) ! »

Từ rằng: « Quốc-sĩ (2) xưa nay,  
 « Chọn người tri-kỷ, một ngày được chẳng (3) ?  
 « Anh-hùng tiếng đã gọi rằng :  
 « Giữa đường dầu thấy bất-bằng mà tha !  
 « Huống chi việc cũng việc nhà,  
 « Lọ là thâm-tạ, mới là tri-ân !  
 « Xót nằng còn chút song thân,  
 « Bấy nay kẻ Việt, người Tần cách xa.  
 « Sao cho muôn dặm một nhà,  
 « Cho người thấy mặt, là ta cam lòng. »

Vội truyền sửa tiệc quân-trung (4),  
 Muôn binh nghìn tướng hội-đồng tầy oan (5).

(1) Hai chữ « gan óc » trong câu đây, bởi ở chữ 肝腦塗地 can não đồ địa, nghĩa là đem gan và óc mà chát xuống đất ; ý nói làm cho chết mình đi nữa, cũng không đủ báo ơn, chỉ là nói cái ơn không thể nào báo đền được.

(2) Quốc-sĩ 國士 là người đáng có giá-trị trong một nước, người con trai tài giỏi ở trong một nước. Hai chữ này nên đối với hai chữ « quốc-sắc » bên đàn-bà, cùng nhận nghĩa chữ quốc.

(3) Được người tri-kỷ là khó, cho nên được thời phải quý.

(4) Quân-trung 軍中 là trong đám quân.

(5) Làm hội đề tầy oan cho Kiều.

Thừa cơ trúc chẻ, ngôi tan (1).  
 Binh-uy từ ấy sấm ran trong ngoài.

Triều-đình riêng một góc trời,  
 Gồm hai văn vũ, rạch đôi sơn hà.

Đòi cơn gió táp (2) mưa sa,  
 Huyện-thành đập đổ năm tòa cõi Nam (3).

Phong-trần mai một lưỡi gươm,  
 Những loài giá áo túi cơm xá gì (4) !

(1) Hai chữ « *trúc chẻ* » là bởi chữ 破竹 *phá trúc*, nói thể quân đã mạnh, đánh đâu được đấy, như chẻ cây tre, đến sau mấy đốt thời chỉ đưa dao đi rất dễ. Hai chữ *ngôi tan* là bởi chữ 瓦解 *ngũ giải*, nói như hòn ngói đã tan vỡ thời cứ tan vỡ rất dễ. Hai chữ này là nói về bệnh dịch, tức là thể giang-sơn của nhà Minh. Các bản chú đều cho là nghĩa mái ngói sụt thời cứ sụt mãi, e không có bằng cứ.

(2) Chữ này, có nhiều bản đề là chữ *quét*, như thế cũng có nghĩa, song chữ *táp* vẫn là liên chữ tự-nhiên hơn.

(3) Tức là đánh lấy được năm dinh-thành phủ-huyện ở miền nam, mà câu văn đặt vậy lấy mạnh lời.

(4) Trong hai câu đây, bốn chữ « *giá áo túi cơm* » bởi chữ 衣架飯囊 *y giá phạn nang*, là cái giá để mặc áo, cái túi để đựng cơm, nói hạng người hèn mặt ngu si, nghĩa đó đã rõ. — Còn như một câu trên, sáu chữ « *Phong trần mai một lưỡi gươm* » các bản ít thấy có chú; duy trong bản của ông Hồ-Đắc-Hàm cho hai chữ « *phong trần* » là chỉ đời rối loạn, cả toàn câu nghĩa là Từ-Hải mai một lưỡi gươm mà làm cho thiên hạ rối loạn. Trái lại, theo thiên-nghĩ, sáu chữ đó tức là nói về hạng người giá áo túi cơm, mà có bởi ở chữ 書劍老風塵 *thư kiếm lão phong trần* (sách và gươm già với phong trần), nghĩa là chỉ mai một lưỡi gươm trong cảnh phong trần mãi, mà không làm nên vương tướng gì, thời những loài giá áo túi cơm ấy đáng kể chi. Hai câu này nên đọc suốt làm một; từ văn thời nên xem với câu « *Một đời được mấy anh-hùng, bỏ chi cá chậu chim lồng mà chơi* ». Như hai câu đó là tả ra lời nói của Từ-Hải; hai câu đây là suy cái bụng nghĩ của Từ-Hải, đại ý cũng như nhau.

Nghênh-ngang một cõi biên-thùy,  
 Thiếu gì cô quả, thiếu gì bá-vương (1) !  
 Trước cớ ai dám tranh cường (2),  
 Năm năm hùng-cử một phương hải-tân (3).  
 Có quan Tổng-đốc trọng-thần (4),  
 Là Hồ Tôn-Hiến, kinh-luân gồm tài (5).

(1) Câu này, hai chữ « thiếu », các bản quốc văn và các bản chữ nôm hiện nay đều đề cả như vậy; trong bản đây, cũng là theo phần công chúng mà không dám khác hẳn tự theo ý riêng. Song phần riêng tôi nhớ từ năm đã lâu, được non thấy ở một bản in chữ nôm hai chữ này đề là 劍 cho nên có người đọc là *hiếm*, có người đọc là *kém*, Chữ *hiếm* thời nghĩa cũng cùng như chữ *thiếu*; còn chữ *kém* thời nghĩa lại khác. Trộm nghĩ : nếu Từ-Hải khi đó có đã xưng đế 帝 thời chữ « *thiếu* » trong câu đây mới có nghĩa. Vì *bá vương* 伯王 tức là hạng Chư-hầu-vương mà có ý hùng cường, có 孤 寡 寡 (tức chữ quả nhân) thời là những tiếng tự xưng của hạng bá vương ấy. Cho nên như trong câu đây mà hai chữ ấy là *thiếu*, thời phải nhận nghĩa rằng : dưới từ, hay trong cái cung đình của Từ, không thiếu gì những người là *cô quả*, *bá vương* vậy. Nay cứ ở Minh-sử, Từ-Hải chỉ là một kẻ có tên trong bọn giặc bề; mà xem trong văn Kiều như câu « *Đại-vương lên Hải hạp Từ* » thời hai chữ « *đại-vương* » đủ là tiếng tôn xưng của Từ. Cho nên lấy sự thực xét với văn lý, thời chữ *kém* phải nghĩa hơn, nghĩa là cũng cô quả, cũng bá vương, không kém gì ai vậy. Nay theo các bản cũng đề là chữ *thiếu*, mà một mối hoài-nghi đó xin ghi đề cùng các hiểu-học quân-tử cùng xét coi.

(2) *Tranh cường* 爭彊 là tranh sức mạnh, sự mạnh.

(3) *Hùng cử* 雄據 là chiếm cứ một cách uy hùng. *Hải tân* 海濱 là bến bờ, men bờ.

(4) *Tổng-đốc* 總督, là chức Tổng-đốc. Hồ-tôn-Hiến khi đó xưng làm *Tổng-đốc quán-vụ* để dẹp giặc miền bờ. *Trọng-thần* 重臣 là kẻ bề tôi trọng nhiệm, tức là một ông quan có chức trọng.

(5) *Hồ-tôn-Hiến* 胡宗憲. *Kinh-luân* 經綸 là sửa-sang ngang dọc, nghĩa là cánh-đảng xử-tri được mọi việc của nhà nước.

Đầy xe, vâng chỉ đặc-sai (1),  
 Tiện-nghỉ bạt tiểu, việc ngoài đồng nhung (2).  
 Biết Từ là đáng anh-hùng,  
 Biết nàng cũng dự quân-trung luận-bàn.  
 Đóng quân, làm chước chiêu-an (3),  
 Ngọc, vàng, gấm, vóc, sai quan thuế hàng (4).  
 Lại riêng một lễ với nàng,  
 Hai tên thê-nữ, ngọc vàng nghìn cân.  
 Tin vào gởi trước trung-quân,  
 Từ-công riêng hãy mười phân hồ-đồ (5) :  
 « Một tay gây dựng cơ-đồ (6),  
 « Bấy lâu bề Sở sông Ngô tung-hoành !  
 « Bỏ thân về với triều-đình,  
 « Hàng-thần lơ-láo (7) phận mình ra đâu ?

(1) Hai chữ « đầy xe » là bởi chữ 推 轂 *thôi cắc*, nghĩa là đẩy bánh xe. Xưa ông vua sai ông tướng đi việc đánh dẹp can-hệ, có làm lễ « đẩy bánh xe », vua thân mô tay vào bánh xe của ông tướng ngồi mà đẩy đi, tỏ ý thân-trọng đề mong cho hết lòng được việc. *Đặc sai* 特 差 là truyền sai, riêng sai đi, cử đi cho làm việc đó.

(2) *Tiện nghỉ* 便宜 là được tùy-tiện theo sự nghỉ mà làm. *Bạt tiểu* 撥 勦 là dẹp giặc, đánh giặc. Có bản đề là *phủ tiểu*, chữ *phủ* 撫 thời là nghĩa xử-trì cho được yên. *Đồng nhung* 董 戎 là cang-đáng coi tất cả sự nghỉ về việc quân.

(3) *Đóng quân* là chỉ cứ đóng yên quân-sĩ mà không cần vội sự đánh nhau. *Chiêu an* 招 安 là vời cho giặc hàng, cho được yên.

(4) *Thuế hàng* 說 降 là dỗ bảo cho về hàng.

(5) *Hồ đồ* 糊 塗 là chưa hiểu ra sao, nghĩa là chưa rõ sự nghỉ thế nào.

(6) *Cơ-đồ* 基 圖 cũng như cơ-nghiệp.

(7) *Hàng thần* 降 臣 là kẻ bề tôi nguyên đã làm giặc mà sau về ra thù, hàng phục. *Lơ-láo* là không có tính ý thân thiết gì.



« Áo xiêm ràng buộc lấy nhau (1),  
 Vào luồn ra cúi, công hầu mà chi !  
 « Sao bằng riêng một biên-thùy,  
 « Sức này, đã dễ làm gì được nhau ?  
 « Chọc trời quấy nước mặc dầu,  
 « Đọc, ngang nào biết trên đầu có ai ! »  
 Nàng thời thật dạ tin người,  
 Lễ nhiều nói ngọt (2), nghe lời dễ xiêu.  
 Nghĩ mình: « mặt nước cánh bèo,  
 « Đã nhiều lưu-lạc, lại nhiều gian-truân (3).  
 « Bằng nay chịu tiếng vương-thần (4),  
 « Thênh-thênh đường cái thanh-vân (5) hẹp gì ?  
 « Công, tư, vẹn cả hai bề,  
 « Dần-dà rồi sẽ liệu về cố-hương.  
 « Cũng ngôi mệnh-phụ đường-đường (6),  
 « Nở-nang mày mặt, rõ-ràng mẹ cha.  
 « Trên vì nước, dưới vì nhà,  
 « Một là đặc hiếu, hai là đặc trung.

(1) Hai chữ « ràng buộc », có nhiều bản đề là *buộc trói*.

(2) Bốn chữ này bởi chữ ở trong sách Tả-truyện: 辭重而言甘. 誘我也 *tê trọng nhi ngôn cam, dụ ngã dã*. Nghĩa là: của đem đến thì nhiều mà lời nói thì ngọt, ấy là nó dỗ ta. Lời của một ông quan nước Tấn đoán cái tình ý của sứ-giả bên địch-quốc.

(3) *Lưu-lạc* 流落 là trôi nổi, rơi rụng. *Gian truân* 艱屯 là gian-nạn, truân-triên, tức là nghĩa vất-vả.

(4) *Vương-thần* 王臣 là bề tôi nhà vua.

(5) *Thanh-vân* 青雲 là mây xanh. *Đường thanh-vân* là nói đường công danh.

(6) *Mệnh-phụ* 命婦 là vợ ông quan to, được có vua ban danh mệnh cho. *Đường đường* 堂堂 tức là ý đường hoàng.

« Chẳng hơn chiếc bách giữa giòng,  
 « E-dè sóng gió, hải-hùng cỏ hoa (1). »  
 Nhân khi bàn bạc gần xa,  
 Thừa cơ (2), nằng mõi bàn ra nói vào.  
 Rằng : « Trong Thánh-trạch (3) dồi-dào,  
 « Tươi ra đã khắp, thấm vào đã sâu.  
 « Bình-thành (4) công-đức bấy lâu,  
 « Ai ai cũng đội trên đầu biết bao.  
 « Ngẫm từ gây việc binh-đao, (5)  
 « Đổng xương Vô-định (6) đã cao bằng đầu.  
 « Làm chi đề tiếng về sau,  
 « Nghìn năm ai có khen đầu Hoàng-Sào. (7)

(1) Hai chữ « cỏ hoa », theo nhiều bản như đây ; có bản đề là « nước sa », có khi phải nghĩa hơn. — Một đoạn đây tả tâm-lý của Kiều thời chết thực đáng kiếp !

(2) *Thừa cơ* 乘機 là nhân theo cơ-hội, tức là nhân cái dịp tiện.

(3) *Thánh trạch* 聖澤 là ơn thánh, tức là nói ơn nhà vua.

(4) *Bình thành* 平成 bởi chữ trong kinh thư, nói nhà vua sửa sang việc đời giúp cho trời đất được bằng phẳng nên việc.

(5) Chữ « gây » trong câu đây, có bản đề là *dấy*, là *khởi*. *Bình đao* 兵刀 là gươm đao.

(6) *Vô-định* 無定 là tên một con sông ở ngoài biên tỉnh Thiểm-tây của Tàu, vì cát sô nước mạnh, chỗ nông chỗ sâu không nhất định, cho nên gọi là *Vô-định hà*. « *Đổng xương vô-định* » là lấy nghĩa ở câu thơ cổ « 可憐無定河邊骨. 猶是深閨夢裡人 *Khả liên Vô-định hà biên cốt, do thị thâm-khuê mộng lý-nhân* ». Nghĩa là : đáng thương cho những cái xương ở bên sông Vô-định, mà còn là cái người trong giấc mộng ở chốn buồng thê sâu kín kia. Ý hai câu thơ này tức là thương cho việc chinh-chiến, nói những kẻ chinh-phu đã chết mà ở nhà còn nhớ mong. Cho nên câu này là lời Kiều muốn nói đề cảm động Từ-Hải.

(7) *Hoàng-Sào* 黃巢 là một tay làm giặc đời nhà Đường, đánh phá kinh-thành Tràng-an.

« Sao bằng lộc trọng quyền cao,  
 « Công-danh ai dứt lối nào cho qua ? »  
 Nghe lời nàng nói mặn-mà,  
 Thế công, Từ mới trở ra thế hàng (1).  
 Chinh nghi tiếp sứ vội-vàng (2),  
 Hẹn kỳ thúc giáp, quyết đường giải binh (3).  
 Tin lời thành hạ yêu minh (4),  
 Ngọn cờ ngo-ngác, trống canh trê-tràng.  
 Việc binh bỏ chẳng giữ-giang,  
 Vương-sur nghe đã tỏ tường thực hư (5).  
 Hồ-công quyết kể thừa cơ (6),  
 Lê tiên, binh hậu, khắc-cờ tập-công (7).

(1) *Công* 攻 là đánh. *Hàng* 降 là thần phục.

(2) *Chinh nghi* 整飭 là chỉnh đốn nghi-lễ, duy-ughi. *Tiếp* 接使 là mời tiếp sứ-giã.

(3) *Thúc giáp* 束甲 là bó các áo giáp lại. *Giải binh* 解兵 là thôi bỏ việc cầm quân.

(4) *Thành hạ yêu minh* 城下要盟 là chữ trong sách Xuân thu, nói sự thề bắt buộc ở dưới thành là một điều đáng xấu-hổ. (Nghĩa là trong thành không chống cự được nữa mà phải chịu ăn thề ngay như đó.) — Hai câu này, tác-giã có ý thương cho Từ-Hải, mà một chữ « tin » trong câu đây, tức có ý mắng mạt họ Hồ.

(5) *Vương sur* 王師 là quân của nhà vua. — Chữ *nghe* có bản đề là chữ *rời*. — *Thực hư* 實虛 là tình-hình như sao.

(6) *Quyết kế* 決計 là quyết định phương-kế như thế. Chữ *thừa cơ* đã có chưa ở trên, mà ở câu này càng mặn nghĩa, là nhân theo cái lúc đánh được.

(7) *Lê tiên binh hậu* 體前兵後 là lẽ-nghi đặt trước mà có quân phục ở sau. *Khắc-cờ* 刻期 là khắc định kỳ-hạn. *Tập công* 襲攻 là đánh úp, nghĩa là nhân lúc hèn địch không ngờ mà đánh luôn, tức là bất-thình-linh mà đánh.

Kéo cờ chiêu-phủ (1) tiên-phong,  
 Lễ-nghi giàn trước, bác-đồng phục sau (2).  
 Từ-công hờ-hững biết đâu ?  
 Đại-quan lễ-phục ra đầu cửa viên (3).  
 Hồ-công ám-hiệu trận tiền (4),  
 Ba bề phát súng, bốn bên kéo cờ.  
 Đang khi bất ý chẳng ngờ,  
 Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn !  
 Tử sinh liều giữa trận tiền,  
 Dạn-dây cho biết gan liền tướng-quân !  
 Khi thiêng khi đã về thần,  
 Nhon-nhon còn đứng chôn chân giữa vòng !  
 Trơ như đá, vững như đồng,  
 Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời.  
 Quan quân thừa thế đuổi dài (5),  
 Ầm ầm sát khí, ngất trời ai đang (6) !  
 Trong hào ngoài lũy tan-hoang,

---

(1) *Chiêu phủ* 招撫 nghĩa là vờ về, mà vờ về yên-ủi. Chức quan *Chiêu phủ* là cốt đi đề dụ cho giặc hàng, mà không qui ở sự đánh. *Tiên phong* 先鋒 là toàn quân đi trước. Câu này chỉ nghĩa là một toán quân trước hết hãy kéo cờ ra hiệu chiêu-phủ, tỏ ý dụ hàng.

(2) Một câu này tức là nói rõ chữ « *lễ tiền binh hậu* » ở trên.

(3) *Đại-quân lễ-phục* 大官禮服 là đồ mặc theo lễ-nghi của một vị quan lớn. — Chữ đầu đây, các bản nôm phần nhiều đề là 頭, nghĩa là ra ở trước cửa. Có bản cho là đầu hàng, e vụn nghĩa quá. Chữ *cửa viên* đã có chưa ở trên.

(4) *Ám-hiệu* 暗號 là ra hiệu riêng, hiệu lệnh kín của nhà binh. *Trận tiền* 陣前 là trước mặt trận.

(5) *Thừa thế* 乘勢 là nhân cái thế đã được. Hai chữ *đuổi dài* hơi ở chữ 長 驅 tràng khu.

(6) Câu này có ý khinh-bĩ một cách nói mát.

Loạn-quân (1) vừa dắt tay nàng đến nơi.

Trong vòng tên đá bời bời (2),

Thấy Từ còn đứng giữa trời tro-tro.

Khóc rằng: « Trí dũng (3) có thừa,

« Bỡi nghe lời thiếp nên cơ-hội này !

« Mặt nào trông thấy nhau đây ?

« Cũng liều sống thác một ngày với nhau ! »

Dòng thu như dội cơn sầu (4),

Dứt lời, nàng cũng gieo đầu một bên.

Lạ thay oan-khí tương-triền (5) !

Nàng vừa phục xuống, Từ liền ngã ra.

Quan-quân kẻ lại người qua,

Xót nàng sẽ lại vực ra dần-dần.

Đem vào đến trước trung-quân,

Hồ-công thấy mặt, ân-cần hỏi han.

Rằng: « Nàng chút phận hồng-nhan,

« Gặp cơn binh cách (6) nhiều nàn cũng thương !

« Đã hay thành toán miếu-đường (7),

« Giúp công cũng có lời nàng mới nên.

(1) *Loạn quân* 亂軍 là đám quân lính rối loạn.

(2) *Tên đá* 矢石 bời bời chữ 矢 石 thì-thạch, nghĩa là tên và đạn.

(3) *Trí* 智 là trí khôn. *Dũng* 勇 là sức mạnh.

(4) *Dòng thu* 是 nói dòng nước mắt. Hai chữ này cũng lại mới.

(5) *Oan khí* 冤氣 là cái khi oan. *Tương điền* 相纏 nghĩa là quấn quít nhau.

(6) *Binh cách* 兵革 cũng như nói binh hỏa; nghĩa chữ cách là da, là nói những đồ binh có dùng bằng loài da.

(7) *Thành toán* 成算 là nên mưu, là xong việc. *Miếu* 廟 là nhà tôn miếu; *Đường* 堂 là chốn triều đường. *Miếu đường* cũng như nói xã-tắc triều-đình.

« Bảy giờ sự đã vẹn tuyền,  
 « Mặc lòng nghĩ lấy muốn xin bề nào? »  
 Nàng càng giọt ngọc tuôn dào,  
 Ngập-ngừng mới gởi thấp cao sự lòng.  
 Rằng : « Từ là đáng anh-hùng,  
 « Dọc ngang trời bề, vẫy-vùng bề khơi !  
 « Tin tôi, nên quá nghe lời,  
 « Đem thân bách-chiến (1) làm tôi Triều-đình.  
 « Ngõ là phu quý, phu vinh (2),  
 « Ai ngờ một phút tan-tành thối xương (3) !  
 « Năm năm trời bề ngang-tàng (4),  
 « Đem mình đi bỏ chiến-tràng (5) như không.  
 « Khéo khuyển kẻ lấy làm công,  
 « Kể bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu !  
 « Xét mình công ít, tội nhiều (6),  
 « Sống thừa, tôi đã nên liều mình tôi !

---

(1) *Bách chiến* 百戰 là trăm trận đánh. Ý nói trăm trận đánh nhau không thua, hai chữ này là chữ của Hạng-Vũ ngày trước.

(2) *Phu quý phu vinh* 夫貴婦榮 là chồng làm nên quan sang, vợ cũng được vinh hiển.

(3) Hai câu này lời nói tự nhiên, mà cũng đáng thẹn cho người khác.

(4) *Ngang tàng* 昂藏 là ý ngông nghênh không cầu ai.

(5) *Chiến tràng* 戰場 là chốn đánh nhau, chỗ chiến trận.

(6) Chữ « công » trong câu này, nghe không được yên nghĩa ; vì sự giết Từ-Hải, tự Kiều không nên nói là công ;

« Xin cho tiện-thổ một doi (1),  
 « Gọi là đắp-điểm lấy người tử-sinh ! »  
 Hồ-công nghe nói thương tình,  
 Truyền cho cảo-táng di-hình bên sông (2).  
 Trong quân mở tiệc hạ công (3),  
 Xôn-xao tơ trúc, hội-đồng quân quan.  
 Bắt nàng thị yến (4) dưới màn,  
 Giở say lại ép cung đàn nhật tâu (5).  
 Một cung gió thấm mưa sầu,  
 Bốn dây giở máu năm đầu ngón tay !  
 Ve ngâm vượn hót nào tày,  
 Lọt tai, Hồ cũng nhĩn máy rơi châu.  
 Hỏi rằng : « Đây khúc ở đâu ?  
 « Nghe ra muồn oán nghìn sầu lắm thay ! »

(1) Câu này, các bản phần nhiều khác nhau. Nguyên ở các bản nôm, có bản là 淺土 *thiền thổ*, có bản là 賤土 *tiện thổ*, chữ cuối thời phần nhiều là 堆, cho nên các bản in ra quốc văn cũng vì thế mà khác nhau. Trong bản đây theo sự in và lời chua của ông Hồ-Đắc-Hàm. *Tiện thổ* 賤土 là chỗ đất hèn hạ; *doi* là giải đất bồi sa ở giọc bờ bề, bờ sông. Đây ý Kiều muốn xin một miếng đất rất hèn hạ để chôn Từ-Hải. Ý câu chỉ có như vậy, thời đầu là chữ 淺土 *thiền thổ* cũng phải nghĩa, nghĩa là chỗ đất nông trũng. Còn như chữ cuối câu mà có bản đề là *doi* thời e không phải lời quốc văn.

(2) *Cảo táng* 稿葬 là chôn một cách cầu thả, sơ sài. — *Di hình* 遺形 là cái hình thể còn lại.

(3) *Hạ công* 賀功 là mừng sự thành công, thắng trận.

(4) *Thị yến* 侍宴 là hầu việc ăn yến, ăn tiệc.

(5) Hai chữ này, ở trong các bản nôm là 日奏 cho nên các bản quốc văn hoặc đề là *nhật tâu*, hoặc đề là *nhật tấu*; trong bản của ông Hồ-Đắc-Hàm chua rằng: « *nhật tấu* là văn đàn cho mau kịp ». Cứ ngu-kiến thời hai chữ này không khỏi ép gượng; *nhật* hay *nhật*, đều chưa dám nhận nghĩa.

Thưa rằng : « Bạc-mệnh khúc này,  
 « Phở vào đàn ấy, những ngày còn thơ (1).  
 « Cung cầm lựa những ngày xưa,  
 « Mả gương bạc-mệnh bây giờ là đây ! »  
 Nghe càng đắm, đắm càng say (2),  
 Lạ cho mặt sắt cũng ngày vì tình !  
 Dạy rằng : « Hương lửa ba sinh,  
 « Dây loan xin nối cầm lành cho ai. »  
 Thưa rằng : « Chút phận lạc-loài,  
 « Trong mình nghĩ đã có người thác oan.  
 « Còn chi nữa cánh hoa tàn !  
 « Tơ lòng đã đứt dây đàn Tiểu-Lân (3).  
 « Rộng thương còn mảnh hồng-quần,  
 « Hoi tàn được thấy gốc phần (4) là may ! »  
 Hạ công chén đã quá say,  
 Hồ-công đến lúc rạng ngày nhớ ra.  
 Nghĩ mình phương-diện quốc-gia (5).  
 Quan trên ngắm xuống, người ta trông vào.  
 Phải tưởng trắng gió hay sao ?  
 Sự này biết tính thế nào được đây ?

(1) Phở 譜 là ghép vào. Thơ là trẻ thơ.

(2) Có bản đề là : Càng nghe, càng đắm, càng say.

(3) Tiểu lân 小憐 là tên một người đàn-bà hay đàn thùa xưa, sau bị cải giá, nhân lúc dây đàn đứt, nàng có thơ rằng 欲知心斷絕. 應看膝上絃. dịch tri tâm đoạn tuyệt, ưng khan tất thượng huyền. Nghĩa là muốn biết mối tơ lòng đứt nát, thời nên coi ở cái dây đàn trên đầu gối.

(4) Chữ « phần » đây đã có chưa ở chữ « lủ phần » ở trên.

(5) Phương diện 方面 nguyên nghĩa là một mình chống đương một mặt ; sau nhận gọi các quan to ở ngoài cõi là « phương diện ». Phương diện quốc gia tức là người tại mặt của nhà nước.



Công-nha (1) vừa buổi rạng ngày,  
 Quyết tình, Hồ mới đoán ngay một bài.  
 Lệnh quan, ai dám cãi lời,  
 Ép tình mới gán cho người thổ-quan (2).  
 Ông tơ thực nhé đa-đoan !  
 Xe tơ sao khéo vợ quàng vợ xiên ?  
 Kiệu hoa áp thẳng xuống thuyền,  
 Lá màn rủ thấp, ngọn đèn khêu cao.  
 Nàng càng ủ liêu phai đào,  
 Trăm phần nào có phần nào phần tươi ?  
 Đành thân cát lấp sóng vùi,  
 Cướp công cha mẹ, thiệt đời thông-minh !  
 Chân trời mặt bể (3) lênh-đênh,  
 Nắm xương biết gởi tử sinh chốn nào ?  
 Duyên đâu, ai dứt tơ đào ?  
 Nợ đâu ? ai bồng dặt vào tận tay !  
 Thân sao, thân đến thế này ?  
 Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi !  
 Đã không biết sống là vui,  
 Tắm thân nào biết thiệt thời là thương !  
 Một mình cay đắng trăm đường,  
 Thời thì nát ngọc tan vàng thì thời !  
 Mảnh trắng đã gác non đồi,  
 Một mình luống những đứng ngồi chưa xong.

(1) Công nha 公衙 cũng như công thự, là chỗ họp các nha-thuộc để coi làm việc quan.

(2) Thổ quan 土官 là ông quan ở đất ấy, tức như các quan lang trên ruộng ta.

(3) Chữ này theo các bản đều đề là « bể », song nghĩ là chữ nước, có lẽ phải nghĩa hơn.

Trào (1) đầu nổi tiếng ùng-ùng,  
 Hỏi ra mới biết rằng sông Tiền-đường. (2)  
 Nhớ lời thần mộng rõ-ràng.  
 Nay thôi hết kiếp đoạn-tràng là đây !  
 « Đạm-Tiên, nàng hỡi có hay ?  
 « Hẹn ta thi đọi dưới này rước ta. »  
 Dưới đèn sẵn bức tiên-hoa,  
 Một thiên tuyết-bút (3), gọi là đề sau.  
 Cửa bông (4) vội mở rèm châu,  
 Trời cao sông rộng một màu bao-la.  
 Rằng : « Từ-công hậu-đãi ta,  
 « Chút vì việc nước (5) mà ra phụ lòng.  
 « Giết chồng mà lại lấy chồng,  
 « Mặt nào mà lại đứng trong cõi đời ?  
 « Thôi thì một thác cho rồi,  
 « Tấm lòng phó mặc trên trời, dưới sông ! »  
 Trông vời con nước (6) mênh-mông,  
 Đem thân gieo xuống giữa dòng tràng-giang.  
 Thồ-quan theo vớt vôi-vàng,  
 Thì đà đắm ngọc chìm hương cho rồi !

---

(1) Trào 潮 là nước trào ở bề dâng lên.

(2) Tiền đường 錢塘 là con sông ở về tỉnh Chiết-giang, tức là hạ-du sông Chiết-giang.

(3) Tuyết bút 絕筆 nghĩa là viết đến đấy nữa là thôi.

(4) Nghĩa là cửa thuyền.

(5) Bốn chữ này cũng như chữ « công ít » ở câu « nghĩ mình công ít tội nhiều ». Bồn-ý của Thúy-Kiều khuyên Từ-Hải ra hàng không phải là « vì việc nước ». Chỗ đó chẳng là tác-giả « vẽ rắn thêm chân » mà đã làm cho người trong truyện mang thêm tội lỗi trong ân nghĩa vợ chồng ru ?

(6) Con nước là tiếng gọi ngày nước lên.

Thương thay, cũng một kiếp người !  
 Hai thay, mang lấy sắc tài làm chi !  
 Những là oan-khổ lưu-ly,  
 Chờ cho hết kiếp, còn gì là thân ?  
 Mười lăm năm, bấy nhiêu lần,  
 Làm gương cho khách hồng-quần thử soi !  
 Đòi người đến thế thi thời !  
 Trong cơ âm cực dương hồi (1) khôn hay.  
 Mấy người hiểu nghĩa xưa nay,  
 Trời làm chi đến lâu ngày càng thương !  
 Giác-Duyên từ tiết giả nàng,  
 Đeo bầu quả chấp, rộng đường vân-du (2).  
 Gặp bà Tam-hợp đạo-cô, (3)  
 Thông-dong hỏi hết nhỏ to sự nàng :  
 « Người sao hiểu nghĩa đủ đường ?  
 « Kiếp sao chịu những đoạn-trường thế thời (4) ? »  
 Sư rằng : « Phúc họa đạo Trời,  
 « Cõi nguồn, cũng ở lòng người mà ra.

---

(1) *Âm cực dương hồi* 陰極陽回 là khi âm đã cùng cực thời khi dương lại về, chữ đó nguyên là nói đạo trời tuần-hoàn, mà đây tác-giả muốn gợi ra câu chuyện « tái ngộ » của Kiều, cho nên lấy bốn chữ này làm truyện nói vận bỉ đã hết mà sẽ lại chuyển sang vận thái vậy. Hai chữ « âm dương » cũng đặt nghĩa, vì Thúy-Kiều đã chết mà lại muốn nói một cuộc sống.

(2) *Vân du* 雲遊 là đi chơi nay đây mai đó, như đám mây vô-định. Chữ này dùng nói về các người tu hành. — Chữ *chấp*, nhiều bản đề là *níp*, tức nghĩa là cái chấp, vậy đề luôn chữ *chấp* cho thuận tiện.

(3) *Tam hợp đạo cô* 三合道姑 tức là bà sư Tam-hợp.

(4) Chữ *chịu* có bản đề là chữ *mắc*; nhiều bản lại đề là chữ *rệt*.

- « Có trời mà cũng có ta,  
 « Tu là cỗi phúc, tình là giây oan.  
 « Thúy-Kiều sắc-sảo, khôn-ngoa,  
 « Vô-duyên là phận hồng-nhan đã đành ;  
 « Lại mang lấy một chữ tình,  
 « Khư-khư mình buộc lấy mình vào trong.  
 « Vậy nên những chốn thong-dong,  
 « Ở không yên-ôn, ngồi không vững-vàng.  
 « Ma đưa lối, quỷ đưa đường,  
 « Lại tìm những chốn đoạn-trường mà đi.  
 « Hết nạn ấy, đến nạn kia,  
 « Thanh-lâu hai lượt, thanh-y hai lần (1).  
 « Trong vòng dáo dộng gươm trần,  
 « Kê rằng hùm sói, (2) gửi thân tôi-đòi.  
 « Giữa dòng nước chảy sóng giời,  
 « Trước hàm rồng cá gieo mồi bằng tình (3).  
 « Oan kia theo mãi với tình,  
 « Một mình mình biết, một mình mình hay.  
 « Làm cho sống đọa thác đây,  
 « Đoạn-trường cho hết kiếp này mới thôi (4) ! »

(1) Câu này lời thật gọn mà hay ở hai chữ *thanh* 青. Bao tình-cảnh của Kiều ở Lâm-truy, Vô-tích, Thái-châu, thu vào trong tám chữ hồ hết.

(2) *Hùm sói* tức là nghĩa chữ *hồ lang* 虎狼 (*Lang* là chó sói). Hai chữ này ý nói về Hồ-Tôn-Hiến và binh tướng của hắn.

(3) Hai chữ này, các bản phần nhiều khác nhau. Nhiều bản đề là *vắng tanh*, cũng có bản đề là *thủy-tinh*. Đây theo bản nôm của nhà Ngô-tử-Hạ in ra, đề là *bằng tình* 冰情. mong được giống với chữ *tôi dôi* ở trên; *bằng tình* nghĩa là nói cái thân trong trắng như băng, như thủy-tinh vậy.

(4) Một đoạn đây, mượn lời sư Tam-hợp phát một thiên tổng-luận về thân-thế Kiều, cũng tỏ rằng như thế là hết sự thực, còn phần dưới là phần bịa thêm. Đoạn văn này vừa có thể, vừa có lực.

Giác-Duyên nghe nói rùng-rời :  
 « Một đời nằng nhể (1) ! thương ôi còn gì ? »  
 Sự rằng : « Song chẳng hề chi,  
 « Nghiệp, duyên (2), cân lại nhắc đi còn nhiều !  
 « Xét trong tội-nghiệp (3) Thủy-Kiều :  
 « Mặc điều tình-ái, khỏi điều tà-dâm.  
 « Lấy tình-thâm, trả tình-thâm (4),  
 « Bán mình đã động hiếu-tâm đến Trời !  
 « Hại một người, cứu muôn người,  
 « Biết đường khinh trọng, biết lời phải chẳng.  
 « Thừa công-đức ấy ai bằng ?  
 « Túc-khiên (5) đã rửa làng-làng sạch rồi !  
 « Khi nên, Trời cũng chiều người,  
 « Nhẹ-nhàng nợ trước, đền bồi duyên sau.  
 « Giác-Duyên dù nhớ nghĩa nhau,  
 « Tiền-đường thả một bè lau rước người.  
 « Trước sau cho vẹn một lời,  
 « Duyên ta mà cũng phúc Trời chi không (6) ! »  
 Giác-Duyên nghe nói mừng lòng,  
 Lân-la tìm thú bên sông Tiền-đường.  
 Đánh tranh lợp mái thảo-đường (7),

(1) Chữ này, nhiều bản đề là *hối*.

(2) *Nghiệp* 業 là tội-nghiệp ; *duyên* 緣 là nhơn-duyên.

(3) *Tội nghiệp* 罪業 là cái tội nợ truyền kiếp. Chữ *nghiệp* đây tức là *nghiệp-chướng* 業障. Song nhận văn-thể của hai chữ này, nếu là chữ *tội-án* 罪案, có khi rõ nghĩa hơn.

(4) *Tình-thâm* 情深 là nói tình cha con.

(5) *Túc-khiên* 夙愆 là nói lỗi trước.

(6) Đoạn này không khỏi khiên-cưỡng, vì lý kém, cho nên lời phải yếu.

(7) *Thảo-đường* 草堂 là nhà lợp bằng gianh, cỏ.

Một gian nước biếc mây vàng chia đôi (1).

Thuê năm (2), ngư-phủ hai người,  
Đóng thuyền chực bến, kết chài giăng sông.

Một lòng chẳng quản mấy công,  
Khéo thay gặp-gỡ cũng trong chuyền-vần !

Kiều từ gieo xuống duềnh ngân (3),  
Nước xuôi bỗng đã trôi dần tận nơi.

Ngư-ông kéo (4) lưới vớt người,  
Ngâm lời Tam-hợp rõ mười chẳng ngoa !

Trên mui lướt-thướt áo là,  
Tuy dầm hơi nước, chưa lòa bóng gương (5).

Giác-Duyên nhận thật mặt vàng,  
Nàng còn thêm-thiếp giắc vàng chưa phai.

Mơ-màng phách quế hồn mai,  
Đạm-Tiên, thoát đã thấy người ngày xưa.

Rằng : « Tôi đã có lòng chờ,  
« Mất công mười mấy năm thừa ở đây.  
« Chị sao phận mỏng, đức dày ?  
« Kiếp xưa đã vậy, lòng này dễ ai !  
« Tấn thành đã thấu đến Trời,  
« Bán mình là hiếu, cứu người là nhân,

---

(1) Câu này, lời văn rất đẹp, trong bản của ông Hồ Đắc-Hàm chưa rằng : « Lâm nhà ở bên sông, trên thời mây, dưới thời nước, như một gian nhà ở giữa mà chia trời nước ra hai phần cách nhau.

(2) Nghĩa là thuê luôn cả năm.

(3) Ngân 銀 là bạc, ý nói nước trắng như bạc.

(4) Ngư ông 漁翁 là ông lão đánh cá.

(5) Bóng gương là nói về người.

« Một niềm vì nước, vì dân,  
 « Âm-công (1) cất một đồng cân đã già !  
 « Đoạn-trường sổ rút tên ra,  
 « Đoạn-trường thơ (2) phải đưa mà trả nhau.  
 « Còn nhiều hưởng-thụ (3) về sau,  
 « Duyên xưa tròn-trặn (4), phúc sau dôi-dào ! »  
 Nàng còn ngơ-ngẩn biết sao,  
 « Trạc-tuyền ! » nghe tiếng gọi vào bên tai.  
 Giật mình thoát tỉnh giấc mai,  
 Bâng-khuâng nào đã biết ai mà nhìn.  
 Trong thuyền nào thấy Đạm-Tiên ?  
 Bên mình chỉ thấy Giác-Duyên ngồi kề.  
 Thấy nhau mừng-rỡ trăm bề,  
 Dọn thuyền, mới rước nàng về thảo-lư (5).  
 Một nhà chung-chạ sớm trưa,  
 Gió trắng mát mặt, muối dưa chay lòng.  
 Bốn bề bát-ngát mệnh-mông,  
 Trào dâng hôm sớm, mây lồng trước sau.  
 Nạn xưa trút sạch lâu lâu,  
 Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này.  
 Nỗi nàng tai-nạn (6) đã đầy,  
 Nỗi chàng Kim-Trọng bấy chầy mới thương.

(1) Âm công 陰功 cũng như nói âm-đức, là cái công có quỷ-thần biết.

(2) Thơ là nói mười bài thơ của Kiều đưa Đạm-tiên khi trước.

(3) Hưởng thụ 享受 là hưởng nhận được những phúc-trạch.

(4) Có bản đề là đầy-đặn, đầy-dặn.

(5) Thảo lư 草廬 cũng là nhà cỏ, tức như thảo-đường.

(6) Tai nạn 災難 là tai hại, hoạn nạn.

Từ ngày muôn dặm phù tang, (1)  
Nửa năm ở đất Liêu-dương lại nhà.

Vội sang vườn Thúy (2) dò-la,  
Nhìn phong-cảnh cũ, nay đã khác xưa.

Đầy vườn cỏ mọc lau thưa,  
Song trắng quanh-quẽ (3), vách mưa rã-rời ;

Trước sau nào thấy bóng người,  
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông (4).

Xập-xè én liệng lâu không,  
Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giày.

Cuối tường gai góc mọc đầy,  
Đi về này những lối này năm xưa.

(1) *Phù tang* 扶喪 tức như *hộ tang*.

(2) *Vườn thúy* là bởi hai chữ *Lâm-thúy* ở trên.

(3) *Quanh-quẽ* là ý vắng-vẻ.

(4) Hai câu này, lấy ý ở hai câu thơ cò. Xưa Thái-Hộ nhà Đường đi thi Tiến-sĩ không đỗ, tết thanh-minh đi chơi quanh kinh-thành, đến một chỗ xóni gõ cửa gọi. Có người con gái ở khe cửa hỏi ra. Hộ nói là say rượu khát nước muốn được uống. Người con gái mở cửa múc một gáo nước đem đến, rồi đứng tựa ở cạnh đào, mà coi ra có ý ân-hận lắm. Đến năm sau, tết thanh-minh, Thôi lại đi tìm thời cửa đã khóa ; nhân có đề thơ rằng : 去年今日此門中, 人面桃花相映紅, 人面不知何處去, 桃花依舊笑春風. *Khứ niên kim nhật thử môn trung, nhân diện đào hoa tương ánh hồng, nhân diện bất tri hà xứ khứ, đào hoa y cựu tiếu xuân-phong*. Nghĩa là : năm ngoái, ngày hôm nay ở trong cái cửa này ; mặt người và hoa đào cùng ánh sắc hồng với ; bây giờ mặt người không biết đi đâu, hoa đào thời vẫn như cũ mà cười với gió xuân. Theo thiển-nghĩ, chữ « *bóng* » đây, cứ đề là chữ *mặt*, đúng mà hay hơn.



Chung quanh lặng ngắt như tờ,  
Nỗi niềm tâm-sự bày giờ hỏi ai ?  
Láng-giềng có kẻ sang chơi,  
Lần-la sẽ hỏi một hai sự tình.  
Hỏi ông, ông mắc tụng-định (1),  
Hỏi nàng, nàng đã bán mình chuộc cha.  
Hỏi nhà, nhà đã dời xa,  
Hỏi chàng Vương, với cùng là Thúy-Vân :  
Đều là sa-sút, khó-khăn,  
May thuê viết mướn, kiếm ăn lần hồi.  
Điều đâu sét đánh lưng trời,  
Thoắt nghe, chàng thoắt rụng-rời xiết bao !  
Hỏi thăm di-trú (2) nơi nao ?  
Chỉ đường, chàng mới tìm vào tận nơi.  
Nhà tranh, vách đất tả-toi,  
Lau treo rèm nát, trúc cài phen thưa.  
Một sân đất cỏ dầm mưa,  
Càng ngao-ngán nỗi, càng ngo-ngần đường !  
Đánh liều lên tiếng ngoài tường,  
Chàng Vương nghe tiếng, vội-vàng chạy ra.  
Dắt tay, vội rước vào nhà,  
Mái sau, Viên-ngoại ông bà ra ngay.  
Khóc than kể hết niềm tầy :  
« Chàng ôi ! biết nỗi-nước này cho chưa ?  
« Kiêu-nhi phận mỏng như tờ,  
« Một lời đã lỗi tóc tơ với chàng !

---

(1) Tụng-định 訟庭 là sân kiện.

(2) Di trú 移住 là dời ở sang nơi khác.

« Gặp cơn gia-biến (1) lạ đường,  
 « Bán mình nó phải tìm đường cứu cha.  
 « Dừng-dắng khi bước chân ra,  
 « Cực trăm nghìn nỗi, dặn ba bốn lần.  
 « Trót lời nặng với lang-quân (2),  
 « Mượn con em nó Thúy-Vân thay lời.  
 « Gọi là trả chút nghĩa người,  
 « Sầu này dằng-dặc muôn đời chưa quên !  
 « Kiếp này duyên đã phụ duyên,  
 « Dạ-đài còn biết sẽ đền lai-sinh (3).  
 « Mấy lời ký-chú (4) đình-ninh,  
 « Ghi lòng đề dạ, cất mình ra đi.  
 « Phận sao bạc bầy, Kiền-nhi !  
 « Chàng Kim về đó, con thi đi đâu (5) ? »  
 Ông bà càng nói, càng đau,  
 Chàng càng nghe nói, càng đau như dứa.  
 Vật mình, vẫy gió, tuôn mưa,  
 Dầm-dề giọt ngọc, thần-thờ hồn mai !  
 Đau đòi đoạn, ngắt đòi thôi (6),  
 Tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê.  
 Thấy chàng đau nỗi biệt-ly,  
 Ngập-ngừng, ông mới vỗ về giải khuyển.

(1) Gia-biến 家變 là sự biến sinh ra ở trong nhà.

(2) Lang-quân 郎君 là anh chàng, tức nghĩa như là chồng.

(3) Dạ-đài đã có chua ở trên. Lai-sinh 來生 là kiếp sau.

(4) Ký chú 記註 là ghi đề, dặn lại.

(5) Hai câu này là lời khóc, sau khi hết câu chuyện với Kim-Trọng.

(6) Chết thôi cũng như chữ hồi; ta thường nói từng hồi từng hồi.

« Bây giờ ván đã đóng thuyền (1).  
« Đã đành phận bạc, khôn đền tình-chung !  
« Quá thương chút nghĩa đèo-bông,  
« Nghìn vàng thân ấy, dễ hòng bỏ sao ? »  
Dỗ-dánh khuyển-giải trăm chiều,  
Lửa phiền càng dập, càng khêu nỗi phiền !  
Thề xưa giờ đến kim-hoàn (2),  
Của xưa lại giờ đến đàn với gương.  
Sinh càng trông thấy, càng thương,  
Gan càng tức-tối, ruột càng xót-xa,  
Rằng : « Tôi chót quá chân ra,  
« Để cho đến nổi trôi hoa dạt bèo.  
« Cùng nhau thề-thốt đã nhiều,  
« Những điều vàng đá, phải điều nói không ?  
« Chưa chẵn gối, cũng vợ chồng,  
« Lòng nào mà nỡ rút lòng cho đang ?  
« Bao nhiêu của, mấy ngày đang,  
« Còn tôi, tôi một gặp nàng mới thôi ! »  
Nổi thương, nói chẳng hết lời,  
Tạ từ, sinh mới sụt-sùi trở ra.  
Vội về sửa chốn vườn hoa,  
Rước mời Viên-ngoại ông bà cùng sang.  
Thần hôn, chăm-chút lễ thường,  
Dưỡng thân (3) thay tấm lòng nàng ngày xưa.

---

(1) Trong bản cụ Bùi-khánh-Diễn dẫn câu thơ cổ : 木已成舟人已去. MỘC ĐÃ THÀNH CHU, NHÂN ĐÃ KHỨ. : Gỗ đã đóng thuyền, người đã đi.

(2) Kim-hoàn 金環 là vòng vàng.

(3) Dưỡng-thân 養親 nghĩa là nuôi bố mẹ.

Đinh-ninh mài lệ chép thơ (1),  
 Cắt người tìm-tỏi, đưa tờ nhẵn-nhe.  
 Biết bao công mướn của thuê,  
 Lâm-thanh (2) mấy độ đi về dậm khơi.  
 Người một nơi, hỏi một nơi,  
 Mệnh-mông nào biết bề trời nơi nao ?  
 Sinh cang thăm-thiết khát-khao,  
 Như nung gan sắt, như bào lòng son.  
 Ruột tằm, ngày một héo hon,  
 Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve.  
 Thần-thờ lúc tỉnh lúc mê,  
 Máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm bao.  
 Xuân huyên lo sợ xiết bao,  
 Quá ra, khi đến thế nào mà hay !  
 Vội-vàng sắm-sửa chọn ngày,  
 Duyên Ván sớm đã xe dây cho chàng.  
 Người yếu-diệu, kẻ văn-chương,  
 Giai tài gái sắc, xuân đương vừa thì.  
 Tuy rằng vui chữ vu-qui,  
 Vui này, đã cất sầu kia được nào !  
 Khi ăn ở, lúc ra vào.  
 Càng âu duyên mới, càng dào tình xưa.  
 Nỗi nàng nhớ đến bao giờ,  
 Tuôn châu đôi trăn, vò tơ trăm vòng.  
 Có khi vắng-vẽ thư phòng,  
 Đốt lò hương, giở phim đồng ngày xưa.

---

(1) Lệ 淚 là nước mắt, nghĩa là lấy nước mắt mài mực mà viết.

(2) Lâm-Thanh 臨清 là tên huyện, vì Mã-Giám-Sinh khi xưa nói dối là ở đó.

Bể-bai, rủ-rỉ tiếng tơ,  
 Trầm bay nhạt khói, gió đưa lay rèm.  
 Dường như trên nóc, bên thềm,  
 Tiếng kiều (1) đồng-vọng, bóng xiêm mơ-màng.  
 Bồi lòng tạc đá ghi vàng,  
 Tưởng nàng, nên lại thấy nàng về đây.  
 Những là phiền muộn đêm ngày,  
 Xuân thu, biết đã đổi thay mấy lần ?  
 Chế-khoa (2) gặp hội trảng vắng,  
 Vương, Kim cùng chiếm bảng xuân (3) một ngày.  
 Cửa trời rộng mở đường mây,  
 Hoa chào ngõ hạnh, hương bay dặm phần (4).  
 Chàng Vương nhớ đến xa gần,  
 Sang nhà Chung-lão, tạ ân chu-tuyền.  
 Tình xưa ân trả nghĩa đền,  
 Gia thân (5) bèn mới kết duyên Châu-Trần.  
 Kim từ nhẹ bước thanh-vân,  
 Nỗi nàng, càng nghĩ xa gần càng thương.

---

(1) Chữ *kiều* đây, các bản quốc-văn và phần nhiều bản nôm đều đề là *Kiều* 翹, là tên của Thúy-Kiều, song tưởng như thế nôm quá ; đây theo bản in nôm của hiệu *Quảng-Thịnh* 廣盛堂藏板 đề là *kiều* 嬌, nghĩa là tiếng người đàn-bà con gái, nghĩ có lẽ là thanh-nhã và chiếu xuống chữ « *bóng xiêm* » giống nhau hơn.

(2) *Chế-khoa* 制科 là khoa thi do ơn vua đặt ra, không theo lệ khoa thường.

(3) *Bảng xuân* là hội chữ 春榜 *xuân-bảng*, thi ở kinh thường về mùa xuân.

(4) *Ngõ hạnh* là chỗ vườn hạnh của nhà vua, nói cảnh dự yến, xem hoa ; *dặm-phần* là quê nhà, nói cảnh vinh-quí.

(5) *Gia thân* 加親 là muốn cho thêm thân-tình.

Ấy ai hẹn ngọc thề vàng,  
 Bây giờ kim-mã ngọc-đường (1) với ai ?  
 Ngọn bèo chân sóng lạc loài,  
 Nghĩ mình vinh-hiến, thương người lưu-ly.  
 Vâng ra ngoại nhậm Lâm-truy,  
 Quan san nghìn dặm, thê nhi một đoàn (2).  
 Cầm-đường (3) ngày tháng thanh-nhàn,  
 Sớm khuya tiếng hạc tiếng đàn tiêu-dao (4).  
 Phòng xuân trưởng rủ hoa đào,  
 Nàng Vân năm bổng chiêm-bao thấy nàng.  
 Tỉnh ra mới rỉ cùng chàng,  
 Nghe lời, chàng cũng hai đường tin, nghi.  
 Nọ Lâm-thanh, với Lâm-truy,  
 Khác nhau một chữ, hoặc khi có lầm,  
 Trong cơ thanh khí tương tầm,  
 Ở đây hoặc có giai-âm (5) chẳng là ?  
 Thăng đường (6) chàng mới hỏi tra,  
 Họ Đô (7) có kẻ lại già thừa lên :

---

(1) *Kim-mã ngọc-đường* 金馬玉堂 là những cảnh làm quan, nơi quan-quí.

(2) *Thê nhi* 妻兒 là vợ và con.

(3) *Cầm-đường* 琴堂 là tiếng nói lịch-sự gọi chỗ dinh quan huyện, vì xưa có ông quan thanh-nhã chỉ gầy đờn ngồi công-đường mà làm việc quan.

(4) Đới Tống, ông Triệu-Biện đi làm quan trị quận, chỉ đem theo một con hạc và một cái đờn, chính-trị thật công-liêm.

(5) *Giai âm* 佳音 là tin hay.

(6) *Thăng đường* 升堂 là lên công-đường, tức là ra buổi hầu.

(7) *Đô* 都.

- « Sự này đã ngoài mười niên,  
« Tôi đã biết mặt biết tên rành-rành.  
« Tú-bà cùng Mã Giám-Sinh,  
« Đi mua người ở Bắc-kinh đưa về.  
« Thúy-Kiều tài sắc ai bì,  
« Có nghề đàn lại đủ nghề văn thơ.  
« Kiên trinh (1) chẳng phải gan vừa,  
« Liều mình thế ấy, phải lừa thế kia (2).  
« Phong-trần chịu đã è-chề,  
« Dây duyên sau lại xe về Thúc-lang.  
« Phải tay vợ cả phũ-phàng,  
« Bắt về Vô-tích toan đường bẻ hoa.  
« Bực mình nắng phải trốn ra,  
« Chẳng may lại gặp một nhà Bạc kia.  
« Thoắt buồn về, thoắt bán đi,  
« Mây trôi bèo nổi thiếu gì là nơi !  
« Bồng đầu lại gặp một người,  
« Hôn đội tri đũng, nghiêng trời uy-linh.  
« Trong tay mười vạn tinh-binh,  
« Kéo về đóng chặt một thành Lâm-truy.  
« Tóc tơ các tích mọi khi,  
« Oán thì trả oán, ân thì trả ân.  
« Đã nên có nghĩa, có nhân,  
« Trước sau trọn- vẹn, xa gần ngợi khen.  
« Chưa từng được họ được tên,  
« Sự này, hỏi Thúc-sinh-viên mới tường. »

---

(1) Kiên 堅 là bền gan ; trinh 貞 là trinh-chính.

(2) Câu này lời văn rút, tức là nói về đoạn Sở-Khanh

Nghe lời Đô nói rõ-ràng,  
 Từ thì đệ thiếp mời chàng Thúc-sinh.  
 Nỗi nàng hỏi hết phân-minh,  
 Chồng con đâu tá, tính danh là gì ?  
 Thúc rằng : « Gặp buổi loạn ly (1),  
 « Trong quân tôi hỏi thiếu gì tóc tơ.  
 « Đại-vương tên Hải, họ Từ,  
 « Đánh quen trăm trận, sức dư muôn người.  
 « Gặp nàng khi ở châu Thai,  
 « Lạ gì quốc-sắc thiên-tài phải duyên (2).  
 « Vây-vùng trong bấy nhiều niên,  
 « Làm nên động địa kinh thiên dùng dùng.  
 « Đại-quân đồn đóng cõi đông,  
 « Về sau chẳng biết vân-mông (3) làm sao. »  
 Nghe tường ngành ngọn liễu-hao,  
 Lòng riêng, chàng luống lao-đao thần-thờ.  
 Xót thav chiếc lá bơ-vơ !  
 Kiếp trần biết giữ bao giờ cho xong ?  
 Hoa theo nước chảy xuôi dòng.  
 Xót thân chim nổi, đau lòng hợp tan !  
 Lời xưa đã lỗi muôn vãn,  
 Mảnh hương còn đó, phím đàn còn đây.  
 Đàn cầm khéo ngân-ngơ đây,  
 Lửa hương biết có kiếp này nữa thôi ?

---

(1) Nhiều bản đề là *lưu-ly*, e không phải nghĩa.

(2) Câu này, ở Thúc-sinh nói ra cũng phải.

(3) Hai chữ *vân-mông* đây, theo các bản chưa là tâm-hơi mờ-mịt, thực chưa được tường gốc chữ ra sao.



Bình bông (1) còn chút xa-xôi,  
 Đỉnh chung (2) sao nỡ ăn ngồi cho an !  
 Rắp mong treo ấn (3), từ quan,  
 Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng qua.  
 Giấu mình trong áng can qua (4),  
 Vào sinh ra tử họa là thấy nhau,  
 Nghĩ điều trời thăm vực sâu,  
 Bóng chim tăm cá biết đâu mà nhìn !  
 Những là nấn ná đợi tin,  
 Nắng mưa đã biết mấy phen dỗi dòi ?  
 Năm mây bông thấy chiều Trời (5),  
 Khâm ban sắc-chỉ (6) đến nơi rành-rành :

(1) *Bình bông* 萍蓬 là bèo và cỏ rác. những vật trôi nổi theo sóng nước.

(2) *Đỉnh chung* 鼎鑪 là cái vạc và cái chuông, nấu bằng vạc và đánh chuông trước khi bữa ăn, là nói cảnh nhà quan-quí.

(3) *Treo ấn*, nghĩa là không muốn làm quan nữa thời treo ấn để trở về nhà vua mà đi. Đời xưa có như thế.

(4) *Can qua* 干戈 là giáo mác, cũng như *bình đao*.

(5) *Năm mây* là bởi chữ 五雲; *chiều trời* là tờ chiếu của vua. *Tờ chiếu* viết bằng thứ giấy có vẽ mây năm sắc.

(6) *Khâm ban* 欽頒 nghĩa là vua ban. Nguyên nghĩa của chữ 欽 *khâm* là kính, mà từ xưa vua Nghiêu, vua Thuấn có sai bảo các thần-hạ công việc gì, thường hay có lời dặn rằng : 欽哉 *khâm tai* ! (nghĩa là phải kính đó). Người đời sau nhân thế, lấy chữ *khâm* riêng để làm chữ *kính* của nhà vua, như vua sai ai là 欽命 *khâm mệnh*, vua làm sách là 欽定 *khâm định*; chữ « *khâm ban* » đây cũng vậy. *Sắc-chỉ* 敕旨 là ý của nhà vua sai cho.

Kim thì cải nhậm Nam-bình (1),  
 Chàng Vương cũng cải nhậm thành Phú-dương (2).  
 Sấm-sanh xe ngựa vội-vàng,  
 Hai nhà cùng thuận một đường phó quan (3).  
 Xảy nghe thế giấc đã tan,  
 Sóng êm Phúc kiến, lửa tàn Chiết-Giang (4).  
 Được tin Kim mời rủ Vương,  
 Tiện đường cùng lại tìm nàng sau xưa.  
 Hàng-châu (5) đến đó bấy giờ,  
 Thật tin hỏi được tóc tơ rành-rành.  
 Rằng: « Ngày hôm nọ giao binh,  
 « Thất cơ, Từ đã thu linh trận tiền (6).  
 « Nàng Kiều công cả chẳng đền,  
 « Lệnh quan lại bắt ép duyên Thổ-tù (7).

(1) *Nam bình* 南平 là tên huyện, thuộc tỉnh Phúc-kiến

(2) *Phú-dương* 富陽 là tên huyện, thuộc tỉnh Chiết-giang.  
 — Hai chữ này, các bản phần nhiều khác nhau, bản thì đề là *Tuy-dương*, bản thì đề là *Hoài-dương*; đây theo bản của hai ông Bùi-Kỷ, Trần-trọng-Kim, vì xét ở địa-dư, huyện Phú-dương thuộc đạo Tiền-đường, tỉnh Chiết-giang, vậy là phải hơn. — *Cải nhậm* 改任 là đổi đi làm quan ở đó.

(3) *Phó quan* 赴官 là đi đến chỗ làm quan.

(4) *Phúc-kiến* 福建 là tên một tỉnh về mạn nam của Tàu.  
 — *Chiết-giang* 浙江 cũng là tên tỉnh như vậy.

(5) *Hàng-châu* 杭州 là tên phủ, nay là *Hàng huyện* 杭縣 thuộc đạo Tiền-đường tỉnh Chiết-giang.

(6) *Giao binh* 交兵 là hai bên đánh nhau, nghĩa là lấy binh-lực giao tiếp. *Thất cơ* 失機 là đề hớ cơ, đánh mất quân-cơ, sai cơ-thế. — *Thu linh* 收靈 là thu khí thiêng lại, nghĩa là chết.

(7) *Thổ-tù* 土囚 tức là thổ-quan, là kẻ tù-trưởng ở phương xứ ấy.

« Nàng đã gieo ngọc trầm chu,  
 « Sông Tiền-đường đỏ, ấy (1) mồ hồng-nhan ! »  
 Thương ôi ! không hợp mà tan,  
 Một nhà vinh-hiến, riêng oan một nàng !  
 Chiêu hồn, thiết vị lễ thường (2),  
 Giải-oan lập một đàn-tràng bên sông (3).  
 Ngọn trào, non hạc trùng-trùng,  
 Vời trông còn tưởng cánh hồng lúc gieo.  
 Tinh thâm, bề thẳm lạ điều,  
 Nào hồn tinh-vệ (4) biết theo chốn nào ?  
 Cơ-duyên đầu bổng lạ sao ?  
 Giác-Duyên đầu bổng tìm vào đến nơi.  
 Trông lên linh-vị chữ bài,  
 Thất-kinh mới hỏi: « Những người đầu ta ?  
 « Vời nàng thân-thích (5) gần xa ?  
 « Người còn, sao bỗng làm ma khóc người ? »  
 Nghe tin, nhơ-nhác rụng-rời,  
 Xúm quanh kẻ-lẻ, rộn lời hỏi tra :

(1) Chữ *ấy* đây, thường nghe có người đọc là *là*.

(2) *Chiêu hồn* 招魂 là gọi hồn. — *Thiết-vị* 設位 là đặt bài-vị.

(3) *Giải oan* 解冤 là cởi bỏ cái oan. — *Đàn tràng* 壇場 là chỗ làm lễ giải oan.

(4) *Tinh vệ* 精衛 là tên một thứ chim nhỏ ở vùng bể, hình như con quạ, đầu sặc-sỡ, mỏ trắng, chân đỏ, thường ngậm đem những cành khô và sỏi đá ở núi Tây để lấp bể Đông. Chữ « *hồn tinh vệ* » đây, do ở một tích cổ chép người con gái vua Viêm-đế bị chết đuối, sau hóa làm con tinh-vệ, cũng gọi là *con chim oan*. Nhân thế, người ta có sự thương-hận lắm lắm, thời hay ví như « *tinh-vệ lấp bể* ».

(5) *Thân thích* 親戚 là thân-tinh, họ mạc.

« Nay chồng, nay mẹ, nay cha,  
 « Nay là em ruột, nay là em dâu.  
 « Thật tin (1) nghe đã bấy lâu,  
 « Pháp-sư (2) dạy thế, sự đâu lạ đường ! »  
 Sư rằng : « Nhân quả với nàng,  
 « Lâm-truy buổi trước, Tiền-đường buổi sau.  
 « Khi nàng gieo ngọc trầm châu,  
 « Đón nhau, tôi đã gặp nhau rước về.  
 « Cùng nhau nường cửa Bồ-đề (3),  
 « Thảo am (4) đó cũng gần kề chẳng xa.  
 « Phật-tiền ngày bạc (5) lán-la,  
 « Đăm-đăm, nàng cũng nhớ nhà khôn khuây. »  
 Nghe tin, nở mặt mở mày,  
 Mừng nào lại quá mừng này nữa chẳng ?  
 Từ phen chiếc lá lìa rừng.  
 Thăm tìm luống những liệu chừng nước mây.  
 Rõ-ràng hoa rụng hương bay,  
 Kiếp sau họa thấy, kiếp này hẳn thôi.  
 Minh, dương (6) đôi ngả chắc rồi,  
 Cõi trần mà lại thấy người cửu-nguyên (7) !

---

(1) *Thật tin* là nói tin chết.

(2) *Pháp-sư* 法師 cũng là nói thầy tu.

(3) *Bồ-đề* 菩提 chữ nhà Phật. *Cửa Bồ-đề* tức là nói cửa Phật.

(4) *Thảo am* 草庵 là cái chùa lợp gianh cỏ.

(5) *Ngày bạc* là nghĩa chữ 白日 bạch nhật.

(6) *Minh dương* 冥陽 là âm-phủ và dương-gian.

(7) *Cửu-nguyên* 九原 là nói dưới âm-phủ. Nguyên xưa chỗ mộ-địa của các quan khanh, đại-phu nước Tấn chôn ở đất *Cửu nguyên*, người đời sau nhân lấy chữ đó mà gọi chỗ mộ-địa.

Cùng nhau lạy tạ Giác-Duyên,  
 Bộ hành một lũ, theo liền một khi.  
 Bể lau vạch cỏ tìm đi,  
 Tinh-thâm lũng hầy hồ-nghi nửa phần.  
 Quanh-co theo dải giang-tàn (1),  
 Khởi rừng lau đã tới sân Phật-đường.  
 Giác-Duyên lên tiếng gọi nàng,  
 Buồng trong, vội dạo sen vàng bước ra.  
 Trông xem đủ mặt một nhà:  
 Xuân già còn khỏe, huyền già còn tươi;  
 Hai em phương-trưởng (2) hòa hai,  
 Nọ chàng Kim đỏ là người ngày xưa!  
 Tưởng bây giờ là bao giờ,  
 Rõ-ràng mở mắt còn ngờ chiêm-bao!  
 Giọt châu thánh-thót quén (3) bảo,  
 Mừng mừng, tủi tủi, xiết bao sự tình!  
 Huyền già dưới gối gieo mình,  
 Khóc than, mình kể sự mình đầu đuôi:  
 « Từ con lưu-lạc quê người,  
 « Bèo trôi, sóng vỗ, chốc mười lăm năm!  
 « Tinh rằng sông nước cát lằm,  
 « Kiếp này, ai lại còn cầm gập đây!»  
 Ông bà trông mặt, cầm tay,  
 Dong-quang chẳng khác chi ngày bước ra;  
 Bấy chầy dải nguyệt đầu hoa,  
 Mười phần xuân có gầy ba bốn phần.

(1) *Giang tàn* 江濱 là bến sông.

(2) *Phương trưởng* 方丈 là khôn lớn.

(3) Chữ này, có bản đề là *quyển*, là *quyển*, là *quyển*, tóm lại không biết chữ nào hơn, mà nghĩa thời chỉ là thấm áo.

Nỗi mừng, biết lấy gì cân ?  
 Lời tan hợp, chuyện xa gần thiếu đâu ?  
 Hai em hỏi trước hạn sau,  
 Đứng trông, chàng cũng trở sầu làm tười.  
 Rửa nhau lạy trước Phật-đài,  
 Tái-sinh trần-tạ lòng người từ-bi (1).  
 Kiểu hoa giục-giã tức thì,  
 Vương-ông dạy rước cùng về một nơi.  
 Nàng rằng : « Chút phận hoa rơi,  
 « Nửa đời nếm trải mọi mùi đắng cay,  
 « Tinh rằng mặt nước chân mây,  
 « Lòng nào còn tưởng có rày nữa không ?  
 « Được rày tái-thế tương-phùng, (2)  
 « Khát-khao đã thỏa tấm lòng lâu nay !  
 « Đã đem mình bỏ am-mây,  
 « Tuổi này gởi với cỏ cây cũng vừa.  
 « Mùi thiền, đã bén muối dưa,  
 « Máu thiền, ăn mặc đã ưa nâu-sông,  
 « Sự đời, đã tắt lửa lòng,  
 « Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi !  
 « Dở-dang, nào có hay gì ?  
 « Đã tu, tu chót qua thì thì thôi !  
 « Trùng-sinh (3) ân nặng bề trời,  
 « Lòng nào nỡ rút nghĩa người ra đi ? »

---

(1) Trần tạ 陳謝 là bày tỏ lòng tạ ơn đức.

(2) Tái thế tương phùng 再世相逢 là đời đời thứ hai lại gặp nhau.

(3) Trùng sinh 重生 là ý nói lại để ra mình lần thứ hai.

Ông rằng : « Bỉ, thử nhất thi, (1)  
 « Tu hành, thì cũng phải khi tòng quyền.  
 « Phải điều cầu Phật, cầu Tiên,  
 « Tình kia, hiểu nọ, ai đền cho đây ?  
 « Độ-sinh (2) nhờ đức cao dày,  
 « Lập am, rồi sẽ rước thầy ở chung ».

Nghe lời, nàng phải chiều lòng,  
 Giã sư, giã cảnh, đều cùng bước ra.  
 Một đoàn về đến quan-nha,  
 Đoàn-viên (3) vội mở tiệc hoa vui-vầy.  
 Tàng-tàng chén cúc đỏ say,  
 Đứng lên, Văn mới giải-bầy một hai.  
 Rằng : « Trong tác-hợp cơ trời, (4)  
 « Hai bên gặp-gỡ, một lời kết-giao.  
 « Gặp cơn bình-địa ba-đào, (5)  
 « Vây đem duyên chị buộc vào cho em :  
 « Cũng là phận cải, duyên kim (6),  
 « Cũng là máu chảy, ruột mềm, chớ sao ?  
 « Những là rày ước mai ao,  
 « Mười lăm năm ấy, biết bao nhiêu tình !

---

(1) *Bỉ, thử nhất thi* 彼此一時 bốn chữ này bởi sáu chữ  
 彼一時此一時 *Bỉ nhất thi, thử nhất thi*, nghĩa là ngày  
 xưa là một thì, ngày nay lại là một thì, không thể ví với  
 nhau; mà đây bốn chữ là nói rút.

(2) *Độ sinh* 度生 là cứu cho sống lại.

(3) *Đoàn viên* 團圓 là tròn vẹn, đông đủ.

(4) *Tác hợp* 作合 là trời làm cho hợp lại với nhau.

(5) *Bình địa ba đào* 平地波濤 là đất bằng nổi sóng.

(6) Đã có chưa ở câu « *Rụng cải rơi kim* ».

- « Bảy giờ gương vỡ lại lành,  
 « Khuôn-thiênng lừa lọc (1), đã đành có nơi,  
 « Còn duyên, may lại còn người,  
 « Còn vàng trắng bạc, còn lời nguyện xưa.  
 « Quả mai ba bảy đương vừa, (2)  
 « Đào non sớm liệu xe tơ kịp thì. » (3)  
 Dứt lời, nàng vội gạt đi :  
 « Sự muôn năm cũ, kể chi bây giờ ?  
 « Một lời tuy có ước xưa,  
 « Xét mình dãi gió dầm mưa đã nhiều.  
 « Nói càng hồ-thẹn trăm chiều,  
 « Thà cho ngọn nước thủy-triều chảy xuôi (4) !  
 Chàng rằng : « Nói cũng lạ đời !  
 « Dầu lòng kia vậy, còn lời ấy sao ?  
 « Một lời đã trót thâm-giao, (5)  
 « Dưới dày có đất, trên cao có trời !  
 « Dầu rằng vật đổi sao dời,  
 « Tử sinh, cũng giữ lấy lời tử sinh !  
 « Duyên kia có phụ chi tình,  
 « Mà toan chia gánh chung tình làm hai ? »

---

(1) Nghĩa nói trời khéo khuôn xếp cho.

(2) Câu này lấy ý trong thơ *Xiêu mai* 標梅 ở Kinh thi, nói quả mơ ở trên cành còn bày quả, ba quả, là tiết cuối xuân, tuy là kỳ hôn-gia có muộn mà lấy nhau cũng còn vừa.

(3) Câu này ngấm thật buồn cười, như cô Kiều lúc đó còn có thể nói « đào non », thời tác giả thật cũng tài tình vậy !

(4) Ý là : thà đề im cho xong chuyện.

(5) *Thâm giao* 深交 là chơi thâm-thiết với nhau.



- Nàng rằng: « Gia-thất duyên hải (1),  
 « Chút lòng ân-ái ai ai cũng lòng.  
 « Nghĩ rằng: trong đạo vợ chồng,  
 « Hoa thơm phong nhị (2), trắng vòng tròn gương.  
 « Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,  
 « Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa.  
 « Thiếp từ ngọ biển đến giờ,  
 « Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa (3).  
 « Bấy chầy gió táp mưa sa,  
 « Mấy trăng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn !  
 « Còn chi là cái hồng nhan ?  
 « Đã xong thân-thế, còn toan nổi nào ?  
 « Nghĩ mình, chẳng hổ mình sao ?  
 « Dám đem trần-cầu (4) dựa vào bố-kinh (5) !  
 « Đã hay chàng nặng vì tình,  
 « Trông hoa đèn, chẳng thẹn mình lắm ru ?  
 « Từ nay khép cửa phòng thu,  
 « Chẳng tu thì cũng như tu mới là !  
 « Chàng dù nghĩ đến tình xa,  
 « Đem tình cầm sắt đổi ra cầm cờ (6).  
 « Nói chi kết tóc xe tơ,  
 « Đã buồn cả ruột, mà dơ cả đời ! » (7)

---

(1) *Gia thất duyên hải* 家室緣階 là cửa nhà phận duyên thuận hòa.

(2) *Phong nhị* là còn giữ nguyên cái nhị như lúc mới nở.

(3) Câu này nghe thật đáng thương tâm, khiến cho người ta có thể khóc được.

(4) *Trần cầu* 塵垢 là bụi nhơ.

(5) *Bố kinh* đã có chua ở trên.

(6) Ý là nói đổi vợ chồng làm bè hạn.

(7) Tám chữ này thật già giòng.

Chàng rằng : « Khéo nói nên lời,  
 « Mà trong lẽ phải có người, có ta !  
 « Xưa nay trong đạo đàn bà,  
 « Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường :  
 « Có khi biến, có khi thường,  
 « Có quyền, nào phải một đường chấp kinh (1).  
 « Như nàng lấy hiếu làm trinh, (2)  
 « Bụi nào cho đục được mình ấy vay ?  
 « Trời còn để có hôm nay,  
 « Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời (3) ;  
 « Hoa tàn mà lại thêm tươi,  
 « Trắng tàn mà lại hơn mười rằm xưa.  
 « Có điều chi nữa mà ngờ,  
 « Khách qua đường đề hăng-hờ chàng Tiêu (4) ? »  
 Nghe chàng nói đã hết điều,  
 Hai thân thì cũng quyết theo một bài.  
 Hết lời khôn lẽ chối lời,  
 Cúi đầu, nàng những ngẩn dài thở-than.

(1) *Chấp kinh* 執經 là cầm giữ đạo thường.

(2) Bốn chữ này, văn-lý thật già giặn.

(3) Câu này nên nhận nghĩa luôn với hai câu dưới đây.

(4) Câu này có bởi ở câu thơ Đường. Xưa Thôi-Giao đời Đường có một con hầu gái, bán vào dinh quan Liên-súy, Giao có thơ rằng : 侯門一入深如海從此蕭郎是路人 *Hầu môn nhất nhập thâm như hải, từ đây anh chàng họ Tiêu thành ra người qua đường.* Quan Liên-súy thấy lời thơ đó, ch. đưa con hầu lại cùng về với Giao. (Hai chữ « *Tiểu-lang* » thường nói chung các người con trai.) — Câu văn đây, khiến ý ở một chữ « *đề* », là nói sao lẽ đề như vậy.

Đoán-viên tiệc mở nhà lan,  
Hoa soi ngọn đuốc, hồng chen bức là.  
Cùng nhau giao-bái (1) một nhà,  
Lễ đà đủ lễ, đôi đà đủ đôi.  
Động-phòng diu-dặt chén mời,  
Bâng-khuâng duyên mới, ngậm-ngùi tình xưa.  
Nhưng từ sen ngó, đào tơ,  
Mười lăm năm, mới bây giờ là đây !  
Tình duyên ấy, hợp tan này,  
Bi hoan mấy nổi, đêm chầy trăng cao.  
Canh khuya bức gấm rủ thảo,  
Dưới đèn tỏ dạng má-đào thêm xuân.  
Tình-nhân lại gặp tình-nhân,  
Hoa xưa ong cũ, mấy phân chung tình !  
Nàng rằng : « Phận thiếp đã đành,  
« Có làm chi nữa, cái mình bỏ đi !  
« Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,  
« Chiều lòng gọi có xướng-tù (2) mảy-may.  
« Riêng lòng đã thẹn lắm thay,  
« Cũng đà mặt dạn mày dầy khó coi !  
« Những như âu-yếm vảnh ngoài,  
« Còn toan mở mặt với người cho qua.  
« Lại như những thói người ta,  
« Vớt hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa,

---

(1) *Giao bái* 交拜 là lạy vái lẫn nhau.

(2) *Xướng tù* 唱隨 là bởi chữ 夫唱婦隨 *phu xướng phụ tùy*, chồng xướng lên trước mà vợ theo sau. Vậy hai chữ này cũng như nói vợ chồng.

- « Khéo là dơ-nhuốc bày trò,  
 « Còn tình đâu nữa, mà thù đẩy thôi ! (1)  
 « Người yêu, ta xấu với người,  
 « Yêu nhau, thì lại bằng mười phụ nhau !  
 « Cửa nhà dù tỉnh về sau,  
 « Thì đã em đó, lọ cầu chị đây ?  
 « Chữ trinh còn một chút này,  
 « Chẳng cầm cho vững lại giày cho tan !  
 « Còn nhiều ân-ái chan-chan,  
 « Hay gì vầy cái hoa tàn mà chơi ? »  
 Chàng rằng : « Gắn bó một lời,  
 « Bỗng không cá nước chim trời lữ nhau.  
 « Xót người lưu-lạc bấy lâu,  
 « Tưởng thề-thốt nặng cũng đau-đớn nhiều !  
 « Thương nhau sinh tử đã liều,  
 « Gặp nhau còn chút bấy nhiêu là tình.  
 « Chùng xuân to-liều còn xanh,  
 « Nghĩ rằng chưa thoát khỏi vảnh ái-ân.  
 « Gương trong chẳng chút bụi trần,  
 « Một lời quyết hẳn muôn phần kính thêm !  
 « Bấy lâu đáy bể mò kim,  
 « Là nhiều vàng đá, phải tìm trăng-hoa ?  
 « Ai ngờ lại hợp một nhà,  
 « Lọ là chần gối, mới ra sắt, cầm ! »  
 Nghe lời sửa áo cài trâm,  
 Khẩu đầu lay tạ cao thâm nghìn trùng :

---

(1) Trong Tả-truyện có chữ : 嘉耦曰配. 怨耦曰仇 *Giai ngẫu viết phối, oán ngẫu viết cừu*. Nghĩa là : đôi tốt thì gọi là sánh nhau, đôi oán thì gọi là thù.

« Thân tàn gạn đục, khơi trong, (1)  
 « Là nhờ quán-tử khác lòng người ta.  
 « Mấy lời tâm-phúc ruột-rà,  
 « Tương-tri đường ấy, mới là tương-tri !  
 « Chở-che đùm-bọc thiếu gì ?  
 « Trăm năm danh-tiết cũng vì đêm nay ! »  
 Thoắt thôi, tay lại cầm tay,  
 Càng yêu vì nét, càng say vì tình.  
 Thêm nển giá, nổi hương bình,  
 Cùng nhau lại chúc chén quỳnh giao-hoan. (2)  
 Tình xưa lai-láng khôn hàn (3),  
 Thông-dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa.  
 Nàng rằng : « Vi mấy đường tơ,  
 « Lắm người cho đến bây giờ mới thôi !  
 « Ăn-năn thì sự đã rồi !  
 « Nề lòng người cũ, vàng lời một phen ».  
 Phím đàn diu-dặt tay tiên,  
 Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa.  
 Khúc đầu đầm-ấm dương-hòa (4) !  
 Ấy là hồ-diệp, hay là Trang-sinh (5) ?

(1) Bốn chữ này bởi chữ 激濁揚清 *khích trọc dương thanh*, gạn cái đục khơi cái trong, nghĩa là bỏ quên điều xấu mà phô gọi điều tốt lên.

(2) *Giao hoan* 交歡 là cùng vui với nhau.

(3) *Khôn hàn* nghĩa là khó ngăn lại, cầm lại được.

(4) *Dương hòa* 陽和 là khí dương êm hòa.

(5) *Hồ điệp* 蝴蝶 là con bướm bướm. *Trang sinh* 莊生 tức là ông Trang-Chu. Xưa Trang-Chu nằm chiêm bao thấy mình hóa làm con bướm bướm.

Khúc đầu êm-ái xuân tình !

Ấy hồn Thục-đế, hay mình đồ-quyên (1) !

Trong sao châu rõ duềnh quyên (2) !

Ấm sao hạt ngọc Lam-diền mới đông (3) !

Lọt tai nghe suốt năm cung,

Tiếng nào, là chẳng nảo-nùng xôn-xao.

Chàng rằng : « Phở ấy tay nào ?

« Xưa sao sầu-thảm, nay sao vui-vầy ? »

« Thương, vui bởi tại lòng này,

« Hay là khổ tận, đến ngày cam lai ? » (4)

Nàng rằng : « Vì chút nghề chơi,

« Đoạn-trường tiếng ấy hại người bấy lâu !

(1) *Thục-đế* 蜀帝 là ông vua nước Thục. *Đồ-quyên* 杜鵑 là con quốc. Tương truyền từ xưa có vua nước Thục bị mất nước, sau hóa hồn làm con quốc, thường kêu « quốc quốc » tức là lòng tiếc nước không thôi.

(2) *Châu* 珠 là ngọc trai. *Duềnh quyên* là vụng bề có bóng trắng soi. (Chữ *quyên* 嫵 nghĩa là sáng đẹp).

(3) *Lam điền* 藍田 là tên một cái núi, ở về huyện Lam-diền tỉnh Thiểm-tây ; núi này sản nhiều ngọc tốt. — Trở lên mấy câu ta đã đờn ở đoạn này, có lấy ý ở một bài thơ cổ nói về đờn : 莊生曉夢迷蝴蝶, 蜀帝春心託杜鵑. 滄海月明珠有淚, 藍田日暖玉生烟. *Trang-sinh* 莊生 *hiều mộng* 夢 *hồ điệp*, *Thục-đế* 蜀帝 *xuân tâm* 春心 *thác đồ-quyên* 託杜鵑 *thương hải nguyệt* 滄海 *minh châu* 明珠 *hữu lệ*, *Lam điền* 藍田 *nhật* 日 *noãn ngọc* 暖玉 *sinh yên*. Nghĩa rằng : Ông Trang-sinh giấc chiêm bao buổi sớm còn mê-màng là con bướm bướm ; vua nước Thục cái lòng xuân gửi ở con đồ-quyên ; chỗ bề rộng bóng trắng soi, hạt trai có nước mắt ; núi Lam-diền bóng nắng ấm, những hòn ngọc lên hơi.

(4) *Khổ tận* 苦盡 là cái đắng đã hết ; *cam lai* 甘來 là cái ngọt mới lại. Nói vận khổ hết mà lúc sướng đến.

« Một phen tri-kỷ cùng nhau,  
« Cuốn dây từ đây, về sau cũng chừa ».

Chuyện trò chưa cạn tóc tơ,  
Gà đà gáy sáng, trời vừa rạng đông.

Tình riêng, chàng lại nói song,  
Một nhà ai cũng lạ-lùng khen-lao.

Cho hay thực-nữ (1) chí cao, (2)  
Phải người sớm muộn tối đào như ai ?

Hai tình vẹn-vẽ hòa hai,  
Chẳng trong chấn gối, cũng ngoài cầm thơ.

Khi chén rượu, khi cuộc cờ,  
Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.

Ba-sinh đã phỉ mưòi nguyên,  
Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn-bầy.

Nhớ lời, lập một am mây,  
Khiến người thân-tín rước thầy Giác-Duyên.

Đến nơi đóng cửa, cài then,  
Rêu trùn kẻ ngạch, cỏ lên mái nhà.

Sư đà hái thuốc phương xa,  
Mây bay hạc lánh biết là tìm đâu. (3)

Nặng vi chút nghĩa bấy lâu,  
Trên am cứ giữ hương dầu hôm mai.

---

(1) *Thực nữ* 淑女 là người con gái hiền.

(2) *Chí cao* 志高 là có chí-thủ cao thượng.

(3) Câu này có chiếu ứng với câu « *Biết đâu hạc nội  
mây ngàn là đâu.* »

Một nhà (1) phúc lộc gồm hai,  
 Nghìn năm dằng-dặc, quan-giai (2) lần-lần.  
 Thừa gia (3) chẳng hết nàng Vân,  
 Một cây cù-mộc, một sân quế hòe.  
 Phong-lưu phú-quí ai bì,  
 Vườn xuân một cửa, (4) đề bia muôn đời.  
 Ngâm hay muôn sự tại trời,  
 Trời kia đã bắt làm người có thân.  
 Bắt phong-trần, phải phong-trần,  
 Cho thanh-cao, mới được phần thanh-cao.  
 Có đâu thiên vị (5) người nào,  
 Chữ *tài*, chữ *mệnh*, dồi-dào cả hai.

---

(1) Hai chữ « *một nhà* » đây, theo thể văn chiếu lên câu « *Có nhà viên-ngoại họ Vương* » ở đầu truyện, vậy là nhà họ Vương thời phải. Song ở dưới lại có câu « *Thừa gia chẳng hết nàng Vân* », mà Kiều thời ở cùng với Kim-Trọng, cho nên lại có thể ngờ là nhà họ Kim. Xin đề người xem truyện tự xét nhận.

(2) *Quan giai* 官階 là cái bước làm quan, bước lên từng bậc.

(3) *Thừa gia* 承家 là đởm đương mọi chức nhiệm của một nhà.— Hai chữ « *chẳng hết* » đây, phần nhiều các bản như nhau, riêng bản của cụ Bùi-khánh-Diễn đề là *đã có*. Song cứ chữ « *chẳng hết* » nghe lời văn thật già, mà nghĩa là đởm-đương có thừa cũng không ngại mở tối.

(4) *Vườn xuân* là nói cảnh vui vẻ. *Một cửa* cũng như nói một nhà.

(5) *Thiên vị* 偏爲 là riêng vi.



Có tài mà cậy chi tài :  
Chữ tài liền với chữ tai một vần (1)  
Đã mang lấy nghiệp (2) vào thân,  
Cũng đừng tránh lẫn Trời gần, Trời xa.  
Thiện-căn (3) ở tại lòng ta,  
Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài.  
Lời quê chấp nhật đông dài,  
Mua vui cũng được một vài trống canh.

### HẾT

---

(1) Tục-ngữ Việt : *Ngu-si hưởng thái-bình.*

(2) Chữ *nghiệp* đã chú ở trang 189, câu « *Nghiệp, duyên* can lại nhắc đi còn nhiều ».

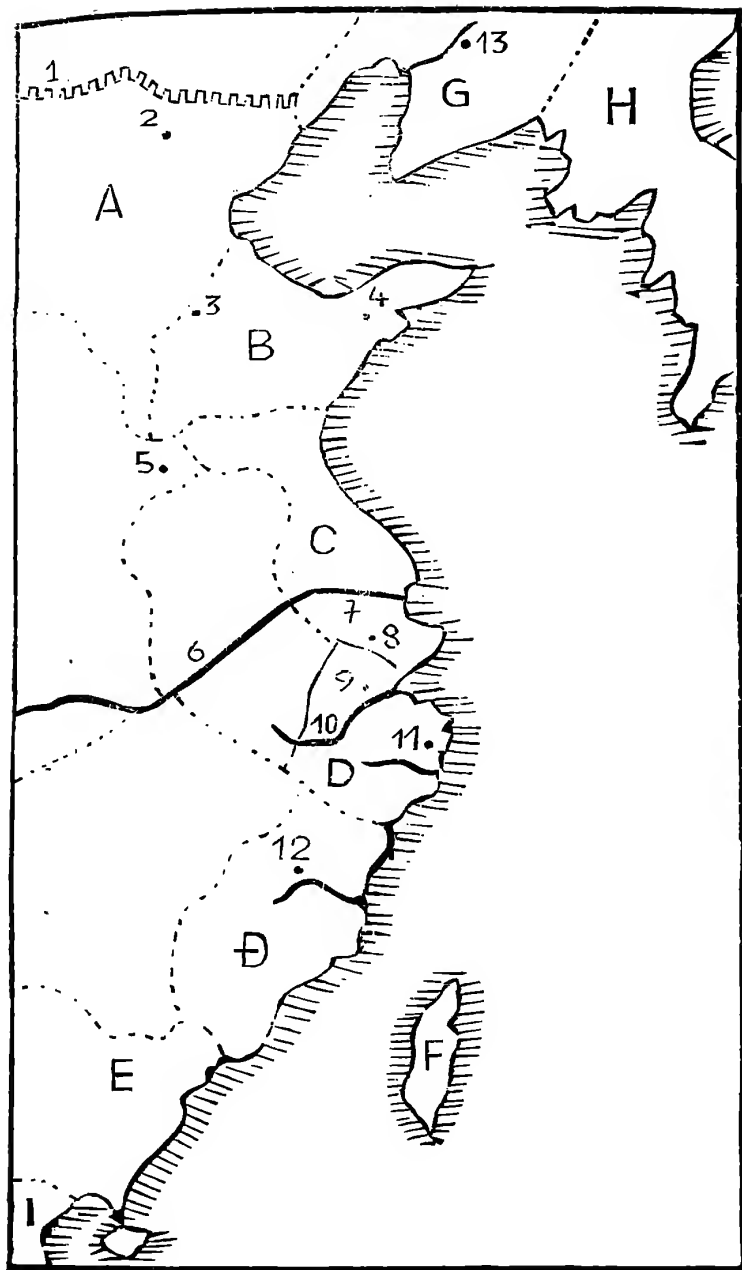
(3) Căn là cái gốc, cái rễ.

LỜI NHÀ XUẤT BẢN : vì NGUYÊN BẢN BỊ THẤT-LẠC MẤT TRANG SAU CÙNG, BA LỜI CHÚ TRÊN ĐÂY KHÔNG PHẢI CỦA TẢN-ĐẢ MÀ DO CHÚNG TÔI THÊM VÀO CHO ĐƯỢC ĐẦY-ĐỦ.

**Bản-đồ những địa - điểm có liên - lạc  
với truyện Kiều.**

---

- A. *Trực-lệ*
  - B. *Sơn-đông*
  - C. *Giang-tô*
  - D. *Tích-giang*
  - Đ. *Phúc-kiến*
  - E. *Quảng-đông*
  - F. *Đài-loan*
  - G. *Liêu-đông*
  - H. *Cao-ly*
  - I. *Việt-Nam*
- 
- 1. *Vạn-lý-trường-thành*
  - 2. *Bắc-kinh*
  - 3. *Lâm-thanh*
  - 4. *Lâm-truy*
  - 5. *Thư-dương*
  - 6. *Sông Dương tử*
  - 7. *Châu Thương*
  - 8. *Vô-tích*
  - 9. *Hàng-châu*
  - 10. *Sông Tiền-Đường*
  - 11. *Châu-Thai*
  - 12. *Nam-bình*
  - 13. *Liêu-dương*



VƯƠNG - THÚY - KIỀU CHÚ - GIẢI  
TÂN - TRUYỆN DO HƯƠNG - SƠN  
TÁI-BẢN IN XONG NGÀY 25-1-1952  
TẠI NHÀ IN LÊ-VĂN-TÂN, HÀ-NỘI.